

**CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**NGUYỄN VĂN CỪ
TIỂU SỬ**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI – 2007**

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

TRƯỜNG TẤN SANG	Trưởng ban
PHAN DIỄN	Ủy viên
HỒ ĐỨC VIỆT	Ủy viên
TÔ HUY RÚA	Ủy viên
LÊ HỮU NGHĨA	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

GS, TS. LÊ HỮU NGHĨA

Chủ nhiệm

PGS, TS. NGUYỄN KHÁNH BẬT

Phó Chủ Nhiệm

PGS, TS. LÊ VĂN TÍCH

Ủy viên Thư ký

BAN BIÊN SOẠN

TS. TRẦN MINH TRƯỞNG (Chủ biên)

ThS. NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH

TS. TRẦN HẢI

TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

TS. ĐẶNG VĂN THÁI

ThS. NGUYỄN THỊ GIANG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, có nhiều cống hiến to lớn đối với tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một tấm gương sáng chói về đạo đức cách mạng, chí công vô tư, “tự chỉ trích” trên tinh thần cộng sản cao cả. Tiếp thu truyền thống quê hương, dòng họ, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, đồng chí đã thể hiện tư chất thông minh và tinh thần kiên cường, bất khuất. Sớm giác ngộ cách mạng, mới 17 tuổi đời đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp, hiến dâng cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trên cương vị người lãnh đạo chủ chốt của Xứ uỷ Bắc Kỳ rồi Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã lăn lộn trong phong trào quần chúng, lặn lội vào Nam ra Bắc, vượt qua sự truy lùng gắt gao của kẻ thù để có mặt ở những nơi sóng gió, chỉ đạo sát sao các cuộc đấu tranh, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, đưa phong trào cách mạng phát triển đúng hướng. Nhiều lần bị sa vào tay giặc, trải qua biết bao đòn roi tra tấn dã man của địch, đồng chí vẫn giữ vững khí phách của người cộng sản kiên trung. Vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã trở thành một nhà lý luận mácxít sáng tạo của Đảng, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt Nam.

Bị toà án thực dân kết án tử hình khi chưa đầy 30 tuổi, hình ảnh đồng chí hiên ngang bước ra pháp trường, cùng với nhiều lãnh tụ khác của Đảng, đã trở thành một tấm gương lớn về tinh thần kiên cường, bất khuất của người cộng sản. Đánh giá công lao của đồng chí Nguyễn Văn Cừ và các chiến sĩ cách mạng tiền bối. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem

xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay. Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng".

Xuất bản cuốn sách *Nguyễn Văn Cừ - Tiểu sử*, chúng tôi hy vọng đem đến cho đông đảo bạn đọc một tài liệu quý để nghiên cứu, tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp sáng chói của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Cũng như biết bao những tiên liệt cách mạng đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của Tổ quốc, tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Văn Cừ mãi mãi được nhân dân ta ghi nhớ và tôn vinh. Tấm gương hy sinh anh dũng và những cống hiến lớn lao của người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Văn Cừ - một nhà lý luận xuất sắc, một lãnh tụ tài năng của Đảng, đã trở thành biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9-7-1912 trong một gia đình nhà Nho nghèo ở một vùng quê giàu truyền thống văn hoá, yêu nước và cách mạng, thuộc làng Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn), là hậu duệ đời thứ 17 của đại thi hào - danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi. Từ thuở nhỏ, Nguyễn Văn Cừ đã nổi tiếng là thần đồng ham học, hay chữ, có chí kế thừa tinh thần yêu nước của cha ông.

Năm 17 tuổi, khi còn đang học ở Trường Bưởi, đồng chí đã tham gia hoạt động trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Bị mật thám Pháp phát hiện và bị đuổi học, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức phân công đi “vô sản hoá” ở vùng mỏ Quảng Ninh và trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp. Không quản hiểm nguy, gắn bó với phong trào công nhân, đồng chí đã thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở khu mỏ Quảng Ninh, sau đó chỉ đạo thành lập Đảng uỷ Đặc khu mỏ Quảng Ninh.

Ngày 15-2-1931, trên đường đi công tác, Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt, bọn mật thám đã dùng đủ cực hình tra tấn dã man, nhưng chúng không khuất phục được ý chí cách mạng kiên cường của người cộng sản tận trung với Đảng. Thời gian ở trong tù, mặc dầu bị dày ải tra tấn, Nguyễn Văn Cừ vẫn tranh thủ thời gian học hỏi, thực hiện khẩu hiệu "biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng" để rèn luyện nghị lực và nâng cao trình độ bản thân. Do đó, đến khi ra tù, đồng chí đã trưởng thành về mọi mặt và trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt

của Đảng: Xứ uỷ viên Bắc Kỳ (đầu năm 1937), Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng (9-1937), Tổng Bí thư của Đảng (3-1938), khi đó Nguyễn Văn Cừ chưa đầy 26 tuổi.

Trên cương vị là nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng, mặc dù chỉ trong khoảng thời gian hai năm, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã thể hiện tư chất của một lãnh tụ tài năng, sáng tạo. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Đảng ta đã kịp thời đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn, phát động cao trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ (1936 - 1939) sục sôi trong cả nước, tạo ra cục diện phát triển mới của cách mạng Việt Nam, tiền đề dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Là một người thẳng thắn, kiên quyết đấu tranh với các trào lưu cách mạng cải lương, cơ hội, với tác phẩm "*Tự chỉ trích*", Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã nêu một tấm gương sáng về tinh thần phê bình và tự phê bình trong Đảng. "*Tự chỉ trích*" bônsovích đã giúp Đảng ta kịp thời đấu tranh uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng trong Đảng, vạch mặt bọn tò rôtkít giả danh cách mạng, xây dựng và củng cố Đảng trên phạm vi cả nước, đề ra những chủ trương mới phù hợp với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, bọn địch ráo riết săn lùng người lãnh đạo đầy tài trí của Đảng. Ngày 17-1-1940, tại ngôi nhà số 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệm thành phố Sài Gòn, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã bị địch bắt. Kẻ thù tìm mọi cách tra tấn, dụ dỗ, hòng khai thác những bí mật trong Đảng, nhưng tất cả những thủ đoạn bỉ ổi, dã man của chúng đều thất bại trước ý chí của người cộng sản kiên cường. Vào một ngày mùa thu tháng tám năm 1941, tại trường bắn Ngã Ba Giồng, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn (Sài Gòn), đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã anh dũng hy sinh trước mũi súng của quân thù. Ra đi khi mới 29 tuổi đời, 11

năm tuổi Đảng, trong đó có hai năm làm Tổng Bí thư, đồng chí đã để lại cho Đảng và nhân dân ta một tấm gương sáng chói về mọi mặt.

Cuốn sách *Nguyễn Văn Cừ - Tiểu sử* thuộc chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Các tác giả đã cố gắng tái hiện được phần nào chân dung của một anh hùng liệt sĩ tiền bối, một danh nhân cách mạng được dân tộc tôn thờ, qua đó góp phần vào công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, đạo đức và truyền thống cho thế hệ trẻ ngày nay. Tuy đã rất cố gắng, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót rất mong độc giả lượng thứ.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chủ nhiệm chương trình và các tác giả xin trân trọng cảm ơn các đơn vị, cơ quan, cá nhân: Đảng uỷ xã Phù Khê - Từ Sơn - Bắc Ninh, gia tộc họ Nguyễn ở Phù Khê, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Ninh, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh, Ban Tuyên giáo Than Quảng Ninh, Công ty than Mạo Khê - Quảng Ninh, Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Huyện uỷ Hóc Môn, Khu di tích Ngã Ba Giồng - huyện Hóc Môn, Tỉnh uỷ Bà Rịa Vũng Tàu, Ban Quản lý khu di tích nhà tù Côn Đảo cùng các nhà khoa học: GS. Trần Thành, GS. Nguyễn Đức Bình, PGS, TS. Phạm Xanh, PGS, TS. Trịnh Tùng, PGS, TS. Võ Kim Cương, ThS. Lý Việt Quang và nhiều nhà khoa học khác đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

T/M CÁC TÁC GIẢ

Chủ biên

TS. TRẦN MINH TRƯỜNG

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - THỜI THƠ ẤU

1. Quê hương

Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9-7-1912 (tức ngày 25-5 năm Nhâm Tý), trong một gia đình nhà Nho nghèo thuộc dòng họ Nguyễn ở làng Phù Khê, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Theo truyền thuyết, làng Phù Khê ngày xưa có tên gọi là làng Cỏ Đàm, là một vùng hoang vu, heo hút thưa người qua lại. Bên cạnh làng có một đầm lớn nằm ven bờ sông Cỏ Giang, sớm chiều sóng nước chập chờn, từng đàn chim lớn bay về đây kiếm ăn, khoan khoái bơi lội khắp đầm hoang.

Đến thời Thục Phán - An Dương Vương (vào khoảng từ năm 208 đến 179 trước công nguyên), những cư dân đầu tiên đến làm ăn sinh sống ở vùng đất này là bảy gia đình làm nghề chài lưới, quê gốc ở làng Cỏ Loa. Vì An Dương Vương lấy đất xây thành, họ đành phải rời quê đi lập nghiệp ở vùng đất mới. Chuyện kể lại rằng, một hôm các cụ già trong làng đang tung chài buông lưới bên sông, bỗng thấy một con chó đen lần lượt "cầm" đàn con bơi qua sông. Các cụ bảo nhau: "Đất lành chim đậu", bèn đưa con cháu dời lều trại sang bên kia sông cư trú. Bắt đầu từ ngày ấy, trang Cỏ Đàm được hình thành. Trải qua hơn hai thiên niên kỷ, tên làng được thay đổi nhiều lần, cái tên Cỏ Đàm tồn tại khá lâu cho đến khi sông Cỏ Giang bị bồi lấp, làng đổi tên là Phù Đàm (vùng đất nổi bên đầm). Đến năm 1573, thời Lê Trung Hưng, chữ Đàm là trọng huy của vua Lê Thế Tông (Lê Duy Đàm 1573 - 1600), làng đổi tên thành Phù Khê và còn có tên Nôm là làng Giâm.

Dẫu sao câu chuyện kể trên cũng chỉ là truyền thuyết, còn những chứng tích khảo cổ học được phát hiện gần đây có thể khẳng định rằng, Phù Khê là tụ điểm cư trú khá sớm của người Việt cổ. Trong quá trình di cư tiến dần từ vùng đồi núi trung du

xuống làm chủ miền đồng bằng châu thổ sông Hồng trù phú, những người Việt cổ đã dừng chân ở một vùng đất đầy ắp phù sa, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và đánh bắt cá. Tại di chỉ Mả Đình ở Phù Khê, các nhà khảo cổ tìm thấy lưỡi rìu đá và những mảnh gốm thuộc văn hoá Đông Sơn. Khi đào mương làm thủy lợi, nhân dân cũng tìm thấy những mảnh gốm, mũi tên đồng, những mảnh thuyền độc mộc có niên đại cách ngày nay 2.700 – 3.000 năm. Tại di chỉ Đồng Gio (Đình Bảng) cách Phù Khê 4km, cũng tìm thấy nhiều hiện vật như công cụ đá, mảnh gốm, đồ trang sức bằng đá, rìu đồng, mũi tên đồng.. thuộc văn hoá Đông Sơn giai đoạn muộn. Không nghi ngờ gì nữa, đây là vùng đất cổ, một trong những cái nôi của nền văn minh sông Hồng. Ngoài nghề chính làm ruộng trồng lúa người Phù Khê còn có nghề chài lưới, trồng dâu nuôi tằm, trồng cây ăn quả, do đó có câu: *Thứ nhất canh trì, thứ nhì canh viên*. Đặc biệt, làng nào ở Phù Khê cũng có nghề truyền thống:

"Nghĩa Lập bánh đúc cháo kê

Tiến Bào nung ngói, Phù Khê chạm rồng".

Nghĩa Lập¹ xưa có nghề làm hàng xáo. Họ mua thóc về rồi xay sát lấy gạo đem bán khắp trong vùng và cất buôn cho các vùng khác. Bánh đúc, cháo kê là những món quà bình dị ở chợ quê được người Nghĩa Lập làm từ những sản phẩm phụ của nghề hàng xáo đã nổi tiếng quanh vùng. Tiến Bào² có nghề thủ công làm gạch ngói, Ngói Tiến Bào đóng mịn, nung chín đều, có màu rất đẹp được nhiều nơi tìm mua. Ngày nay, phần lớn người làng Nghĩa Lập và Tiến Bào đã không còn duy trì nghề hàng xáo và nghề gạch ngói cổ truyền mà đã học thêm nghề mộc ở Phù Khê hoặc chuyển sang buôn bán, làm dịch vụ.

Riêng làng Phù Khê từ lâu đã nổi tiếng với nghề mộc, chạm gỗ mỹ nghệ. Ở thôn Phù Khê Đông ngày nay còn có nhiều địa danh liên quan trực tiếp đến nghề mộc cổ truyền như: Bãi Thước Thợ, Bãi Con Quy, Bãi Cánh phượng, Đồng ông Mực, v.v.. Sản phẩm đồ mộc mỹ nghệ trang trí của người Phù Khê rất nổi tiếng. Từ

những đồ gia dụng, đồ thờ cúng trong gia đình, đến những công trình kiến trúc lớn như đình, chùa, miếu phủ, lăng tẩm... với những đường nét chạm khắc trang trí tinh xảo, uyển chuyển, đầy tính nghệ thuật. Chưa thể xác định được nghề mộc ở Phù Khê có từ khi nào, nhưng người ta đã biết rằng đến thời Trần, thời Lê, làng nghề chạm khắc Phù Khê đã được biết đến với nhiều loại sản phẩm: hương án, long khám, hoành phi, câu đối, y môn, long châu, màn, bệ, tủ, sập, v.v.. Những nghệ nhân làng Phù Khê đã để lại trong kho tàng văn hoá dân tộc nhiều sản phẩm của mình. Ngày nay chúng ta còn có thể chiêm ngưỡng và say mê những sản phẩm được kết tinh từ trí tuệ và kinh nghiệm, từ cảm quan nghệ thuật tinh tế, từ bàn tay tài khéo của họ trên nhiều công trình nổi tiếng như đình. Đình Bảng, đình Diềm Xá, đình Chờ, chùa Bút Tháp, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Tây Phương, chùa Lim, đền Ngọc Sơn. Người Phù Khê dựng bia thờ Lỗ Ban và Nguyên An là tổ nghề mộc của mình. Hằng năm dân làng đều làm lễ cúng tổ nghề vào ngày 7 tháng giêng âm lịch. Phù Khê là nơi duy nhất ở Bắc Ninh đến nay còn giữ được tục thờ tổ nghề mộc. Như vậy, địa danh Phù Khê đã có từ lâu, là mảnh đất có bề dày truyền thống lịch sử - văn hoá. Từ năm 1976, tên xã Phù Khê với ranh giới địa lý hành chính như ngày nay chính thức được xác lập, bao gồm các làng Phù Khê, Nghĩa Lập, Tiến Bào (đều thuộc tổng Nghĩa Lập, huyện Đông Ngàn thời Gia Long)³. Đông Ngàn là vùng đất giàu truyền thống văn hiến, tiêu biểu cho văn hoá vùng Kinh Bắc xưa. Đó là truyền thống năng động và tinh xảo trong các hoạt động kinh tế, giao thương buôn bán, đặc biệt người vùng này nổi tiếng thông minh, hiếu học và thành đạt trong khoa bảng. Dân gian từ lâu đã truyền tụng: "Dốt Đông Ngàn hơn người ngoan thiên hạ", còn sử sách thì ghi nhận và ca ngợi: "Về khoa mục, thì phủ này (tức phủ Từ Sơn - T.G) đứng đầu cả nước. Năm huyện đều nhiều người đỗ, nhưng huyện Đông Ngàn nhiều hơn"⁴. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, thời phong kiến phủ Từ Sơn có tới 283 tiến sĩ, đứng đầu các phủ trong "tứ nội trấn"⁵. Vậy mà trong phủ Từ Sơn thì huyện Đông Ngàn lại là huyện có số người đỗ đạt đứng đầu: 130

người (huyện Võ Giàng chỉ có 30 người, huyện Quế Dương 29 người, huyện Tiên Du 42 người, v.v.). Sử cũ có ghi lại rằng, về phong tục nếp sống, nơi đây "dân phần nhiều chuộng văn hoá, ít quê kệch". Trong huyện Đông Ngàn, có làng Tam Sơn (quê hương đồng chí Ngô Gia Tự) và Phù Khê là hai làng tiêu biểu nhất cho truyền thống lịch sử và văn hiến của vùng quê này, có thể coi đây là vùng đất "địa linh nhân kiệt".

Với ba ngọn núi quần tụ như chuỗi hạt châu, nếu như Tam Sơn được biết đến là một trong bốn làng có người đỗ đạt cao nhất cả nước⁶, thì Phù Khê lại là một địa danh nổi tiếng được ca ngợi trong các làng cổ của người Việt, đó là đất đế vương: "Tam Cổ, Ngũ Phù" nổi tiếng của vùng Kinh Bắc (Cổ Bộ, Cổ Loa, Cổ Pháp - Phù Đổng, Phù Lưu, Phù Khê, Phù Chẩn, Phù Ninh).

Nhân dân Phù Khê có truyền thống hiếu học, hương ước của các làng đều có điều khoản quy định trách nhiệm của gia đình và làng xã trong việc giáo dục con trẻ. Nhiều vị nhân sĩ đã đỗ đạt sau khi treo ấn từ quan, lại lui về quê dạy học cho dân (tiến vi quan, thoái vi sư), các làng đều có văn chỉ thờ Khổng Tử, có học điền⁷ để khuyến khích việc học hành và khen thưởng những người đỗ đạt cao.

Qua con đường khoa cử, nhiều người Phù Khê đã đỗ đạt thành danh. Người được biết đến đầu tiên là Ngô Thông, đỗ Đệ nhị giáp Thái học sinh tại khoa thi Thái học sinh năm Kỷ Hợi, niên hiệu Thiên ứng chính bình, năm thứ 8, đời Trần Thái Tông (1239). Chỉ tính từ năm đó đến năm 1748, ở Phù Khê đã có 15 người đỗ tiến sĩ, 2 người đỗ thám hoa và hàng trăm người đỗ hương cống, sinh đồ. Nhiều bậc danh Nho quê ở Phù Khê đã làm rạng danh cho đất nước, như các cụ Nguyễn Huệ Tính, Nguyễn Chỉ Trai làm quan đến hàng Tam công thời Lê sơ; Thị giảng Đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp; Tư nghiệp Quốc tử giám Nguyễn Hán; Giám sát Ngự sử Nguyễn Trọng Lâm. Đặc biệt, có cụ Quách Đồng Dân đến năm 68 tuổi mới đi thi và đỗ tiến sĩ, làm tới chức Chánh sứ, thăng Lễ bộ Hữu thị lang. Cụ là tấm gương

hiếu học tiêu biểu không chỉ của Phù Khê, mà danh tính của cụ được dân gian truyền tụng ca ngợi khắp cả nước:

"Sáu mươi tuổi mới vỡ lòng,

Đến năm sáu tám đã ông Nghè rồi".

Đến thời Pháp thuộc, Phù Khê vẫn có nhiều người thành đạt về học vấn, tiêu biểu như nhà văn Nguyễn Cát Ngạc - một trí thức tài năng với những công trình nghiên cứu về lịch sử sân khấu, đặc biệt là kịch nói. Hai vở kịch *Chàng ngọc* (1929) và *Ông Tây An Nam* (1930), khá nổi tiếng của ông được coi là một trong số những tác phẩm đầu tiên của nghệ thuật kịch nói Việt Nam.

Người Phù Khê cần cù sáng tạo trong lao động và cũng rất giàu lòng yêu nước, ý chí đấu tranh chống áp bức cường quyền. Các vị thành hoàng được nhân dân phụng thờ đều là những người có công đánh giặc, hộ quốc an dân. Hiện còn truyền thuyết kể về những tấm gương tham gia chiến đấu của nhân dân Phù Khê trong các cuộc chiến tranh chống quân xâm lược phương Bắc. Chính trên tuyến phòng thủ sông Cầu, đội quân viễn chinh xâm lược Tống đã phải dừng bước và tiêu tan mộng xâm lăng. Dòng sông Như Nguyệt xanh trong đã bao lần chứng kiến thảm bại của các đội quân xâm lược nhà nghề, và tiếng ngân hào hùng của bài thơ thần: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* mãi mãi là niềm tự hào của mỗi con dân nước Việt. Qua lớp sương mờ lịch sử và huyền thoại, vẫn có thể thấy vùng đất này có bề dày truyền thống văn hiến, đấu tranh yêu nước. Ngọn lửa anh dũng bất khuất được thắp sáng trong tâm thức mỗi người dân Phù Khê, suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông.

Tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh chống xâm lược của người Phù Khê đặc biệt toả sáng trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược từ nửa cuối thế kỷ XIX, trong phong trào Cần vương; khởi nghĩa Yên Thế; phong trào Đông Kinh

Nghĩa thực. Từ khi Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873), và đặc biệt là sau khi vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, nhân dân Phù Khê đã hăng hái tham gia nghĩa quân Đại nghĩa đoàn, còn gọi là Tam tỉnh nghĩa đoàn do Nguyễn Cao, Dương Khải, Ngô Quang Huy lãnh đạo. Ở thôn Phù Khê Thượng có cụ Tú Nguyễn Trọng Huyền, cụ Án sát Nguyễn Quang (tức Nguyễn Trọng Đạo) là các yếu nhân tham gia trong phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy (do thủ lĩnh nghĩa quân Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo) và đã anh dũng hy sinh. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo bùng nổ, nhiều người Phù Khê đã tham gia trong hàng ngũ nghĩa quân. Trong đó có hai anh em Nguyễn Khán, Nguyễn Cán là những tướng tin cậy của Đề Thám, đã tham gia chỉ huy nhiều trận đánh thắng lợi.

Những năm đầu thế kỷ XX, phong trào Đông Kinh Nghĩa thực từ Hà Nội lan rộng về Từ Sơn. Phân hiệu Đông Kinh Nghĩa thực ở Phù Khê được thành lập do ông Nguyễn Văn Châu phụ trách. Ngoài ra còn có sự tham gia của nhiều nhân sĩ khác như Nguyễn Văn Ái, Ngô Văn Bách, Nguyễn Văn Lãng, Nguyễn Khắc Miến... được phân công vào ban Hán học Phong trào Đông Kinh Nghĩa thực ở Phù Khê và vùng lân cận phát triển khá sôi nổi, thông qua những hoạt động công khai để tuyên truyền giáo dục khơi dậy tinh thần yêu nước trong các tầng lớp nhân dân. Tháng 5-1907, phân hội Đông Kinh Nghĩa thực ở Phù Khê phát hiện tên Việt gian Đặng Kinh Luân làm chỉ điểm tay sai cho Pháp, tổ chức yêu nước của phủ Từ Sơn quyết định diệt trừ để bảo vệ phong trào.

Theo kế hoạch, tổ chức thông báo cho Đặng Kinh Luân về nhà ông Cả Châu (tức Nguyễn Văn Châu) ở thôn Phù Khê để bàn bạc công việc. Ông Cả Châu sai người nhà làm cơm, rượu chiêu đãi. Khi tiệc rượu đã tàn, tên Luân đã chén choáng hơi men thì được mời sang nhà ông Dương Tuấn Duy, người làng Hà Lỗ (nay thuộc huyện Đông Anh) "để tiếp tục bàn công việc". Khi vừa đi đến địa phận Cổ Châu, hai thành viên Đông Kinh Nghĩa thực là Ngô Văn Lãng và Nguyễn Văn Bách bắt

ngờ xông ra dùng dao đâm chết Đặng Kinh Luân. Bọn Pháp nhân việc ấy, cho quân đàn áp phong trào Đông Kinh Nghĩa thực, bắt những người lãnh đạo như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền... ở Hà Nội. Do trước đó được tên Luân cung cấp danh sách những người tham gia Đông Kinh Nghĩa thực ở Phù Khê, bọn Pháp cho lính về Từ Sơn bắt ông Nguyễn Văn Châu, Ngô Văn Lãng, Nguyễn Văn Bách và các hội viên Đông Kinh Nghĩa thực khác. Sau khi bày trò mở tòa xét xử, thực dân Pháp đưa ông Nguyễn Văn Châu đi đày đến đảo Guyan, một hòn đảo ngoài khơi Đại Tây Dương⁸. Những người khác đều bị xử án 5 năm tù giam và đưa đi đày ở nhà tù Thái Nguyên. Phong trào Đông Kinh Nghĩa thực thất bại trên phạm vi cả nước, riêng ở Phù Khê, phong trào cũng tạm thời lắng xuống, nhưng ngọn lửa cách mạng vẫn âm ỉ chờ thời cơ bùng cháy.

Sinh ra trên mảnh đất Phù Khê cổ kính, giàu truyền thống văn hiến, hiếu học, rất tự hào bởi được lớn lên trên quê hương của những danh sĩ lẫy lừng - vùng đất Ngũ Phù huyền thoại, Nguyễn Văn Cừ sớm được thừa hưởng truyền thống giáo dục tốt đẹp của quê hương. Truyền thống kiên cường, bất khuất của người dân Kinh Bắc đã có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách và sớm hun đúc, tạo nên trong anh tư chất của một người yêu nước và cách mạng.

2. Gia đình

Theo gia phả của dòng họ Nguyễn ở Phù Khê, tổ tiên của Nguyễn Văn Cừ không thuộc diện "Phù Đàm thất tộc"⁹, mà thuộc dòng họ Nguyễn của đại thi hào - danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Trãi, nguyên quán ở làng Nhị Khê, tỉnh Hà Đông (nay thuộc xã Nhị Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây). Gia phả dòng họ Nguyễn có ghi: "Bản tộc nãi Hà Nội tỉnh - Nhị Khê xã, khai quốc công thần Nguyễn tướng công, huý Trãi hiệu Úc Trai chi miêu duệ"¹⁰. Tức là: "Họ ta vốn dòng dõi cụ Khai quốc công thần Nguyễn tướng công, huý Trãi hiệu Úc Trai là người xã Nhị Khê, tỉnh Hà Nội". Trong vụ án Lệ Chi Viên, ngày 19-9-1442, Nguyễn Trãi bị triều đình

nhà Lê quy tội giết vua, xử tru di tam tộc. Một người thiếp của Nguyễn Trãi là Phạm Thị Mẫn đang có mang vì đi chợ xa vắng nhà nên đã thoát chết. Sau này, khi được triều đình minh oan xá tội, bà Phạm Thị Mẫn đưa người con duy nhất còn lại của dòng họ là Nguyễn Anh Vũ trở về quê. Từ đấy qua các đời sau con cháu ngày càng nhiều, dòng họ Nguyễn Trãi đông mãi lên, dần dần tách thành nhiều chi họ, di cư lập nghiệp ở nhiều nơi.

Khoảng đời thứ 3 (hoặc thứ 4) sau Nguyễn Trãi, trong dòng họ có một người mang tên hiệu là Nguyễn Huệ Tính (không biết tên thật), đã di cư từ Nhị Khê sang Phù Khê làm nghề dạy học rồi ở hẳn lại đây, lập ra chi họ Nguyễn ở Phù Khê¹¹. Về sau con cháu đời đời vẫn giữ nghiệp Nho, tính từ đời liệt tổ Nguyễn Trãi, đến đời Nguyễn Văn Cừ là hậu duệ đời thứ 17. Cũng theo *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chi trưởng), về con đường học hành thi cử, chi họ Nguyễn ở Phù Khê nổi nghiệp tỏ tiên, không đời nào dứt khoa bảng. Vì vậy, trong nhà thờ đại tổ có ghi.

"Thi thư thiện nghiệp" (nổi nghiệp học hành);

"Kế thi hoạn khoa" (nổi đời thi đỗ làm quan).

Tương truyền, đời cụ tổ thứ nhất - Nguyễn Quý là người rất giỏi về địa lý (thuyết phong thủy), cụ đã chọn được một thế đất quý để đặt sinh phần. Chẳng may, một người con trai của cụ mất trước, cụ đành đem hài cốt của con mình ký táng vào ngôi mộ dự phòng đó (mảnh đất đó nay thuộc gò Con Thỏ, thôn Đồng Hương). Kiểu đất mà cụ Nguyễn Quý chọn đặt sinh phần: đằng trước (tiền án) có nghiên mực, ống bút, xa chút nữa là một gò đất vuông tựa chiếc án thư, hai bên (tay ngai) có chiêng trống và cờ. "Đất lành sinh quý tử", phải chăng vì thế mà đến đời cháu của cụ là Nguyễn Quý Công đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu, đời Mạc Quang Hoà (1541), đã được tước phong là Văn Khê Bá, mở đầu cho thời kỳ thăng tiến phát triển của dòng tộc. Tổng cộng từ khi chi họ Nguyễn ở Phù Khê được lập nên, đến thời Pháp thuộc đã có 3 vị đỗ đại khoa (tiên sĩ), 18 vị đỗ hương cống, cử nhân, nhiều vị đỗ

sinh đồ, tú tài¹². Trong số đó, có nhiều người nổi tiếng như cụ Nguyễn Quỳnh Cư, mới lên 7 tuổi đã được coi là thần đồng, đến nổi thầy dạy Đàm Liên đã có bài thơ về trò Cư như sau:

"Phù Đàm mai hậu phát anh tài

Nền đức mạch văn rực sáng mai

Cái tiếng thần đồng năm trước ấy

Vẫn còn thắm mãi chẳng hề phai"¹³.

Các vị khoa bảng có tiếng khác như: Nguyễn Hồ, Nguyễn Trọng Đột, Nguyễn Văn Lưu, Nguyễn Lương Bích, Nguyễn Trọng Học (thầy dạy vua Tự Đức)... đã khẳng định nền khoa bảng vùng Kinh Bắc có sự đóng góp đáng kể của dòng Nguyễn tộc.

Xuất thân từ dòng họ yêu nước và nổi tiếng như vậy, lớn lên được giáo dục truyền thống hiếu học của quê hương đã hình thành nhân cách nho nhã nhưng cứng cỏi, tuy theo "Tây học" nhưng tư tưởng vẫn hướng về cội nguồn dân tộc của Nguyễn Văn Cừ. Cái chất Nho còn được thể hiện rõ qua phẩm chất đạo đức và chí khí của anh sau này.

Ông nội của Nguyễn Văn Cừ là cụ Nguyễn Trọng Biên, đỗ tú tài rồi làm nghề dạy học. Ông sinh hạ được cả thảy tám người con, bốn con trai và bốn con gái. Thân phụ của Nguyễn Văn Cừ là ông Nguyễn Ngọc Quán¹⁴, tên thật là Nguyễn Trọng Mạo, là con thứ hai của cụ Nguyễn Trọng Biên nên dân làng thường gọi là ông Hai Quán. Ông đỗ khoá sinh, có đi thi trường Nam vài ba lần nhưng không đỗ, nổi nghiệp cha lại đi dạy học nên thường gọi là ông Đồ Quán. Ông đi dạy khắp nơi, khi thì sang tận Lê Xá (Thuận Thành), khi thì dạy ở Đâu Hàn (Quế Võ), hoặc được mời ra dạy ở Cuội (nay thuộc Đông Anh), chứ ít khi ông dạy ở trong làng. Ông là người đức độ, khiêm nhường, thông cảm với nỗi đau khổ của những người nghèo khó, bản thân ông cũng phải âm thầm chịu đựng nỗi tủ nhục của thân phận một

người dân mất nước. Học trò theo học ai cũng mến mộ, kính trọng ông, một phần vì nhân cách thanh cao của ông, đồng thời cũng bởi ông là người có tinh thần yêu nước, chống Pháp. Ngôi nhà nhỏ ba gian mà gia đình ông ở là nơi thường qua lại của các lãnh tụ phong trào nông dân Yên Thế và các yếu nhân của phong trào Đông Kinh Nghĩa thực. Người anh họ của ông là ông Nguyễn Văn Châu, đỗ cử nhân được thực dân Pháp bổ nhiệm làm tri huyện nhưng không nhận, ở quê dạy học rồi tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa thực. Sau vụ tổ chức ám sát tên Việt gian Đặng Kinh Luân, ông bị Pháp bắt đưa đi đày và mất ở đảo Guyan. Mặc dầu vậy, ông và gia đình không hề nhụt chí, vẫn tiếp tục nuôi giấu nghĩa quân Đề Thám.

Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cả nhà chỉ có 8 - 9 thước ruộng xấu, nên thời kỳ Nguyễn Văn Cừ còn đi học tiểu học, ông Đồ Quán phải đưa con sang gửi nhà ông bà ngoại bên Cẩm Giàng (thuộc xã Đông Nguyên, huyện Từ Sơn) nhờ chăm nom và cho ăn học. Còn cả nhà, sau khi bán hết ruộng đất, nhà cửa, phải đi ở nhờ nhà ông anh cả (là ông Nguyễn Văn Trác) một thời gian. Sau đó, ông đưa gia đình lên Hoa Làng (thuộc xã Nhã Nam của huyện miền núi Yên Thế), để khai hoang lập ấp. Được hơn hai năm, cuộc sống vẫn không đủ ăn và có phần ngày càng khó khăn hơn, hơn nữa sức khỏe của ông Quán lại ngày một kém, thế là cả nhà lại đưa nhau về quê. Lúc này ruộng vườn không còn, hai vợ chồng ông Quán phải nhận ruộng làm tá điền cho địa chủ Sét, cuộc sống rất chật vật. Những năm Nguyễn Văn Cừ bị bắt đi tù rồi bị đưa đi đày ở ngoài Côn Đảo, vì thương con, cả nghĩ cuộc sống khó khăn, ông Quán đã lâm bệnh bị mù cả hai mắt, sức khỏe suy kiệt dần, ông mất ngày 28-10 năm Ất Hợi, tức là ngày 23-11-1935.

Thân mẫu của Nguyễn Văn Cừ là bà Nguyễn Thị Khuyển, người làng Cẩm Giàng, xã Đông Nguyên huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (cách Phù Khê khoảng 3km). Bà được sinh ra trong một gia đình trung nông khá giả. Tuy lúc về nhà chồng gặp phải

hoàn cảnh khó khăn, nghèo túng, chồng lại đau yếu luôn, nhưng bà Khuyến là người biết lo toan tần tảo, lúc làm ruộng, khi thì bán hàng rong trong làng để kiếm thêm đồng rau muối, vất vả nhưng bà không hề kêu ca, giữ cho trong ấm ngoài êm.

Ông bà sinh hạ được cả thảy bốn người con, đầu lòng con gái đặt tên là Nguyễn Thị Tường, Nguyễn Văn Cừ là con thứ hai, thứ ba là Nguyễn Văn Kha, người con út Nguyễn Văn Lê mất lúc còn nhỏ tuổi.

Trong điều kiện gia đình bên nội khó khăn về mọi mặt, không cam chịu để con thất học, bà Khuyến đã khéo léo động viên chồng con và dựa vào gia đình bên ngoại đỡ đần cho các con ăn học. Sau này khi chồng mất, ngôi nhà nhỏ duy nhất của gia đình cũng không còn, mấy người con: Nguyễn Văn Cừ thì bị Pháp bắt đi tù, những người khác, người thì mất, người phải đi phiêu dạt khắp nơi, nhưng tình yêu bà dành cho các con không hề phai nhạt. Tháng 11-1936, khi Nguyễn Văn Cừ được ra tù trở về quê gặp mẹ nhìn thấy mẹ già cô đơn héo hắt, lòng anh quặn đau tê tái ôm lấy người mẹ già gầy guộc, những giọt nước mắt mặn chát, đắng cay, chứa đựng bao nỗi nhớ nhung của hai mẹ con cứ trào ra khi nhắc đến những người thân trong gia đình, và khi nghe bà kể về những ngày cơ cực. Sau những phút xúc động yếu mềm, bà lại động viên con cố gắng trên bước đường công tác, không vì khó khăn của gia đình mà nhụt chí. Chính nhờ những lời động viên đầy nghĩa khí của người mẹ già không quản cô đơn, Nguyễn Văn Cừ lại quyết chí ra đi, dấn thân vào một cuộc trường chinh mới trên con đường cách mạng hiểm nguy.

Vì không muốn bọn địch gây khó dễ cho họ hàng, làng xóm, bà sống một mình đợi con, khi tá túc ở nhà người bà con bên nội, khi sang bên ngoại, cho đến khi nghe tin Nguyễn Văn Cừ hy sinh bà vẫn âm thầm chịu đựng trong nỗi cô liêu bóng chiếc.

Sau ngày hoà bình lập lại (1955), bà Khuyến về với người con gái cả là Nguyễn Thị Tường cho đến khi tạ thế, năm 1965.

3. Thời thơ ấu

Là con thứ hai trong gia đình, Nguyễn Văn Cừ và cả ba chị em (Tuông, Khả, Lê) đều được sinh ra trong ngôi nhà tranh nhỏ ba gian làm trên mảnh đất hẹp ven làng Phù Khê. Năm lên 6 tuổi, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, Nguyễn Văn Cừ được bố mẹ đưa sang ở bên nhà ông ngoại nhờ ông nuôi dạy dỗ.

Ông ngoại của Nguyễn Văn Cừ là cụ Nguyễn Thực, tự là Kinh Nguyên, hiệu là Giang Thanh tiên sinh, đỗ tú tài năm Thành Thái thứ 3 (1891), nên người ta thường gọi là cụ Tú Ba. Sau khi đỗ tú tài, cụ từ chối không ra làm quan mà ở nhà dạy học, học trò theo học có đến hàng trăm người. Cụ Tú Ba là một nhà Nho yêu nước, cùng với người anh cả là cụ Nguyễn Ôn (cũng đỗ tú tài thời Tự Đức), tích cực tham gia ủng hộ phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy chống Pháp do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Chính từ những cuộc gặp gỡ với nghĩa quân Bãi Sậy, Giang Thanh tiên sinh đã quen biết cụ Nguyễn Trọng Quang là anh ruột của cụ Nguyễn Trọng Biền - ông nội của Nguyễn Văn Cừ. Hai người rất gắn bó với nhau, tâm đầu ý hợp vì sự nghiệp chống Pháp cứu nước. Trên cơ sở đó hai dòng họ có quan hệ thông gia về sau này.

Khi Nguyễn Văn Cừ được đưa sang nhờ bên ngoại chăm sóc và dạy dỗ học hành, cụ Nguyễn Thực rất thương yêu Nguyễn Văn Cừ và lo dạy học chữ Hán cho cháu. Những tháng năm ở bên ông ngoại cũng chính là thời gian Nguyễn Văn Cừ được giáo dục, dạy dỗ, khơi dậy nhiều về truyền thống quê hương và niềm tự hào dân tộc. Bao kỷ niệm gắn liền với những câu chuyện được nghe ông kể, đã khắc sâu vào tâm trí tuổi thơ của Nguyễn Văn Cừ.

Ngoài giờ học, những lúc rỗi rãi, ông thường kể cho Cừ nghe những câu chuyện về lịch sử chống ngoại xâm của cha ông ta, như chuyện Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa đánh tan quân Đông Hán ở thành Luy Lâu; chuyện về sự nghiệp dựng cờ tự nghĩa của Nguyễn Cao, Nguyễn Thiện Thuật, Đốc Văn, Đốc Kiệt; chuyện về

Hoàng Hoa Thám lập căn cứ ở Yên Thế chống Pháp ngót ba chục năm ròng... cùng với những chiến công vang dội như Lãng Bạc, Như Nguyệt, Cầu Trạm, Xương Giang... là niềm tự hào trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Ông còn kể cho cậu bé Cừ nghe chuyện về làng xóm, quê hương về vùng đất Bắc Ninh thơ mộng với con sông Cầu nước chảy lơ thơ, hai bên bờ những bãi dâu xanh mướt, có nghề dệt tầm tang lâu đời, với chiếc nón quai thao và câu ca liền anh liền chị làm rung động lòng người.

"Gái Như Nguyệt trông trăng như Nguyệt

Nguyệt Nguyệt bằng đánh với trượng phu".

Ông kể cho Cừ nghe về truyền thống hiếu học và học giỏi của những người con Kinh Bắc. Ông đọc và giảng giải cho cháu hiểu bài thơ nổi tiếng của Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính, người làng Phù Chẩn đã viết về vùng đất văn hiến quê mình:

"Văn chương lục bộ thượng thư, quan cao nhất phẩm.

Võ trạc tam công tướng soái, quyền tống vạn binh

Sĩ kết chiếm khôi nguyên nhất giáp

Nông ích đa túc mẽ thiên chương

Nam công hầu quận quốc, sâm sâm thế xuất kỳ lân.

Nữ hoàng hậu phi tần, nương nương thời sinh loan phượng .

Ông vô cùng tự hào khi ca ngợi vùng đất, con người Kinh Bắc, vùng đất giàu có, nơi sinh ra cả "trao anh hùng" và "gái thuyền duyên". Chính vùng đất này là nơi phát tích ra vương triều Lý, gắn liền với những chiến công hiển hách trong cuộc kháng chiến chống Tống cùng tên tuổi của người anh hùng Lý Thường Kiệt¹⁵. Tất

cả những câu chuyện ông kể về truyền thống đánh giặc, về nền văn hiến, về con người Kinh Bắc, Nguyễn Văn Cừ nghe không bỏ sót một chuyện nào. Anh hiểu kỹ hơn nhiều điều về đất nước, về con người, về tình làng nghĩa xóm. Từ những câu chuyện, qua lời kể mộc mạc của ông, khơi dậy trong Nguyễn Văn Cừ tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc.

Thấy Nguyễn Văn Cừ thông minh, nhanh nhẹn, học đâu biết đấy, cụ Tú Ba quyết định cho anh đi học chữ quốc ngữ ở phủ Từ Sơn. Thời kỳ này, người ta đang có xu hướng thay thế chữ Nho "cựu học" bằng chữ Quốc ngữ "tân học". Đây cũng là một quyết định thức thời mở đường cho Nguyễn Văn Cừ sớm có điều kiện tiếp cận với những khuynh hướng tư tưởng mới.

Vào một buổi sáng mùa thu năm 1922, cậu bé Nguyễn Văn Cừ mặc bộ quần áo vải thô trắng, cắp sách đến trường học của phủ Từ Sơn. Gọi là trường phủ, nhưng khi ấy nhà trường chỉ có ba lớp: lớp năm, lớp tư và lớp ba¹⁶.

Là học trò nhỏ con nhất lớp, nhưng bạn bè trong lớp, trong trường đều yêu quý và mến phục vì Nguyễn Văn Cừ học rất giỏi, tính tình lại thẳng thắn, cương trực. Đối với những bạn học kém, Cừ sẵn sàng giúp đỡ và động viên cố gắng học tập cho bằng anh bằng em. Anh ghét thói cậy thế bắt nạt những bạn yếu, những cử chỉ và lời nói không đẹp với bạn bè hoặc thái độ thiếu đúng mực với thầy giáo. Trong lớp bao giờ điếm học tập và hạnh kiểm của Nguyễn Văn Cừ cũng đứng đầu. Thầy Thiện - hiệu trưởng, thầy Kinh dạy toán rất quý mến anh, không chỉ vì Nguyễn Văn Cừ học giỏi mà vì ở anh có thái độ rất đúng mực, nghiêm túc trong học tập, sống giản dị và gần gũi với mọi người. Nguyễn Văn Cừ biết rất nhiều chuyện và kể chuyện rất hấp dẫn, được bạn bè suy tôn là "cây chuyện". Là người rất ham mê đọc sách, ngoài thời gian đến trường và làm bài tập, anh "nghiên" các sách truyện của Tàu như *Tam quốc chí*, *Thủy hử*... và những cuốn sách văn học mới, như *Những người khốn khổ* của Víchto Huygô... Có những lần trong giờ ra chơi, anh kể cho

các bạn nghe về Quan Vân Trường với con ngựa Xích thố, về sự đa nghi của Tào Tháo đã thu hút rất nhiều bạn đến nghe, đôi khi sân trường không còn một đám đá cầu hoặc chơi bi nữa.

Khác với các bạn cùng lứa tuổi, Nguyễn Văn Cừ luôn có lối suy nghĩ độc lập, thường hay hỏi thầy về các chữ khó hoặc về các điển tích, điển cố trong các sách đã đọc và thường có những ý kiến riêng trong học tập, sinh hoạt. Ngoài giờ học ở trường, về nhà Nguyễn Văn Cừ còn hỏi thêm ông ngoại rất nhiều điều, nhằm hiểu sâu hơn, rộng hơn bài học. Đôi khi anh cũng tỏ ra "bướng bỉnh" cãi lại nên cụ Tú Ba còn đặt cho Cừ cái tên là "Bảy Biêu" hay cãi. Đối với bọn cường hào quan lại, cậy thế ức hiếp dân lành, Nguyễn Văn Cừ luôn tỏ rõ thái độ căm ghét. Điển hình nhất là vụ đấu tranh với tên Tri phủ Nguyễn Quý Toàn.

Trường phủ Từ Sơn nằm ngay sát Phủ đường của Tri phủ Nguyễn Quý Toàn. Là người luôn hống hách với dân và có âm mưu muốn chiếm sân trường để mở rộng phủ đường, viên Tri phủ ra lệnh cho bọn lính lấy tre nứa làm hàng rào ngăn cách và lấn sân chơi của trường. Thầy hiệu trưởng cùng với học trò các lớp bàn cách chống lại âm mưu lấn chiếm của Tri phủ Toàn, quyết không cho lính cắm rào. Cuộc đấu tranh đó kéo dài mấy ngày liền. Toàn bộ học trò của ba lớp đều tham gia, trong đó Nguyễn Văn Cừ là người rất hăng hái. Để đấu tranh, thầy trò đã đưa ra sáng kiến dùng hò vè để đả kích quan Tri phủ. Mỗi khi học trò được nghỉ giữa giờ, tất cả đều đồng thanh đọc to bài thất ngôn tứ tuyệt cho vọng vào tận Phủ đường:

"Trống phủ ta đưa vọng trống trường

Một hàng rào nứa sợi tơ vương..."

Âm vang của bài thơ không chỉ vọng vào Phủ đường, mà nhân dân xung quanh ai ai cũng biết tới. Mọi người đều đồng tình ủng hộ nhà trường. Cuối cùng viên Tri phủ Nguyễn Quý Toàn phải nhượng bộ, trả lại phần đất của trường.

Cứ mỗi dịp nghỉ hè, Nguyễn Văn Cừ lại được về quê nội bên Phù Khê chơi. Ông nội rất quý cháu, thường dẫn Nguyễn Văn Cừ đi chơi bách bộ và kể cho nghe về truyền thống của dòng họ Nguyễn, trong đó có ông tổ là Nguyễn Trãi - một nhà chính trị, quân sự tài ba kiệt xuất, một đại quan thanh liêm trung hiếu vẹn toàn, dù mắc nỗi hàm oan, nhưng được nhân dân mãi mãi suy tôn là anh hùng dân tộc.

Ông thường dẫn cháu ra nhà thờ họ, giảng giải cho cháu nghĩa của từng từ trên bức Hoành phi đại tự theo chính giữa nhà thờ. Ông bảo: "Chí Thành" là có chí khí, có chí thì nên. Có chí khí nhưng cũng cần phải có trí thức, có hiểu biết. Ông lại nói: "Tài sản quý nhất cho con cháu là tám chữ". Có học mới hiểu được cách làm người. Ông khuyên Cừ cố mà học, phải học cho giỏi, phải có trí thức, có hiểu biết mới thành đạt được, đồng thời phải có chí khí, không có chí khí thì không thành người. Câu chuyện về dòng họ Nguyễn và những điều ông nội căn dặn dường như đã lắng sâu trong tâm trí Nguyễn Văn Cừ. Sau này, trong nhiều bài viết của mình, anh đã dùng bút danh Trí Thành, một cái tên nhắc nhở anh cố gắng để xứng danh dòng tộc.

Ba năm học ở trường phủ Từ Sơn, năm nào Nguyễn Văn Cừ cũng giành được điểm cao trong học tập. Mùa hè năm 1925, thi đỗ Sơ đẳng tiểu học, Nguyễn Văn Cừ được ông bà ngoại và cha mẹ cho lên Trường kiêm bị Pháp - Việt ở tỉnh lỵ Bắc Ninh tiếp tục học tập. Để có chút tiền phụ thêm với bên ngoại cho con đi học trên tỉnh, ông Nguyễn Văn Quán đã quyết định bán cả mảnh ruộng và ngôi nhà nhỏ của mình rồi đưa gia đình đi Nhã Nam khai hoang. Cả nhà đặt hy vọng vào sự thành đạt qua con đường học hành thi cử của Nguyễn Văn Cừ.

Học sinh ở trường tỉnh đại đa số là con nhà giàu, ăn mặc sang trọng, có nơi trọ học khang trang, đầy đủ tiện nghi. Nguyễn Văn Cừ là cậu học trò nghèo, xin trọ học ở nhà một gia đình nông dân tên là Nguyễn Xuân Quang trong làng Liềm Xá¹⁷. Hằng

ngày Nguyễn Văn Cừ tự nấu ăn lấy, bữa ăn đạm bạc, thường chỉ có cơm, rau với mấy quả cà.

Hằng ngày đến lớp, Nguyễn Văn Cừ mặc bộ quần áo vải thô màu cháo lòng, chân đất, không mũ. Hôm nào trời mưa, thì dùng chiếc ô trắng cán tre, mùa đông chỉ mặc thêm chiếc áo dài đen. Tuy cuộc sống khó khăn, túng bấn, nhưng Nguyễn Văn Cừ vẫn lạc quan, vô tư, không một chút băn khoăn lo lắng hay oán thán cho cuộc sống gia đình của mình. Trong lớp anh vẫn là một học trò thông minh, nhanh nhẹn, được thầy yêu bạn mến. Càng lớn, tính tình của anh có phần kín đáo hơn, ít nói hơn, nhưng vẫn giữ tính cương trực có tự thừa nào. Đối với thầy giáo anh luôn xử sự đúng mực, không xác láo, xu nịnh, đối với bạn bè anh sẵn sàng giúp đỡ. Hằng tháng nhà trường đều xếp loại học sinh, tháng nào anh cũng được xếp loại ưu.

Trường kiêm bị Pháp - Việt tỉnh Bắc Ninh hằng năm thường phải đón viên Đốc học người Pháp tên là Pôn Đờ Mácxây đến giảng bài về: "Nước mẹ Pháp bảo hộ khai hóa cho dân An Nam". Thái độ miệt thị của viên Đốc học làm Nguyễn Văn Cừ khó hiểu, nhiều đêm thao thức suy nghĩ không ngủ được. Anh nghĩ mình cũng là người, họ cũng là người vì sao họ lại phải đến khai hóa văn minh, bảo hộ? Nguyễn Văn Cừ đem những suy nghĩ đó trao đổi với một vài người bạn thân cùng đèn sách, song chưa có một lời giải đáp nào thỏa mãn. Anh tự nhủ rồi sau này mình sẽ hiểu!

Những năm 1926 - 1927, xã hội Việt Nam có nhiều biến cố xảy ra. Tuy bọn cầm quyền thực dân tìm mọi cách bưng bít không để những thông tin đó lọt vào các trường học. Song, học ở Trường kiêm bị tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Văn Cừ vẫn biết được nhiều chuyện diễn ra trong xã hội. Sự kiện Phạm Hồng Thái giết hụt tên Toàn quyền Mécclanh (1924); phong trào đấu tranh đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925); phong trào cả nước để tang chí sĩ Phan Chu Trinh (1926)... hằng ngày dội đến tỉnh lỵ Bắc Ninh, kích động trí tò mò của các lớp học sinh.

Những sự kiện đó thường được Nguyễn Văn Cừ cùng một số bạn bè đưa ra làm đề tài trao đổi, bàn luận. Mọi người đều thán phục tinh thần yêu nước của hai cụ Phan, song còn nhiều điều không sao tìm thấy lời giải đáp, nhất là về nguyên nhân thất bại của các sĩ phu thời đó.

Mùa hè năm 1925, Nguyễn Văn Cừ dự kỳ thi tốt nghiệp tiểu học. Anh thi đỗ loại ưu và được cấp bằng Tiểu học Pháp - Việt. Ở nhà được ít hôm, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, Nguyễn Văn Cừ nhận lời đi dạy cho một số học trò nhỏ. Lớp học được mở tại nhà ông Tạ Đức Liên (tức Bá Liên) ở Làng Chõ (thuộc huyện Đông Anh - Hà Nội). Vừa dạy học, Nguyễn Văn Cừ vừa tự ôn luyện sách vở, với hy vọng khi có điều kiện sẽ tiếp tục theo học bậc trung học.

Thế là tuổi ấu thơ của Nguyễn Văn Cừ trôi qua. Mặc dầu nhà nghèo, cha luôn đau ốm, không được vô tư như những đứa trẻ khác thoả thích vui đùa chăn trâu, bắt bướm, thả diều... nhưng quê hương vẫn lắng đọng trong tâm hồn thơ trẻ của Nguyễn Văn Cừ với tất cả sự ngọt ngào của những câu ca quan họ. Ký ức về những buổi chiều yên ả ngồi đọc sách bên bờ sông Cầu nước lững lờ trôi, bên cạnh dáng hiền từ của dòng sông và những người dân quê chân chất, Nguyễn Văn Cừ cũng luôn ghi nhớ cảnh đói nghèo, cảnh bị áp bức, bị dập vùi, tủ nhục trong thân phận của người dân nô lệ.

Vốn là đứa trẻ có tính cương trực, lại mang trong mình dòng máu của một gia tộc yêu nước rất đáng tự hào, sinh ra trên mảnh đất quê hương có truyền thống bất khuất, kiên cường, luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, Nguyễn Văn Cừ sớm hấp thụ được tinh thần dân tộc, khí chất cứng cỏi, thanh bạch của tầng lớp chí sĩ đương thời. Từ lúc còn là đứa trẻ, trong anh đã bộc lộ tư chất của một người ham học hỏi, nhân cách cao thượng, trí tuệ thông minh của một người có bản lĩnh; chí hướng yêu nước và những hoài bão to lớn của một nhà cách

mạng tương lai. Chính điều đó thôi thúc anh tìm đến con đường đấu tranh cứu nước sau này.

-
- 1, 2. Những làng ngày nay thuộc xã Phù Khê.
 3. Xem Hội Khoa học lịch sử Việt Nam - Sở Văn hoá Thông tin Bắc Giang: *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, Hà Nội. 1997.
 4. Xem Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1960, tr. 154.
 5. Tứ nội trấn gồm: Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam và Hải Dương (T.G).
 6. Đó là các làng Mộ Trạch (Hải Dương), Đông Ngạc (Hà Nội), Kim Đôi, Tam Sơn (Bắc Ninh).
 7. Học điền: Quỹ ruộng của làng dùng cho việc khen thưởng những người có thành tích học hành, đỗ đạt (T.G).
 8. Có một số sách đã viết rằng ông Nguyễn Văn Châu bị Pháp đưa đi đày ở Côn Đảo, nhưng theo *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chi trưởng), do Nguyễn Văn Chu biên dịch, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh, tr.33, thì ông bị đưa đi đày tại đảo Guyan và mất tại đó.
 9. Túc bảy dòng họ của bảy cụ già về đây cư trú đầu tiên.
 10. *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chi trưởng), *Tlđđ*, tr. 6.
 11. Xem Nguyễn Lương Bích: *Giới thiệu mấy nét về dòng họ Nguyễn Trãi - Nguyễn Thiện Thuật - Nguyễn Văn Cừ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5-1969, tr. 59-63.
 12. Theo Nguyễn Công Xê: *Ảnh hưởng của truyền thống quê hương và gia đình đến quá trình hình thành nhân cách của đồng chí Nguyễn Văn Cừ*. In trong *Nguyễn*

Văn Cừ - Một Tổng Bí thư tài năng của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 59.

13. *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chi trưởng), *Tlđđ*, tr. 37.

14. Các sách đã xuất bản trước đây, có sách viết là Nguyễn Văn Quán, có sách viết là Nguyễn Trọng Mạo, còn trong *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chi trưởng), tr. 33, ghi là Nguyễn Ngọc Quán.

15. Lý Thường Kiệt là một nhà chính trị, quân sự lỗi lạc thời Lý, tên thật là Ngô Tuấn, quê ở Thái Hoà, Hà Nội, có nhiều công lao to lớn trong cuộc kháng Tống, bình Chiêm, được vua ban quốc tính (họ vua).

16. Như lớp 1, lớp 2, lớp 3 bây giờ.

17. Một số sách viết trước đây gọi là Liên Xá, nhưng qua điều tra khảo sát thực tế, đây là làng Liềm Xá (*T.G*).

TRỞ THÀNH NHÀ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ NHỮNG NĂM THÁNG TRONG LAO TÙ ĐẾ QUỐC

1. Trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp

Mùa thi năm 1927, được ông Nguyễn Duy Tiềm - một người họ hàng (ở số nhà 41 phố Hàng Trống - Hà Nội) đỡ đầu Nguyễn Văn Cừ chia tay với các học trò làng Chõ, lên Hà Nội dự thi vào Trường Bảo hộ (Lycee du Protectorat). Trường Bảo hộ - còn được gọi là Trường Bưởi - là trường trung học lớn nhất miền Bắc lúc bấy giờ. Chính quyền thực dân lập Trường Bưởi với mục đích "đào tạo ra những công chức người bản xứ ít tốn tiền cho ngân sách thuộc địa". Phần lớn học sinh trường này là con em những nhà giàu hoặc có thế lực. Vượt qua kỳ thi tuyển với kết quả xuất sắc, Nguyễn Văn Cừ là một trong vài ba học sinh được nhận vào học kèm theo suất học bổng toàn phần và được xếp chỗ ở trong ký túc xá của trường.

Bên cạnh những học sinh con nhà giàu, ăn mặc và sinh hoạt sang trọng, hằng ngày Nguyễn Văn Cừ ăn uống, sinh hoạt hết sức đạm bạc. Khi đến lớp cũng như lúc ra phố, anh chỉ có bộ quần trắng, áo the cũ và đôi dày vải kiểu Gia Định bạc màu. Để có thể sắm thêm cho con bộ quần áo mới, ông Quán không quản ngại đường xá xa xôi, xuống tận Nam Định vận động một số anh em trong họ tộc Nguyễn, quyền góp được một ít tiền chi đủ mua một chiếc áo len mặc khi mùa đông tới. Bấy giờ chẳng có mấy ai giàu, nhưng tấm lòng đùm bọc luôn rộng mở. Không tự ti, mặc cảm Nguyễn Văn Cừ vượt lên khó khăn thiếu thốn về vật chất, miệt mài học tập. Ngoài những giờ học theo chương trình của nhà trường, anh luôn tìm kiếm thêm sách vở, tài liệu đọc thêm để mở rộng kiến thức. Hằng năm, kỳ thi nào anh cũng đạt kết quả xuất sắc. Vì vậy, mặc dù xuất thân từ gia đình nghèo khó nhưng Nguyễn Văn Cừ luôn được bạn bè cùng lớp mến phục. Nhiều khi họ còn phải nhờ anh giảng lại cho những bài học, bài tập khó.

Trong thời gian học tập ở Trường Bưởi, với sự nỗ lực vượt bậc của bản thân, Nguyễn Văn Cừ đã trưởng thành nhanh chóng. Anh không chỉ tiếp thu được kiến thức văn hoá mà còn được bồi dưỡng tinh thần yêu nước và cách mạng. Là một học sinh thông minh, trung thực ham học hỏi, anh thường tiếp xúc, nói chuyện với các anh học cùng trường ở lớp trên. Bên cạnh những câu chuyện về học tập Nguyễn Văn Cừ thường được nghe họ kể về phong trào yêu nước ở Trường Bưởi và Hà Nội trong những năm trước đó. Nguyễn Văn Cừ chăm chú lắng nghe các anh kể về phong trào bãi khoá của học sinh trong những năm 1925 - 1926, phản đối thực dân Pháp bắt và kết án cụ Phan Bội Châu; đòi tổ chức lễ truy điệu, để tang cụ Phan Châu Trinh, và đòi được lập đài tưởng niệm nhà yêu nước Lương Văn Can... Nguyễn Văn Cừ khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc đàn anh. Anh nghe nhắc đến tên nhiều người đã bị nhà trường thực dân đuổi học vì đi đầu trong phong trào yêu nước như Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Phạm Văn Đồng. Nguyễn Văn Cừ bắt đầu hiểu ra rằng, chính quyền thực dân xây dựng trường học ở các xứ thuộc địa không phải để "khai hoá" cho nhân dân bản xứ, mà chỉ nhằm đào tạo ra những người chỉ biết trung thành mù quáng và phục vụ tận tụy cho chế độ cai trị của chúng. Người nào không phục tùng sẽ bị chúng thẳng tay trả thù, đàn áp. Tuy nhiên, ngược lại với mong muốn của chính quyền thực dân, dưới mái trường này lại là nơi xuất hiện nhiều thanh niên học sinh chống lại chính phủ bảo hộ nhất. Trường Bưởi trở thành ngôi nỏ trong các cuộc đấu tranh yêu nước của tuổi trẻ học đường cả nước.

Nguyễn Văn Cừ hết sức cảm phục khi được biết các bậc đàn anh, mặc dù bị đuổi học vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng. Những tấm gương sáng đó đã cổ vũ anh và lớp học sinh đàn em của Trường Bưởi tham gia các phong trào đấu tranh ngày càng sôi nổi hơn, mạnh mẽ hơn.

Thời gian Nguyễn Văn Cừ học tại Trường Bưởi, phong trào vận động yêu nước cách mạng ở Việt Nam đang có bước chuyển mình mạnh mẽ. Nhiều lớp thanh niên sau khi dự các lớp huấn luyện ở Quảng Châu đã được đưa về nước và nhanh chóng trở thành những hạt nhân lãnh đạo phong trào. Một số cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập ở Hà Nội và nhiều địa phương khác. Hội tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức, tiểu tư sản. Các hoạt động tuyên truyền của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc và các đồng chí của Người đã thổi vào phong trào cách mạng trong nước một luồng gió mới. Phong trào yêu nước và dân chủ, đặc biệt là phong trào công nhân có bước phát triển về chất. Giai cấp công nhân Việt Nam đang lớn mạnh và từng bước tiến lên vũ đài đấu tranh chính trị như một lực lượng độc lập tự giác nhận thức được vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình trước dân tộc và giai cấp. Hàng loạt cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã nổ ra ở ngay tại các trung tâm kinh tế, chính trị của bọn thực dân. Các cuộc bãi công không chỉ giới hạn trong phạm vi một xí nghiệp, một địa phương, một ngành, mà đã liên kết thành phong trào chung của giai cấp công nhân trong nhiều xí nghiệp, nhiều địa phương, nhiều ngành nghề trong cả nước. Tinh thần đoàn kết giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật của công nhân trong quá trình đấu tranh đã được nâng lên rõ rệt. Ở nhiều nơi, công nhân đã lập ra uỷ ban bãi công, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Vinh - Bến Thủy, Đà Nẵng, Biên Hoà, Sài Gòn - Chợ Lớn đã có tổ chức Công hội đỏ.

Với sự nhạy cảm về thời cuộc của tuổi trẻ, một số thanh niên học sinh Trường Bưởi đã sớm tiếp thu tư tưởng mới của thời đại. Một chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã được thành lập và bí mật hoạt động ngay trong trường. Chi bộ Trường Bưởi lúc bấy giờ hoạt động khá mạnh, đồng chí La (tức Cá Sấu) làm Bí thư, ngoài ra còn có các đồng chí Ngô, Nguyễn Công Miêu (tức Lê Văn Lương), Nguyễn Văn Quyên, đồng chí Nhẫn, đồng chí Nguyễn Trọng Cần, cả thầy sáu

người. Được ít lâu đồng chí La bị bắt, đồng chí Nhẫn được cử làm Bí thư. Đồng chí Nhẫn là công nhân, không phải học sinh trong trường, nhưng rất hoạt bát năng nổ, có sức lôi kéo học sinh. Vài tháng sau đồng chí Nhẫn cũng bị mật thám bắt, đồng chí Ngọ được cử làm Bí thư, hoạt động của chi bộ vẫn được duy trì cho đến giữa năm 1930 mới giải tán.

Ngay khi Nguyễn Văn Cừ mới vào học, các đồng chí trong chi bộ đã để ý và phân công đồng chí Nguyễn Văn Quyên là người kèm cặp, tuyên truyền giác ngộ về chủ nghĩa Mác - Lênin, về con đường cách mạng giải phóng dân tộc cho Nguyễn Văn Cừ. Cũng như một số thanh niên yêu nước khác, Nguyễn Văn Cừ vừa học tập vừa bí mật tìm hiểu về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và tổ chức cách mạng do Người sáng lập. Nguyễn Văn Quyên và Nguyễn Văn Cừ vốn quen nhau từ hồi còn là bạn học ở Bắc Ninh, nay lại gặp nhau ở Trường Bưởi nên vô cùng thân mật gắn bó. Nguyễn Văn Quyên vốn được đàn anh là đồng chí Ngọ giác ngộ trước và được giới thiệu vào Đoàn Thanh niên cách mạng. Nhận thấy Nguyễn Văn Cừ là người kín đáo, gan góc, Quyên tranh thủ thời gian gần gũi, mỗi khi nói chuyện với Cừ, anh thường khêu gợi nỗi thống khổ mất nước và nỗi nhục của những học sinh của một nước nô lệ, vạch những tội ác của bọn thực dân, lối lộng hành của bọn giám thị người Pháp. Nguyễn Văn Cừ giác ngộ rất nhanh, ít tháng sau được Nguyễn Văn Quyên giới thiệu với chi bộ và qua vài lần thử thách, đến đầu năm 1928, Nguyễn Văn Cừ chính thức được chi bộ tổ chức kết nạp¹ vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Từ đó, Nguyễn Văn Cừ được bí mật tiếp xúc với những tài liệu quan trọng của Hội do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc biên soạn như: *Đường cách mệnh*, báo *Thanh niên*, v.v.. Để có điều kiện đọc nhiều sách báo bí mật và tham gia công tác của Hội, Nguyễn Văn Cừ cùng với hai người bạn xin được chuyển ra ở trọ, không ở trong ký túc xá nhà trường nữa.

Trong gian gác ngôi nhà số 46, phố Hàng Giấy (nay thuộc phường Đồng Xuân - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội), Nguyễn Văn Cừ cùng với hai người bạn đều là hội viên của Thanh niên vừa học vừa tham gia hoạt động bí mật. Tuy nhiên, chỉ được khoảng hai tháng sau, vì không đủ tiền sinh hoạt hằng ngày, ba "nhà cách mạng trẻ" phải bảo nhau trả lại nhà trọ, trở lại sinh hoạt trong ký túc xá của trường. Việc này khiến cho viên hiệu trưởng bắt đầu nghi ngờ thái độ chính trị của Nguyễn Văn Cừ và cho người thường xuyên theo dõi.

Được tiếp xúc với các tài liệu cách mạng, lại sẵn có lòng yêu nước, tinh thần chống chế độ thực dân, Nguyễn Văn Cừ nhanh chóng nhận ra sự đúng đắn của con đường cứu nước mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn. Qua từng trang sách, tư tưởng của Người như thấm sâu vào trái tim, trí tuệ của tuổi trẻ Nguyễn Văn Cừ. Những vấn đề mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc viết dường như đang được thực tế cuộc sống nghiệt ngã khốc liệt diễn ra ở quê hương và ngay tại Hà Nội lúc bấy giờ soi sáng, chứng minh một cách rõ ràng, cụ thể. Bước đầu anh nhận thấy nguyên nhân vì sao nhân dân ta vẫn phải sống trong vòng nô lệ, tội ác dã man của chế độ thực dân xâm lược và cả con đường cần phải hướng tới. Đó chính là lời kêu gọi thức tỉnh đấu tranh. Ngọn lửa yêu nước, ý thức chống xâm lược ngày càng mãnh liệt, thôi thúc Nguyễn Văn Cừ hành động.

Nghiên cứu tác phẩm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Văn Cừ thường suy xét, liên hệ và dần dần hiểu được những vấn đề mà bấy lâu vẫn thắc mắc, canh cánh trong lòng, những suy nghĩ trăn trở, nguyện vọng, tâm tư ấp ủ nay đã có lời giải đáp. Anh cũng nhận thức rằng muốn xoá bỏ cảnh áp bức, bóc lột, không thể chỉ đả kích cá nhân, mà phải bắt tay vào vận động, tổ chức quần chúng lao khổ đoàn kết đứng lên đánh đổ toàn bộ chế độ đen tối của đế quốc và phong kiến. Nguyễn Văn Cừ hăng hái tham gia công việc của Hội, say sưa nghiên cứu học tập, thấm nhuần con đường cứu nước, đồng thời tham gia hoạt động tuyên truyền

những ý tưởng mới tiếp thu được cho những thanh niên yêu nước cũng có hoài bão như anh.

Vốn là một người thẳng thắn cương trực, có tính thần tự tôn dân tộc, Nguyễn Văn Cừ không chịu nổi thái độ khinh rẻ, miệt thị của viên Hiệu trưởng Pugiê (Pouget) và một số giáo sư người Pháp đối với học trò là người Việt Nam. Mỗi khi nghe họ quát mắng, nhiếc móc bạn học của mình là "dân An nam mít bản thiu", "giống nòi mọi rợ", lòng tự trọng của Nguyễn Văn Cừ lại bị tổn thương. Anh cũng không ưa một số giáo viên người Việt, mặc dầu bị khinh miệt, phân biệt đối xử, họ vẫn thường tỏ ra xun xoe, nịnh bợ chủ Pháp. Nguyễn Văn Cừ cùng với một số bạn bè tiến bộ khác đã tìm cách đả kích những kẻ nịnh Tây, làm mất thể diện của người Việt Nam. Anh và các bạn trong lớp làm thơ đả kích thói hư tật xấu của bọn bợ đỡ vô liêm sỉ đó. Cứ mỗi câu thơ nêu tên một kẻ nịnh Tây, bài thơ của các anh được sao chép và dán khắp nơi trong trường. Nguyễn Văn Lộc – viên giám thị là một trong những kẻ bị bêu tếu, điên cuồng tức tối, truy tìm tác giả bài thơ và báo cáo lên Ban Giám hiệu về "nhóm học trò bất trị" này. Không muốn bạn bè bị liên lụy, Nguyễn Văn Cừ khẳng khái đứng ra nhận là chính mình đã làm bài thơ đó. Vốn đã nghi anh tham gia "hội kín", Sở Mật thám Hà Nội nhân việc này đã bắt Nguyễn Văn Cừ và thẩm vấn liên tục năm ngày liền, cuối cùng không tìm được bằng chứng hoạt động cách mạng, chúng đành phải chịu². Tuy vậy, đến cuối tháng 5-1928, viên Hiệu trưởng Pugiê cho gọi Nguyễn Văn Cừ lên phòng làm việc, sau khi mặt sát về "những hành vi chống đối", ông ta liền ra quyết định đuổi học, khi đó Nguyễn Văn Cừ đang học dở năm thứ hai Trường Bưởi. Không chút ân hận về những việc mình đã làm và cũng không luyến tiếc gì "Trường Bảo hộ", Nguyễn Văn Cừ thản nhiên quay về thu xếp quần áo, sách vở và từ biệt bạn bè. Người tùy phái (tức người làm ở Văn phòng của trường) thuê một chiếc xe tay và cùng đi với Nguyễn Văn Cừ đến nhà người anh đỡ đầu là ông Nguyễn Văn Tiêm, ở 41 phố Hàng Trống, "để trao trả

gia đình". Thanh minh mấy câu chiếu lệ với người anh đỡ đầu, Nguyễn Văn Cừ xin phép về quê với bố mẹ, nhưng kỳ thực anh dọn đến ở một chỗ khác tại Hà Nội, tìm cách kiếm sống và tiếp tục hoạt động cách mạng.

Được tin con bị đuổi học lại không thấy về nhà, ông Đồ Quán lên ngay Hà Nội tìm con khắp nơi mà không thấy, ông phải nhắn tin nhờ mấy người quen tìm giúp. Tình cờ có một người trong họ gặp Nguyễn Văn Cừ ở Bờ Hồ (hồ Hoàn Kiếm), nên đưa anh về gặp ông Đồ Quán. Vốn là người hiền hậu, rất mực thương con và cũng biết tính cương trực, khảng khái của con, nên khi gặp con, ông không hề phân nân, trách móc gì về việc anh bị đuổi học, mà chỉ khuyên con nên trở về nhà để làm ăn sinh sống cùng với bố mẹ và gia đình. Nguyễn Văn Cừ đề nghị cha cứ về trước, anh còn nần nã muốn ở lại Hà Nội để tìm cách vừa kiếm ăn, vừa hoạt động cách mạng. Chiều ý con, ông Đồ Quán dù không đồng tình nhưng cũng không ép con phải về ngay. Ông trở về quê một mình, trong lòng vẫn canh cánh không yên. Một tháng sau, vào khoảng tháng 6-1928, ông Đồ Quán lại ra Hà Nội gặp con và khuyên về nhà. Thương cha, nhớ mẹ, đồng thời suy nghĩ nếu có ý chí thì dù ở đâu cũng có thể hoạt động cách mạng được, nên Nguyễn Văn Cừ đã chiều theo ý của cha mình, thu xếp hành lý trở về quê. Sau khi về Phù Khê, vào cuối tháng 6-1928, theo sự thu xếp của ông Đồ Quán, Nguyễn Văn Cừ đến làng Hà Lỗ tức làng Giỗ Đông thuộc phủ Từ Sơn (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội), dạy học tại nhà cụ Dương Tuấn Duy (thường gọi là ông Cử Giỗ³). Với tính tình điềm đạm, kiến thức rộng và rất yêu trẻ, Nguyễn Văn Cừ được học trò rất kính trọng, tin yêu. Ngoài giờ dạy học, anh thường đến hỏi thăm và giúp đỡ những gia đình nghèo trong làng, vì thế mọi người ai cũng quý mến và gần gũi.

Bây giờ ở Bắc Ninh, cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã được thành lập ở nhiều nơi trong tỉnh. Ngay tại Hà Lỗ cũng đã có một chi hội đang hoạt động. Với mong muốn tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng, ngay khi đến Hà

Lỗ, Nguyễn Văn Cừ đã bí mật thăm dò và anh đã bắt được liên lạc với Nguyễn Công Miều (tức Lê Văn Lương) - một người bạn học cũ ở Trường Bưởi và là đồng chí trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nhiều lần Nguyễn Công Miều đến Hà Lỗ gặp Nguyễn Văn Cừ trao đổi công việc, thỉnh thoảng hai người lại rủ nhau đi đâu đó vài ba ngày. Chính trong những chuyến đi bí mật này, Nguyễn Văn Cừ đã được gặp Ngô Gia Tự, người mà anh đã từng ngưỡng mộ từ khi còn học ở Trường Bưởi. Lúc này đồng chí Ngô Gia Tự đang làm Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Bắc Ninh. Chính Ngô Gia Tự trực tiếp giới thiệu giảng giải với Nguyễn Văn Cừ về tác phẩm *Đường cách mệnh* và nhiều tài liệu quan trọng khác của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Thời gian trước đây, Nguyễn Văn Cừ cũng đã được tiếp xúc với nhiều tài liệu bí mật, trong đó có tác phẩm *Đường cách mệnh* từ khi còn đang học ở Trường Bưởi, nhưng lần đầu tiên được nghe trực tiếp đồng chí Ngô Gia Tự giảng giải, anh mới hiểu một cách có hệ thống và sâu sắc những quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về những vấn đề lý luận được viết trong *Đường cách mệnh*. Nguyễn Văn Cừ đã thấu hiểu vì sao phải làm cách mạng, và muốn cuộc cách mạng đó thực hiện được mục tiêu đánh đuổi kẻ thù xâm lược, đập tan chế độ phong kiến, thì không thể không dựa vào lực lượng đông đảo của quảng đại quần chúng. Nguyễn Văn Cừ rất tâm đắc khi nghe phân tích về thái độ và vai trò của các giai cấp trong phong trào cách mạng: "... ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết,... công nông là người chủ cách mệnh... vì công nông bị áp bức nặng hơn... vì công nông là tay không chân rôi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những có ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ,... 3 hạng ấy

chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"⁴. Nguyễn Văn Cừ thấm thía sâu sắc lời dạy: *công nông là chủ cách mệnh, công nông là gốc cách mệnh*.

Qua những lần gặp gỡ với đồng chí Ngô Gia Tự, anh hiểu rằng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, những người Việt Nam yêu nước không thể không có tổ chức để lãnh đạo phong trào. Muốn vậy phải dựa vào quần chúng, huấn luyện họ, tổ chức họ và đưa họ ra tập dượt trong tranh đấu. Nguyễn Văn Cừ hoàn toàn đồng tình với quan điểm cần phải đề cao vai trò của tổ chức mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra: Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công, "phải có đảng cách mệnh" và "sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh".

Từ những cuộc gặp gỡ với Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ đã biết rõ hơn nhiều vấn đề quan trọng và trưởng thành thêm không chỉ về nhận thức lý luận, mà cả ý thức giai cấp. Từ đây, anh đã có phương hướng hoạt động và mục đích cao cả cần hướng tới là phải tự nguyện cống hiến đời mình cho sự nghiệp cách mạng. Ngô Gia Tự cũng đã giao cho Nguyễn Văn Cừ xây dựng một vài cơ sở nơi đang cư trú. Sau những giờ dạy học hoặc trong những ngày nghỉ, anh thường đi đến các gia đình trong xóm, ngoài làng để tìm hiểu thêm về đời sống và sinh hoạt của nhân dân. Biết được nỗi thống khổ riêng của từng gia đình và cuộc sống cùng cực của nông dân trong làng xã, anh thường kể lại những điều mắt thấy tai nghe ở những nơi khác để họ cùng nghe, nhằm kêu gọi tấm lòng yêu nước đang còn tiềm ẩn trong mỗi con người. Anh thông cảm, chia sẻ nỗi khổ đó với họ và giải thích vì sao dân ta phải chịu kiếp nô lệ đọa đày. Do đó, dân làng yêu mến, tin tưởng anh Phùng (bí danh của Nguyễn Văn Cừ) như những người trong gia đình.

Nguyễn Văn Cừ đã dạy học ở Hà Lỗ được chừng hai tháng. Khoảng tháng 8-1928, tên Mai Trung Tâm - Thanh tra mật thám tỉnh Bắc Ninh, đưa lính đến Phù Khê để bắt Nguyễn Văn Cừ. Lúc này, gia đình ông Đồ Quán đã kiệt quệ, nhà cửa, đất cát

đều bán hết và phải đi ở nhờ. Bọn mật thám dò hỏi biết Nguyễn Văn Cừ đang dạy học bên Hà Lỗ, chúng bí mật cho người đến nhà cụ Cử Giỗ bắt anh, nhưng lúc đó Nguyễn Văn Cừ không có mặt ở nhà. Bọn mật thám cho lính bủa vây, sục sang nhà bên cạnh và bắt được anh. Rất nhanh trí, Nguyễn Văn Cừ đưa bọn mật thám đi vòng ra ngõ ngoài, trong lúc đó cụ Cử Giỗ cùng người cháu tên là Kiềm, đã mở tủ lấy những tài liệu bí mật của anh, đem xuống bếp đốt hết. Đến khi Nguyễn Văn Cừ đưa chúng về nhà, mặc chúng tha hồ lục lọi khám xét, nhưng đã không thu được tang vật gì. Mặc dầu vậy, chúng vẫn gán cho Nguyễn Văn Cừ tội hoạt động chính trị và giải về Sở Mật thám Hà Nội.

Trong 12 ngày bị giam giữ, liên tục bị thẩm vấn, tra hỏi, Nguyễn Văn Cừ không nhận bất cứ điều gì. Mật thám hỏi đi hỏi lại về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhưng anh vẫn một mực trả lời không biết. Cuối cùng Chánh mật thám Hà Nội đã buộc phải tuyên bố trả lại tự do cho Nguyễn Văn Cừ, nhưng buộc anh phải trở về nguyên quán cùng với lời đe dọa: "Nếu lần sau mà còn bị bắt, chúng tao sẽ bắt cả nhà mày".

Ngay sau khi được thả về, không hề nao núng, sợ hãi trước sự đe dọa của mật thám, Nguyễn Văn Cừ lại tiếp tục đến Hà Lỗ dạy học và nhanh chóng chấp nối liên lạc, tiếp tục hoạt động cách mạng. Anh nhận được chỉ thị tạm thời ngừng hoạt động, chờ khi có dịp tổ chức sẽ bố trí anh hoạt động thoát ly gia đình.

Thời điểm này, tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có những bước phát triển khá mạnh trong các tỉnh thành ở phía bắc. Nhiều tỉnh đã lập được tỉnh bộ, đã tổ chức được các lớp huấn luyện cán bộ, tuyên truyền cách mạng. Tuy nhiên, cơ sở của Hội vẫn còn quá ít trong các hầm mỏ, xí nghiệp. Hội viên phần lớn là thanh niên học sinh, chưa qua môi trường hoạt động thực tiễn của phong trào công nhân. Trước tình hình đó, ngày 28-8-1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã họp hội nghị⁵ và ra chủ trương đưa hội viên đi "vô sản

hoá" ở các xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ. Chủ trương này nhằm mở rộng tổ chức cơ sở của Hội trong phong trào công nhân, đồng thời tạo điều kiện cho các hội viên thông qua thực tiễn đấu tranh của phong trào công nhân để củng cố lập trường giai cấp của mình.

Thực hiện chủ trương của Kỳ bộ Bắc Kỳ, trong thời gian này rất nhiều hội viên đã tự nguyện đi vào nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ cùng lao động, sinh hoạt, cùng đấu tranh với công nhân. Thông qua hoạt động tích cực của họ, chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường cứu nước và giải phóng dân tộc đã từng bước thâm nhập rộng rãi trong phong trào công nhân. Qua đó, tổ chức cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã được mở rộng đến nhiều xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ, nhất là khu vực mỏ than vùng Đông Bắc.

Nhận thấy Nguyễn Văn Cừ bị mật thám theo dõi sát sao, không thể tiếp tục hoạt động tại địa phương được nữa, đồng chí Ngô Gia Tự và Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Bắc Ninh đã quyết định cử Nguyễn Văn Cừ tham gia "vô sản hoá". Đồng chí Ngô Gia Tự đã trực tiếp gặp và giải thích cho Nguyễn Văn Cừ hiểu rõ chủ trương của tổ chức. Anh nhấn mạnh, muốn giải phóng dân tộc thì đồng thời phải giải phóng giai cấp. Giai cấp vô sản gồm những người bị áp bức bóc lột nặng nề nhất. Do đó đoàn thể cần có cán bộ đi thâm nhập quần chúng công nhân để giác ngộ họ làm cách mạng. Tuy mới 16 tuổi, nhưng Nguyễn Văn Cừ đã có những suy nghĩ rất chín chắn, anh xin phép thêm thời gian suy nghĩ, sau khi quyết định nhận lời, anh hứa sẽ đem tuổi trẻ hiến dâng cho đất nước.

Với tư cách Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Bắc Ninh, đồng chí Ngô Gia Tự giới thiệu Nguyễn Văn Cừ với Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng là đồng chí Nguyễn Đức Cảnh (lúc đó Thành bộ Hải Phòng phụ trách cả vùng mỏ). Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh bố trí đón Nguyễn

Văn Cừ và đưa ra hoạt động ở vùng mỏ than Đông Bắc - nơi tập trung công nhân lớn nhất của Việt Nam lúc bấy giờ.

Vùng mỏ Hồng Gai - Quảng Yên (nay là Hòn Gai, Quảng Ninh), là một trong những trọng điểm quan trọng trong chính sách bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp. Tại đây, cùng với sự tăng cường khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân, giai cấp công nhân đã từng bước hình thành và trưởng thành thông qua các phong trào đấu tranh chống đàn áp, bóc lột của giới chủ. Vùng mỏ Hòn Gai vừa là nơi mà chính quyền thực dân thể hiện sự áp bức bóc lột tàn nhẫn nhất, vừa là trọng điểm chú ý của những chiến sĩ cách mạng lớp đầu tiên. Nguyễn Văn Cừ được cử đi "vô sản hoá" ở mỏ Vàng Danh - nơi nổi tiếng rừng thiêng nước độc và cũng là nơi phong trào công nhân hầu như chưa được tổ chức tập hợp giác ngộ, tuyên truyền.

Khoảng cuối năm 1928, với bí danh là Phùng, Nguyễn Văn Cừ đã đến mỏ Vàng Danh. Anh hăm hở lao vào thực hiện nhiệm vụ, anh sống với anh chị em ở xóm thợ Nam Khê và lao động như một người công nhân mỏ thực thụ. Ngày ngày anh xuống lò làm phu cuốc than trong hầm sâu, luôn luôn thiếu không khí đến nghẹt thở, tối tăm, nặng nhọc..., tai nạn thường xuyên đe dọa tính mạng con người. Cũng như tất cả công nhân mỏ, cuộc sống sinh hoạt của công nhân Vàng Danh hết sức cực khổ. Hằng ngày chỉ có hai bữa cơm gạo hầm cầm hơi, với ít rau và dăm ba con cá khô mặn chát. Quanh năm suốt tháng, dù cho mùa đông giá buốt thấu xương, người thợ cũng chỉ có chiếc quần vá chằng vá đụp, chiếc áo không lành và một manh chiếu vừa nằm vừa đắp. Nguyễn Văn Cừ cùng ăn, cùng ở với anh em thợ trong cái lều lụp xụp bằng tre nứa, chỉ có mái che mưa che nắng, mà không có vách để chắn gió, chắn sương. Đêm ngủ không màn. Muỗi rừng thi nhau hút máu trên những thân hình gầy guộc của người thợ. Những ngày lao động ở mỏ đã giúp Nguyễn Văn Cừ thấy rõ hơn sự áp bức bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân mà trực tiếp là bọn chủ mỏ, thông cảm và cùng chia sẻ với cuộc sống cực nhọc của

người công nhân mỏ, anh càng thấm thía hơn nỗi đau khổ của người dân mất nước. Nguyễn Văn Cừ đã nhanh chóng hoà nhập vào cuộc sống của những người lao động cực khổ, được anh em công nhân tin cậy và yêu mến.

Thông qua câu chuyện hằng ngày, từ chuyện gia đình đến chuyện xã hội, từ chuyện làm ăn sinh sống đến đấu tranh với giới chủ để đòi quyền lợi, từ chuyện các anh hùng yêu nước, đến chuyện con đường đấu tranh cứu nước cứu nhà... Nguyễn Văn Cừ đã khéo léo đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống của công nhân mỏ. Anh lấy những ví dụ ngay trong thực tế khó khăn, cực khổ và bất hạnh của những người thợ mỏ để giáo dục, giác ngộ, bồi dưỡng tinh thần yêu nước và trang bị bước đầu cho công nhân ý thức đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản. Anh phân tích tỉ mỉ vì sao người thợ phải chịu sự bất công, áp bức, bóc lột của chủ mỏ - những tên thực dân xâm lược.

Càng gần gũi người thợ bao nhiêu, họ lại càng mến thương và tin tưởng anh bấy nhiêu. Ngược lại, Nguyễn Văn Cừ cũng nhận rõ công nhân mỏ chính là những nông dân và dân nghèo bị bần cùng hoá, đói khổ, vì miếng cơm manh áo cho qua ngày, đã trôi dạt đến nơi đây cùng làm thuê, làm mướn. Do đó, đây chính là nơi tập trung của những người cùng khổ với biết bao nhiêu sự cùng cực, uất ức, căm giận, đau thương... Vì vậy, anh càng thấu hiểu họ thực sự là người vô sản, chỉ có hai bàn tay trắng, bán sức lao động một cách hết sức rẻ mạt để kiếm ăn. Họ phải đổi bát mồ hôi lấy bát cơm hẩm, cháo thiêu, nhưng "số mệnh của anh em lao động... như treo trên sợi chỉ manh"⁶. Bọn chủ mỏ đã mặc sức đày đoạ, bòn rút xương máu của người thợ, vì chúng coi họ như súc vật, bất kỳ lúc nào cũng có thể chửi bới, đánh đập. Nếu chống lại, thì bị chúng bắt giam, bị tra tấn dã man, bị tù đày biệt xứ, hoặc có thể bị đem đi thủ tiêu bí mật. Nhận thấy nỗi cùng khổ của anh chị em công nhân mỏ, Nguyễn Văn Cừ càng thấy phải có trách nhiệm trước sinh mệnh của công nhân, anh hằng say tìm đủ mọi hình thức, biện pháp để tập hợp, giác ngộ cho đông

đảo thợ mỏ dám đứng lên đấu tranh giành lấy quyền sống hằng ngày. Trước hết là tổ chức tập dượt công nhân đấu tranh, qua đó kêu gọi đoàn kết công nhân thành một lực lượng lớn mạnh. Nhưng điều quan trọng hơn, chính trong công tác vận động thợ thuyền, Nguyễn Văn Cừ cũng ý thức được sức mạnh, vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trong đó không thể thiếu công nhân công nghiệp của khu mỏ quan trọng này. Từ trong hoạt động thực tiễn, Nguyễn Văn Cừ thấy như được nâng cao thêm về trình độ lý luận chính trị. Những điều anh đã học, đã đọc trước đây về lập trường giai cấp, về sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân ngày càng được sáng tỏ.

Đến Vàng Danh được một thời gian, qua quá trình vận động, tuyên truyền, giáo dục và thử thách, Nguyễn Văn Cừ đã lựa chọn được một số công nhân mỏ hăng hái, nhiệt tình để thành lập được một chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tổ chức được một số quần chúng tích cực tham gia vào Công hội.

Thời gian này phong trào đấu tranh cách mạng đã lan rộng trên phạm vi khắp cả nước. Bằng những nỗ lực không mệt mỏi, không quản gian khổ, khó khăn, các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ hơn. Nhiều hội viên Thanh niên trưởng thành qua phong trào "vô sản hoá" đã trở thành những cán bộ cách mạng chân chính, vững vàng về lập trường chính trị của giai cấp công nhân, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

Phong trào cách mạng ngày càng phát triển lớn mạnh trên phạm vi cả nước đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân. Tháng 3-1929, đồng chí Ngô Gia Tự cùng với những đại biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ, như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc, Trần Văn Cung, Trình Đình Cửu, Đỗ Ngọc Du, Dương Hạc Đính và Nguyễn Tuân⁷ đứng ra triệu tập Hội nghị thành lập chi bộ cộng sản tại số nhà 5D

phố Hàm Long (Hà Nội). Ngoài việc ra quyết định thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam, Hội nghị còn đề ra nhiệm vụ cấp bách trước mắt của chi bộ là phải phát triển thêm những những đồng chí cộng sản, thành lập các tổ chức chi bộ khác ở các tỉnh; vận động tích cực để sớm đi đến thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Trên tinh thần thống nhất về mặt tổ chức của Thanh niên ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất, tháng 5-1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã triệu tập Đại hội lần thứ nhất⁸ tại Hương Cảng (Trung Quốc).

Tại Đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kỳ do Trần Văn Cung và Ngô Gia Tự dẫn đầu, đã phân tích những điều kiện chủ quan và khách quan đã chín muồi cho việc thành lập một Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng. Đồng thời chỉ ra sự hạn chế của tổ chức Thanh niên trước yêu cầu phát triển của lịch sử, do đó cần thiết phải thành lập Đảng Cộng sản - một hình thức tổ chức chính trị mới, khả dĩ gánh vác được sứ mạng lịch sử để tiếp tục đưa phong trào đi lên. Tuy nhiên, do sự thao túng, phản đối của một số phần tử cơ hội trong Ban tổ chức (điển hình là Lâm Đức Thọ⁹), Đại hội không đi đến kết quả và đoàn đại biểu Bắc Kỳ tuyên bố rút lui khỏi Đại hội. Ngay sau khi đoàn đại biểu Bắc Kỳ về nước, chi bộ cộng sản đầu tiên đã khẩn trương xúc tiến việc thành lập Đảng.

Ngày 17-6-1929, hơn 20 đại biểu thuộc các tổ chức cộng sản mới thành lập ở các tỉnh Bắc Kỳ đã tiến hành hội nghị ở số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Hội nghị quyết định tuyển lựa những người tiên tiến nhất, tích cực nhất của Thanh niên để kết nạp vào Đảng. Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương và nhiều đồng chí ưu tú khác đã được công nhận là những đảng viên thuộc lớp đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng.

Trong thời gian này, Nguyễn Văn Cừ vẫn hoạt động ở mỏ Vàng Danh. Làm việc và sinh hoạt trong những điều kiện khắc nghiệt, không bao lâu Nguyễn Văn Cừ đã

bị nhiễm bệnh sốt rét kinh niên. Tình hình sức khoẻ của Nguyễn Văn Cừ ngày càng giảm sút, sốt rét triền miên không có thuốc men đã làm cho gan của anh bị to, biến chứng thành phù bóng bụng. Thấy rằng sức khoẻ của anh khó có thể tiếp tục làm công việc trong hầm mỏ, vào khoảng tháng 9-1929, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh trực tiếp điều động Nguyễn Văn Cừ về Hải Phòng, để vừa chữa bệnh, vừa phụ trách việc xây dựng một trạm liên lạc của Trung ương Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng) với nước ngoài bằng đường biển.

Tại Hải Phòng, trong vai một thầy ký nghèo, Nguyễn Văn Cừ thường mặc chiếc áo somi cộc tay, chiếc quần trắng "cháo lòng", đầu đội mũ cát, chân đi guốc, lân la khắp nơi trong thành phố cảng. Giúp việc cho anh có đồng chí Trần Bảo mới được điều động từ Hà Nội xuống. Hai người thường ở chung tại một ngôi nhà ở ngõ Ba Thục, đây là ngôi nhà do người thím của đồng chí Trần Bảo thuê chung với bốn gia đình nghèo khác. Chủ nhà là một người gốc Phi làm gác công của nhà máy sợi. Vì làm nhà để cho thuê, cho nên căn nhà chỉ được thung bằng vách đất, đồ đạc không có gì.

Nguyễn Văn Cừ và Trần Bảo kê giường ở một góc nằm ngay gần lối ra vào. Trần Bảo đóng vai một người thất nghiệp đến ăn nhờ ở đậu nhà bà thím, hằng ngày lang thang đi kiếm việc làm. Nguyễn Văn Cừ không thường xuyên ở chỗ này, sau khi bàn bạc và giao nhiệm vụ cho Trần Bảo, hằng ngày anh đi tới các cơ sở khác trong thành phố, thỉnh thoảng mới về ngủ tại đây.

Ngoài việc nhận tài liệu từ các cơ sở bí mật của ta trong số thủy thủ mỗi khi tàu cập Cảng Hải Phòng, trạm liên lạc do Nguyễn Văn Cừ phụ trách còn có nhiệm vụ tổ chức vận chuyển tài liệu của Đảng từ Hải Phòng lên Hà Nội. Khi có thời gian rỗi, đồng chí Trần Bảo được giao nhiệm vụ để gây dựng thêm cơ sở trong công nhân và một số đối tượng khác như bồi bếp, viên chức và dân nghèo bán hàng rong. Nguyễn Văn Cừ tận tình hướng dẫn cho đồng chí Trần Bảo kinh nghiệm vận

động quần chúng, kinh nghiệm nhận biết mật thám, cách nhận ra người tốt, người xấu để dễ bề ứng xử. Đồng chí Trần Bảo kể lại: "Một hôm anh Cừ chỉ cho tôi nhận biết một tay cò bạc bịp. Hắn mặc áo the, quần chùng, đi giữa đám người nhộn nhịp vẫn thấy mắt hắn phờ phạc, dáng đi thất thểu. Gặp một anh đầu óc bù xù, mắt lác lác hay nhìn trộm, mặc áo Tây rách và bản cổ đi len lỏi, anh Cừ bảo: "Đó là tay lưu manh chính cống". Anh Cừ còn dặn: "Mật thám thì càng dễ nhận. Mai kia thế nào thì không biết chứ bây giờ thấy anh nào mặt non choẹt, mặc áo the thâm, đội nón dứa, dắt cái xe đạp đi lảng vảng trên đường không ra rong chơi mà cũng không ra đi làm, đấy là mật thám. Thỉnh thoảng cũng nên đi qua cổng Sở mật thám để nhận mặt chúng nó"¹⁰.

Sau một thời gian, việc tổ chức trạm liên lạc đã hoàn thành, công việc đi vào nề nếp, lúc này bệnh tình của Nguyễn Văn Cừ cũng đã thuyên giảm, anh được đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Ủy viên Trung ương lâm thời của Đảng, điều về giúp việc tại cơ quan Tỉnh uỷ Hải Phòng và được chỉ định làm cán bộ đảng chuyên trách, phụ trách công tác kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng ở khu mỏ.

Trong thời gian làm cán bộ đảng chuyên trách, Nguyễn Văn Cừ thường xuyên đi về chấp mối liên lạc giữa Hải Phòng và Quảng Ninh. Đồng thời, anh thường xuyên đi sát các chi bộ ở Cẩm Phả - Cửa ông để nắm bắt tình hình diễn biến về tư tưởng và tổ chức của Đảng trong công nhân. Anh thẳng thắn góp ý về phương pháp vận động công nhân, kịp thời uốn nắn những lệch lạc về mặt tư tưởng đối với một số đảng viên có sự phân biệt giữa công nhân áo xanh (chuyên nghiệp) với công nhân áo nâu (mùa vụ). Trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5, một số đồng chí có ý định gài mìn vào những nơi treo cờ. Nguyễn Văn Cừ phản đối quan điểm manh động đó. Hành động như vậy, vừa không giải quyết được tận gốc vấn đề, vừa bộc lộ lực lượng lại tạo cơ cho địch dàn áp công nhân. Vấn đề đầu tiên cần phải quan tâm, theo Nguyễn Văn Cừ là phải chú trọng chỉ đạo công tác tổ chức của

Đảng, đó là khâu có ý nghĩa quyết định của công tác xây dựng Đảng. Đến cuối năm 1929, theo chủ trương của Đông Dương Cộng sản Đảng, các cơ sở đảng vùng mỏ đã thực hiện chuyển đổi về mặt tổ chức cho bốn chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thành chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng.

Sau chuyến đi công tác kiểm tra ngăn ngày tại Cẩm Phả, Cửa Ông, Nguyễn Văn Cừ được cử về khu mỏ Mạo Khê - một nơi có truyền thống đấu tranh và có cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ rất sớm, nhưng lúc này đang gặp khó khăn do địch tăng cường đàn áp, đồng chí Nguyễn Văn Mẫn cán bộ phụ trách ở đây đã bị lộ phải rút về Hà Nội.

Về Mạo Khê, Nguyễn Văn Cừ (lấy bí danh là Phùng Ngọc Tường) đóng vai làm phu gánh than cho người cai lò là hội viên Công hội đỏ. Anh cùng ở với một số thợ lò trong một căn lều tranh ẩn mình giữa đồi sán rộng. Trong lều không có giường nằm, không bàn ghế, chỉ có vài ba chiếc niêu đất, mấy cái bát ăn cơm và một thùng sắt tây gi đựng gạo. Ban đêm về trời có sương lạnh, nằm trên đồng lá sán khô, Nguyễn Văn Cừ và mấy anh em phu thợ truyền hơi ấm cho nhau rồi cố chợp mắt để sáng mai lại dậy sớm đi làm. Chính tại túp lều này, nhiều đêm Nguyễn Văn Cừ đã hội họp cùng anh em cán bộ cốt cán của khu mỏ Mạo Khê. Ngoài ra, anh còn thiết lập hộp thư bí mật ở chùa Non Đông, một địa điểm cách trung tâm mỏ không xa, nhưng kín đáo, thuận tiện cho việc hội họp.

Là một ngôi chùa cổ khá bề thế tọa lạc ở giáp chân núi, các nhà sư chùa Non Đông đã được Nguyễn Văn Cừ giác ngộ cách mạng, cho đào hầm bí mật ngay ở khu vực cửa tam quan, nuôi giấu cán bộ mỗi khi địch lùng sục bất ngờ. Bình thường khi tổ chức hội họp, trong vai những thiện nam tín nữ đến chùa lễ Phật, cán bộ đến họp trong chùa, ở ngoài đã có các nhà sư canh gác an toàn, bọn mật thám cũng ít khi để ý.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Văn Cừ, phong trào cách mạng ở Mạo Khê từng bước được củng cố và phát triển vững chắc. Đặc biệt, trong dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1929, mỏ Mạo Khê tổ chức rất chu đáo, rầm rộ và gây được tiếng vang lớn. Chỉ đạo phối hợp hành động giữa các bộ phận được Nguyễn Văn Cừ phân công cụ thể, các đồng chí được giao nhiệm vụ thực hiện rất nhìp nhàng. Chiều ngày 7-11-1929, trong khi một số đồng chí đi treo cờ đỏ búa liềm trên cột điện giữa phố, đồng chí Bùi Văn Mạo - công nhân lái tàu đã lái chiếc đầu tàu số 4 có cắm cờ đỏ chạy đi chạy lại từ nhà ga ra tận cảng Bến Cấn trước sự chứng kiến của thợ mỏ lúc tan tầm. Ở một khu vực khác, khi anh em thợ lò Hạ Chiểu bắt đầu đi làm qua phố Mạo Khê, hai đồng chí Đinh Tiến Toán và đồng chí Khoáng đóng gia phu cuộc lò đem truyền đơn rải trước cổng nhà máy cơ khí, cửa lò và những nơi thợ hay ngồi nghỉ. Đây là lần đầu tiên Mạo Khê tổ chức kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, nhưng những hoạt động của công nhân: "Không những làm cho ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân lao động, mà còn là một dịp làm cho công nhân mỏ và quần chúng lao động hiểu hơn nữa về Cách mạng tháng Mười"¹¹.

Giữa lúc phong trào cách mạng vùng than nói riêng và phong trào cách mạng của cả nước đang lên cao, tin vui bay về làm nức lòng công nhân mỏ, một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Hưởng ứng lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhân sự kiện thành lập Đảng, được sự chỉ đạo của Trung ương, trực tiếp là đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Cừ và một số cán bộ cốt cán ở Mạo Khê đã tổ chức thành lập chi bộ. Cuối tháng 2-1930, tại căn lều tranh trên đồi sắn (nay thuộc xóm Dân Chủ, thị trấn Mạo Khê) đã diễn ra Hội nghị thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam của khu mỏ Mạo Khê. Tham gia Hội nghị thành lập chi bộ Mạo Khê có năm đồng chí: Đặng Châu Tuệ, Vũ Thị Mai, Nguyễn Huy Sán, Bùi Văn Mạo, Bùi Đức Giao.

Sắp đến giờ khai mạc cuộc họp thì Nguyễn Văn Cừ bị lên một cơn sốt nặng, hai chân phù thũng không thể đi được. Anh phải nhờ hai đồng chí Bùi Văn Mạo và Bùi Đức Giao thay phiên nhau cõng anh đến lán họp. Đến nơi, các đồng chí đặt anh ngồi trên một cái chõng và anh bắt đầu điều khiển cuộc họp. Bắt đầu vào họp, đồng chí Nguyễn Văn Cừ tuyên bố: "Cuộc họp hôm nay là để tổ chức các đồng chí vào một chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi xin giới thiệu đồng chí Trọng (tức Nguyễn Đức Cảnh) thay mặt Tỉnh uỷ chủ trì cuộc họp hôm nay". Lúc ấy, đồng chí Trọng mới rút có búa liềm ra treo lên vách - đồng chí Đặng Châu Tuệ một trong năm người được kết nạp hôm đó kể lại: "Mọi người nghiêm trang chào lá cờ của giai cấp vô sản. Tiếp đó đồng chí Trọng giới thiệu tôn chỉ, mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệm vụ quyền hạn của đảng viên và những nhiệm vụ trước mắt của Đảng. Đồng chí Phùng lần lượt giới thiệu lý lịch từng người để đồng chí Trọng công nhận và trao nhiệm vụ. Có đồng chí đã khóc vì cảm động và sung sướng được trở thành đảng viên của Đảng tiên phong. Tôi được chỉ định làm Bí thư chi bộ¹².

Đồng chí Vũ Thị Mai - một trong những đảng viên của chi bộ đầu tiên - ghi nhận sự kiện trọng đại trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình: "Tôi còn nhớ một câu dặn dò của anh Phùng và anh Trọng: "Luôn luôn nâng cao tinh thần chiến đấu và phẩm chất cao cả của người đảng viên cộng sản". Trong đời tôi, đây là những giờ phút vinh quang nhất, tôi tự thấy trách nhiệm hơn nữa trong việc đóng góp sức lực của mình vào sự nghiệp cách mạng"¹³. Trong hội nghị này, chi bộ đã thảo luận và ra nghị quyết về một số nhiệm vụ trước mắt: đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng, gây cơ sở ở nơi yết hầu của địch, phát động phong trào đấu tranh để mở rộng ảnh hưởng của Đảng. Việc ra đời của chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở khu mỏ Quảng Ninh, đã mở ra một bước ngoặt quan trọng cho phong trào công nhân tại vùng mỏ. Hoạt động ở Mạo Khê một thời gian, qua tiếp

xúc với công nhân và nông dân quanh vùng, Nguyễn Văn Cừ còn nắm được tình hình hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng quanh vùng. Tuy ảnh hưởng của nó chỉ mới trong phạm vi một số cai, sếp và số ít công nhân, nhưng Nguyễn Văn Cừ đã chỉ thị cho chi bộ đảng phải chủ động ngăn chặn ảnh hưởng của tổ chức Quốc dân Đảng vào phong trào công nhân. Muốn thế, chi bộ phải đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ quyền lợi cho bản thân công nhân nói riêng và giai cấp vô sản nói chung. Anh chỉ rõ, có như thế chi bộ mới nắm chắc được giai cấp công nhân và phong trào công nhân; mới đảm bảo sự thống nhất về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động của Đảng, tập hợp được quần chúng. Nguyễn Văn Cừ nhắc nhở, chi bộ phải đảm bảo sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, trong giai cấp công nhân, công nhân với nông dân... vì đó là sức mạnh của tổ chức đảng.

Thành lập xong chi bộ Mạo Khê, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức phân công đi nhận nhiệm vụ mới. Trong vai trò phái viên của Đảng tại vùng mỏ, anh đến hoạt động tại nhiều nơi: khi thì về Uông Bí, khi ra Hòn Gai, Hà Tu, Cẩm Phả, Cửa Ông..., hầu như các mỏ than vùng Đông Bắc chỗ nào cũng in dấu chân anh. Tuy bận nhiều công việc, nhưng anh vẫn dành thời gian về Mạo Khê giúp đỡ công tác của chi bộ, thường là duyệt bài cho tờ báo *Than* do chi bộ Mạo Khê xuất bản. Báo *Than* khổ nhỏ chỉ bằng nửa tờ giấy học sinh, in thạch, mực làm bằng muối đèn trộn hắc ín. Các bài báo vạch trần thủ đoạn đàn áp, bóc lột của chủ mỏ, nêu nỗi khổ cực hằng ngày mà người công nhân phải chịu đựng, kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh. Báo *Than* được công nhân chuyền tay nhau đọc, có nhiều tác dụng trong việc tuyên truyền giáo dục và tập hợp quần chúng.

Với sự hoạt động tích cực, năng nổ và sự giúp đỡ có hiệu quả của Nguyễn Văn Cừ, từ cuối tháng 2 đến tháng 4-1930, các chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở các mỏ Uông Bí, Vàng Danh, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông lần lượt ra đời. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, phong trào đấu tranh của công nhân mỏ bước vào thời kỳ

mới, sôi nổi, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, hoà nhịp với cao trào đấu tranh cách mạng của cả nước. Hàng loạt cuộc bãi công liên tiếp nổ ra trên đất mỏ, mở đầu là cuộc đấu tranh của nhà Sàng Cửa Ông nổ ra ngày 8-4-1930. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đi cùng với hàng trăm công nhân nhà Sàng kéo đến văn phòng của viên đốc công, uy hiếp và đưa yêu sách, đòi viên đốc công phải kiến nghị với chủ mỏ:

- Phải gọi các thợ bị đuổi vô cớ quay trở lại làm việc.
- Giảm 3 giờ làm việc cho ca đêm.
- Không được đánh đập thợ, tăng tiền lương 20%.

Lúc đầu viên đốc công ngoan cố không chịu nhận yêu sách và còn dọa nạt công nhân, nhưng anh em công nhân kiên quyết không lùi bước, đại diện của công nhân tuyên bố bãi công, làm cho nhiều tàu nước ngoài vào ăn than phải nằm chờ, cuối cùng tên chủ mỏ phải nhượng bộ, cuộc đấu tranh thắng lợi. Cũng trong tháng 4-1930, chi bộ Cẩm Phả - Cửa Ông còn cho rải truyền đơn ở nhiều nơi trong nhà máy, trên tầng than và các đường phố đông người để phản đối thực dân Pháp tàn sát các chiến sĩ yêu nước tham gia vụ bạo động Yên Bái. Tại Hòn Gai, chị em tiểu thương bãi thị đòi giảm thuế môn bài, công nhân ở nhiều mỏ khác cũng nhất loạt đấu tranh đòi tăng lương, chống đánh đập, giảm giờ làm, v.v.. Các cuộc đấu tranh: "làm cho thợ thuyền ngoài tổ chức nửa kinh ngạc nửa vui mừng, còn bọn chủ mỏ, cai, sếp, mật thám thì bàng hoàng kinh sợ"¹⁴.

Phong trào cách mạng đang ngày một phát triển đòi hỏi sự chỉ đạo của Đảng phải thường xuyên, kịp thời hơn, Nguyễn Văn Cừ đi lại hết nơi này đến nơi khác, sâu sát với anh em. Làm việc quá sức, anh lại bị ngã bệnh.

Do yêu cầu công tác, Nguyễn Văn Cừ không có điều kiện và thời gian để chăm lo đến sức khoẻ của mình. Bệnh sốt rét luôn luôn hành hạ và ngày một nặng thêm,

bụng báng mỗi ngày một to, sức khoẻ của anh trở nên nguy cấp. Các đồng chí trong Xứ uỷ rất lo ngại, liền cho gọi anh về nằm ở cơ quan ẩn loát tại Hải Phòng để chữa bệnh.

Cơ quan ẩn loát của Xứ uỷ bấy giờ đặt ở Lạc Viên (ngoại thành Hải Phòng). Nguyễn Văn Cừ lại được bố trí ở nhà vợ chồng đồng chí Nguyễn Thị Thuận (tức Tư Già), ngôi nhà tre thuê của vợ người Tây đen gác công nhà máy sợi nên mật thám ít để ý. Sau vì thấy Lạc Viên xa trung tâm, đi lại liên lạc không tiện, Nguyễn Văn Cừ chuyển đến nhà vợ chồng đồng chí Nguyễn Kim Tài ở đầu chợ Hàng Kênh. Vợ đồng chí Nguyễn Kim Tài bán hàng tạp hóa, mỗi phiên chợ lại mua chè xanh sắc đặc cho anh Cừ uống để chữa bệnh sốt rét.

Tuy ốm yếu, nhưng Nguyễn Văn Cừ không lúc nào chịu nằm yên, khi thì đọc sách, nghiên cứu tài liệu mới, khi thì giúp cơ quan viết bản in. Được một thời gian ngắn, bệnh chưa khỏi hẳn, nhưng thấy ngày Quốc tế lao động (1-5) đã tới gần, Nguyễn Văn Cừ xin được trở lại vùng mỏ để tiếp tục lãnh đạo phong trào. Trước sự khẩn khoản của anh, cấp trên đành phải đồng ý.

Trở về với khu mỏ, hoà mình vào đội ngũ công nhân, Nguyễn Văn Cừ lại đến khắp nơi để truyền đạt chủ trương của Xứ uỷ, phát động công nhân tham gia các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, ngày 1-5-1930, ở Hòn Gai, nhiều hoạt động đã được tổ chức. Cờ đỏ búa liềm pháp phối bay trên đỉnh núi Bài Thơ; tại mỏ Hà Tu băng cờ khẩu hiệu được công nhân treo trên cả các tầng lò, truyền đơn rải đầy trên đường phố..., ở Cẩm Phả công nhân còn phá cả một đoạn đường sắt từ mỏ ra bên Cửa Ông và cắm cờ đỏ búa liềm ở các đồng than trên tầng.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng và các tổ chức cơ sở đảng, để thực hiện sự chỉ đạo thống nhất đối với phong trào, Nguyễn Văn Cừ đã đề xuất với cấp trên cơ cấu lại tổ chức đảng ở khu mỏ Quảng Ninh, thành lập cấp bộ Đặc

khu uỷ mở. Ý kiến của đồng chí rất phù hợp với chủ trương của Đảng nên đã được chuẩn y kịp thời. Sau Hội nghị Trung ương tháng 10-1930, Xứ uỷ Bắc Kỳ đã triệu tập hội nghị, quyết định thành lập Đặc khu uỷ mở và chỉ định đồng chí Vũ Văn Hiếu làm Bí thư. Nguyễn Văn Cừ được cử làm đại diện của Xứ uỷ bên cạnh Đặc khu uỷ mở để truyền đạt các chỉ thị của Xứ uỷ và giúp đỡ Đặc khu uỷ chỉ đạo phong trào. Cùng với đồng chí Vũ Văn Hiếu - Bí thư Đặc khu uỷ, Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo Đảng bộ vùng có kiện toàn và phát triển các tổ chức cơ sở của Đảng, kết hợp chặt chẽ việc đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày với nhiệm vụ xây dựng và củng cố tổ chức. Thực hiện chỉ thị của Trung ương về việc phát động phong trào đấu tranh ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh, kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga... hàng loạt các vụ rải truyền đơn, treo cờ đỏ, dán áp phích, khẩu hiệu, biểu tình đòi chủ phải trả lương đúng thời hạn, v.v. diễn ra liên tục trên đất mở, kéo dài từ cuối năm 1930 đến đầu năm 1931.

Phong trào cách mạng ở vùng mở bùng lên với một khí thế mới. Bọn thực dân vô cùng hoảng sợ, chúng ra sức đàn áp, khủng bố, liên tục mở các cuộc truy lùng, đánh phá các cơ sở cách mạng. Nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng đã bị địch bắt. Ngày 15-2-1931, trên đường đi công tác từ Cẩm Phả về Hòn Gai, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã bị sa vào tay địch.

2. Những năm tháng học tập, rèn luyện trong nhà tù đế quốc

Sau khi bắt được Nguyễn Văn Cừ, bọn địch đưa anh về Sở Mật thám Hòn Gai. Biết Nguyễn Văn Cừ là một cán bộ quan trọng của Đảng, Sở Mật thám Hòn Gai, Sở Mật thám Hải Phòng, Sở Mật thám Bắc Kỳ (Hà Nội) thông báo cho nhau, chúng xúm lại hí hửng phen này sẽ triệt phá được tận gốc tổ chức mở vùng than. Những tên mật thám sừng sỏ dùng đủ các thủ đoạn nhà nghề, từ dụ dỗ đến đánh đập, tra tấn Nguyễn Văn Cừ, hòng khai thác thông tin về các cơ sở cách mạng. Nhưng dùng cách nào, chúng cũng bất lực, không moi được thông tin gì. Dùng đủ mọi thủ

đoạn xảo quyệt, dã man nhưng vẫn không khuất phục được tinh thần anh dũng, ý chí và niềm tin cách mạng của Nguyễn Văn Cừ, tháng 4-1931, bọn mật thám đành phải đưa anh từ Nhà lao Hải Phòng về giam ở Hoả Lò - Hà Nội để tiếp tục tra khảo và chờ ngày xét xử. Ở đây, Nguyễn Văn Cừ phải đương đầu với những thủ đoạn hiểm độc hơn, những trận đòn ác liệt hơn của kẻ thù, nhưng chúng vẫn không khai thác được gì ở người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi.

Trong Nhà lao Hoả Lò, Nguyễn Văn Cừ gặp các đồng chí Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Bùi Xuân Mẫn, Vũ Thiệu Chân, Trần Văn Nghệ, Bùi Vũ Trụ và cả những đồng chí đã cùng hoạt động như Trần Bảo, Vũ Văn Hiếu. Các bạn tù ở đây rất khâm phục khi thấy trong điều kiện nhà tù khắc nghiệt, ăn uống kham khổ, lại bị bọn cai tù đánh đập thường xuyên, nhưng trong những ngày bị giam giữ, Nguyễn Văn Cừ rất chịu khó học tập, ôn luyện những kiến thức lý luận, những kinh nghiệm cách mạng. Đặc biệt, anh đã nghiên ngẫm, thuộc lòng bản *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* do Tổng Bí thư Trần Phú khởi thảo và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930 thông qua. Nguyễn Văn Cừ thường xuyên gần gũi động viên mọi người đoàn kết thương yêu nhau và giữ vững chí khí của người cộng sản. Với tác phong giản dị, vui vẻ, tận tình giúp đỡ anh em, Nguyễn Văn Cừ gây được ấn tượng rất tốt trong các bạn tù. Đồng chí Trần Bảo đã kể lại: "...Tôi không sao quên được hình ảnh anh Cừ đi bên tôi, bên ngoài trông bộ "lù rù" trong chiếc áo Tây cộc, nhưng bên trong thì hết sức sôi nổi và sắc bén dạy tôi những bài học vỡ lòng. Còn tôi thì như con nghé mới vực trên con đường cách mạng"¹⁵.

Ngày 13-5-1931, Nguyễn Văn Cừ bị thực dân Pháp đưa ra xét xử tại Hội đồng đề hình Hà Nội. Cùng bị đưa ra xét xử với anh lần này còn có 80 người khác, trong đó có những người đồng đội như các đồng chí Vũ Văn Hiếu, Trần Văn Nghệ, Ngô Thế Khả... còn lại đa số là các đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng.

Từ sáng sớm, lính canh đã sắp thành hai hàng trên đoạn đường từ Nhà giam Hoà Lò đến cổng toà án. Tám mươi một người tù tay đeo xiềng xích đi giữa hai hàng súng ống lười lê bước vào phòng xử án. Lúc các quan tòa mặc áo đen bước ra, một hồi chuông rung lên, tiếng ghế xô đều một loạt rồi im phăng phắc. Tất cả đều đứng lên, riêng những người tù cộng sản vẫn ngồi yên không nhúc nhích và nhìn thẳng vào bọn quan tòa. Những tên sen đầm vội xô đến xóc nách từng người đứng dậy, cuộc giằng co hồi lâu làm náo động cả gian phòng. Cuối cùng, chúng đành phải cho tất cả ngồi để phiên tòa được bắt đầu Chủ tọa phiên tòa này là Chánh án Taro (Tharaud), Biện lý là tên Morô (Moreau) - đây là những tên thực dân cáo già, chuyên giả danh công lý xét xử nhiều phiên tòa trá hình để rồi đưa ra nhiều bản án tử hình đối với những chiến sĩ yêu nước.

Khác với một số người của Việt Nam Quốc dân Đảng - khép nép sợ sệt, các chiến sĩ cộng sản hiên ngang bác bỏ những lời buộc tội vô lý của tòa án đế quốc, bảo vệ danh dự của Đảng, biến tòa án thành nơi tố cáo tội ác của bọn thực dân, lên án chính sách đàn áp, bóc lột dã man của đế quốc Pháp.

Đến lượt Nguyễn Văn Cừ, anh thẳng thừng bác bỏ những lời buộc tội vô lý của tên Biện lý Morô. Khi Chánh án Tarô hỏi:

- Anh làm nghề gì?

Nguyễn Văn Cừ thản nhiên trả lời:

- Tôi làm nghề cách mệnh.

Tên Tarô hỏi vặn:

- Cách mệnh có phải là một nghề không?

- Cách mệnh cũng là một nghề! Nguyễn Văn Cừ trả lời.

Rồi anh nói tiếp: "Có phải là toà khép tôi vào tội có chân trong Đảng Cộng sản và âm mưu làm rối cuộc trị an chăng? Vì đâu mà tôi phải làm cách mệnh? Vì rằng bọn đế quốc quá áp bức quần chúng, tìm hết cách mà bóc lột, nào sưu thuế, nào quốc trái.... Còn bảo là "rối cuộc trị an" thì cuộc trị an ấy là do tư bản đặt ra để bảo vệ cho họ, chúng tôi là vô sản giai cấp thì phải phá cuộc trị an ấy"¹⁶. Những lý lẽ sắc bén của Nguyễn Văn Cừ khiến chính tên quan toà cũng lúng túng không biết nói gì ngoài một câu vớt vát: "Khá khen cho anh có tài ăn nói!"¹⁷, rồi không để cho anh nói hết, hấn lắc chuông ra lệnh cho bọn sen đả lôi anh về chỗ ngồi.

Ngày 16-5-1931, trong phiên xử cuối cùng của Hội đồng đề hình, mặc dù không tìm ra chứng cứ cụ thể để buộc tội, toà án đế quốc vẫn kết án Nguyễn Văn Cừ mức án "phát lưu chung thân" và đày anh cùng nhiều chiến sĩ yêu nước khác ra Côn Đảo. Đáp trả lời buộc tội và kết án của kẻ thù, Nguyễn Văn Cừ và những người bị xử án đã hô vang các khẩu hiệu: *Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo Hội đồng đề hình!* Sau khi bị khép án, Nguyễn Văn Cừ lại bị đưa về Nhà tù Hỏa Lò chờ ngày đi đày Côn Đảo. Trong Nhà tù Hỏa Lò, Nguyễn Văn Cừ vẫn tranh thủ học tập và thực hiện những công việc do chi bộ trong tù lãnh đạo. Anh cùng với đồng chí Hoàng Quốc Việt được phân công vào bộ phận in bí mật. Các đồng chí dùng bì lợn sề nấu thành keo làm mực in để in "Báo liệp" và tài liệu phân phát cho anh em tù¹⁸.

Vào trung tuần tháng 7-1931, từ Nhà tù Hỏa Lò, Nguyễn Văn Cừ và những người tù đã có án đi đày Côn Đảo bị bọn địch áp giải ra ga Hàng Cỏ. Tại đây các tù nhân bị xích tay, chân, đưa lên tàu hỏa để xuống bến Sáu Kho, cảng Hải Phòng.

Ngủ lại một đêm trong nhà tạm giam ở bến Sáu Kho, ngày hôm sau Nguyễn Văn Cừ và các bạn tù bị đưa xuống hầm tàu Cờ lột Đòsáp, đây là con tàu thủy thuộc Hãng vận tải Năm Sao. Theo lịch trình, con tàu sẽ đưa tù nhân vào cảng Vũng Tàu, sau đó sẽ đi Côn Đảo.

Trong hầm tàu chật như nêm cối, Nguyễn Văn Cừ và những người tù bị nhốt, chân bị cùm, cả ngày lẫn đêm sống trong bóng tối mù mù. Mùi mồ hôi pha trộn mùi xú uế ngọt ngào lại thêm sóng đại dương nhồi lên đập xuống chao đảo, làm cho nhiều tù nhân nôn ọe, rã rời như người sắp chết.

Đi lênh đênh trên biển mấy ngày đêm mới đến Vũng Tàu, mặc dù có nhiều người tù bị say sóng mệt lả không đứng nổi, nhưng tất cả đều bị kéo lết sang tàu Pôn Đume để tiếp tục hành hình đi Côn Đảo. Chiều ngày 13-7-1931, con tàu Pôn Đume chở chật ních những tù nhân phần lớn là bị án phát lưu chung thân, hoặc án cấm cố, rời đất liền hướng mũi ra đảo Côn Lôn. Những thử thách mới ác liệt đang chờ các anh trên hòn đảo được mệnh danh là "địa ngục trần gian".

Côn Đảo thực tế là một quần đảo gồm 16 đảo lớn nhỏ với diện tích chung là 77,28 km², trải dài từ 8,34 độ đến 8,49 độ vĩ bắc, 106,31 độ đến 106,45 độ kinh đông, cách Vũng Tàu 97 hải lý (khoảng 183km). Từ năm 1862, thực dân Pháp sử dụng Côn Đảo làm nơi giam giữ, đày ải những chiến sĩ yêu nước và sau này là cả những tù thường phạm chịu án khổ sai. Trên đảo chính, thực dân Pháp cho xây dựng 3 khu trại giam lớn thường được gọi là banh (bagne). Banh 1 được xây dựng đầu tiên ngay sau khi Côn Đảo trở thành nhà tù. Banh 2 nằm sát Banh 1 và được khởi công xây dựng từ năm 1916. Banh 3 là khu trại giam lớn nhất Côn Đảo, được bắt đầu xây dựng từ năm 1928 và đưa vào sử dụng sau đó mấy năm. Vào đầu những năm 30, thực dân Pháp sử dụng chủ yếu Banh 1 và Banh 2 để giam giữ tù nhân. Chúng dùng Banh 1 làm nơi giam giữ tù thường phạm, Banh 2 làm nơi giam giữ tù chính trị phạm. Ngoài ra, những người tù Côn Đảo còn bị giam ở các sở tù khổ sai khác như: Sở Lưới, Sở Muối, Chuồng Bò, Nhà Đền, An Hải, An Hội, Bến Đầm.

Thực dân Pháp đã biến Côn Đảo thành nơi đày ải, hành hạ những người tù. Đối với những người tù Banh 1, nơi giam giữ tù khổ sai, bọn cai ngục buộc họ phải làm những công việc khổ sai như: đập đá, xay lúa, đôn củi, kéo gỗ, mò san hô. Công

việc cực nhọc vất vả lại liên tục bị đánh đập đòn roi, khiến nhiều người tù còn sợ hơn cả cái chết. Nếu người tù nào không may làm bõn cai ngục tức giận, người đó sẽ phải chịu những hình phạt man rợ như: đánh bằng roi mây, còng, xiềng, đưa nhốt trong xà lim tối, phạt trong hầm xay lúa, cấm cố biệt lập. Đối với tù nhân Banh 2, nơi giam cầm tù chính trị, bõn cai tù thực hiện chế độ cấm cố hầu như suốt ngày trong khám, ngoại trừ mỗi ngày hai lần, mỗi lần không đầy 10 phút được ra ngoài để ăn. Những trận đòn roi, phạt xà lim cũng sẵn sàng giáng xuống đầu họ nếu có sự phản ứng lại bõn cai ngục. Trong khi ở Banh 1, những người tù bị giết dần, giết mòn bằng lao động khổ sai, còn ở Banh 2, những người tù bị kiệt sức vì chế độ cấm cố. Chế độ ăn của những người tù chỉ là bát cơm gạo mục đầy sạn với thóc và khô mục - một loại cá khô nông dân Nam Bộ thường dùng làm phân bón ruộng. Nhiều khi khô mục đã thối rữa và chưa được đun chín, làm cho tù ăn vào bị đi tiêu chảy hàng loạt. Rau xanh và thịt là những thứ xa xỉ phẩm vô cùng hiếm đối với những người tù. Những lúc đau ốm những người tù cũng bị bỏ mặc, thậm chí vẫn phải làm việc như thường lệ nếu như không muốn bị đòn roi hoặc giam vào hầm tối vì bị cho là ốm vờ. Đối với họ, việc được chăm sóc, thuốc men dường như là điều không bao giờ có. Bị đánh đập, hành hạ tàn tệ, hằng năm đã có rất nhiều người tù Côn Đảo bị chết khi chưa kịp hết hạn thi hành án. Một số người không chịu nổi sự tàn bạo, man rợ của chế độ lao tù đã phải tự sát hoặc từ bỏ ý chí cách mạng. Sự biệt lập của nhà tù Côn Đảo khiến cho những cuộc đấu tranh, phản kháng của những người tù dễ bị đàn áp dã man mà không được thế giới bên ngoài biết đến để lên tiếng bênh vực, ủng hộ. Bõn cai ngục vì thế càng được thể mặc sức hành hạ, đầy ải những người tù, đặc biệt là những chiến sĩ yêu nước. Không giết hại được họ bằng việc kết án tử hình, chúng âm mưu dùng chế độ lao tù man rợ, hà khắc để giết dần giết mòn họ. Đối với những người tù, Côn Đảo thực sự trở thành "địa ngục trần gian" trong những năm đầu thế kỷ XX, nhất là dưới thời tên chúa

ngục khét tiếng khát máu Buviê với biệt danh "Mặt Lợn" (từ năm 1927 đến năm 1934).

Là tù chính trị, Nguyễn Văn Cừ bị thực dân Pháp giam ở Banh 2. Cùng banh với Nguyễn Văn Cừ có các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trừng, Nguyễn Kim Cương, Lương Khánh Thiện, Lê Thanh Nghị, Đặng Châu Tuệ, Vũ Thiện Chân, Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh)..., nơi đây cũng giam giữ khá đông những người tù Việt Nam Quốc dân Đảng.

Banh 2 bao bọc bên ngoài là tường đá cao ngất có cổng và vọng gác, lính canh ở bốn chòi canh suốt ngày đêm. Bên trong có hai dãy nhà đối diện nhau, ở giữa là khoảng sân, mỗi dãy lại chia thành năm khám, thông thường mỗi khám dùng để nhốt 40 tù nhân, nhưng có khi bọn chúng nhốt tới hơn 100 người. Những người tù khi đó phải nằm nghiêng, trần truồng và phải nằm xen kẽ tráo đầu đuôi để khỏi hít hơi thở của nhau. Trong khám có bệ xi măng, nhưng không phải ai cũng được nằm trên bệ mà phải thay phiên nhau, người nằm trên, người nằm dưới nền nhà, đổi phiên người nằm ngay lối ra vào, người nằm cạnh cầu tiêu. Thường thường những anh em có sức khỏe được phân công nằm gần cửa ra vào, mỗi khi tù đấu tranh, kẻ địch đàn áp thì số anh em này chịu đòn nhiều nhất, thay cho những anh em yếu ở trong. Lúc đầu Nguyễn Văn Cừ bị giam ở khám số 3 cùng với các đồng chí Nguyễn Kim Cương, Bùi Công Trừng, Lê Thanh Nghị, Đặng Châu Tuệ, Lương Khánh Thiện... Sau lại cùng với một số đồng chí khác chuyển sang khám 5 ở cùng với các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt, Hà Huy Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Văn Lương..., địch thường tráo đổi tù nhân giữa các khám mỗi khi có xáo động về quân số.

Bị cầm cố trong khám hết ngày này qua ngày khác, tù chính trị Banh 2 bị thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, chen chúc trên những sàn xi măng lạnh giá về mùa đông, nhớp nhúa mồ hôi, nóng nực về mùa hè. Chế độ ăn uống tồi tệ: cơm gạo mục, cá

khô mục, ăn uống bằng nước giếng đục ngầu, vàng đặc màu phèn cộng với những trận đòn đấm máu đã khiến nhiều người tù ở Banh 2 kiệt sức, nhiều người bị kiệt lý nặng mà chết. Năm 1931, Banh 2 có hơn 300 tù chính trị thì đã có 30 người chết vì bệnh tật¹⁹. Năm 1932 toàn đảo có 2.276 tù nhân thì có 103 người chết. Rõ ràng là bọn chúng cố ý thực hiện cho được ý đồ dã man của chúng: "Nếu tòa không xử tử chúng bay, chúng tao sẽ cho chúng bay chết rục trong tù"²⁰.

Đứng trước tình hình này, những người tù chính trị Banh 2 bàn nhau không thể để kẻ địch cứ ngang nhiên hành hạ, giết dần, giết mòn anh em ta. Nhưng làm thế nào để đối phó với âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ địch, để bảo vệ sinh mạng, đồng thời giữ vững khí tiết người cộng sản? Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí đã đi đến quyết định phải tổ chức anh em đoàn kết lại, cùng thống nhất đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, đòi một số quyền tự do dân chủ tối thiểu. Trên cơ sở đó, mở các lớp học tập trong tù, nhằm rèn luyện nâng cao trình độ cho anh em, đồng thời tạo nên niềm tin vào tương lai của cách mạng, giữ vững ý chí chiến đấu. Để có sự chỉ đạo thống nhất và chặt chẽ, dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng bí mật trong tù, những chiến sĩ cộng sản Banh 2 đã lập ra Ban lãnh đạo chung toàn banh. Tuy tuổi còn trẻ và ít hơn so với nhiều đồng chí khác nhưng Nguyễn Văn Cừ đã được tín nhiệm bầu vào Ban lãnh đạo toàn banh.

Trước hết, Ban lãnh đạo banh cử đại diện đòi gặp giám thị nhà tù, yêu cầu phải cứu tế tù nhân, chăm sóc những người đau yếu, bệnh tật. Trong khi đại diện đưa yêu sách thì toàn bộ tù nhân tuyệt thực và la hét khẩu hiệu yêu cầu chúa đảo phải giải quyết. Lúc đầu bọn cai ngục, giám thị đàn áp dữ dội, nhưng trước tinh thần kiên quyết đấu tranh của toàn thể anh em tù nhân, chúa đảo đành phải nhượng bộ. Bước đầu thắng lợi, Ban lãnh đạo banh tiếp tục phát động đấu tranh đòi địch phải cải thiện chế độ sinh hoạt của tù nhân, mục tiêu tiến dần từng bước từ thấp đến cao, kiên quyết giành những kết quả thiết thực dù là nhỏ. Từ việc đòi được cấp tranh tre

để lợp lại mái chống dột, những người tù cộng sản đã đòi được lợp mái bằng ngói. Ban lãnh đạo vận động đấu tranh đòi để những người tù được ra ngoài vào ban ngày, được nạo vét giếng lấy nước sinh hoạt, được tự nấu ăn, được tự trồng rau cải thiện, được nhận thư từ, sách của người nhà gửi ra... Đây là những yêu sách nằm trong phạm vi quy định của pháp luật thực dân về chế độ tù chính trị, nhưng đã bị bọn cai ngục tùy tiện cắt bỏ. Hình thức đấu tranh được những người tù cộng sản thường sử dụng là đưa kiến nghị, bãi thực, hò la phản đối. Nhiều lần đứng trong Ban đại diện cho anh em tù, mỗi tháng lợi giành được trong cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống, cũng đồng thời là mỗi lần Nguyễn Văn Cừ và các đại diện tù nhân phải chịu những trận đòn roi, bị phạt giam xà lim, còn anh em tù phải tiến hành bãi thực hò la phản đối hàng tuần lễ.

Sau cuộc đấu tranh tháng 8-1934, trong đó đặc biệt là cuộc bãi thực kéo dài tám ngày của tù chính trị Banh 2, do có sự chỉ đạo, phối hợp, thống nhất đấu tranh, những người tù Côn Đảo nói chung, Banh 2 nói riêng đã buộc bọn thực dân phải thực hiện nhiều yêu cầu cải thiện đời sống. Tù nhân nói chung được ăn thịt hai bữa một tuần, mỗi bữa 50 gam, được nhận thư và bưu kiện của gia đình. Riêng tù chính trị Banh 2 được ra sân chơi sáu giờ mỗi tuần, được tự nấu ăn, dọn dẹp vệ sinh, được trồng rau cải thiện, được đọc sách và nhận sách... Ban lãnh đạo đã tổ chức việc cải thiện đời sống như: làm cối giã gạo, làm bún, trồng rau, nuôi gà vịt... Đời sống trong lao tù hắc ám của bọn thực dân đã được cải thiện rõ rệt, sức khoẻ của anh em tốt hơn nhiều so với trước. Đây chính là thành quả đấu tranh khéo léo, kiên trì của những người tù mà Nguyễn Văn Cừ là một trong những người tham gia tiêu biểu.

Cùng với việc tích cực tham gia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo banh cũng tổ chức nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ nhằm xua đi tâm lý bi quan, chán chường nơi ngục tù đế quốc, tạo không khí sống lạc quan, vui

vẽ. Nổi bật trong những hoạt động văn hóa văn nghệ, là việc tổ chức biểu diễn các vở kịch mang nội dung yêu nước hoặc phê phán các thói xấu trong xã hội. Việc trình diễn các vở kịch đã có tiếng vang khá lớn. Chẳng những anh em tù cộng sản mà ngay cả nhiều người tù Quốc dân Đảng cũng tích cực tham gia. Đặc biệt, một số vở kịch có nội dung phê phán những thói xấu trong xã hội, dựa theo các tác phẩm nổi tiếng của nền văn học nghệ thuật Pháp như: *Trường giả học làm sang*. *Người bệnh tưởng* của Molière... đã được tổ chức trình diễn công khai trong dịp Tết Nguyên Đán, thu hút đông đảo tù nhân và nhiều gác ngục cùng người nhà họ đến xem. Theo yêu cầu của gác điêng Tây, anh em diễn vở *Trường giả học làm sang* bằng tiếng Pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ đạo, đồng chí Nguyễn Kim Cương đóng vai bà đầm Giuócđanh (Jourdain). Trong vở Napôlêông đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) đóng vai thiếu nữ Giôdêphin (Joséphine) nói tiếng Pháp rất đạt, khiến cả bọn giám ngục Tây kính nể, mấy tên mật thám thì than phiền: "Tù đày và khổ ải không thể làm nhụt chí khí cộng sản. Trái lại chúng trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau. Ai cũng rèn đúc cho mình, mỗi khi được tha, tiếp tục hoạt động. Mật thám phải coi chừng những tháng sắp tới, vì cộng sản có tổ chức chặt chẽ và kinh nghiệm hơn"²¹.

Sau việc tổ chức trình diễn rất được tán thưởng những vở kịch này, Nguyễn Văn Cừ và những người tù cộng sản khác đã tạo được thiện cảm của nhiều người tù Việt Nam Quốc dân Đảng và nhất là của nhiều gác ngục. Cách đối xử, xưng hô của những người gác ngục đã thể hiện sự tôn trọng, nể phục hơn trước những người tù cộng sản - những người có nhân cách, có văn hoá và hiểu biết sâu rộng. Họ ít đánh tù hơn và xưng hô cũng bớt phân thô tục.

Cùng với việc tham gia tổ chức biểu diễn các vở kịch, Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo Ban 2 còn tổ chức các buổi nghe, đọc và thảo luận nhiều tác phẩm của các nhà văn Pháp có tiếng, như Coóc-nây, Víchto Huygô, Muxê, Rôlăng, Bác-buýt,

v.v.. Những tác phẩm văn học trong nước thuộc trào lưu văn học lãng mạn, văn học hiện thực phê phán, nhiều tác phẩm thơ của nhóm Tự lực văn đoàn với những tác giả tiêu biểu, như Huy Cận, Xuân Diệu, Thế Lữ... do các diễn giả tù cộng sản giới thiệu được hoan nghênh nhiệt liệt.

Hoạt động bận rộn của Nguyễn Văn Cừ trong những tháng năm bị đày ải tại Côn Đảo là học tập, nghiên cứu lý luận, nâng cao trình độ bản thân, đồng thời cùng Ban lãnh đạo Banh 2 tổ chức các lớp học tập văn hóa, nghiên cứu lý luận cho anh em. Lúc đó, ở Banh 2 có một số người tù cộng sản bị mật thám Pháp bắt trước ngày Đảng ta họp Hội nghị Trung ương tháng 10-1930, một số khác tuy bị bắt sau Hội nghị nhưng do điều kiện hoạt động bí mật, giao thông liên lạc bị hạn chế nên cũng chưa nắm được thông tin về Hội nghị thì đã sa vào tay giặc. Do vậy, phần lớn những người tù cộng sản chưa nắm được nội dung bản *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* do Tổng Bí thư Trần Phú khởi thảo. Điều này cũng có nghĩa là đường lối chiến lược, sách lược của Đảng được thể hiện thông qua bản *Luận cương* chưa đến được với nhiều đảng viên đang bị giam ở đây. Nhờ đã nghiên ngẫm, thuộc lòng bản *Luận cương* từ những ngày bị giam giữ tại Hoả Lò, Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí như Lý Hồng Nhật, Hà Huy Giáp... đã chép lại bản *Luận cương* làm tài liệu học tập cho các đồng chí khác. Có chỗ nào mọi người khó hiểu thì anh lại đảm nhận việc giải thích cặn kẽ cho anh em. Cùng với việc tổ chức học tập, quán triệt nội dung bản *Luận cương*. Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo banh cũng tổ chức cho các lớp học lý luận nghiên cứu nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ sự giúp đỡ của các binh lính, thuỷ thủ và những công chức tiên bộ ở Bruu điện, Nhà thương, Nhà đèn, những người tù cộng sản đã có được bản tiếng Pháp nhiều tác phẩm lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin như: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Chống Duyrinh, Tư bản, Làm gì, Hai sách lược của Đảng Xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ, Bệnh*

ầu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Nguyên lý của chủ nghĩa Lênin. Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí tiêu biểu như Ngô Gia Tự, Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Kim Cương, Đặng Châu Tuệ, Thanh Sơn... tham gia dịch các tác phẩm kinh điển này và chép ra nhiều bản để phục vụ việc học tập, nghiên cứu của anh em. Bản gốc sau đó được đưa đi cất giữ cẩn thận trong các "tủ sách" bí mật do các đồng chí Lương Khánh Thiện, Lê Thanh Nghị đảm trách. Dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo ban, việc tổ chức các lớp học lý luận và nội dung học được thực hiện dựa trên trình độ cụ thể của từng học viên. Lúc này ở Ban 2 có lớp nghiên cứu những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, "lớp triết học" và "lớp kinh tế - chính trị học" thu hút đông đảo các tù nhân ở Ban 2 tham dự. Các lớp học được tổ chức bí mật, có người canh gác, anh em dùng mẩu san hô hoặc gạch non ghi chép xuống sàn xi măng để học, khi dịch vào thì xóa đi cũng dễ. Đa số anh em tham gia rất nghiêm túc, thảo luận rất sôi nổi. Những đồng chí có trình độ lý luận khá vững, đã học qua các lớp huấn luyện ở Quảng Châu, hoặc Trường đại học Phương Đông ở Mátxcova, được cử tham gia làm giáo viên hướng dẫn. Nguyễn Văn Cừ chưa thực sự trải qua một khoá học lý luận nào nhưng lại có nhiều kinh nghiệm hoạt động thực tế, nắm bắt lý luận rất nhanh, nên đã được mọi người tín nhiệm, vừa học, vừa tham gia hướng dẫn, giúp đỡ nhiều anh em khác. Chủ yếu công việc hướng dẫn, giảng dạy này là các đồng chí Bùi Công Trừng, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Hà Huy Giáp... Các bài giảng đều được các "giáo sư đồ" chuẩn bị chu đáo rồi trình bày trong lớp. Đề mục và những nội dung chính được viết trên nền khảm bằng những mẩu san hô hoặc gạch non. Anh em học viên thì nhắm đọc theo và cố gắng ghi nhớ hoặc chép bài cũng bằng cách dùng san hô và gạch non viết trên nền khảm. Sau mỗi bài giảng, Ban lãnh đạo ban lại tổ chức cho anh em thảo luận sôi nổi theo từng nhóm hoặc chung trong cả lớp. Nhờ đó những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học đã dần dần thấm vào các chiến sĩ cách mạng và được vận dụng để soi

sáng con đường cách mạng Việt Nam, giúp họ củng cố niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, tương lai tươi sáng của dân tộc. Sau khi tham gia học tập, nghiên cứu chương trình lý luận cơ bản, Nguyễn Văn Cừ cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Hà Huy Giáp... tham gia lớp dành cho những người đã có trình độ lý luận cao. Khác với các lớp học dành cho các đồng chí có trình độ lý luận trung bình, điểm đặc biệt của lớp học trình độ cao là các học viên chủ yếu tự học tập, nghiên cứu. Mọi người cùng nhau nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mỗi học viên đọc thật kỹ một tác phẩm, rồi trình bày nội dung chủ yếu cho anh em nghe, tiếp do trình bày kỹ từng chương, từng đoạn, giải nghĩa rõ từng câu, từng ý. Trên cơ sở đó anh em tiến hành thảo luận sôi nổi và nhất là liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong học tập, bao giờ Nguyễn Văn Cừ cũng lật lại vấn đề để thảo luận nhằm hiểu sâu vấn đề hơn. Vì là người có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, nên khi phân tích lý luận, anh Cừ thường lấy ví dụ thực tiễn để minh họa làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục người nghe. Đồng chí Đặng Châu Tuệ kể lại: "Qua thảo luận, thấy các đồng chí đó vượt trội hẳn lên về nhận thức lý luận thì tự nhiên tôi cảm thấy các đồng chí đó cũng là thầy dạy của mình. Đồng chí Cừ giỏi nhất, đồng chí Lê Duẩn giỏi thứ hai, đồng chí Mười Cúc cũng giỏi"²². Đồng chí Nguyễn Văn Hoan, một bạn tù ở nhiều năm với Nguyễn Văn Cừ ở Banh 2 - Nhà tù Côn Đảo đã kể: "Ở Côn Đảo anh Cừ và anh Lê Duẩn có tiếng chăm học và học giỏi. Đồng chí Bùi Xuân Mẫn nói với tôi ngay từ lúc cùng tù ở Côn Đảo: "Học nổi nhất là Cừ ở lao 2". Còn tôi và nhiều anh em cũng có nhận xét: "Trong lao 2 học trội nhất là Cừ và Duẩn". Hai đồng chí đều có cái đặc biệt giống nhau, học bao giờ cũng nêu lật ngược lại vấn đề để thu hút người thảo luận nhằm hiểu sâu vấn đề đặt ra. Anh Cừ lại có nhiều thực tiễn nên khi phân tích lý luận có thực tiễn chứng minh, làm sáng rõ vấn đề ngay và dễ thuyết phục người nghe"²³.

Phong trào học tập, nghiên cứu lý luận ngày càng phát triển mạnh mẽ, trình độ lý luận của anh em cũng tiến bộ không ngừng, việc thông tin, trao đổi tuyên truyền, giáo dục những vấn đề về lý luận cũng như tình hình đời sống trở nên đặc biệt cần thiết và có điều kiện để thực hiện. Do vậy, Ban lãnh đạo Banh 2 phối hợp với chi bộ Banh 1 đã bí mật tổ chức xuất bản hai tờ báo: *Ý kiến chung* và *Người tù đở*. *Ý kiến chung* là tờ báo phản ánh nội dung chương trình học tập, những vấn đề lý luận cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng của Đảng. Báo ra hàng tháng và được viết trên giấy học trò khổ 13x19 cm. Mỗi số đều có phần *tin tức, bình luận, xã luận* và *nghiên cứu lý luận*. Báo được bí mật chuyển tay dưới dạng những bức thư gửi cho nhau để phục vụ việc học tập và nghiên cứu lý luận. Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí khác, như Lê Duẩn, Ngô Gia Tự... là những người tích cực viết bài cho tờ báo này. Đồng thời anh cũng tham gia chủ trì việc xuất bản tờ báo *Người tù đở* và là cây bút chính của tờ báo. *Người tù đở* được viết trên giấy khổ 9x13 cm và xuất bản mỗi tuần một số. So với tờ *Ý kiến chung*, báo *Người tù đở* có tính chất phổ cập hơn. Báo đưa tin tức tình hình, phát động đấu tranh và giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin dưới dạng những câu hỏi và trả lời. Đồng chí Hà Huy Giáp - người cũng từng bị giam với Nguyễn Văn Cừ ở Côn Đảo nói: ở khám 3 và khám 4, các đồng chí ra tập san *Ý kiến chung* nhằm giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin cấp cao do đồng chí Phạm Văn Đồng và Bùi Công Trừng phụ trách. Anh Cừ có tham gia viết. Ở khám 5 chúng tôi cho ra báo *Người tù đở* do anh Cừ và tôi là người chủ trì và là người viết chính"²⁴.

Cùng với việc học tập, nghiên cứu lý luận, Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo Banh 2 còn tổ chức cho anh em tù chính trị trong banh học tập các môn văn hoá, như lịch sử, địa lý, văn học, ngoại ngữ (tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc). Bản thân anh cũng tích cực tự học và trau dồi thêm vốn tiếng Pháp đã có từ thời gian học ở Trường Bưởi. Việc học thêm, nâng cao trình độ tiếng Pháp đã giúp anh một cách

hữu hiệu trong công tác đọc dịch các tác phẩm, nhất là các tác phẩm lý luận kinh điển. Cũng như việc tổ chức trình diễn các vở kịch, tinh thần học tập lý luận và văn hoá sôi nổi, say mê của những người tù cộng sản, cùng nhân cách của họ - trong đó Nguyễn Văn Cừ là một người tiêu biểu, đã tác động mạnh mẽ đến nhiều người yêu nước, tiến bộ trong hàng ngũ Việt Nam Quốc dân Đảng đang bị giam giữ ở Banh 2 lúc đó. Một số người, như Trần Huy Liệu, Trương Dân Bảo, Trần Xuân Độ, Nguyễn Đức Chính và ngay cả Phạm Tuấn Tài - một trong những người đứng đầu Việt Nam Quốc dân Đảng..., đã dần dần từ bỏ chủ nghĩa Tam dân và lập trường dân chủ tư sản, chuyển sang lập trường vô sản và tích cực tham gia các lớp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bước sang những năm giữa thập kỷ 30 thế kỷ XX, trong khi Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí ở Nhà tù Côn Đảo vẫn đang say sưa học tập, đấu tranh thì tình hình bên ngoài cũng có nhiều biến chuyển tích cực.

Tháng 3-1935, Đại hội Đảng lần thứ I được tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc), đã đánh dấu sự phục hồi của Đảng và phong trào cách mạng nước ta sau hơn ba năm tạm thời lắng xuống vì sự đàn áp, khủng bố khốc liệt, đẫm máu của thực dân Pháp.

Tháng 7-1935, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản được tổ chức ở Mátxcova. Đại hội đã nhận định: tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt là nguy cơ của chủ nghĩa phát xít đối với phong trào cách mạng thế giới. Đại hội nêu: kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Do tình hình này, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế chưa phải là đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi tự do, dân chủ và hoà bình cho các dân tộc. Để thực hiện được nhiệm vụ này thì điều quan trọng là các Đảng Cộng sản ở các nước phải dựa trên cơ sở mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân tiên hành thiết lập Mặt

trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít. Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, tháng 1-1936, ở Pháp Mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít được thành lập bao gồm Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội, Đảng Cấp tiến, Tổng Liên đoàn Lao động, Tổng Liên đoàn Lao động thống nhất. Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4-1936, Mặt trận nhân dân đã giành được thắng lợi và đến tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận nhân dân do Lêông Bờlum - một đảng viên Đảng Xã hội đứng đầu được thành lập. Một trong những chính sách quan trọng được Chính phủ Lêông Bờlum ban hành ngay sau khi thành lập là thả chính trị phạm. Tranh thủ thời cơ này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã phát cao mạnh mẽ ngọn cờ đấu tranh đòi chính quyền thuộc địa thực hiện một số quyền tự do dân chủ, trong đó có việc trả tự do cho tù chính trị.

Những tin tức về tình hình trong nước và quốc tế, thông qua con đường báo chí bí mật do các thủy thủ chuyển đến Côn Đảo, được các tù nhân chuyên đọc và thông báo cho nhau. Căn cứ vào thông tin nhận được qua báo chí, các đồng chí đưa ra những lý lẽ đấu tranh chống lại chế độ lao tù hà khắc, làm cho bọn giám thị nhiều lúc phải ngạc nhiên vì chính chúng còn chưa biết. Bên cạnh những yêu sách đòi cải thiện đời sống, những yêu sách cao hơn, như bãi bỏ cấm cố, bỏ xiềng chân tay và nhất là đòi thả tù chính trị được nêu ra. Các cuộc bãi thực, lãn công và hò la phản đối của tù chính trị trở nên nhiều hơn và mạnh mẽ hơn, đặc biệt là các cuộc đấu tranh trong tháng 3, tháng 5 và tháng 6 của năm 1936.

Bước sang nửa cuối năm 1936, với việc Mặt trận nhân dân Pháp thắng thế, gây sức ép buộc Chính phủ phải thực thi và mở rộng quyền tự do dân chủ ở trong nước và ở các thuộc địa, đồng thời với sức ép của Mặt trận nhân dân Pháp, phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta cũng dâng cao, chính quyền thuộc địa Pháp đã buộc phải trả lại tự do cho nhiều tù chính trị. Ở Nhà tù Côn Đảo, trong danh sách tù nhân được ân xá có Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc

Việt nhưng phải đến tháng 11-1936, cùng các đồng chí Đặng Châu Tuệ, Hoàng Quốc Việt, Trần Bảo, Phạm Ngọc Mưu, Vũ Thiện Chân, Hoàng Mậu, Lê Thanh Nghị..., Nguyễn Văn Cừ mới được trả tự do trở về đất liền. Một chặng mới trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Văn Cừ lại bắt đầu.

Trải qua gần sáu năm trong nhiều nhà tù của đế quốc thực dân, Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí của anh đã biến nhà tù đế quốc thành trường học đấu tranh cách mạng và học tập văn hóa, nâng cao lý luận. Sự đoàn kết thống nhất của những người tù cộng sản, sự thông minh và tinh thần say mê học tập của Nguyễn Văn Cừ đã tôi luyện, giúp anh trưởng thành nhanh chóng và trở thành một trong những người lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Anh trở thành tấm gương mẫu mực về ý chí chiến đấu cách mạng và khí tiết người cộng sản, về tấm lòng trung kiên với Đảng, với dân tộc và đặc biệt là về tinh thần tự học, tự rèn luyện nâng cao trình độ.

Những tháng năm học tập, rèn luyện trong nhà tù đế quốc là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Văn Cừ. Chính thực dân Pháp sau này cũng phải thừa nhận: "Tên phiến loạn này có học vấn và trình độ Pháp văn khá, là do y được học ở Trường Bảo hộ cho đến năm 17 tuổi và khi ở tù trong trại giam tù chính trị, y đã có điều kiện thuận lợi để tiếp tục học tập, mở mang kiến thức dưới sự chỉ dẫn của những bọn tù có nhiều kinh nghiệm hơn"²⁵.

Có thể nói đây là giai đoạn chuẩn bị những tiền đề điều kiện "cần và đủ" cho sự xuất hiện ở giai đoạn kế tiếp của một Nguyễn Văn Cừ trên cương vị là lãnh tụ của Đảng ta khi tuổi còn rất trẻ.

1. Tài liệu phỏng vấn ông Nguyễn Văn Quyên, ngày 14-6-1973, ký hiệu số 239/A2/TL2, lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

2. Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Khá và bà Nguyễn Thị Tường (chị, em ruột của Nguyễn Văn Cừ), ngày 2-3-1976, trong cuộc tọa đàm với Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc tại xá Phù Khê, tài liệu viết tay, lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr. 266-267.
5. Hội nghị này khai mạc ngày 28-8-1928 tại Hà Nội. Sau khi họp được một ngày, thấy có hiện tượng bị lộ. Hội nghị chuyển về họp tại nhà đồng chí Ngô Gia Tự ở Tam Sơn - Từ Sơn- Bắc Ninh. Tham dự Hội nghị có 20 đại biểu. Hội nghị đã thông qua chủ trương vô sản hoá nhằm đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
6. Báo *Đông Pháp*, số ra ngày 10-8-1932.
7. Dương Hạc Đỉnh và Nguyễn Tuân về sau thoái hoá, phản bội Đảng.
8. Đại hội I của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp từ ngày 1 đến ngày 9-5-1929 tại Hương Cảng - Trung Quốc.
9. Lâm Đức Thụ sau đó đã trở thành tên chỉ điểm cho mật thám Pháp.
10. Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1970, tr.112-116.
11. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh - Mỏ than Mạo Khê: *Truyền thống công nhân mỏ than Mạo Khê 1846 - 1994*, tr.36.
12. Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
13. Xem *Đi vô sản hoá*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1972, tr. 54.
14. Đinh Tiến Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, *Sđd*, tr. 28-29.
15. Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động. Hà Nội 1970, tr.147.
- 16, 17. Báo *Đông Pháp*, số 1385, ra ngày 17-5-1931.

18. Theo lời kể của đồng chí Lê Văn Phê, bì lợn lấy trong các bữa ăn, lọc ra giữ lại, rồi bí mật vận động mấy anh lính bếp nấu hộ thành keo, nói là làm cháo cho người ốm, tài liệu 278A2.LT2, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
19. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1945*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
20. Hà Huy Giáp: *Đời tôi - Những điều nghe, thấy và sống*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.23.
21. Hà Huy Giáp: *Đời tôi - Những điều nghe, thấy và sống, Sđd, tr.131*.
22. Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
23. Nguyễn Văn Hoan: *Hồi ký*, tài liệu viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
24. Hồi ký của đồng chí Hà Huy Giáp về đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
25. Báo cáo của Sở Cảnh sát Nam Kỳ tháng 9-1938, dịch từ bản tiếng Pháp, phong lưu trữ Bộ Nội vụ, cặp tài liệu số 3.

MÓC NÓI LIÊN LẠC, KHÔI PHỤC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

1. Tìm bắt liên lạc, xây dựng cơ sở cách mạng, khôi phục Xứ uỷ Bắc Kỳ

Tháng 4-1936, Mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và lập chính phủ mới. Chính phủ Pháp đã có ba quyết định quan trọng đối với thuộc địa: *Trả lại tự do cho chính trị phạm; thành lập Uỷ ban điều tra tình hình thuộc địa; thi hành một số cải cách xã hội cho nhân dân lao động*. Tại các thuộc địa của Pháp phong trào đấu tranh lên cao, những cuộc mít tinh, biểu tình, đòi dân chủ, tự do, đòi thực hiện những cải cách xã hội diễn ra ở nhiều nơi.

Ngày 29-9-1936, Tổng thống Pháp ký *Sắc lệnh ân xá* tù chính trị ở Đông Dương, trong bản danh sách ân xá đó có tên của Nguyễn Văn Cừ. Tuy nhiên, phải đến

tháng 11-1936, Nguyễn Văn Cừ mới được trả tự do, bọn thực dân khi trả tự do cho anh còn kèm thêm điều kiện, buộc anh phải về sống và chịu sự quản thúc của chính quyền tại nơi cư trú¹.

Trở về quê hương, khi về đến nơi anh mới biết gia đình giờ đây tan tác mỗi người một ngả. Cha lâm bệnh nặng đã mất vì không có tiền mua thuốc chữa bệnh, chị gái lấy chồng ở làng khác, em trai phải tha phương cầu thực để kiếm miếng ăn hàng ngày. Duy nhất chỉ còn mẹ anh ở lại quê nhà, nhưng phải sống nhờ nhà một bà con họ hàng.

Nguyễn Văn Cừ gặp mẹ vừa mừng vừa tủi. Mẹ anh thương con trai ốm yếu gầy gò sau một thời gian bị cầm tù. Anh thương mẹ già phải chịu nhiều cay cực, vất vả và cô đơn. Nhưng chỉ ở nhà với mẹ và họ hàng làng xóm được gần một tháng, vì nghĩa lớn của Đảng, của dân tộc Nguyễn Văn Cừ lại xin mẹ cho phép được lên đường để bước vào trận chiến đấu mới.

Giữ lời hẹn với các đồng chí khi còn ngồi trong tù, khoảng cuối năm 1936, Nguyễn Văn Cừ ra Hà Nội. Anh gặp các đồng chí Tô Hiệu, Lương Khánh Thiện, Hoàng Quốc Việt, Trần Quý Kiên, Đặng Xuân Khu, Nguyễn Văn Minh (mới ở nước ngoài về)... và rất nhiều tù chính trị khác.

Sau khi được trả tự do, chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều chiến sĩ cộng sản đã trở ra Hà Nội. Cuối năm 1936, cùng với một số khác được phân công hoạt động trên địa bàn², đã có khoảng 200 tù chính trị được đưa về Hà Nội. Đây là nguồn cán bộ quý của Đảng, vì họ đã được thử thách rèn luyện trong các nhà tù, có tài năng, có phẩm chất cách mạng, kiên trung, lực lượng này sẽ góp phần phục hồi và đẩy nhanh phong trào cách mạng tiến lên một bước mới, nhất là sau những năm 1931 - 1934, bị địch khủng bố trắng và tổn thất nghiêm trọng.

Ở Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ vẫn phải hoạt động bí mật. Để thuận lợi trong quá trình hoạt động cách mạng và tránh bị địch theo dõi, tổ chức đã sắp xếp cho Nguyễn Văn Cừ ăn ở tại hiệu giặt là Ánh Sáng ở bãi Phúc Xá phía ngoài bờ đê sông Hồng, cũng có khi anh đóng vai một người làm công cho hiệu giặt Mai Hải ở phố Hàng Giấy, gần chợ Đồng Xuân. Ngày ngày, Nguyễn Văn Cừ trong vai người đi nhận và trả quần áo cho khách, nên có điều kiện hợp pháp để quan hệ với các cơ sở của Đảng. Hoạt động cùng tổ với Nguyễn Văn Cừ có đồng chí Lương Khánh Thiện và chị Đường (vợ anh Lương Khánh Thiện), cùng một đồng chí quê ở Thái Bình, cùng làm việc với anh trong hiệu giặt Mai Hải. Đi ngoài phố, anh thường mặc bộ quần áo kaki màu vàng, đi đôi giày vải trắng cao su, mặt đen rám, mắt lé, di chứng để lại của những trận đòn tra tấn dã man lúc trong tù. Để có tiền sinh hoạt phí, ngoài số tiền ít ỏi được chủ hiệu giặt trả công, thỉnh thoảng anh em có điều kiện kinh tế khá giả hơn lại dúi cho khi năm hào, khi ba hào, hoặc có lúc đến ăn cơm nhà mỗi anh một bữa..., cứ như vậy, anh là người chấp mối liên lạc với nhiều đồng chí mới ở tù ra.

Hoạt động ở Hà Nội, một trong những nhiệm vụ cấp thiết mà Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí khác là khôi phục hoạt động của các cơ sở đảng, xây dựng và phát triển Đảng, nuôi dưỡng và đẩy mạnh phong trào của quần chúng. Công việc khẩn cấp lúc đó là lập lại Thành uỷ Hà Nội và Xứ uỷ Bắc Kỳ theo chỉ thị của Trung ương Đảng.

Nguyễn Văn Cừ nhiều lần gặp gỡ, bàn bạc với Nguyễn Văn Minh - một người bạn học cũ từ khi còn học ở Trường tiểu học Bắc Ninh. Đồng chí Nguyễn Văn Minh là đảng viên cộng sản đã tốt nghiệp Trường đại học phương Đông (Liên Xô), được Ban Chỉ huy ở ngoài cử từ Trung Quốc về Hà Nội để móc nối liên lạc, khôi phục lại tổ chức đảng. Anh cũng đã gặp Hoàng Văn Nọn (tức Thiệt, tức Hoàng Tú Hưu, tức Văn Tân) - người đi dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova mới về

và một số đồng chí khác, như Tô Hiệu, Tô Quang Đầu, Trần Huy Liệu, Đặng Xuân Khu, Hạ Bá Cang...

Khoảng mùa đông năm 1936, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh và Trần Quý Kiên hẹn nhau họp tại một thửa ruộng gần sân bay Gia Lâm³. Mục đích cuộc họp nhằm trao đổi về việc củng cố và phát triển các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng. Muốn thế cần phải có hình thức tổ chức gì? Các đồng chí bàn nhau lập ra một uỷ ban - gọi là Uỷ ban sáng kiến. Nhiệm vụ của uỷ ban này là khôi phục cơ sở cách mạng, củng cố tổ chức đảng ở miền Bắc và bắt mối liên hệ với các đồng chí quen biết cũ ở các nhà tù về, quy tụ nhau lại tiếp tục hoạt động. Lúc đầu chỉ có vài ba người, nhưng đến tháng chạp năm 1936, khi tổ chức cuộc họp của Uỷ ban ở nhà đồng chí Động ở phố Hàng Đường (Hà Nội), thì Uỷ ban đã tập hợp được mấy chục anh em⁴, những cốt cán trung kiên, những hạt giống quý giá của Đảng.

Sau khi được bổ sung nhiều cán bộ, Uỷ ban sáng kiến lúc này có nhiều đồng chí giàu kinh nghiệm, tổ chức thành hai bộ phận, một bộ phận hoạt động công khai, một bộ phận hoạt động bí mật. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở bộ phận bí mật. Uỷ ban sáng kiến phân công đồng chí Tô Hiệu về công tác tại Hải Phòng, Quảng Ninh, đồng chí Hoàng Văn Thụ về các vùng dân tộc thiểu số phía bắc, và phân công Nguyễn Văn Cừ cùng với Nguyễn Văn Minh, Trần Quý Kiên phụ trách công tác móc nối liên lạc với các đồng chí ở Trung Kỳ, đồng thời trực tiếp tham gia khôi phục và phát triển các cơ sở đảng ở khu vực Hà Nội và các vùng phụ cận.

Dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban sáng kiến, các tổ chức đảng lần lượt được lập lại ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định... Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh làm cho số lượng đảng viên tăng lên, lực lượng của Đảng ngày càng lan rộng khắp trên địa bàn và các ngành trọng yếu. Đánh giá về vai trò tích cực của đội ngũ cán bộ mới ở tù ra được bổ sung cho các địa phương, đặc biệt trong công tác khôi phục và phát triển các cơ sở đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã khẳng định trong

một báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản: "Việc tổ chức lại các tổ chức của Đảng có thể tiến hành khá nhanh, đó là nhà hoạt động của các cựu tù chính trị được ân xá sau thắng lợi của Mặt trận bình dân ở Pháp"⁵.

Trên cơ sở phát triển của tổ chức đảng, yêu cầu lập lại Xứ uỷ Bắc Kỳ để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh trở nên cấp thiết. Tháng 3-1937, Hội nghị thành lập Xứ uỷ Bắc Kỳ lâm thời được tiến hành. Tham gia hội nghị này có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Tú Hưu (tức Hoàng Văn Nọn), Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Đặng Xuân Khu, Tô Hiệu, Hoàng Quốc Việt, Đinh Xuân Nhạ, Trần Quý Kiên, Trần Cung, Đinh Văn Di và một số đồng chí khác. Hội nghị đã cử Lương Khánh Thiện làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời Bắc Kỳ, kiêm Bí thư Thành uỷ Hà Nội. Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Thường vụ Xứ uỷ và được Xứ uỷ phân công làm đại diện của Xứ uỷ bên cạnh Trung ương Đảng. Đồng thời Nguyễn Văn Cừ được phân công trực tiếp theo dõi công tác tuyên truyền công khai do đồng chí Đặng Xuân Khu phụ trách. Hội nghị thống nhất cử Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt đại diện cho Xứ uỷ Bắc Kỳ đi dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ tổ chức vào cuối tháng 8 đầu tháng 9-1937 ở Sài Gòn.

Nhận sự phân công của Xứ uỷ, khoảng cuối tháng 8-1937, Nguyễn Văn Cừ cùng với Hoàng Quốc Việt đáp chuyến tàu hoả từ Hà Nội vào Sài Gòn dự hội nghị Trung ương Đảng. Để tránh con mắt theo dõi của mật thám, Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt ngồi riêng mỗi người một toa tàu. Hai người hẹn gặp đồng chí Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Trọng (tức Nguyễn Chí Diểu) để cùng đi đến địa điểm họp. Do tên Đinh Văn Di (Bí thư Liên tỉnh Thanh - Nghệ, sau làm Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ) phản bội chỉ điểm, đồng chí Hoàng Quốc Việt bị mật thám theo dõi sát sao nên phải lần tránh, khi vào tới Sài Gòn thì Hội nghị đã họp xong⁶.

Cải trang rất khéo nên thoát khỏi sự truy xét của mật thám, Nguyễn Văn Cừ vào tới Sài Gòn, anh lấy bí danh là Năm, đóng giả làm người đi buôn heo và được chị Hai

Sóc - liên lạc viên của Trung ương đón về địa điểm họp an toàn. Cái tên "Năm Heo" do chị Hai Sóc đặt để gọi anh trong những ngày ở đây, sau trở thành bí danh của anh ở vùng Bà Điểm đã làm cho bọn mật thám mất rất nhiều công truy tìm mà vẫn không biết là ai.

Địa điểm tổ chức hội nghị Trung ương được bố trí trong một ấp nhỏ cách đồn Bà Điểm 2km và cách thành phố Sài Gòn 18km về hướng tây bắc. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần này họp từ ngày 25-8 đến ngày 4-9 -1937⁷. Tham dự Hội nghị gồm có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu và một số người khác. Nội dung chủ yếu của Hội nghị nhằm kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm về cuộc vận động phong trào dân chủ trong những năm đầu, định ra đường lối, phương pháp tổ chức mới của Đảng để đoàn kết toàn dân trong một Mặt trận thống nhất chống đế quốc và bọn phản động thuộc địa, đòi dân sinh, dân chủ. Tài liệu mà Chánh mật thám Trung kỳ Xô nhi (Sôgny) có được⁸, chứng tỏ chúng theo dõi khá chặt chẽ và tương đối chính xác về nội dung hội nghị. Hội nghị đã nghe các đại biểu trình bày những vấn đề cơ bản theo sự phân công chuẩn bị trước của Trung ương Đảng. Cụ thể là:

1. Báo cáo của Nguyễn Chí Diểu về tình hình thế giới và trong nước.
2. Báo cáo của Hà Huy Tập và những công tác đã được thực hiện của Đảng trong một năm qua.
3. Báo cáo của Lê Hồng Phong (vừa từ Trung Quốc về) về những sai lầm và khuyết điểm của Đảng.
4. Báo cáo của Nguyễn Văn Cừ về công tác hoạt động quần chúng của Đảng.

Những vấn đề về công tác hoạt động quần chúng của Đảng do ông chí Nguyễn Văn Cừ trình bày gồm những hoạt động của các tổ chức quần chúng và nhiệm vụ của các tổ chức đó phải thực hiện.

Trong báo cáo của mình, đồng chí Nguyễn Văn Cừ thẳng thắn phê phán những khuyết điểm, sai lầm về nguyên tắc tổ chức quần chúng, nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tập hợp toàn dân vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những biểu hiện của bệnh biệt phái cô độc, chưa có cơ sở mạnh trong các xí nghiệp công nghiệp là nơi tập trung giai cấp công nhân, ít chú ý đến vận động binh lính và không chịu đưa cán bộ đảng vào hoạt động trong các tổ chức cải lương, còn để cho một số tổ chức phản động mê hoặc được một số quần chúng. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ chỉ rõ, các đảng bộ cơ sở phải hết sức coi trọng việc phát huy sáng kiến trong các tổ chức quần chúng, phải hết sức linh hoạt: "Hình thức này không được, ta xoay hình thức khác tổ chức ái hữu, tương tế không được, ta xoay ra các hội chơi họ; chơi họ không được, xoay qua đám ma; đám ma không được, xoay hội lợp nhà, hàng phe, hàng giáp"⁹. Nghĩa là, phải tùy theo từng hoàn cảnh của từng xứ, địa phương, từng trình độ quần chúng, mà thay đổi các hình thức tổ chức cho thích hợp, nhằm tập hợp, đoàn kết quần chúng, tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân.

Để khắc phục những sai lầm khuyết điểm trên, Nghị quyết Hội nghị đã quyết định: "... thủ tiêu lối tổ chức quần chúng bí mật, nó làm cho Đảng không thâm phục và lãnh đạo được quảng đại quần chúng nhân dân. Hội nghị nhận rằng nguyên tắc tổ chức quần chúng phải hoàn toàn công khai và bán công khai, phải tùy hoàn cảnh, tùy trình độ của quần chúng mà tổ chức các hội ái hữu, tương tế, hợp tác xã, dân chủ, văn hoá, thể thao, âm nhạc, công khai và bán công khai"¹⁰. Hội nghị đã đề ra những biện pháp, hình thức cụ thể về công tác vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính. Nhằm nâng cao năng lực hoạt động độc lập của các tổ chức quần chúng, Đảng chủ trương: "...phải thống nhất các tổ chức quần chúng trong mỗi giới vận động lại, cả về bề ngang lẫn bề dọc, phải kiểm những hình thức liên hiệp hành động để thống nhất các hội quần chúng hết sức phức tạp, hết sức

khác nhau ấy lại, làm cho các tổ chức quần chúng ấy có một sự độc lập, tự trị về tổ chức, Đảng chỉ đạo họ về chính trị"¹¹. Có nghĩa là Đảng phải dùng cách chỉ đạo các hội quần chúng về mặt chính trị một cách xác đáng và lạnh lẽ, tuy nhiên phải tránh sự bao biện, tránh sự làm mất tư cách độc lập của các đoàn thể quần chúng về mặt tổ chức"¹². Toàn bộ hoạt động của tất cả các đoàn thể phải thực hiện *nhiệm vụ căn bản của Đảng là tổ chức Mặt trận nhân dân thống nhất Đông Dương*.

Trong quá trình diễn ra Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã tham gia tranh luận rất sôi nổi, đưa ra nhiều ý kiến có giá trị chỉ đạo về lý luận và thực tiễn. Hội nghị đã khẳng định một lần nữa đây vẫn là thời kỳ tranh đấu đòi tự do dân chủ cho toàn dân, nên phải tránh báo động, phải tùy theo sức mạnh của quần chúng và thái độ của kẻ thù để có hình thức đấu tranh thích hợp. Đồng thời cần phải biết duy trì và phát triển lực lượng quần chúng, để giữ ảnh hưởng của phong trào. Nguyễn Văn Cừ còn góp nhiều ý kiến về kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn trong phong trào công nhân, đã được nhiều đồng chí thảo luận trong thời gian ở tù. Nguyễn Văn Cừ được Hội nghị bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng và được Trung ương phân công trở ra Bắc chỉ đạo phong trào cách mạng ở các tỉnh thuộc miền Bắc và bắc Trung Kỳ (gồm cả Thanh - Nghệ - Tĩnh).

Bọn mật thám Pháp theo dõi rất sát diễn biến tình hình Hội nghị, trong Báo cáo tháng 8 và tháng 9 của Sở Mật thám Nam Kỳ (do tên Tổng Thanh tra Nagadd ký tên), gửi Giám đốc Sở Chính trị - Tổng Nha mật thám Đông Dương, có ghi rõ: "Thường vụ Trung ương có 5 người:

- Hà Huy Tập
- Nguyễn Chí Diểu
- Nguyễn Văn Cừ
- Một người Nam kỳ là Ủy viên Trung ương cũ (Võ Văn Tần - T.G)

- Người mới ở Trung Quốc về (Lê Hồng Phong - T.G)"¹³.

Bản báo cáo của chúng còn ghi rõ nhận dạng, quê quán của từng người dự họp và đã ở tại địa điểm nào. Hà Huy Tập ở nhà ông Hà Văn Phó (Già Phó) hay còn có tên thường gọi là Thày Sáu - Thày Thuốc, ở Bà Điểm - Gia Định. Nguyễn Văn Cừ ở tại nhà một người có tên là Chị Bảy (tức Trương Thị Quoi), con gái tên là Hai Sóc, v.v.. Qua nguồn tin mật thám, rõ ràng đã có những kẻ phản bội chui sâu được vào tổ chức của Đảng ta, đó là mầm họa cho những cuộc bắt bớ đàn áp những năm sau.

Thực hiện sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương ngay trong tháng 9-1937, Nguyễn Văn Cừ trở ra Bắc và triệu tập Hội nghị thành lập Liên xứ uỷ Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ. Hội nghị được tổ chức tại một ngôi nhà của đồng chí Tô Hiệu thuê ở phố Hàng Bột (nay là phố Tôn Đức Thắng) Hà Nội. Tham dự Hội nghị có các đồng chí Tô Hiệu, Đặng Việt Châu, Tô Quan Đẩu, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Công Hoà, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Nọn, Đinh Văn Di và một số đồng chí đại diện cho các tỉnh thành ở miền Bắc và các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh ở miền Trung. Hội nghị làm việc được một ngày thì phải chuyển đến một địa điểm khác ở gần hồ Trúc Bạch, vì nơi đang họp đã bị lộ.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ khôi phục và phát triển tổ chức đảng các cấp, đề ra các biện pháp nhằm phát triển đấu tranh và các hình thức hoạt động công khai, nửa công khai của Đảng cho phù hợp với tình hình mới Hội nghị đã bầu đồng chí Thiết tức Hoàng Văn Nọn làm Bí thư Liên Xứ uỷ Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ, đồng chí Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Ban Thường vụ.

Liên Xứ uỷ Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ tồn tại được thời gian không lâu thì lại tách ra thành Xứ uỷ Bắc Kỳ và Xứ uỷ Trung Kỳ. Tuy nhiên, dù trong thời gian ngắn nhưng Liên Xứ uỷ cũng đã kịp thời xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức, lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Đây là bước quá độ cần thiết trong thời kỳ Đảng còn đang trong thời kỳ khôi phục và xây dựng lại phong trào.

2. Lãnh đạo công tác vận động quần chúng, phát động phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, tiến tới thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất và đưa Đảng ra hoạt động công khai

Cùng với việc chỉ đạo phục hồi xây dựng các tổ chức đảng và phong trào quần chúng, Nguyễn Văn Cừ đặc biệt quan tâm tới việc sử dụng báo chí công khai làm vũ khí tuyên truyền, dùng báo chí cổ động và tổ chức phong trào cách mạng. Lợi dụng chế độ báo chí của thực dân Pháp, cho phép xuất bản các báo bằng tiếng Pháp không cần phải xin phép, tháng 9-1936, một số đảng viên cộng sản kết hợp với những trí thức của Trường tư thực Thăng Long, xúc tiến cho ra đời tờ báo *Le Travail*¹³. Đây là tờ báo đầu tiên bằng tiếng Pháp của Đảng xuất hiện ở miền Bắc, công cụ đấu tranh của những người cộng sản. Lúc đầu Ban biên tập có các đồng chí Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Văn Tiến, Trịnh Văn Phúc, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Trần Đình Long, Trần Huy Liệu... tham gia. Chủ nhiệm tờ báo là Nguyễn Văn Tiến, quản lý là Trịnh Văn Phú. Đánh giá vai trò của tờ báo lúc đó, đồng chí Trần Huy Liệu khẳng định: "Tờ *Le Travail*¹⁴ mới ra đời, gặp vào lúc phong trào vừa nhóm dậy, đã có ngay một ảnh hưởng lớn, nhất là đối với trí thức. Mỗi số báo vừa ra khỏi nhà in, các thanh niên sinh viên ôm từng chồng báo đi bán, bọn mật thám theo bớ hơi tai cũng không nắm được hết số người mua và đọc báo"¹⁵.

Để mở rộng ảnh hưởng của báo *Le Travail*, Nguyễn Văn Cừ đã đề nghị mời các chiến sĩ cộng sản mới ra tù là cộng tác viên chính, như Khuất Duy Tiến, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Đặng Châu Tuệ, Tống Phúc Chiểu... làm cho báo ngày một mạnh và có đường lối chính trị rõ rệt. Phạm vi hoạt động của báo ngày càng rộng hơn so với trước đây, không chỉ dừng ở tầng lớp trí thức, mà còn đi vào quần chúng công, nông, tiểu thương. Tờ báo không chỉ dừng ở cho mở rộng đối tượng phục vụ của mình mà còn trở thành diễn đàn rộng rãi của quần chúng tố cáo

sự áp bức của chính quyền thực dân. Khi đại diện Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp cử G. Gô đa (Godart) sang Đông Dương, trụ sở báo *Le Travail* trở thành trung tâm đón tiếp các tầng lớp nhân dân đến đưa nguyện vọng trực tiếp cho ông G. Gôđa. Hồi ký của Trần Huy Liệu đã nhắc lại sự kiện này như sau: "Chúng tôi (báo *Le Travail*) đòi ông G. Gôđa phải tiếp xúc với nhân dân để nghe tiếng nói của nhân dân, chớ không qua các nhà cầm quyền ở đây. Do sức đấu tranh của nhân dân, điều yêu sách này đã thành công. Những ngày G. Gôđa tiếp đại biểu các đoàn thể, chúng tôi phải làm các việc sắp đặt trật tự, ghi chép chữ nghĩa đến tướt người. Anh Khuất Duy Tiến chỉ làm việc phiên dịch cũng đến khản cổ"¹⁶. Không ngày nào không có những đoàn công nhân, nông dân, tiểu thương, thợ thủ công ở Hà Nội và từ các nơi đến, đứng ngòi la liệt ở trước cửa tòa báo. Xung quanh tòa soạn lúc nào cũng đông nghịt người. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ cùng với những đảng viên cộng sản đã tranh thủ hoà mình vào quần chúng để vừa tìm hiểu nguyện vọng, vừa để lắng nghe tâm tư và hướng dẫn họ đấu tranh theo mục tiêu của Đảng.

Tại Hà Nội, ngày 30-1-1937, Nguyễn Văn Cừ và những người cộng sản trong nhóm *Le Travail* đã tổ chức đón tiếp đại diện Chính phủ Pháp G. Gôđa. Có hàng ngàn người đến tham dự cuộc đón tiếp này, thực chất đây là hình thức biểu tình, biểu dương sức mạnh của quần chúng. Cuộc biểu tình này trở thành một trong những cuộc đấu tranh đầu tiên, mở đầu cao trào đòi tự do dân chủ trong cả nước (1936 - 1939).

Trên tinh thần đó, được tin Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp cử Bréviê sang làm Toàn quyền Đông Dương thay cho Xinvétxtơơ (Sylvestre), bất chấp sự cản trở của chính quyền thuộc địa, ngày 6-2-1937, khi Bréviê vừa đến Hà Nội, hàng vạn quần chúng mà hạt nhân lãnh đạo là những người cộng sản đã "đón". Toàn quyền Đông Dương bằng một cuộc biểu tình giương cao các khẩu hiệu: Ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp, Tự do ngôn luận, Tự do nghiệp đoàn, Đặc xá chính trị phạm, Bãi bỏ thuế

thân...và cử đại biểu đến tố cáo chế độ tàn khốc của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương.

Đi đầu trong các cuộc đấu tranh, báo *Le Travail* đã lôi cuốn nhiều tờ báo khác ra đời, như *Tân xã hội*, *Tiếng trẻ*, *Nhàn lúa*, *Tin tức*. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lương Khánh Thiện và Đặng Xuân Khu, tờ báo của Đoàn Thanh niên Dân chủ tại Hà Nội cũng ra đời, báo lấy tên là *Bạn dân* (số 1 ra ngày 24-4-1937; số cuối cùng - số 29, ra vào tháng 11-1937 - không có ngày). Báo *Bạn dân* cũng nhanh chóng chiếm được tình cảm của đông đảo bạn đọc trẻ tuổi trong cả nước, trở thành người tuyên truyền, người giáo dục tích cực trong quần chúng thanh niên.

Thường xuyên gặp gỡ với đồng chí Đặng Xuân Khu - người phụ trách công tác tuyên truyền của Đảng, thành lập nhóm Tin tức và chỉ đạo hoạt động của nhóm này. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ nhắc nhở những người phụ trách phải chịu trách nhiệm lãnh đạo mỗi tờ báo, cần phải bám sát chủ trương đường lối của Đảng để đưa phong trào đi đúng quỹ đạo. Nội dung chủ yếu của báo là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, bọn tởrôtkit, kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh phát xít.

Cùng với việc chỉ đạo hoạt động tuyên truyền công khai, thời kỳ này, Nguyễn Văn Cừ còn quan tâm đặc biệt đến phong trào công nhân với ý thức sâu sắc rằng: chỉ khi nào giai cấp vô sản giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình thì mới có quyết tâm làm cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, thành lập các hội ái hữu, hội tương tế và các tổ hội dưới nhiều tên gọi khác. Thông qua đó mà tập hợp quần chúng, hướng quần chúng theo mục tiêu của Đảng. Để đào tạo cán bộ cho công nhân, Nguyễn Văn Cừ mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ công vận, và cũng là người trực tiếp giảng bài. Địa điểm mở các lớp huấn luyện thường là ở một ngôi nhà lá

nhỏ trong khu cư trú của công nhân lao động tại bãi Phúc Xá (Hà Nội). Trong bài giảng, Nguyễn Văn Cừ chỉ ra rằng giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo phong trào cách mạng và đại diện chân chính cho giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản. Nhưng muốn thực hiện được sứ mệnh lịch sử này Đảng phải chú ý kết nạp những công nhân ưu tú vào Đảng và các tổ chức đảng phải được củng cố, xây dựng và phát triển ngày càng mạnh mẽ. Kết quả của công tác vận động, tuyên truyền và đào tạo này mà phong trào công nhân Hà Nội trong những năm này phát triển nhanh hơn. Nhiều cuộc đấu tranh có tổ chức và quy mô đã diễn ra, như ngày 11-5-1937 đoàn đại biểu công nhân Hà Nội gặp Thanh tra lao động thành phố đòi lập nghiệp đoàn; ngày 12-10-1938 công nhân thợ xẻ đình công đòi tăng lương khoán; ngày 14-5-1938 công nhân xe lửa Gia Lâm cũng đòi tăng 25-30% lương, giảm giờ làm, v.v..

Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, nhiều công nhân được kết nạp vào Đảng, dần dần dẫn đến sự ra đời của các chi bộ cộng sản trong một số nhà máy, xí nghiệp hoặc ở những nơi có nhiều công nhân làm việc. Thời gian này ở Hà Nội đã có 26 tổ chức ái hữu thuộc nhiều ngành nghề khác nhau, thu hút hàng ngàn người tham gia.

Không chỉ quan tâm và phát triển phong trào công nhân, Nguyễn Văn Cừ cũng hết sức chú ý tới phong trào nông dân. Các địa bàn phụ cận Hà Nội, như Từ Liêm, La Cả, Đại Mỗ thuộc huyện Hoài Đức, Hà Đông... là nơi Nguyễn Văn Cừ thường qua lại, gây dựng cơ sở và thành lập được một số chi bộ đảng. Ngoài ra, Nguyễn Văn Cừ còn chỉ đạo tổ chức rất nhiều hình thức hoạt động để lôi cuốn đông đảo nông dân tham gia, như hội cây, hội cày, hội hiếu, hội hỷ, văn nghệ thể thao, đọc sách, v.v...

Đối với công tác vận động phụ nữ và thanh niên, Nguyễn Văn Cừ cũng rất coi trọng. Mặc dù rất bận, anh vẫn dành thời gian đến họp với các nhóm phụ nữ tiêu

thương ở chợ Đồng Xuân và các nhóm thanh niên ở các trường công và tư. Với công tác thanh niên, Nguyễn Văn Cừ dành nhiều tâm huyết để chỉ đạo hoạt động của thanh niên, vận động thanh niên vào các tổ chức do Đảng lãnh đạo. Trong thời gian này, nhiều cuộc gặp gỡ, chỉ đạo của Nguyễn Văn Cừ với đồng chí Đào Duy Kỳ về việc thành lập Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương, nhằm thu hút thanh niên vào tổ chức đoàn thể, qua đó có điều kiện giáo dục, tuyên truyền thanh niên tham gia các hoạt động cách mạng. Anh còn chủ trương lấy tổ chức đoàn làm nòng cốt cho các hoạt động của tuổi trẻ trong các trường học, như nhóm Nghiên cứu sách báo công khai, thành lập các hội ái hữu học sinh trường Thăng Long, v.v..

Phải hoạt động với cường độ cao, liên tục đi về các vùng ngoại đô để chỉ đạo phong trào, sức khỏe Nguyễn Văn Cừ ngày một suy kiệt. Hậu quả những trận đòn tra tấn dã man của kẻ thù cùng với di chứng do căn bệnh sốt rét để lại luôn hành hạ Nguyễn Văn Cừ, nhưng tinh thần hăng say công việc, hoà mình với phong trào của quần chúng khiến anh quên đi tất cả. Đồng chí Lương Khánh Thiện khuyên anh thu xếp công việc để đi chữa bệnh, với thái độ rất trân trọng và lòng đầy xúc cảm, anh nói: "Bây giờ không có thời gian, hơn nữa lấy đâu ra tiền mà chữa. Đợi khi nào cách mạng thành công rồi thì chữa luôn. Bây giờ quỹ của Đảng còn nghèo lắm, tiền cho công tác còn chưa đủ lấy đâu tiền chữa bệnh"¹⁷. Dù đau yếu, bệnh tật đe dọa tính mệnh, Nguyễn Văn Cừ vẫn lao vào công việc không hề lo một chút gì cho bản thân. Với nhiệt tình, trách nhiệm cao Nguyễn Văn Cừ thường xuyên có mặt trong các cuộc họp của công nhân, thanh niên, phụ nữ để khuyến khích họ và củng cố quyết tâm cống hiến sức trẻ cho cách mạng, cho Tổ quốc.

Nguyễn Văn Cừ đến với quần chúng bằng cả tấm lòng chân thật, giản dị, khiêm nhường của người lao động, hoà mình với cuộc sống cùng khổ của họ, nên quần chúng rất tin yêu quý mến và luôn bảo vệ che chở cho anh khi gặp gian nguy. Đầu

năm 1938, Nguyễn Văn Cừ bí mật rời Hà Nội đi Sài Gòn để dự Hội nghị Trung ương lần thứ năm.

Trên đường vào Nam dự Hội nghị, Nguyễn Văn Cừ ghé qua Huế gặp Lê Duẩn tại vườn hoa trên bờ sông Hương (đoạn phía trước cửa Thừa Phủ) để bàn một số vấn đề quan trọng, trong đó có vấn đề phải xây dựng được đường dây liên lạc, giao thông từ Hà Nội vào đến Sài Gòn. Do tầm quan trọng của đường dây liên lạc này, nên phải bố trí cán bộ đảng viên trung kiên vào các đầu mối giao thông, nhất là đoạn từ Vinh đến Sài Gòn. Về vấn đề này, Xứ uỷ Trung Kỳ rất quan tâm, nên đã gây dựng cơ sở trong hàng ngũ công nhân đường sắt, những công nhân trẻ thuộc tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ có thể bảo đảm an toàn. Do ý nghĩa quan trọng vấn đề này, hai người thống nhất sẽ đưa ra bàn ở Hội nghị Trung ương.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm được tiến hành trong hai ngày 29 và 30-3-1938, địa điểm họp tại làng Tân Thới Nhất, gần Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Tham dự Hội nghị có các đồng chí Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Tần, Đinh Văn Di, Nguyễn Thị Minh Khai... và một số đồng chí khác thuộc Xứ uỷ Nam Kỳ.

Nội dung của hội nghị lần này bàn tới các vấn đề rất quan trọng của cách mạng Việt Nam. Sau khi đưa ra nhận định về một số thay đổi trong chính sách cai trị của chính quyền Đông Dương, Hội nghị phân tích thái độ chính trị của các đảng phái ở Việt Nam, nhìn nhận phong trào dân chúng và kiểm điểm công tác vận động quần chúng của Đảng. Hội nghị chỉ ra nhiều khuyết điểm trong công tác chỉ đạo: hình thức rườm rà, phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển không đều và chưa chú trọng đến phong trào công nhân ở những trung tâm lớn.

Về vấn đề thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất. Theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hội nghị quyết định lấy tên mặt trận là Mặt trận dân chủ thống nhất, vì: "Hội nghị xét rằng vấn đề lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm

vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại, tranh đấu gần hai năm nay tuy chưa thực hiện được hẳn hoi nhưng trong các lớp dân chúng, các đảng phái, đã có ít nhiều xu hướng liên hiệp hành động và những mầm mống để thực hiện Mặt trận thống nhất. Vậy cần đưa hết toàn lực của Đảng, dùng hết phương pháp để lan rộng các xu hướng, phát triển các mầm mống ấy thành một lực lượng hành động mạnh mẽ"¹⁸, nhằm vừa củng cố đoàn kết công nông, vừa thực hiện việc thu hút, tập hợp được giới trí thức và các tầng lớp xã hội theo các xu hướng cải cách dân chủ khác nhau vào phong trào chung.

Về vấn đề củng cố tổ chức đảng, Hội nghị đã chủ trương chỉ đạo các xứ uỷ, tỉnh uỷ tiến hành củng cố các cơ sở, tổ chức đảng hiện có, phải chú trọng công tác trong các thành phố, khu công nghiệp để xây dựng các tổ chức của Đảng. Hội nghị cũng tiến hành kiểm điểm tình hình hoạt động của các xứ uỷ trong việc thực hiện nghị quyết của hội nghị Trung ương lần trước, đồng thời quyết định đẩy mạnh tranh đấu cho Đảng được công khai. Hội nghị nêu rõ: "Việc Đảng Cộng sản công khai tồn tại hay không là do nơi sự tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ, đòi thừa nhận tự do lập chính đảng được thành công hay không"¹⁹.

Hội nghị xác định: "Bí mật với công khai là làm cho công tác của Đảng được thống nhất và chóng phát triển, vô luận công khai hay bí mật đều phải phục tùng cơ quan chỉ huy của Đảng, bộ phận công khai không phải là một cơ quan bình hàng với Trung ương hay các cấp bộ tương đương, nó chỉ là một bộ phận trong công tác của Đảng, vậy những chỗ nào những đảng bộ bí mật không chỉ đạo nổi công tác công khai thì các đồng chí bí mật và công khai phải thương lượng với nhau mà làm việc... Các đồng chí phụ trách bí mật không nên trực tiếp tới các cơ quan công khai và chỉ nên gián tiếp với một vài đồng chí hết sức chắc chắn trong chi bộ công khai thôi, có như vậy mới tránh sự đổ bể bất ngờ"²⁰.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ năm (3-1938), một lần nữa Đảng ta khẳng định *phải triệt để chống bọn tòrốtkit*. Phải phân biệt rõ sự khác nhau căn bản giữa những người cách mạng chân chính với những kẻ giả danh cách mạng; phải quán triệt cho cán bộ đảng viên đi sâu vào quần chúng, vạch mặt bọn tòrốtkit bằng những lý lẽ và bằng chứng xác thực. Phát biểu về nhiệm vụ chống tòrốtkit, Hội nghị chỉ rõ: "Đối với cuộc tranh đấu chống tòrốtkit chủ nghĩa, xét rằng chủ nghĩa tòrốtkit đã hoàn toàn làm tay sai cho phát xít nên hội nghị nghị quyết rằng vô luận chỗ nào, nó thò đầu ra là đập ngay, không nên cho rằng chúng chưa có mầm mống"²¹. Điều này rất trùng hợp với chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền đạt về trong nước: "Đối với bọn tòrốtkit, không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị"²², còn: "Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo. Phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần. Tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng"²³.

Nhận định về nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới sắp nổ ra, cùng với việc ra Nghị quyết về vấn đề lập Mặt trận dân chủ thống nhất và củng cố tổ chức đảng, Hội nghị Trung ương lần này còn ra Nghị quyết về *phòng thủ Đông Dương và vận động binh lính*.

Phòng thủ Đông Dương trước nguy cơ xâm lược của phát xít Nhật trong khi Đông Dương đang là thuộc địa của Pháp là vấn đề gây nhiều tranh cãi, ngay trong Đảng cũng có hai luồng ý kiến khác nhau. Lợi dụng tình hình này, các phân tử tòrốtkit đã tung ra những luận điệu xuyên tạc, vu khống Đảng ta, chia rẽ các lực lượng trong Mặt trận dân chủ thống nhất. Họ đưa ra những luận điệu khi thì cực "tả" như đòi "chỉ lập mặt trận công nông" khi thì cực "hữu" như tuyên truyền "Phải xử sự tốt với

Nhật Bản", "Làm gì có tai hoạ phát xít", "Không có vấn đề phòng thủ Đông Dương", v.v... Trước tình hình đó, Hội nghị khẳng định rõ: "Đứng trước nạn phát xít và chiến tranh hăm dọa, người cộng sản chủ trương bênh vực chính thể dân chủ, chĩa hết mũi nhọn vào bọn phát xít chống sự xâm lược của tụi phát xít. Đối với một cuộc Nhật sẽ tấn đánh Đông Dương dưới quyền cai trị của nước Pháp bình dân, Đảng ta chủ trương chống quân phát xít Nhật"²⁴. Song, vấn đề chống phát xít Nhật xâm lược, việc vũ trang cho nhân dân, tham gia quân đội... luôn gắn liền với cuộc vận động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đó là "Ta không phải những người chỉ biết nhắm mắt đi đánh giặc, trái lại ta chủ trương đòi cho dân chúng Đông Dương được các quyền tự do dân chủ, cải thiện sinh hoạt thì dân chúng mới hăng hái chống bọn xâm lược, đồng thời phải vũ trang cho họ khi có cuộc xâm lược thì mới đủ sức đối phó, riêng một mình quân đội không đủ sức chống lại binh lực hùng hậu của quân Nhật"²⁵.

Đến ngày 30-3-1938, Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 11 uỷ viên, trong đó có 9 uỷ viên trong nước và 2 uỷ viên hoạt động ở nước ngoài. Tiếp đến Hội nghị bầu Ban Thường vụ Trung ương gồm 5 người: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu, Lê Hồng Phong; bầu Ban Bí thư gồm 3 người: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong. Cuối cùng Hội nghị bầu Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Như vậy, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), trải qua chưa đầy một chục năm nhưng đã có bốn đồng chí được bầu giữ chức Tổng Bí thư của Đảng. Các đồng chí Tổng Bí thư đều thuộc thế hệ đảng viên lớp đầu tiên của Đảng, có nhiệt huyết yêu nước, tinh thần hy sinh cho cách mạng và tuổi đời còn rất trẻ. Điểm khác nhau có chăng là ở chỗ ba đồng chí Tổng Bí thư tiền nhiệm đều được đào tạo chính quy ở nước ngoài - Trường đại học Phương Đông (Liên Xô), còn

Nguyễn Văn Cừ là người duy nhất được tôi luyện trưởng thành từ thực tế phong trào cách mạng trong nước.

Là người có năng lực tư duy lý luận, tuy chưa một lần xuất dương, cũng chưa qua một lớp lý luận chính quy nào, chỉ được học trong tù và học từ thực tiễn nhưng đồng chí Nguyễn Văn Cừ nắm rất vững lý luận Mác - Lê nin và điều quan trọng hơn là biết vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Đông Dương, chính điều đó đã có sức thuyết phục không phải chỉ với anh em công nông mà cả với các đồng chí vốn xuất thân trí thức có địa vị cao trong Đảng. Đồng chí Lê Duẩn, lúc đó là Ủy viên Trung ương dự Hội nghị nói: "Về tuổi đời anh Cừ tuy kém chúng tôi và các anh Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập từ 5 đến 10 tuổi, nhưng anh là một trí tuệ lỗi lạc của Đảng, rất sắc sảo và nhạy bén về chính trị, lại có khả năng đoàn kết, thuyết phục anh em. Anh là một người cộng sản có phẩm chất đạo đức trong sáng, được mọi người kính phục".

Nguyễn Văn Cừ đã trải qua gần 10 năm hoạt động, lăn lộn trong phong trào cách mạng, vừa tự học, vừa rèn luyện, chịu đựng khó khăn gian khổ, vượt lên hy sinh và mất mát để trưởng thành. Nguyễn Văn Cừ đã trở thành *Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta được đào tạo rèn luyện và trưởng thành từ thực tiễn phong trào cách mạng ở trong nước và là một trong những Tổng Bí thư trẻ nhất của Đảng ta*. Với việc bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định năng lực lãnh đạo, uy tín và trí tuệ của người cộng sản trẻ tuổi đối với phong trào cách mạng trong nước và quốc tế. Có thể nói rằng, sự lựa chọn của Đảng là vô cùng sáng suốt và có ý nghĩa lịch sử to lớn. Bởi sau đó bằng tài năng và kinh nghiệm hoạt động thực tế, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã lãnh đạo Đảng ta đẩy mạnh hoạt động, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng thành *cao trào đấu tranh dân chủ 1936 - 1939*, đặt tiền đề cho cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới: cao trào vận động giải phóng dân tộc.

-
1. Theo hồ sơ của cảnh sát Nam Kỳ tháng 9-1938, *Tlđđ*.
 2. Theo hồ sơ của cảnh sát Nam Kỳ tháng 9-1938, *Tlđđ*
 3. Xem Nguyễn Văn Minh: *Kỷ niệm sâu sắc về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 304-305.
 4. Xem Nguyễn Văn Minh: *Kỷ niệm sâu sắc về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (hồi ký)*, *Sđđ*, tr. 305.
 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 300.
 6. Theo lời kể của Hoàng Quốc Việt, tài liệu TL256 A2. LT2, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
 7. Thời gian tiến hành Hội nghị các tài liệu ghi không giống nhau. Ở đây chúng tôi căn cứ vào Báo cáo của Sở Mật thám Nam Kỳ về Hội nghị thường kỳ Ban Chấp hành Trung ương, tháng 7, 8-1937. Xem thêm phần biên niên sự kiện.
 8. Hồ sơ mật thám Pháp, Công văn mật số 250/SS, ngày 14- 7-1937
 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđđ*, t.6, tr. 276.
 - 10, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđđ*. t.6, tr. 290, 292, 288-289.
 13. Báo cáo của Sở Mật thám Nam Kỳ về Hội nghị thường kỳ Ban Chấp hành Trung ương tháng 8, 9-1937, lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ký hiệu số 734/s, phong chính quyền cũ, ĐVBQ 311, số TT 15, tr. 10.

14. *Le Travail* - Tuần báo chính trị, kinh tế, số 1 ra ngày 16- 9- 1936, số 30 là số cuối cùng, ra ngày 16-4-1937.
15. *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.67.
16. *Hồi ký Trần Huy Liệu*, *Sđd*, tr.74
17. Hồi ký cách mạng, tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh, tr.43.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 349-350.
- 19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 363, 359-360.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.364-365
- 22, 23. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr.138.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 366.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 366.

TRÊN CƯỜNG VỊ TỔNG BÍ THƯ CỦA ĐẢNG

1. Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Trung ương - đẩy mạnh tranh đấu công khai trên mặt trận báo chí tuyên truyền

Nguyễn Văn Cừ đảm nhận trọng trách Tổng Bí thư của Đảng khi tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến động. Tại nước Pháp, Mặt trận nhân dân sau hai năm cầm quyền đã bắt đầu lâm vào tình trạng giảm sút uy thế sức mạnh bởi sự tranh chấp của các phần tử hữu khuynh. Từ tháng 7-1937 đến tháng 4-1938, nước Pháp liên tiếp đã trải qua bốn lần thay đổi chính phủ, xu hướng thiên hữu ngày càng chiếm ưu thế trên diễn đàn chính trị nước Pháp.

Ngày 26-7-1937, Thủ tướng L. Bôlum đỏ, C. Sôtăng lên thay; ngày 9-3-1938, C. Sôtăng đỏ L. Bôlum trở lại cầm quyền; một tháng sau, ngày 10-4-1938, L. Bôlum lại đỏ, Đalađilê lên cầm quyền. Trong khi đó, các lực lượng phát xít cũng hoạt động ráo riết, ra sức chuẩn bị chiến tranh. Ngày 12-3-1938, phát xít Đức chiếm nước Áo; ngày 26-3, Chính phủ quân phiệt Nhật Bản ra *Sức lệnh tổng động viên*. Ở châu Âu, Chính phủ phản động phát xít Phrăngcô lên cầm quyền ở Tây Ban Nha. Trong khi đó cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc chống quân xâm lược Nhật Bản tuy giành được một số thắng lợi nhưng ngày càng quyết liệt và đang đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách bởi sự phản bội của Quốc dân đảng - Tưởng Giới Thạch.

Ở Việt Nam và Đông Dương, lợi dụng tình hình chính quốc đang ngày một xấu đi, bọn phản động thuộc địa Pháp đã tăng cường đàn áp phong trào yêu nước và cách mạng, đồng thời thực hiện những chính sách nhân nhượng với phát xít Nhật, như cấm báo chí đưa tin về những vụ khiêu khích của quân Nhật, bắt bớ giam cầm những người đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa phát xít. Trong tình hình ấy, những quyết định của Hội nghị Trung ương tháng 3-1938 đã được triển khai nhanh chóng và có hiệu quả. Việc thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất Đông

Dương, xây dựng và phát triển các tổ chức dân chủ, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động bí mật và công khai, đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển các tổ chức cơ sở, củng cố những cơ sở đã có, xây dựng thêm những tổ chức cơ sở đảng ở các thành phố, đồn điền, các vùng công nghiệp tập trung nhiều công nhân... đã thúc đẩy phong trào lên bước phát triển mới. Cùng với những cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ của học sinh, sinh viên, trí thức và đồng bào các đô thị, các cuộc đấu tranh của công nhân nông dân cũng khá rầm rộ. Tính đến tháng 11-1938, đã có 135 cuộc bãi công của công nhân với 12.762 lượt người tham gia và 125 cuộc đấu tranh của nông dân các địa phương với 55.442 người tham gia.

Sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước tuy có tạo nên những thuận lợi lớn, nhưng tình hình cũng đang có rất nhiều khó khăn. Với giọng điệu cách mạng đầu lười, các phần tử tởrótkit lớn tiếng công kích chủ trương, đường lối Mặt trận dân chủ của Đảng, họ hô hào thành lập "Mặt trận vô sản", "Mặt trận công nông", ra sức vu cáo Đảng Cộng sản thực hiện đường lối "hợp tác giai cấp", "từ bỏ đấu tranh giai cấp", "đầu hàng giai cấp tư sản"... Đó là chưa kể những khó khăn trong nội bộ Đảng, những quan niệm lệch lạc trong mối quan hệ giữa hoạt động bí mật với hoạt động công khai¹. Cầm lái con thuyền cách mạng khi mới 26 tuổi đời bên cạnh là những cán bộ dạn dày kinh nghiệm, từng trải, được đào tạo chính quy, bài bản tại Liên Xô, Trung Quốc, những thử thách mà thực tiễn đang đặt ra đối với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là vô cùng to lớn. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ năm (3-1938), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ dự định ở lại hoạt động tại miền Nam, cơ quan Trung ương Đảng khi đó đang đóng tại Hóc Môn - Bà Điểm.

Ngay từ những ngày đầu tiên, bọn mật thám đã nắm được tình hình nhân sự Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng ta. Trong Công văn mật số 144.5.5, ngày 14-4-1938 của Chánh sở mật thám Trung Kỳ gửi Phủ Toàn quyền Đông Dương viết: "Nhiệm vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương

của Hà Huy Tập, do một người có con mắt lé thay thế trong mọi chức vụ"². Phải mất năm tháng sau mật thám Pháp mới phát hiện được người có con mắt lé, ấy chính là Nguyễn Văn Cừ. Trước sự truy lùng gắt gao của mật thám Nam Kỳ, đồng chí Nguyễn Văn Cừ quyết định trở ra miền Bắc.

Trở lại Hà Nội, ngoài những buổi gặp gỡ và làm việc với các đồng chí trong Xứ uỷ Bắc Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn thường xuyên trao đổi với đồng chí Trường Chinh - người chỉ đạo các hoạt động báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đặc biệt quan tâm tới báo *Tin tức*, là tờ báo công khai của Đảng có trụ sở tại số nhà 105 phố Hăngri đờ Oóc-lêăng - Hà Nội (nay là phố Phùng Hưng). Rất nhiều lần đồng chí Tổng Bí thư làm việc với Thư ký toà soạn báo *Tin tức* là đồng chí Trần Huy Liệu và các đồng chí lãnh đạo của Đảng trong vai ký giả và biên tập viên toà soạn: Trần Đình Long, Đào Duy Kỳ, Khuất Duy Tiến ... Các đồng chí bàn bạc và nhất trí thành lập nhóm Tin tức làm nòng cốt tập hợp một số tờ báo tiến bộ khác, với nội dung hoạt động: tuyên truyền công khai cho Mặt trận dân chủ. Xứ uỷ Bắc Kỳ phân công đồng chí Đặng Xuân Khu trực tiếp làm Bí thư chi bộ phụ trách nhóm Tin tức, với nhiệm vụ xây dựng, tổ chức để trở thành nhóm công khai đại diện cho Đảng ta trong Mặt trận dân chủ ở Hà Nội. Dưới danh nghĩa này, theo sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ nhóm Tin tức đã liên minh với chi nhánh Đảng Xã hội (gồm cả người Pháp và người Việt Nam), với nhóm Ngày nay (gồm một số trí thức tư sản, tiểu tư sản ở Hà Nội xung quanh tờ báo *Ngày nay* nhưng không có một hệ thống tổ chức), xúc tiến việc thành lập Mặt trận dân chủ ở Bắc Kỳ, gồm các thành phần như: nhóm Tin tức; Đảng Xã hội; nhóm Ngày nay; đại biểu các giới lao động, tiểu chủ, tiểu thương, đại thương gia, Đoàn Thanh niên Dân chủ, Hội Phụ nữ Dân chủ, v.v. Trên cơ sở liên minh này, trên thực tế, Mặt trận dân chủ đã chính thức được thành lập ở Hà Nội. Chính từ những kinh nghiệm hoạt động của nhóm Tin tức ở Hà Nội, tháng 8-1938 đồng chí

Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo cho ra báo *Dân chúng* và thành lập nhóm Dân chúng ở Sài Gòn.

2. Phát động phong trào đấu tranh hợp pháp đòi tự do dân chủ hoà bình, xây dựng và mở rộng các tổ chức đoàn thể quần chúng

Cùng với chủ trương tranh thủ mọi khả năng để mở rộng phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ đã quyết định cử người của Đảng tham gia ứng cử vào các viện dân biểu và hội đồng thành phố, nhằm lợi dụng các diễn đàn này để tố cáo những chính sách phản động của chính quyền thuộc địa, bảo vệ và bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động, qua đó, tuyên truyền, lôi kéo những phần tử tiến bộ thuộc tầng lớp trên trong xã hội tham gia Mặt trận dân chủ. Để biểu dương lực lượng của Mặt trận, theo chỉ thị của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, bộ phận công tác báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ (nhóm Tin tức) đã vận động chi nhánh Đảng Xã hội Pháp đứng ra xin phép nhà cầm quyền tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5. Các đồng chí đã nhận định: Để Đảng Xã hội đứng ra xin phép vì họ cũng muốn dựa vào Mặt trận dân chủ Bắc Kỳ để chứng tỏ họ có lực lượng quần chúng đông đảo. Về phía Mặt trận dân chủ, theo chủ trương của Đảng là nhân dịp này, chúng ta tranh thủ áp lực quần chúng, đẩy Đảng Xã hội tiến lên một bước tích cực hơn. Tuy nhiên, khi chấp nhận đề nghị, nhà cầm quyền đã đưa ra những yêu cầu khắt khe như: các bài diễn văn, phát biểu tại cuộc mít tinh phải trình trước với nhà cầm quyền; không được biểu tình ngoài đường phố, chỉ được tập trung trong khu vực Đấu Xảo; không được trưng cờ, biểu ngữ... Nhưng diễn biến ngày kỷ niệm Quốc tế lao động không như nhà cầm quyền sắp đặt. Theo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Xứ uỷ Bắc Kỳ và Thành uỷ Hà Nội đã huy động hơn 2,5 vạn quần chúng nhân dân ở cả nội ngoại thành và các vùng phụ cận tham gia cuộc mít tinh khổng lồ này.

Đúng 16 giờ ngày 1-5-1938, hàng chục lá cờ đỏ lớn có thêu tên các đoàn thể được giương cao. Sau bài ca *Mácxâyê (Marseillaise)* - Quốc ca Pháp, những người dự mít tinh đồng thanh hát vang *Quốc tế ca*. Khu Đấu Xảo (nay là khu Cung văn hoá Hữu nghị và Quảng trường 1-5, Hà Nội) bùng bùng khí thế cách mạng của quần chúng, công khai, trật tự, có tổ chức. Lên diễn đàn cuộc mít tinh này là các đại diện của chi nhánh Đảng Xã hội Pháp, các nhóm Tin tức, Ngày nay; đại diện của các đoàn thể quần chúng công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương... Các diễn văn và bài phát biểu đã công khai vạch trần trước hàng vạn quần chúng những chính sách bóp nghẹt tự do dân chủ, chính sách bóc lột tàn nhẫn của chính quyền phản động thuộc địa; đòi thực hiện quyền tự do dân chủ cho dân chúng... Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cùng một số đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ, Thành uỷ Hà Nội cũng đứng trong đám đông quần chúng để kịp thời chỉ đạo cuộc mít tinh. Giữa Tổng Bí thư và cán bộ hoạt động hợp pháp của Đảng đã thiết lập được một đường dây liên lạc rất bí mật. Bọn mật thám, tay sai cố công theo dõi giăng lưới, nhưng chúng không thể thực hiện được ý đồ đen tối.

Cuộc mít tinh công khai kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1938 là đỉnh cao của phong trào cách mạng thời kỳ Mặt trận dân chủ ở Hà Nội và cả nước. Đây là cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu nhất của các tầng lớp nhân dân lao động nội, ngoại thành Hà Nội, nhất là các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ và trí thức, học sinh, sinh viên trong thành phố.

Là một trong những người tham gia tổ chức cuộc mít tinh khổng lồ này, đồng chí Trần Huy Liệu - khi đó là Thư ký tòa soạn báo *Tin tức* cho biết: "... ngày 1-5, các đoàn thể quần chúng trước khi đến trường Đấu Xảo làm mít tinh đều tụ tập ở hội quán ái hữu của mỗi ngành hay ở một địa điểm nhất định... Từng đoàn người qua các đường phố, ai cầm được họ hô những khẩu hiệu vang lừng. Bà con trong phố nhiều người cũng hô theo. Thế là, các phố đều nổi dậy những cuộc biểu tình kéo đi

như nước lũ kéo về trường Đấu Xảo, Hà Nội. Trong các đoàn thể nhân dân, còn có cả đoàn người thất nghiệp. Nhân dân ngoại ô thành phố Hà Nội cũng tiến vào như thác chảy. Khi đó cũng như lúc làm mít tinh, các đoàn thể đều có trật tự nghiêm chỉnh, bọn mật thám và cảnh sát không còn vin vào cớ gì để can thiệp"³.

Thành công của cuộc mít tinh biểu dương lực lượng ngày 1-5-1938 đã khẳng định rõ những quyết định sáng suốt của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (3-1938), nghệ thuật phối hợp tổ chức công tác giữa các bộ phận công khai của Đảng ta với các bộ phận công tác bí mật, giữa các đoàn thể thành viên của Mặt trận dân chủ. Thành công này có phần đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, của các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ và Thành uỷ Hà Nội. Đánh giá sự kiện này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, tháng 7-1939, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Lần đầu tiên Hà Nội được tổ chức ngày 1-5 hợp pháp. Ngày đó thật là lớn và đối với Đông Dương, có thể nói là vĩ đại"⁴.

Viết về cuộc mít tinh ngày 1-5-1938, tuần báo *Tin tức* số 5 ngày 4-11 - 5-1938 đã đưa ra ba nhận định lớn: "*Một là*, quần chúng Đông Dương đã tới độ trưởng thành về chính trị. Họ xứng đáng được hưởng những quyền lợi cao hơn. *Hai là*, các tầng lớp cần lao đã biết biểu tình trong vòng trật tự và hợp pháp. *Ba là*, giai cấp thợ thuyền đã đủ lực lượng và tư cách dìu dắt các tầng lớp trung sản ra trường tranh đấu. Quyền lãnh đạo của thợ thuyền ngày càng bền vững rõ rệt". Đây là bài học về việc chỉ đạo thực tiễn công tác hoạt động công khai, về công tác tổ chức Mặt trận và sự liên minh giữa các đảng phái, tổ chức quần chúng trong Mặt trận dân chủ thống nhất. Trong đó một bộ phận quan trọng và là thành viên của Mặt trận dân chủ được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đặc biệt quan tâm là lực lượng thanh niên.

Tranh thủ không khí phấn khởi do thành công của cuộc mít tinh 1-5, quần chúng thanh niên đang có khí thế cách mạng, kẻ thù chưa lộ mặt khủng bố gắt gao, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã chỉ thị cho đồng chí Đào Duy Kỳ - Xứ uỷ viên Bắc Kỳ -

phụ trách công tác thanh vận khẩn trương triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đoàn Thanh niên.

Ngày 5-5-1938, tại số nhà 28 phố Rômanh Rôlăng (nay là phố Hai Bà Trưng, Hà Nội), Hội nghị đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Dân chủ chính thức khai mạc. Tham dự Hội nghị có hơn 200 đại biểu thanh niên thành phố Hà Nội và các tỉnh khác. Hội nghị đã thảo luận rất sôi nổi vấn đề thanh niên tham gia các phong trào vận động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi tự do, cơm áo, bảo vệ hoà bình, chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Dân chủ do đồng chí Đào Duy Kỳ làm Bí thư.

Tham gia chỉ đạo Đại hội, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ có bài phát biểu khẳng định: Thanh niên là lực lượng hùng hậu của cách mạng, là tương lai của dân tộc. Nhiệm vụ của thanh niên rất nặng nề, vai trò của thanh niên cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đoàn Thanh niên Dân chủ phải thực hiện việc thống nhất tổ chức của mình trong toàn quốc; phải động viên thanh niên tham gia cuộc đấu tranh chung; phải nhanh chóng xây dựng cơ quan ngôn luận của Đoàn, v.v.. Tổng Bí thư đồng ý với chủ trương: Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Dân chủ xuất bản báo *Thế giới* tại Hà Nội và báo *Mới* tại Sài Gòn⁵.

Trong những ngày hoạt động ở Hà Nội, mạng lưới mật thám Pháp luôn rình mò cho người theo dõi từng bước đi của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tuy nhiên, được đồng chí, đồng bào che chở, mọi hoạt động chỉ đạo của đồng chí vẫn thông suốt và an toàn. Đồng chí Nguyễn Văn Tâm, người nấu bếp cho Mô-rô, Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương là một cơ sở bí mật của Đảng, sắp xếp cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ ở tại một căn buồng nhỏ, cạnh cầu thang căn nhà số 80 phố Cắcmô (nay là đường Phan Đình Phùng, Hà Nội). Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ thường hẹn gặp đồng chí Hoàng Văn Thụ, Lương Khánh Thiện và một số đồng

chí lãnh đạo Xứ uỷ Bắc Kỳ tại đây. Tranh thủ lúc vợ chồng viên Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền về Pháp chữa bệnh và đi nghỉ hè, Tổng Bí thư đã triệu tập Hội nghị Xứ uỷ Bắc Kỳ ngay tại nhà tên trùm thực dân này. Hội nghị đã diễn ra an toàn, bọn mật thám không hề ngờ tới.

Nhờ sự che chở, bảo vệ của quần chúng yêu nước, Tổng Bí thư đã nhiều lần thoát khỏi sự bao vây, rình rập của mật thám, chỉ điểm. Thời kỳ này sức khoẻ của đồng chí giảm sút nhiều, căn bệnh sốt rét tái phát làm bụng đồng chí bị báng, người xanh bủng. Nhưng vì công việc rất khẩn trương, không cho phép ngơi nghỉ. Đồng chí đã nhiều lần gặp gỡ, trao đổi tình hình công tác với các đồng chí Hoàng Văn Nọn, Lương Khánh Thiện và Xứ uỷ Bắc Kỳ. Đồng chí còn viết thư và cử đồng chí Đào Duy Kỳ mang vào Nam Kỳ cho các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, nhắc nhở, chỉ đạo các hoạt động công khai của Đảng, đồng thời hết sức đề phòng các hoạt động khiêu khích của bọn tởrôtkít.

Lợi dụng quy định của luật tự do báo chí của thực dân Pháp, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã chỉ đạo để các đồng chí lãnh đạo Đảng đang hoạt động ở Nam Kỳ xuất bản báo *Dân chúng*, lấy tờ báo đó làm cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương. Báo *Dân chúng* được in ở Sài Gòn bằng tiếng Việt, dù không xin phép trước, nhưng vẫn xuất bản đúng với luật tự do báo chí của chính quyền thực dân.

Ngày 22-7-1938, báo *Dân chúng* ra số đầu tiên với lời hiệu triệu: "Trong lúc này hơn lúc nào hết toàn thể nhân dân trong nước đều muốn có tự do báo chí... Thường thường mỗi tờ báo hay tạp chí nào ra đời đều có mấy lời tuyên bố mục đích và hành vi của mình cho độc giả rõ... Đứng trước tình thế nghiêm trọng ngày nay, chúng ta có biết bao nhiêu công việc phải làm để bênh vực lấy ta trong sự tiến hoá.

Chúng ta phải giữ gìn lãnh thổ chúng ta trước sự xâm lấn của Nhật Bản.

Chúng ta phải mở mang nền kỹ nghệ xứ ta cho được phồn thịnh.

Chúng ta phải dìu dắt các bạn dốt nát lên đường văn minh tiến bộ.

Chúng ta phải làm sao cho mỗi người dân xứ này đều biết đặng cái gì gọi là giá trị đời người.

Vì những phận sự lớn lao ấy, *Dân chúng* nguyện làm cơ quan chung cho những ai muốn cho xứ Đông Dương khỏi phải chìm đắm trong vòng tối tăm cùng khổ"⁶.

Sau khi báo *Dân chúng* ra được 12 số, nhà cầm quyền thực dân phải chính thức chấp thuận. Ngày 30-8-1938, chính quyền thuộc địa đã phải ban hành Nghị định về tự do báo chí ở Nam Kỳ. Từ chỗ không hợp pháp, báo *Dân chúng* trở thành tờ báo hợp pháp xuất bản bằng tiếng Việt. Từ sự ra đời của báo *Dân chúng*, đã khuyến khích một số tờ báo khác ở Sài Gòn và Nam Kỳ xin xuất bản.

Tuy bận công việc bộn bề Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vẫn đặc biệt quan tâm tới báo *Dân chúng*. Với các bút danh *Dân chúng*, *D.C*, *Trí Thành*, *T*, *T.H*,... đồng chí đã viết khá nhiều bài cho báo *Dân chúng* và một số tờ báo xuất bản công khai khác. Trong lời phi lộ chính thức của báo *Dân chúng*, nói về việc báo chính thức được thừa nhận hợp pháp, xuất bản công khai, dưới bút danh *Dân chúng*. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ viết: "Thật ra, cái quyền ấy ta đã có từ 57 năm nay mà bây giờ chúng ta mới đòi lại được"⁷.

"Sự thành công của tờ *Dân chúng* ấy chính là sự thắng lợi của tất cả anh em đồng bào, vẻ vang cho làng báo quốc văn... Giành lại quyền tự do xuất bản. Đó là một bước đầu mà thôi. *Dân chúng* còn có những trách nhiệm lớn lao nặng nề này: chủ trương ngôn luận đúng đắn, không tả mà cũng không hữu, không sợ đỡ rụt rè; dùng lý luận hợp thời và tiến bộ giúp độc giả tìm chân lý và vũ khí tranh đấu sắc bén; chọn tin tức đích xác và cần thiết công hiến cho độc giả, giúp đồng bào hiểu

rõ thời thế, kịch liệt tranh đấu chống chủ nghĩa phát xít và các lý luận phản bội khác"⁸.

Nhận định về tình hình thế giới, ngay trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (3-1938), đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Đảng ta đã nhận định: Bọn quân phiệt Nhật Bản sẽ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc; sớm muộn chúng sẽ cũng đánh chiếm Đông Dương. Đảng cần phát động các đoàn thể quần chúng tích cực giúp đỡ nhân dân Trung Quốc chống Nhật, phải chú ý công tác vận động binh lính và chuẩn bị thực hiện việc phòng thủ Đông Dương. Với tinh thần "Giúp Trung Quốc tức là tự giúp mình", Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã khẳng định: "Giúp Tàu là nhiệm vụ của hết thảy mọi người yêu mến tự do và hoà bình. Giúp Tàu là một bộ phận trong việc phòng thủ Đông Dương".

Một trong bốn nhiệm vụ lớn mà Tổng Bí thư nêu lên là: "Phải thiết thực giúp đỡ Tàu, bỏ hẳn chính sách bất can thiệp, mở rộng biên giới, đừng bán than sắt cho Nhật. Cho nhân dân Đông Dương và Hoa kiều được tự do vận động giúp Tàu chống Nhật, tẩy chay hàng Nhật"⁹.

Với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, cuộc vận động quyên góp ủng hộ nhân dân Trung Quốc tị nạn vì hoạ phát xít được thực hiện rất rầm rộ. Qua việc vận động Đảng Xã hội cùng đứng ra mở các cuộc lạc quyên tiền bạc, thuốc men ở một số chợ phiên miền Bắc, vận động tiểu thương, đặt hòm lệ quyên ở nhiều tỉnh Nam Kỳ, đã thu được một số tiền bạc thuốc men đáng kể, nhưng quan trọng hơn là qua đây chúng ta tuyên truyền ý thức chống chiến tranh, phản đối hoạ phát xít trong tất cả các tầng lớp nhân dân. Của cải vật chất quyên góp được tuy không nhiều, nhưng tình cảm chiến đấu vì độc lập của nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã được ghi nhận. Số tiền và thuốc men nhân dân quyên góp đã được giao cho Hứa Niệm Tăng - Đại sứ Trung Quốc (của chính quyền Tưởng Giới Thạch) ở Hà Nội. Vị đại sứ này mặc dù lo sợ chính quyền Pháp

nghi ngờ có quan hệ với cộng sản, nhưng khi tiếp nhận hàng cứu trợ cũng phải miễn cưỡng hàm ơn trước ống kính của báo giới.

Khoảng cuối năm 1938, đầu năm 1939, trong khi nguy cơ chiến tranh thế giới đã cận kề, bọn phát xít Đức - Italia - Nhật đã câu kết với nhau thành phe trục phát xít, đưa quân đánh chiếm nhiều nước. Trước biến động của tình hình thế giới, trong nội bộ Đảng ta có xảy ra các cuộc tranh luận khá căng thẳng. Có hai luồng ý kiến bất đồng với nhau về quan điểm đối với sự kiện ký Hiệp ước Xô - Đức, ý kiến không thống nhất về vấn đề phòng thủ Đông Dương; nhưng căng thẳng hơn là cuộc tranh luận trên diễn đàn báo chí công khai của một số đồng chí giữ cương vị lãnh đạo của Đảng, về việc thất bại của Xứ uỷ Nam Kỳ trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ.

Trên cương vị Tổng Bí thư, ngày 14-5-1938, đồng chí Nguyễn Văn Cừ viết: *Bức thư trả lời cho các đồng chí thảo luận nguyên nhân thua thảm trong kỳ tuyển cử và chính sách của Đảng trong tình hình mới*¹⁰. *Bức thư* dài 16 trang, gồm 5 nội dung đề cập đến những bài học kinh nghiệm qua thất bại trong cuộc tranh cử; những thủ đoạn của bọn tởrôtkít; phân tích tình hình nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Đông Dương; về vấn đề phòng thủ Đông Dương; thái độ của Đảng Cộng sản đối với bọn tởrôtkít và bọn Lập hiến; và cuối cùng là phần kết luận. Cùng với việc viết thư gửi các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn tổ chức họp Trung ương và ra *Thông cáo* tới các cấp bộ đảng trong cả nước.

Giải thích việc Liên Xô ký *Hiệp ước không xâm phạm* với phát xít Đức, trong bản *Thông cáo* do đồng chí Nguyễn Văn Cừ khởi thảo đã đề cập đến tình hình thế giới, phân tích những khó khăn của lực lượng cách mạng, tính hiếu chiến của chủ nghĩa phát xít. Trên cơ sở đó, *Thông cáo* có đoạn nhấn mạnh: "Sau cuộc Hội nghị ở Muyních đã chỉ rõ sự phản bội của Chính phủ Sămbéclanh (Chamberlain) và Đaladiê (Daladier) bắt tay với Hítle, mặt ngoài dùng thế lực phát xít để tấn công

Nga, còn trong là để đàn áp phong trào quần chúng... Nga ký hiệp ước với Đức là cố gắng làm cho Pháp - Anh phải đương đầu cùng Đức... Có một điều các đồng chí ngạc nhiên trên hết là từ trước đến nay Nga hô hào chống phát xít mà phát xít hiện nay đang uy hiếp Âu châu sao Nga lại không đương đầu chống phát xít Đức. Nhưng các đồng chí không thể ngồi mà tưởng tượng Nga có thể biến hoá ra bất kỳ để đối phó chống cự hết thảy bọn phát xít trong khi Nga chưa đủ lực lượng"¹¹.

Về vấn đề phòng thủ Đông Dương, trước tình hình trong nội bộ Đảng có nhiều ý kiến khác nhau, người thì đồng tình, người thì không đồng tình với vấn đề phòng thủ Đông Dương, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã chủ trì cuộc họp Trung ương và sau đó ra nghị quyết tỏ rõ quan điểm chính thức của Đảng ta với những nội dung chính sau đây:

"1. Đứng trước nạn phát xít và chiến tranh hăm dọa, người cộng sản chủ trương bênh vực chính thể dân chủ, chĩa hết mũi nhọn vào bọn phát xít, chống sự xâm lược của tụi phát xít. Đối với một cuộc Nhật sẽ tấn đánh Đông Dương dưới quyền cai trị của nước Pháp bình dân, Đảng ta chủ trương chống quân phát xít Nhật.

2. Song ta không phải những người chỉ biết nhắm mắt đi đánh giặc, trái lại ta chủ trương đòi cho dân chúng Đông Dương được các quyền tự do dân chủ, cải thiện sinh hoạt thì dân chúng mới hăng hái chống bọn xâm lược, đồng thời phải vũ trang cho họ khi có cuộc xâm lược thì mới đủ sức đối phó, rằng một mình quân đội không đủ sức chống lại binh lực hùng hậu của quân Nhật, vậy chỉ có tự do thì dân chúng xứ ta mới cảm giác rằng họ vì tự do, vì dân chủ, vì hoà bình mà tranh đấu, chớ không phải là họ bị cưỡng bách lừa ra chiến trường, hy sinh trong cuộc chiến tranh thay đổi chủ thì sức kháng chiến đã không có mà còn có hại nữa là khác.

3. Ta không nên đặt câu hỏi: "Nếu không được cải cách thì có đánh Nhật không?" vì như thế là ta tự làm yếu phong trào đòi cải cách tự do đi, còn Chính phủ Pháp

thấy có thể trì hoãn cải cách; hai là không hợp với cách giải quyết vấn đề theo hoàn cảnh trong mỗi lúc nhất định..."¹².

Về vấn đề nảy sinh tư tưởng mất đoàn kết trong Đảng ở Đảng bộ Nam Kỳ, do thất bại trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ đã dẫn đến cuộc tranh luận gay gắt trên diễn đàn báo chí công khai giữa những người cộng sản trong nhóm Dân chúng (trên báo *Dân chúng* và *Đông phương tạp chí*), đổ lỗi cho nhau xoay quanh vấn đề thất bại trong cuộc bầu cử. Lẽ ra đây là vấn đề cần tranh luận trong nội bộ Đảng để rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo Mặt trận, vận động bầu cử của Đảng mà không nên đưa ra bàn luận, đổ lỗi cho nhau trên diễn đàn báo chí, gây mất đoàn kết, tư tưởng bè phái, chia rẽ trong Đảng.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ nhận được báo cáo không mấy khả quan về tình hình Nam Kỳ của các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai do đồng chí Đào Duy Kỳ mang ra. Đồng chí rất lo lắng tới tình hình phong trào cách mạng ở Sài Gòn và Nam Kỳ, khi biết rằng một số cán bộ lãnh đạo đã bị mật thám vây bắt; các phần tử tởnrotkit đang tăng cường hoạt động khiêu khích, lôi kéo, phá rối tổ chức.

Trong tình thế đó, Tổng Bí thư quyết định bí mật vào Sài Gòn với ý định bàn thảo với các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Nam Kỳ và Thường vụ Trung ương giải quyết tình hình trên. Vào đến cơ quan của Trung ương Đảng (đóng ở Bà Điểm - Hóc Môn), chưa được bao lâu thì Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị mật thám Pháp ở Sài Gòn đánh hơi thấy. Ngày 11-2-1939, trong một cuộc vây ráp của chúng tại khu chợ Bến Thành, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và một số người khác bị bắt. Trong báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ có ghi: "Nguyễn Văn Cừ tức Phùng lé mắt, tức "người có mắt không cân đôi", Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã bị bắt ở Sài Gòn ngày 11-2-1939 và hai ngày sau đã bị đuổi về nguyên quán bằng biện pháp cảnh sát"¹³. Đó là lần thứ hai Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị trục xuất về quê, lần này vào đúng dịp dịp Tết Nguyên Đán - Kỷ Mão.

Nhân dịp Tết cổ truyền, Nguyễn Văn Cừ đã ở nhà ăn Tết với mẹ, chị gái cùng anh em trong họ tộc. Cả nhà không ai nghĩ đây là cái Tết cuối cùng được đoàn tụ cùng gia đình của người chiến sĩ cách mạng Nguyễn Văn Cừ.

Sau Tết Kỷ Mão, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ lại trở ra Hà Nội. Trong những ngày ở Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ viết và gửi một số bài cho các báo Đảng ở Sài Gòn, phê phán tình hình chia rẽ nội bộ của Đảng bộ Nam Kỳ. Đồng thời Tổng Bí thư còn viết một bức thư gửi trực tiếp cho các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai (đồng chí Đào Duy Kỳ mang thư vào), với nhiệm vụ truyền đạt chỉ thị của Tổng Bí thư về vấn đề phải tập trung sức lực củng cố nội bộ, phải ủng hộ Mặt trận dân chủ và phải kiên quyết đấu tranh chống bọn tởrốtkit. Bức thư của đồng chí Tổng Bí thư nêu rõ: "Ta phải chuyển bại thành thắng, một mặt trong nội bộ Đảng thì phải phê bình nghiêm khắc những xu hướng hữu khuynh thoả hiệp với tởrốtkit. Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, để cho các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động không bị chúng lừa bịp và lôi kéo"¹⁴.

Lúc này tại Hà Nội, bọn mật thám Pháp và tay sai cũng ra sức dò la, vây bắt cán bộ ta. Đồng chí Hoàng Văn Nọn, Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ và một số đồng chí khác đã không may rơi vào tay quân thù. Bọn mật thám hiểu rõ vai trò quan trọng của Nguyễn Văn Cừ, do đó chúng cho quân lùng sục anh rất gắt.

Trước sự truy lùng gắt gao của mật thám, tổ chức bố trí anh đến ở tại nhà số 1, ngõ Gia Thịnh (nay là phố Đội Cấn) và giao cho bà Trần Thị Nam - chủ nhà và cũng là một cơ sở bí mật canh gác.

Ngôi nhà dành cho đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ ở có hai phòng nhỏ, một phòng nhìn ra phố Đội Cấn và một phòng ở bên trong có cửa thông ra một cái sân hẹp, sân này lại có một cửa phụ đi ra ngõ Gia Thịnh. Bà Nam đã mở một cửa hàng xén để che mắt bọn mật thám và tiện cho việc canh gác. Có một số chị em tù chính trị cũ vừa được tha cũng thường lui tới ở nhà này gặp gỡ trao đổi với Tổng Bí thư

Nguyễn Văn Cừ, như các chị Cả Khuông, chị Lãng, chị Yến. Nhưng chỉ ít lâu sau, bọn mật thám đã đánh hơi thấy địa điểm liên lạc này và tổ chức vây bắt.

Một hôm vào đầu mùa thu năm 1939, bà Nam đang ngồi trông hàng một mình thì có một người lạ mặt, mặc áo the quần chùng, đội nón dứa đến hỏi anh Phùng. Bà Nam có vẻ giật mình khi nghe hẳn liền nhắc đến bí danh của Nguyễn Văn Cừ là Phùng. Bà cụ quan sát người lạ mặt này rất nhanh và thấy hẳn có dáng vẻ khả nghi, cặp mắt gian xảo đưa qua liếc lại liên hồi, vừa hỏi chuyện với bà vừa liếc mắt vào phòng trong dò xét.

Nghe người lạ nhắc đến tên Phùng, bà liền đứng dậy, kéo người lạ mặt ra ngoài rồi chỉ tay sang bên kia đường và nói:

- Có anh Phùng vừa mới đi qua đây, nhà anh ấy ở mé bên kia kia.

Nghe tiếng bà cụ nói rất to, lúc đó Nguyễn Văn Cừ đang ở trong nhà, biết là có động, liền nhẹ nhàng vượt qua cái sân nhỏ, nhanh chóng đi ra ngõ thoát an toàn. Người lạ mặt đi theo bà cụ mấy bước, rồi bỗng nhiên như vừa nhớ ra một điều gì, hẳn quay ngoắt lại, trở mặt thét to:

- Con mẹ này mách láo! Thăng Cừ ở trong nhà này chứ còn ở đâu nữa. Rồi hẳn thôi còi cho bọn tay sai đi theo ập vào khám xét. Tất nhiên bên trong chỉ còn căn phòng trống rỗng. Người lạ mặt ấy chính là tên Phán Sinh, Thanh tra mật thám của Sở Liêm phóng trung ương. Tên này đã dày công theo dõi, lần theo dấu vết hoạt động của Nguyễn Văn Cừ. Lần này tưởng chừng chắc chắn bắt được Nguyễn Văn Cừ, nhưng nhờ sự đùm bọc của quần chúng bảo vệ, mật thám Pháp lại thất bại¹⁵.

Trong hoàn cảnh các nơi ở cũ không còn an toàn, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ được đồng chí Nguyễn Văn Minh - Xứ uỷ viên, bí mật bố trí đóng vai người nhà của đồng chí Thi - Bí thư chi bộ - bồi bếp của Phó Giám đốc Nhà băng Đông

Dương - đưa đến ở cùng, tại ngôi nhà của viên Phó Giám đốc Nhà băng Đông Dương.

Khu nhà bếp của viên Phó Giám đốc người Pháp này được đặt trên tầng thượng Nhà băng Đông Dương (nay là trụ sở Ngân hàng Nhà nước), nơi vợ chồng viên chủ rất ít khi lui tới. Chỗ ở của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cùng với đồng chí Thi là căn phòng nhỏ ngay cạnh nhà bếp, kế đó là căn hầm rất kín đáo, có thể lẩn tránh khi cần thiết. Đề phòng bọn mật thám phát hiện nơi ở mới, Nguyễn Văn Cừ ít khi đi ra ngoài. Anh chỉ hẹn một số rất ít đồng chí đến gặp để bàn những việc quan trọng. Thịnh thoảng có đồng chí Lương Khánh Thiện hỏi đó làm Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ (thay đồng chí Hoàng Văn Nọn vừa bị bắt) đến bàn công tác đảng. Về sau có anh Tôn (tức đồng chí Hoàng Văn Thụ) cũng đã đến ở cùng Nguyễn Văn Cừ một thời gian.

Chính nơi đây, trên căn gác xép chật chội, nóng nực này, đồng chí Tổng Bí thư đã viết nhiều bài báo chỉ đạo, định hướng hoạt động của Đảng và cho ra đời những văn kiện quan trọng, kể cả tác phẩm *Tự chỉ trích* nổi tiếng (Tập sách Dân chúng xuất bản tháng 7-1939).

Nói về các văn kiện, tác phẩm do đồng chí Nguyễn Văn Cừ soạn thảo kể từ khi đồng chí giữ cương vị Tổng Bí thư trước hết phải kể đến tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*, được Tập sách Dân chúng (Tân văn hoá Tùng thư). xuất bản cuối năm 1938. Ngoài ra, trong hơn 80 số báo *Dân chúng* xuất bản từ ngày 22-7-1938 đến ngày 30-8-1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết 12 bài tập trung vào các chủ đề lớn, như vấn đề đấu tranh nghị trường trong thời kỳ Mặt trận dân chủ có bài *Những thái độ sai lầm của mấy ông đại biểu Bắc Kỳ*, đăng ở số *Dân chúng* đầu tiên ra ngày 22-7-1938 với bút danh Trí Thành. Tác giả phê phán mấy vị dân biểu tuy được nhân dân bầu thành nghị viên, nhưng vì ma lực của đồng tiền đã thoái hóa, không dám đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân: "Trái lại

với nguyên tắc ấy, các ông nghị ở Viện dân biểu Bắc Kỳ đã tỏ ra nhiều cử chỉ rất sai lầm. Những cử chỉ ấy chỉ có ích cho kẻ thống trị, cho bọn phản động". Tác giả chỉ ra những sai lầm cụ thể của một số vị dân biểu vì sợ mình lẻ loi, nên nhụt chí đấu tranh, hoặc vin cơ này cơ khác để thoái thác trách nhiệm. Nhận xét về các hành động đó, tác giả cho rằng đó là hành động "tả" khuynh cô độc đi ngược lại với quyền lợi của nhân dân. Tác giả khẳng định: "Chỉ có cuộc hành động thống nhất rộng rãi, bao gồm các đảng phái, các lớp nhân dân thì mới chống nổi thế lực phản động thuộc địa và đòi được các điều cải cách dân chủ tiến bộ và chính đáng"¹⁶.

Qua thực tế hoạt động đấu tranh nghị trường không mấy hiệu quả ở Viện dân biểu Bắc Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho rằng dù cho Đảng có kịp thời uốn nắn những sai lầm của các nghị viên Mặt trận dân chủ, hoặc luôn có sự ủng hộ của nhân dân, nhưng kết quả đấu tranh nghị trường phụ thuộc chủ yếu vào bản lĩnh, thái độ chính trị, trình độ năng lực của các nghị viên. Do đó Đảng phải chỉ đạo lựa chọn những người xứng đáng tham gia tranh cử vào các cơ quan dân biểu của chính quyền địa phương.

Cuộc đấu tranh nghị trường vốn vô cùng phức tạp khó khăn, nhưng trước hết phải đưa được người vào các cơ quan dân cử đã. Muốn giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử, để đưa người của ta tham gia vào trong các hội đồng quản hạt địa phương, Đảng phải chuẩn bị kế hoạch vận động tỷ mỉ và toàn diện. Để cổ động tuyên truyền cho việc tranh cử đưa người của ta vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ (4-1939), vẫn với bút danh Trí Thành, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết hai bài trên báo *Dân chúng* kêu gọi cử tri thành phố Sài Gòn ủng hộ người của Mặt trận dân chủ.

Trong bài *Nhân dân xứ này với hội đồng quản hạt*, tác giả hoan nghênh lập trường cấp tiến của một số nghị viên, đồng thời nói rõ quan điểm nhân dân sẵn sàng nguyên lượng và tha thứ cho những nghị viên đã nhận thấy những sai lầm, yếu

kém của mình để đi về phía quyền lợi của nhân dân, kêu gọi họ cùng hợp tác với Mặt trận dân chủ để đấu tranh đòi cải cách dân chủ, cấp tiến cho nhân dân toàn xứ, cho Tổ quốc, đồng bào. Tác giả nêu ra những điều nhân dân đang tha thiết yêu cầu với hội đồng quản hạt. Đó là 10 điểm về ban bố các quyền tự do dân chủ, miễn thuế thân cho dân nghèo, đánh thuế lũy tiến, bỏ thuế thân, luật lao động cho thợ thuyền, lập thêm trường học để tẩy trừ nạn thất học, v.v.. Để hướng tới những mục tiêu đó, hội đồng quản hạt phải có những cải cách tổ chức như tăng thêm số đại biểu vào hội đồng, trong đó có thêm đại biểu của người bản xứ, mở rộng quyền bầu cử, ứng cử, bỏ những thể lệ tuyển cử cũ để tiến tới phổ thông đầu phiếu.

Trong bài *Mặt trận dân chủ với Mặt trận công nông trong vụ tuyển cử hội đồng quản hạt*, ký tên Trí Thành đăng trên báo *Dân chúng* số 52, ngày 7-3-1939, tác giả vạch trần bộ mặt phản động của bọn tờrôtkít - kẻ thù nguy hiểm giấu mặt chống phá chủ trương của Đảng trong dịp bầu cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Trong đó, tác giả chỉ rõ vấn đề kêu gọi hợp tác liên minh: "liên hợp đảng phái" của chúng thực chất là thủ đoạn "lập lờ đánh lận con đen". nhằm lừa gạt cử tri, hòng che đậy bộ mặt phản dân hại nước của bọn phản động giả danh cách mạng tờrôtkít, cần phai hết sức cảnh giác.

Không chỉ quan tâm đến các tờ báo của Đảng, mặc dù rất bận, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vẫn dành thời gian theo dõi, nắm bắt thái độ chính trị của các đảng phái thông qua một số tờ báo, tạp chí đương thời. Chính vì vậy khi có những bài báo thể hiện nhận thức lệch lạc, quan điểm sai lầm, Tổng Bí thư đã kịp thời viết một số bài trao đổi trên tờ báo của Đảng.

Sau khi đọc bài trên báo *Tân tiến* số ra từ ngày 1-4 - 8-1938 có đăng bài của tác giả Hải Phong có tựa đề *Trả lời cho Nhật báo Liên bang Xôviết với Quốc tế liên minh*, Tổng Bí thư đã nhận thấy sai lầm của tác giả nên đã viết bài *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong*. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ rõ: "Xét

rằng ông Hải Phong là một người hết sức ghét lối vu cáo đê hèn của bọn tởrốtkit và ông muốn bênh vực Đệ tam quốc tế... nói về lai lịch Hội quốc liên phần nhiều là đúng song cái động cơ mà Xôviết Liên bang vào Hội quốc liên thì ông nói không được đúng"¹⁷. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ phân tích: "nếu ông Hải Phong vô ý hay hiểu lầm thì đó là một sự sai lầm lớn về đường chính trị, nếu ông có ý giải thích như thế thì những người hiểu con đường chính trị của Đệ tam có thể buộc tội ông là khiêu khích, hay là bào chữa chủ trương của Đệ tam, và người ta có thể nói ông muốn đưa quần chúng vào con đường cải lương sau nữa lối bênh vực Đệ tam như thế chỉ là thêm cơ cho bọn tởrốtkit chửi Đệ tam, vì thế mà người ta có thể gọi ông là khiêu khích"¹⁸. Sau khi giải thích rõ mục đích của Liên Xô vào Hội quốc liên, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ phê phán quan niệm sai lầm của ông Hải Phong theo chủ nghĩa cải lương, trái với quan điểm của Quốc tế Cộng sản là: "Đệ tam dùng bạo lực làm cách mệnh đánh đổ chế độ tư bản, dùng vô sản chuyên chính đi tới thế giới xã hội chủ nghĩa"¹⁹.

Cũng giống như Hải Phong, Nguyễn Văn Sâm đã viết bài *Phong trào ái hữu và sự tấn công của phe chủ*, đăng trên báo *Tự do* do ông làm chủ bút, trong đó thể hiện sai lầm về nhận thức và quan điểm chính trị. Vì thế Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết bài trao đổi nhan đề *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm - Chủ nhiệm báo Tự do*, đăng trên báo *Dân chúng*, số 23, ngày 8-10-1938. Với thái độ chân tình, Tổng Bí thư phân tích nguyên nhân sai lầm về nhận thức của Nguyễn Văn Sâm là do thiếu tư liệu, thiếu hiểu biết về vấn đề nghiệp đoàn và hội ái hữu cho nên có những kết luận không đúng sự thật về hai tổ chức này, cũng như mối quan hệ của nó. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ cảnh tỉnh: "Chúng tôi thiết tưởng ông Sâm làm chủ bút tờ *Tự do* đứng ngoài khuôn khổ một đảng chính trị" mà phê bình sự thực thì không nên để lối văn chương dối trá lọt vào tờ báo mà làm trái với tôn chỉ của tờ báo *Tự do* đã tuyên bố".

Để kết luận vấn đề mà bọn tởtkít cho rằng "ái hữu nghịch với nghiệp đoàn", Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ khẳng định chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập tổ chức nghiệp đoàn từ khi còn hoạt động bí mật, và vẫn chủ trương tiếp tục phát triển nghiệp đoàn trong phong trào công nhân, đi đôi với việc duy trì các tổ chức ái hữu. Tuy nhiên chỉ có kẻ đã tham gia cuộc tranh đấu vì sự nghiệp của giai cấp thợ thuyền xứ này thì mới biết rõ rằng Đảng Cộng sản Đông Dương không giờ phút nào xao lãng nhiệm vụ tổ chức thợ thuyền. Sự thực trái hẳn với những người ngoài cuộc tranh đấu chuyên môn chửi rủa"²⁰.

Ngoài những bài viết về đường lối chủ trương của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn viết nhiều bài phân tích về tình hình chính trị - thời sự thế giới có liên quan tới cách mạng Việt Nam như: *Đại hội của hòa bình quốc tế chống chiến tranh xâm lược; Sự tấn công của Nhật ở Hải Nam là tình hình Viễn Đông, Dân chúng; Xung quanh vấn đề Nhật chiếm đảo Hải Nam*, đăng liền trong hai số báo *Dân chúng*, các ngày 28-2 và 3-3-1939.

Với nhãn quan chính trị nhạy bén, sắc sảo, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã phân tích và đưa ra những đánh giá chính xác về âm mưu đen tối của phát xít Nhật trong cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, nguy cơ chiến tranh phát xít ở châu Á cũng như trên toàn thế giới. Tổng Bí thư khẳng định thái độ của nhân dân Việt Nam là: "Một lần nữa, chúng tôi cảnh cáo các cường quốc dân chủ rằng chính sách đầu hàng trước bọn phát xít, tức là làm cho cuộc chiến tranh đế quốc càng tàn nhẫn, càng dã man thêm... giúp cho các nước phát xít chuẩn bị cuộc chiến tranh tàn bạo hơn và cũng vì chính sách đầu hàng ấy mà hôm nay nạn chiến tranh lại hăm dọa một cách nghiêm trọng ở Viễn Đông". Tổng Bí thư kêu gọi: "Các lớp dân chúng hãy đoàn kết hàng ngũ chặt chẽ ủng hộ và giúp đỡ cuộc kháng chiến của dân tộc Tàu, phản đối chính sách đầu hàng, tán thành tập thể an toàn chống chiến tranh phát xít ấy là ủng hộ hòa bình"²¹.

Cùng với những bài báo mang tính thời sự - chính trị trên đây, Tổng Bí thư còn viết một số bài báo chuyên luận về các sự kiện lịch sử, các vấn đề về khoa học xã hội nhân văn như các bài *Mười một năm Quảng Châu công xã*, *Dân chúng*, số 36, ngày 10-12-1938; *Tôn giáo với xã hội loài người*, *Dân chúng*, số Xuân 1939, v.v.

Khoảng cuối năm 1938 với bút danh *Trí Thành*, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ biên soạn tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*, Tập sách *Dân chúng* xuất bản. Đây là tác phẩm phân tích khá sâu sắc một số vấn đề về nội dung chỉ đạo cuộc vận động đòi quyền dân sinh dân chủ của Đảng ta đã chính thức được Hội nghị Trung ương tháng 3-1938 khẳng định.

Trong tác phẩm, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ nêu rõ ý nghĩa của tự do dân chủ và vấn đề pháp luật; việc thể chế hóa quyền tự do dân chủ của nhân dân như thế nào. Đồng chí còn nêu lên những khái niệm về tự do dân chủ tư sản, vấn đề đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ của nhân dân Đông Dương; khái quát những quan niệm cơ bản về quyền tự do dân chủ của một quốc gia dân tộc, quyền tự do dân chủ của từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng dân tộc - xã hội.

Cuốn sách viết rất cô đọng, gồm chín phần. Trong phần thứ nhất - Lời đầu bài, tác giả viết: "Tự do là một vật quý báu tự nhiên của loài người dùng để phát triển các phương diện kinh tế, chính trị và văn hóa của xã hội loài người. *Một xã hội mà không có tự do thì xã hội ấy phải lụi bại, phải tiêu diệt, để cho xã hội khác tự do hơn, tiến bộ hơn thế vào.* Một dân tộc mà không có tự do thì dân tộc ấy phải ngu hèn, phải kém cỏi, phải mất nước, mất nòi"²².

Phần thứ hai - Ý nghĩa của tự do dân chủ, tác giả giải thích: "Nói chung ý nghĩa của tự do dân chủ là một chính thể lấy nhân dân làm chủ, có chế độ nghị trường, về đường pháp luật nhân dân có quyền bình đẳng và dân chủ để bảo hộ quyền lợi cho các lớp nhân dân"²³. Mặc dầu dân chủ tư sản có tiến bộ hơn so với chuyên chế

phong kiến, phát xít, nhưng tác giả phê phán dân chủ tư sản là rất hẹp hòi và bất bình đẳng, vì nó dựa trên cơ sở tài sản cá nhân, vẫn cần phải loại bỏ.

Để phân tích rõ ràng và cụ thể tính hẹp hòi, bất bình đẳng của dân chủ tư sản, trong phần ba của cuốn sách: *Thế nào là tự do dân chủ tư sản*, tác giả nêu ra bốn điều tự do cơ bản của nhân dân lao động đã bị tước đoạt ngăn cấm đó là: tự do ngôn luận; tự do hội họp, tự do đi lại; tự do bầu cử và ứng cử.

Trong phần thứ tư - Tự do dân chủ với dân tộc, tác giả khẳng định: "Các quyền tự do dân chủ là những điều yêu cầu chung cho toàn một dân tộc muốn sinh tồn, muốn phát triển, muốn tiến hóa, muốn giàu mạnh, đặc biệt là một dân tộc bị thống trị, lại càng cần thiết nữa, vì rằng toàn cả dân tộc, không có quyền tự do ngôn luận, không có quyền phát biểu tư tưởng và ý kiến, không có quyền tín ngưỡng các thứ tư tưởng tiến bộ, không được phát triển những văn hóa mới trên vũ đài quốc tế, không được bỏ những giáo dục ngu dân, tẩy những phong tục tội bại hèn hạ, không được phê bình chỉ trích những sự áp bức dã man của những kẻ cầm quyền thống trị dân tộc mình"²⁴. Tác giả kêu gọi mọi người phải đoàn kết: "Đoàn kết là luật sinh tồn tiến hóa của loài người... Một dân tộc muốn mạnh mẽ, muốn chống lại với các nước mạnh cần phải có *các tổ chức kiên cố của các lớp quần chúng và hoạt động thống nhất*, mới chống được cuộc chiến tranh cướp diệt của phát xít"²⁵.

Các phần tiếp theo có tựa đề: tự do dân chủ với giai cấp tư sản; tự do dân chủ với giai cấp vô sản; tự do dân chủ với nông dân; tự do dân chủ với tiểu tư sản. Cuối cùng trong phần kết luận, tác giả viết: "Xét qua lịch sử thì nhân dân các xứ dân chủ đã trải qua những cuộc cách mạng hoặc những cuộc tranh đấu kịch liệt mới đòi được các quyền tự do dân chủ ấy. Vậy nhân dân Đông Dương muốn hưởng các quyền tự do ấy, lẽ tất nhiên là phải *trải qua tranh đấu*"²⁶. Chỉ có tập hợp hết thảy lực lượng, thống nhất tranh đấu thật sự mới đòi được quyền tự do dân chủ. Cần đề phòng các luận điệu cách mạng đầu lười của bọn tởrôtkít. Tác giả đưa ra 11 yêu

cầu về tự do dân chủ của nhân dân Đông Dương, đòi chính quyền thuộc địa phải thực thi, giải quyết.

Với chủ trương đấu tranh nghị trường, trong những năm 1937 - 1939, Đảng ta đã giành được một số thành công. Một số đảng viên, trí thức yêu nước cảm tình với Đảng, đã ứng cử và tham gia vào Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ và Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương. Những thành công và cả những thất bại trong cuộc đấu tranh này luôn luôn là những bài học quý báu. Lênin đã từng nói: "...Đảng của giai cấp vô sản cách mạng vẫn buộc phải tham gia tuyển cử vào nghị viện và đấu tranh nghị trường, như thế chính là để giáo dục những tầng lớp lạc hậu trong giai cấp mình, chính là để thức tỉnh, giác ngộ quần chúng vô học bị áp bức và dốt nát ở nông thôn. Chừng nào còn chưa đủ sức giải tán nghị viện tư sản và tất cả những cơ quan phản động khác thì vẫn phải công tác trong các cơ quan đó"²⁷. Vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã thực hiện và bước đầu đạt một số kết quả.

3. Tăng cường sự đoàn kết thống nhất về mặt tư tưởng và nâng cao sức chiến đấu của Đảng bằng "Tự chỉ trích" bônsovích

Cùng với việc chỉ đạo hoạt động của Đảng tiếp tục đấu tranh đòi dân chủ, ủng hộ hoà bình, cảnh giác phòng ngừa nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phát xít, trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 7-1939, chịu đựng cái nóng oi bức của mùa hè miền Bắc, nằm trong căn gác xép chật chội trên tầng thượng của Nhà băng Đông Dương, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã hoàn thành một tác phẩm quan trọng, cuốn *Tự chỉ trích*.

Theo dõi sát sao tình hình Nam Kỳ, sự lộng hành của những phần tử tởrôtkít và cuộc "bút chiến" công khai, đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân thất bại trong cuộc tranh cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ (4-1939) của những người cộng sản trong nhóm Dân chúng ở Sài Gòn, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết một số bài cho

báo *Dân chúng* nhằm phê phán sự việc này. “Nhưng không hiểu vì bài vở thất lạc hay vì lẽ gì, điều mong mỏi của tôi không thực hiện được. Bất đắc dĩ tôi phải gửi in cuốn sách này vào *Tập sách Dân chúng*. Sự quyết định của tôi, tuy có miễn cưỡng, nhưng cần thiết”²⁸, trong hoàn cảnh đó *Tự chỉ trích* ra đời.

Với bút danh Trí Cường, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã hoàn thành bản thảo tác phẩm *Tự chỉ trích* vào khoảng tháng 6-1939. Sau đó, đưa cho các đồng chí Tô Hiệu, Đặng Xuân Khu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Nguyễn Văn Minh... tham gia ý kiến. Đồng chí Minh Tranh nhận trách nhiệm đưa bản thảo *Tự chỉ trích* vào Nam Kỳ để *Tập sách Dân chúng* xuất bản. Tháng 7-1939, tác phẩm *Tự chỉ trích* ra mắt bạn đọc và gây tiếng vang lớn.

Thông qua tác phẩm *Tự chỉ trích* thực chất Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo triển khai cuộc đấu tranh trên cả nước lật mặt nạ bọn giả danh cách mạng tởrót két, tiến hành phê bình và tự phê bình, nâng cao sức chiến đấu của Đảng; nghiêm khắc lên án, chỉ trích những khuynh hướng cô độc hẹp hòi và khuynh hướng hữu khuynh thỏa hiệp với bọn tởrót két, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Về tình hình mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc của Đảng của một số đồng chí thuộc Đảng bộ Nam Kỳ, Tổng Bí thư khẳng định: Chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ và việc giới thiệu người tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ là đúng đắn, song do Đảng thành lập chưa lâu, lại thiếu kinh nghiệm, nên không thể tránh khỏi khiếm khuyết. Việc các đại biểu do Đảng giới thiệu thất cử trong kỳ tuyển cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ là một bài học lớn. Tuy nhiên, nguyên tắc tổ chức của Đảng không cho phép tranh luận, phô bày công khai các vấn đề nội bộ. Đó là sự thể hiện của xu hướng "tả" khuynh, của bệnh tự ái cá nhân và việc vi phạm nguyên tắc phê bình, tự phê bình đã gây những tác hại không nhỏ tới công tác củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Nêu rõ mục đích của *Tự chỉ trích*: "Để tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ", nhưng Tổng Bí thư lưu ý thái độ khi tiến hành kiểm điểm: "Không bi quan hoảng hốt mà cũng không đắc chí tự mãn"²⁹; ngược lại phải tiến hành cuộc tự chỉ trích nghiêm túc để rút ra những bài học cần thiết. Nguyên tắc của tự chỉ trích được Tổng Bí thư xác định là phải "lấy danh dự chung của toàn Đảng", coi lợi ích của Đảng, của cách mạng là trên hết. "Người cộng sản có bản phận phải nói thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng" chứ không phải theo đuôi quần chúng, phỉnh quần chúng. Tổng Bí thư đặc biệt nhấn mạnh: "Bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích bônsovích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng thắng lợi; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng"³⁰. Điều quan trọng nhất, theo Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là: những người cộng sản phải nhận rõ khuyết điểm, song việc nêu khuyết điểm của Đảng nhất thiết phải xuất phát từ động cơ xây dựng Đảng. Đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng phải tuân theo nguyên tắc của Đảng, phải xuất phát từ lợi ích của Đảng, của cách mạng.

Từ những quan điểm trên đây, khi xem xét đánh giá nguyên nhân thất bại của Đảng ta trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ khẳng định khuyết điểm đó thuộc về sự lãnh đạo của Đảng và công khai thừa nhận: "Chúng ta không bao giờ có thể đổ hết những nguyên nhân thất bại cho việc quân thù đàn áp và cử tri chưa giác ngộ. Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính ta gây ra, chính ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm"³¹. Thái độ của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ rất rõ ràng: Nhìn thẳng vào sự

thật, nói rõ sự thật, nhận rõ khuyết điểm và có phương pháp, biện pháp sửa chữa sai lầm mới là thái độ phê bình và tự phê bình của người cách mạng chân chính, của một đảng cách mạng chân chính. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ yêu cầu: "Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rửa vu cáo cho Đảng, không sợ "nói giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữ cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hổ lốn một cục, đầy rẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quân thù chửi rửa"³².

Đưa ra "một vài bài học nữa về cuộc tuyển cử cần vạch rõ", thực chất Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đề cập đến những nội dung quan trọng nhất của *Tự chỉ trích*, bao gồm 16 vấn đề khác nhau. Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và phân tích một cách khách quan, khoa học, Tổng Bí thư tổng kết những bài học kinh nghiệm, đồng thời khẳng định mục đích chiến đấu, lý tưởng cao cả, đường lối chính sách của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quy luật lịch sử.

Trước hết, đồng chí Nguyễn Văn Cừ khẳng định nhiệm vụ chiến lược của Đảng ta từ khi ra đời đến nay vẫn không hề thay đổi: "Chúng tôi là người cộng sản Đ.D., chúng tôi không giấu giếm mục đích cách mệnh mà chúng tôi theo đuổi, nghĩa là chúng tôi chủ trương làm cách mệnh tư sản dân chủ (phản đế và thổ địa) giải phóng dân tộc, thủ tiêu những di tích phong kiến và để tiến lên cách mệnh xã hội, thủ tiêu sự bóc lột tư sản và xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện cộng sản chủ nghĩa. Như thế nghĩa là trong bước quá trình cách mệnh ấy chúng tôi không những chủ trương đánh đổ một giai cấp, mà chúng tôi đánh đổ tất cả những giai cấp nào muốn duy trì chế độ người bóc lột người. Trong cuộc cách mệnh tư sản dân chủ, chúng tôi đánh đổ đế quốc và phong kiến địa chủ; khi tiến lên chúng tôi đánh đổ

giai cấp tư bản bóc lột"³³. Tuy nhiên, trong bối cảnh thực tại, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vạch rõ: "Đứng trước hoàn cảnh hiện tại: phát xít tấn công, nguy cơ Nhật Bản hăm dọa, chính sách phản động nặng nề, chúng tôi chưa đánh đổ một giai cấp nào của người bản xứ, chỉ đánh đổ những phần tử và những đảng phái phản động; chúng tôi chủ trương thống nhất hành động của hết thảy các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ để đòi tự do tấn bộ..."³⁴. Đường lối đó không phải là thủ tiêu đấu tranh giai cấp như bọn tởrótkit đã vu cáo. Vì Đảng Cộng sản vẫn giữ độc lập về chính trị và tổ chức, vì quyền lãnh đạo cách mạng vẫn thuộc về giai cấp vô sản. Tổng Bí thư nêu rõ chủ trương, nhiệm vụ của Đảng trong thời kỳ này là: "*Liên hiệp hết các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, vào một Mặt trận dân chủ thông nhất, để chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo hòa bình*"³⁵. Phương hướng và mục tiêu trước mắt đó phù hợp với nguyện vọng bức thiết và khả năng trình độ đấu tranh của quần chúng nhân dân, cổ vũ và tập hợp rộng rãi các tầng lớp quần chúng nhân dân vào mặt trận cách mạng. Đó không phải là chủ trương cải lương, mà là sách lược tập hợp lực lượng, nhằm từng bước thực hiện chiến lược cách mạng của Đảng. Nhưng muốn thực hiện thắng lợi sách lược đó, cần phải có hàng loạt biện pháp hình thức cụ thể, linh hoạt nhằm phát huy cao độ lực lượng, sức mạnh của quần chúng. Vì thế: "*Mặt trận dân chủ phải thực hiện trong quá trình cuộc tranh đấu. Mỗi cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công đòi tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt là một yếu tố xây đắp Mặt trận dân chủ. Những tổ chức quần chúng như các ái hữu tương tác của thợ thuyền, nông dân, các hợp tác xã của tiểu thủ công, tiểu thương, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ đều là bộ phận khăng khít của M.T.D.C., là nền tảng để thực hiện M.T.D.C. thống nhất*"³⁶.

Bàn về lập trường của những người cộng sản và nguyên tắc của Đảng khi tìm bạn đồng minh trong các đảng phái, giai cấp trong thời kỳ này, Tổng Bí thư Nguyễn

Văn Cừ cho rằng: "Vì chủ trương của Đảng Cộng sản tuy "không phân biệt giai cấp, đảng phái nhưng vẫn có giới hạn, có nguyên tắc rõ ràng, nó chỉ liên hiệp không phân biệt giữa những đảng phái cách mệnh hay cải lương, đứng trên lập trường một bản chương trình hành động tối thiểu tranh đấu chống phản động, chống phát xít"³⁷. Tuy nhiên: "*Chúng ta, những người cộng sản, chỉ có thể tùy theo hoàn cảnh mỗi lúc mà liên hiệp với những đảng phái cách mạng hay những đảng phái cải lương, tán bộ ít nhiều, chớ còn với những đảng phái phản động thì không bao giờ có thể liên minh được*"³⁸.

Đối với vấn đề chống bọn tởrốtkit, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ thẳng thắn chỉ ra rằng, những người cộng sản đã thất cử vì "một nguyên nhân rất quan trọng, ấy chính là sự khinh thường nạn tởrốtkit, sự khinh thường này đã thành một cái bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta"³⁹. Với một kẻ thù nguy hiểm như bọn tởrốtkit, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ khuyên những người cộng sản phải có đủ can đảm lột mặt nạ phản dân hại nước của chúng. Vì: "Bọn tởrốtkit, xét đến cốt tuỷ của chúng thì chúng chỉ gồm những cặn bã của phong trào nhóm họp nhau để chống cộng sản, chống cách mệnh, chia rẽ và phá hoại phong trào quần chúng"⁴⁰. Phải nhận thức một cách dứt khoát là đối với bọn tởrốtkit không thể có một thỏa hiệp nào, một nhân nhượng nào. Phải dùng mọi biện pháp tích cực để vạch trần, lột mặt nạ cam tâm làm tay sai cho thực dân đế quốc của chúng, phải tiêu diệt nó về chính trị.

Kết luận, *Tự chỉ trích* kêu gọi toàn thể đảng viên: "Chúng ta đã phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ: xu hướng tả khuynh, cô độc nó muốn làm cho Đảng co bé, rút hẹp bởi biệt phái, cách xa quần chúng, và xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh, lung lay trước những tình hình nghiêm trọng nhãng quên hoặc che lấp sự tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, lăm le rời bỏ những nguyên tắc cách mệnh.

Cho được đảm bảo sự thực hiện Mặt trận dân chủ thống nhất, chúng ta cần tranh đấu tẩy trừ những xu hướng tả khuynh lẫn xu hướng hữu khuynh trong hàng ngũ.

- Thống nhất tư tưởng; thống nhất hành động!

- Cùng cố hàng ngũ để chống thực hiện sự thống nhất các lớp nhân dân!"⁴¹.

Thời gian đã qua đi, *Tự chỉ trích* đã trở thành một văn kiện lịch sử, nhưng ý nghĩa lý luận và thực tiễn của tác phẩm cho tới nay vẫn mang tính thời sự sâu sắc. Tác giả - Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ mãi mãi là một tấm gương tự chỉ trích sáng ngời - một chiến sĩ mácxít - lêninnít chân chính.

4. Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược* của Đảng

Là người có tư duy chính trị nhạy bén, mẫn cảm, trước lúc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ một năm và trước khi phát xít Đức tấn công Liên Xô gần ba năm, từ tháng 8-1938 Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã tiên liệu: "Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa sắp tới sẽ là một cuộc chiến tranh do các nước phát xít tiến hành chống các nhà nước dân chủ để phân chia lại thị trường thế giới. Đó sẽ đồng thời là một cuộc chiến tranh chống cách mạng, chống Liên Xô - Tổ quốc của chủ nghĩa xã hội"⁴². Thực tế lịch sử đã diễn ra đúng như lời tiên đoán ấy, họa phát xít đang uy hiếp nền hòa bình của nhân loại tuy nhiên việc chuẩn bị cho các cơ sở của Đảng rút vào hoạt động bí mật cũng đã được thực hiện tương đối hoàn tất.

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu. Ba tuần sau, ngày 26-9-1939, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản, bắt bớ những người cộng sản Pháp. Lập tức, ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định thực hiện Sắc lệnh của Tổng thống Pháp cấm các hoạt động tuyên truyền cộng sản trên toàn cõi Đông Dương. Không khí khủng bố bao trùm khắp nơi, các tổ chức quần chúng có liên hệ với Đảng bị giải tán, báo chí công khai của

Đảng bị đóng cửa, tài sản bị tịch thu, nhiều người làm báo bị bắt; những kết quả của thời kỳ vận động dân chủ đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu.

Chủ động đối phó với tình thế, từ đầu tháng 9-1939, Nguyễn Văn Cừ và Đảng ta đã chỉ đạo để các cán bộ, đảng viên hoạt động công khai nhanh chóng chuyển vào hoạt động bí mật, nhằm tránh sự khủng bố của kẻ thù; một số cơ sở bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ và Nam Kỳ đã được xây dựng; cán bộ ra nước ngoài tìm bắt liên lạc với chi bộ hải ngoại và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã được phái đi. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn cùng một số cán bộ khác cũng bí mật vào Nam Bộ chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Trước khi vào Nam, Nguyễn Văn Cừ đã tranh thủ dành chút thời gian quý báu về thăm quê hương Phù Khê, gặp gỡ mẹ và chị gái, em trai trước lúc đi xa.

Làm thế nào có thể trở lại Nam Kỳ trốn lọt trong khi bọn mật thám đã nhắm mắt anh? Nguyễn Văn Cừ bàn với đồng chí Đào Duy Kỳ chuẩn bị nhiều phương án. Nghe đồng chí Đào Duy Kỳ nhắc đến câu chuyện Lenin cải trang thành công nhân trên đầu máy xe lửa để vượt biên giới Nga, thoát khỏi vòng vây dày đặc của bọn phản động, Tổng Bí thư rất tán thành cách nhập vai" như Lenin và giao cho Đào Duy Kỳ đi chuẩn bị. Đồng chí Kỳ đi gặp đồng chí Bảo và một vài đồng chí khác thuộc chi bộ ga Tháp Chàm, chuẩn bị kế hoạch sẽ bố trí đón đồng chí Tổng Bí thư và sắp xếp hành trình bí mật đưa đồng chí vào Sài Gòn được an toàn.

Đúng ngày giờ đã hẹn, trong vai một hành khách đã có tuổi râu dài, mũ đội trùm gần kín khuôn mặt, đeo kính râm màu tối, Nguyễn Văn Cừ không đi chuyến tàu tốc hành Hà Nội - Sài Gòn như thường lệ, mà lên chuyến tàu chợ Hà Nội - Vinh để lần vào đám đông hành khách là quần chúng lao động. Đến ga Vinh, tranh thủ lúc tàu dừng lại để lấy nước và nhiên liệu, Nguyễn Văn Cừ bí mật xuống tàu, tới cơ quan

Xứ uỷ Trung Kỳ để trao đổi ý kiến về một số vấn đề quan trọng, trước hết là đường lối đấu tranh vũ trang trong giai đoạn sắp tới. Đồng chí đã gặp Đinh Văn Di - Xứ uỷ viên Trung Kỳ, Bí thư Liên Tỉnh uỷ Nghệ An - Hà Tĩnh, để nghe báo cáo về tình hình hoạt động của tổ chức đảng ở đây và chỉ thị trực tiếp cho Xứ uỷ về nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Xong việc, trở lại ga Vinh đón chuyến tàu tốc hành Hà Nội - Sài Gòn, tiếp tục hành trình bí mật, trên suốt đoạn đường dài, "người lữ hành đeo kính thuốc" ít khi rời khỏi chỗ ngồi. Khi tàu vào ga Tháp Chàm - Bình Thuận (địa phận đất Nam Kỳ thuộc Pháp), người ta thấy vị hành khách già bỗng trở lên nhanh nhẹn nhảy xuống khỏi tàu. Lúc đó là nửa đêm, đồng chí Đào Duy Kỳ và đồng chí Bảo đã chờ sẵn ở đây. Trong đêm tối, người khách già - Nguyễn Văn Cừ mỉm cười xiết chặt tay các đồng chí và đi theo họ đến chỗ đầu máy xe lửa đang lấy nước. Sau khi kiểm tra, nghe các đồng chí đi đón báo cáo lại tình hình chuẩn bị, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ gật đầu hài lòng và nói:

- Tốt lắm! Như thế thì không sợ lỡ việc. Các đồng chí bố rất trí chu đáo, rất hoan nghênh tinh thần trách nhiệm của các đồng chí.

Cởi chiếc áo kaki màu vàng bạc phếch đưa cho đồng chí Đào Duy Kỳ, anh mặc vào chiếc áo xanh công nhân đã vá nhiều chỗ, dính đầy dầu mỡ, đội cái mũ cát kết với lưỡi trai kéo sụp xuống tận mắt, anh hỏi:

- Các đồng chí xem tôi có giống người phụ máy không nào?

Đồng chí Đào Duy Kỳ trả lời dí dỏm:

- Giống đấy! Nhưng chỉ sợ bọn lính kín đánh hơi và hỏi giấy tờ thì cặp mắt lác của anh khó lẩn tránh đỡ đâu được.

Nguyễn Văn Cừ mỉm cười đáp:

- Cậu đừng lo, mình đã chuẩn bị một ít bông, nhờ mà bọn lính kín phát hiện thì mình giả vờ bị đau mắt để không phải rời cặp kính gụ.

Tất cả kíp công nhân lái tàu nghe nói vậy thì đều phá lên cười vui vẻ.

Người thợ lái đầu máy xe hoả hôm đó là một đảng viên. Đồng chí đỡ Nguyễn Văn Cừ trèo lên đầu máy với một sự cung kính thẳm lặng. Đồng chí Bảo chỉ giới thiệu cho biết đây là một đồng chí lãnh đạo, cần phải giữ tuyệt đối bí mật và cần phải tìm mọi cách bảo vệ an toàn. Đầu máy lẩy đủ nước trở lại nổi vào đoàn toa xe rồi con tàu lao vun vút vào trong đêm tối đưa đồng chí Tổng Bí thư quay trở lại đất Nam Kỳ.

Tàu đến chớm địa phận tỉnh Biên Hoà (nay Biên Hoà thuộc tỉnh Đồng Nai), bọn lính kín từ Sài Gòn ra kiểm soát và sục sạo tất cả các toa hành khách. Chúng xem thẻ căn cước của từng người một, quan sát thật kỹ khuôn mặt như thể cố tìm một ai đó đã biết trước. Thì ra bọn mật thám đã được tên phản bội Đinh Văn Di báo cho biết trên chuyến tàu này có chở Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, bởi vậy chúng lập kế hoạch bắt giữ đồng chí trước khi vào ga Sài Gòn. Đinh Văn Di cũng là người từng bị tù ngoài Côn Đảo cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... nhưng bây giờ đã trở thành kẻ đầu hàng phản bội nhận làm mật thám chỉ điểm cho thực dân Pháp. Rất may là nhờ sự cải trang khéo léo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ và sự giúp đỡ của các đồng chí đảng viên cơ sở trên tuyến đường sắt, đồng chí đã "bỏ rơi" được bọn chúng ở ga Tháp Chàm. Khi tàu vào tới Sài Gòn, người công nhân lái tàu bình thản cắt đầu máy rời khỏi đoàn toa xe và chạy từ từ vào xưởng kiểm tra bảo dưỡng, lúc đó đồng chí Cừ mới thay quần áo, chia tay với người lái tàu dũng cảm. Đồng chí Tổng Bí thư được liên lạc đón về ở tại căn nhà số 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là đường Trần Đình Xu, thành phố Hồ Chí Minh) một cách an toàn để lại đằng sau hàng rào lính kín vẫn tiếp tục hò nhau sục sạo tìm kiếm người mất lế"⁴³.

Gặp lại các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương: Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu và các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Kỳ, Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Tổng Bí thư cùng các đồng chí ấy bàn bạc kế hoạch, nội dung, chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Được sự giúp đỡ, cộng tác của các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ và Thành uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã khẩn trương biên soạn tài liệu *Chính sách mới của Đảng* - văn kiện chính thức của Hội nghị Trung ương lần này. Trong các ngày 6, 7, 8-11-1939 tại nhà ông Hai Hy, tức Trần Văn Hy⁴⁴, ấp Tây - Bắc - Lân thuộc khu vực Mười tám thôn Vườn Trầu, xã Tân Thới Nhất (Hóc Môn, Gia Định), Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đã được tiến hành với sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Các đại biểu dự Hội nghị đã thảo luận tài liệu *Chính sách mới* do Tổng Bí thư soạn thảo, góp nhiều ý kiến bổ sung và thông qua với sự nhất trí rất cao. Những nội dung cơ bản của *Chính sách mới* đã được đưa thành Nghị quyết của Hội nghị.

Nghị quyết đã phân tích sâu sắc tình hình thế giới và tính chất chiến tranh trong giai đoạn đầu là đế quốc chiến tranh; dự báo khả năng phát xít sẽ chuyển sang tiến công Liên Xô do đó chiến tranh đã thay đổi về tính chất; khẳng định tiền đề cách mạng thế giới là rất xán lạn. Hội nghị Trung ương cũng đã nhận định vị trí của Đông Dương và chính sách cai trị ngày càng phản động của đế quốc Pháp. Hội nghị phân tích thái độ của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội ở Đông Dương đối với vấn đề dân tộc, phân tích mối quan hệ về kinh tế và chính trị giữa các dân tộc, về chính sách áp bức và chia rẽ dân tộc của đế quốc Pháp.

Nghị quyết nêu bật mâu thuẫn chủ yếu nổi lên lúc bấy giờ: một bên là đế quốc Pháp dựa vào bọn vua quan bản xứ thối nát và bọn chó săn phản bội dân tộc; một bên là tất cả các dân tộc bản xứ bị đế quốc áp bức như trâu ngựa và đẽo rút xương tủy. *Nghị quyết* viết: "Những thảm trạng do đế quốc chiến tranh gây nên sẽ làm cho

trình tự cấp tiến hóa và cách mệnh hóa quần chúng hết sức mau chóng... Lòng phần uất sẽ sôi nổi, cách mệnh sẽ bùng nổ".

Trên cơ sở phân tích tình hình và dự báo chính xác triển vọng của cách mạng, Hội nghị đã quyết định chuyển toàn bộ các hoạt động của Đảng từ công khai, bán công khai sang hoạt động bí mật; chuyển mục tiêu và khẩu hiệu đấu tranh từ đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi tự do, cơm áo, hòa bình, sang mục tiêu đấu tranh đánh đổ chế độ thực dân và phong kiến tay sai, giành độc lập cho các dân tộc ở Đông Dương. Nghị quyết nêu rõ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để giành lấy giải phóng độc lập"⁴⁵.

Để tăng cường củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, đấu tranh nhằm mục tiêu cấp thiết nhất là độc lập dân tộc, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu hạn chế, *chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phong kiến phản động, tay sai*. Khẩu hiệu *Thành lập chính phủ công nông binh* kiểu Xôviết được thay thế bằng khẩu hiệu *Thành lập chính phủ cộng hòa dân chủ*.

Về đối tượng đấu tranh, Hội nghị khẳng định: *Tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc thực dân Pháp và phong kiến tay sai, chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền*. Nghị quyết của Hội nghị ghi rõ: "Hiện nay tình hình có đổi mới. Đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít thuộc địa đã đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng... Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"⁴⁶. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* thay cho *Mặt trận dân chủ thống nhất Đông*

Dương và xác định: "Lực lượng chính của cách mệnh là công nông dựa vào các tầng lớp trung sản thành thị, thôn quê và đồng minh trong chốc lát hoặc trung lập giai cấp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ. Mặt trận ấy phải dưới quyền chỉ huy của vô sản giai cấp"⁴⁷. Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh: "Công nông là hai cái lực lượng chính của cách mệnh, sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể thắng lợi được.

Công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ còn có cảm tức đế quốc"⁴⁸.

Một vấn đề cực kỳ quan trọng lần đầu tiên được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đề cập đến trong bản dự thảo và được Hội nghị Trung ương nhất trí thông qua là vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Nghị quyết khẳng định: phải biết xoay tất cả phong trào tranh đấu lẻ tẻ vào cuộc tranh đấu chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc"⁴⁹. Về xây dựng Đảng, Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh: "Trong thời giờ nghiêm trọng này, trong lúc phong trào cách mệnh đang sắp phát triển hết sức to rộng và sắp bước vào thời kỳ quyết liệt thì Đảng ta nhất định phải thống nhất ý chí lại thành một ý chí duy nhất, một mà thôi"⁵⁰.

Có thể nói, việc thực hiện *Chính sách mới*, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của cách mạng Việt Nam mà Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khóa I) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì, thể hiện tư duy lý luận của Đảng rất nhạy bén, sáng tạo. Các quyết định của Hội nghị về những vấn đề quan trọng nhất: đường lối chiến lược cách mạng, mục tiêu và động lực cách mạng... đã trở lại đúng với những quan điểm, đường lối của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng.

Về ý nghĩa lý luận và lịch sử, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng ta. Trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam, tính đúng đắn, tính khoa học mang tính thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin phải được nhìn nhận bằng quan điểm thực tiễn lịch sử. Sự chỉ đạo chuyển hướng cách mạng của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, chẳng những thể hiện sự kịp thời sáng suốt về tư duy của Thường vụ Trung ương Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, mà còn khẳng định tư tưởng Hồ Chủ Minh luôn là dòng chảy liên tục, cả ở những thời điểm không có Hồ Chí Minh.

Có thể nói rằng, một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, là do Đảng ta đã nhanh chóng và kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Sự chủ động và nhạy bén đó bắt nguồn từ mục tiêu cách mạng, đường lối, quan điểm đúng đắn, trí tuệ tập thể của Đảng. Đó còn là kết quả, là sản phẩm của quá trình đấu tranh cách mạng của quần chúng yêu nước trong đó vai trò của cá nhân đối với những bước chuyển biến của cách mạng là điều không thể phủ nhận. Quy luật phát triển của xã hội, tính lôgic ấy rất đúng trong thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam. Dân tộc Việt Nam đã khẳng định và ghi nhận vai trò và công lao to lớn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trước những quyết định có ý nghĩa lịch sử trọng đại này.

Những đóng góp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ thể hiện qua các Hội nghị Trung ương lần thứ năm (3-1938), Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11-1939) đã tạo nên những bước chuyển biến mang tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam trong những năm cuối thập kỷ 30 đầu thập kỷ 40 thế kỷ XX.

Tranh thủ cao nhất điều kiện khách quan thuận lợi, phát động phong trào đấu tranh hợp pháp với mục tiêu đòi dân chủ, dân sinh bằng nhiều hình thức sáng tạo để xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, điều đó thể hiện sự đúng đắn của Đảng ta trong việc vận dụng lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Với

quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ phát triển mới: thời kỳ vận động, xây dựng lực lượng cách mạng, chuẩn bị mọi điều kiện, đón thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Trước tác mà Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ để lại không nhiều, song tính chiến đấu, giá trị lý luận và chỉ đạo thực tiễn của các trước tác ấy là vô cùng to lớn. Những bước phát triển của cách mạng Việt Nam những năm 1936 - 1939 và đặc biệt là trong những năm 1938 - 1939 dưới sự lãnh đạo của Đảng ta do đồng chí Nguyễn Văn Cừ đứng đầu, giá trị lý luận và thực tiễn của những trước tác của đồng chí để lại đã thể hiện rõ Nguyễn Văn Cừ là một nhà lý luận sáng tạo, sắc bén, một tầm cao trí tuệ của cách mạng Việt Nam.

5. Những ngày tháng cuối cùng của một danh nhân cách mạng

Chiến tranh thế giới bùng nổ, đặc biệt từ sau ngày 28-9-1939, khi Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định thực hiện Sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản của Tổng thống Pháp, chính quyền thực dân phản động ở thuộc địa tăng cường đánh phá, bắt bớ các tổ chức chính trị, điên cuồng chống phá Đảng Cộng sản. Viên Toàn quyền Đông Dương Catroux (Catroux) hung hăng tuyên bố: "Lần này chúng tôi không chờ cho mụn độc phát triển. Phải mổ nó trước khi nó phát triển. Chúng tôi đã đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Chống cộng là cuộc đấu tranh hằng ngày. Trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và mới trung thành với nước Pháp"⁵¹. Thực thi chủ trương đó, bọn phản động trong bộ máy cai trị thuộc địa đã đồng loạt tiến hành việc đối chiếu danh sách tù chính trị được ân xá hồi 1936 – 1937, lùng sục khắp thành thị, thôn quê, đặc biệt ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Nam Định, Huế.. bắt tất cả những đảng viên, quần chúng hoạt động thời kỳ công khai. Chỉ tính trong tháng 9-

1939, chính quyền thực dân Pháp đã bắt trên 2.000 cán bộ đảng viên trên phạm vi cả nước, riêng Nam Kỳ là 800 người⁵².

Đứng trước tình hình nghiêm trọng đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tìm mọi phương pháp để đối phó với địch, nhằm hạn chế những tổn thất to lớn về lực lượng. Ngay sau khi kết thúc Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu (11-1939), các đại biểu khẩn trương trở về các địa phương để phổ biến, triển khai Nghị quyết của Đảng và lãnh đạo nhân dân chống lại sự khủng bố của kẻ thù. Lúc này, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ quyết định ở lại Nam Kỳ, trực tiếp xuống các cơ sở để kiểm tra đôn đốc và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc của địa phương khi triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu.

Bọn mật thám, chỉ điểm của Pháp theo dõi anh từng bước, chúng rình rập quyết bắt cho được người chỉ huy cao nhất của Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Rạng sáng ngày 17-1-1940⁵³, cơ quan mật vụ Sài Gòn đã huy động một lực lượng lớn cảnh sát, mật thám, quân lính đến bao vây ngôi nhà ở 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệm. Sau khi tiến hành lùng sục, chúng đã bắt được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và một số cán bộ cao cấp của Đảng, như Lê Duẩn, Vũ Đình Hiếu (tức Giáo Hoan)... và nhiều tài liệu quan trọng không kịp huỷ. Cũng tại đây chúng cài bẫy, mấy hôm sau bắt tiếp đồng chí Phan Văn Voi, Phạm Chương... và một số người nữa. Tiếp đó, chúng còn tiến hành vây bắt trong khu Chợ Lớn, khám nhà của Vũ Thiên Tân bắt được Triệu Văn Xuân và năm người Hoa (mật thám Pháp nghi là đảng viên cộng sản thuộc chi bộ Hoa kiều) cùng với rất nhiều tài liệu của Đảng⁵⁴.

Bắt được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, bọn mật thám Pháp vô cùng mừng rỡ, chúng đưa về giam tại bốt Catina (nay ở đường Đồng Khởi). Chính tên Badanh (Bazin), trùm mật thám Nam Kỳ đến phòng giam trực tiếp hỏi cung đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Dụ dỗ, tra tấn dã man..., dùng đủ mọi thủ đoạn hòng khai thác thông tin bí mật của Đảng, nhưng trước sau chúng cũng chỉ nhận được ở Nguyễn Văn Cừ một câu trả lời: Không biết!

Sau nhiều lần dùng cực hình tàn bạo đối với Nguyễn Văn Cừ mà không lấy được từ anh nửa lời, bọn địch đành phải chuyển anh về Khám Lớn Sài Gòn để chờ ngày đem ra toà xét xử.

Trong Khám Lớn Sài Gòn, điều kiện sinh hoạt vô cùng khắc nghiệt, nóng nực, chật chội, mỗi người tù chỉ được một diện tích 0,68m², không đủ chỗ ngả lưng, những người tù thường phải thay nhau người nằm người ngồi. Nhưng vượt qua mọi thiếu thốn, bản thiêu, đói khát và những quy định hà khắc, dã man của chế độ nhà tù, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ vẫn tiếp tục hoạt động. Đồng chí truyền đạt, giảng giải những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác - Lênin; tranh thủ phổ biến nội dung tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu cho nhiều cán bộ, đảng viên, giúp họ củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên sau này trở về hoạt động đã nắm vững được tình hình nhiệm vụ, thực hiện tốt chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng và triển khai theo tinh thần Hội nghị Trung ương lần thứ sáu.

Sau hơn nửa năm bị giam cầm tại Khám Lớn, cuối năm 1940, toà án thực dân Pháp liên tiếp mở ba phiên toà xét xử Nguyễn Văn Cừ và các đảng viên cộng sản. Mục đích của chúng là dùng các phiên toà sặc mùi bạo lực giết chóc để uy hiếp tinh thần đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Từ ngày 27-8-1940 đến ngày 3-9-1940, toà Tiểu hình Sài Gòn đã mở phiên "xét xử" và kết án 17 chiến sĩ cách mạng về tội danh "có âm mưu lật đổ". Trong đó: Nguyễn Văn Cừ, mức án 5 năm tù và 10 năm quản thúc; Lê Văn Duân (tức Lê Duân): 5 năm tù, 10 năm quản thúc; Lê Huy Doãn (tức Lê Hồng Phong): 5 năm tù, 10 năm quản thúc; Hà Huy Tập: 5 năm tù, 10 năm quản thúc... Mặc dù bản án đã

được xác định chính tên Vobéc (Veber) - Thống đốc Nam Kỳ - trong bản *Thông tri gửi chánh sứ các tỉnh* đề ngày 16-9-1940⁵⁵, đã yêu cầu chánh sứ các tỉnh: "... phổ biến công khai trong dân chúng về những án này" Nhưng đến tháng 10-1940, toà án binh Sài Gòn lại tiếp tục đưa Nguyễn Văn Cừ ra "xét xử" và "luận tội".

Theo bức *Điện mật* số 1088, đề ngày 14-10-1940 của Thống đốc Nam Kỳ Vobéc gửi Toàn quyền Đông Dương thì: "Toà án binh đã kết án Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Văn Cừ, mỗi người 5 năm tù, 20 năm biệt xứ và 20 năm cấm các quyền dân sự và chính trị, về tội chống phá an ninh quốc gia. Phạt Nguyễn Thị Minh Khai 10.000 phăng, Nguyễn Văn Cừ 8.000 phăng. Năm kẻ tòng phạm ít nguy hiểm hơn cũng phải chịu án nhẹ hơn. Những kẻ đứng đầu khác cũng sẽ tiếp tục bị đưa ra xét xử"⁵⁶.

Tòa án thực dân đúng như một phường lừa bịp, mọi lời kết án của "tòa" đều vô giá trị, đến phiên toà Thượng thẩm Sài Gòn⁵⁷, ngày 22-10-1940, bọn thực dân lại tiếp tục đưa Nguyễn Văn Cừ ra xử và khép bản án 5 năm tù, mất quyền công dân và chính trị, 10 năm biệt xứ. Trong khi các bản án mà tòa án phản động Sài Gòn kết tội Nguyễn Văn Cừ và các chiến sĩ cộng sản khác chưa kịp thực thi, thì khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ (11-1940) (Trung ương đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa này, nhưng do đồng chí Phan Đăng Lưu đi họp chưa về kịp cuộc khởi nghĩa đã nổ ra). Thực dân Pháp dùng khủng bố trắng để đàn áp phong trào cách mạng. Chúng cho máy bay ném bom vào các làng đông dân cư ở Long An, Vĩnh Long..., những khu chợ lúc đông người đang họp, giết hại hàng trăm người vô tội. Đồng thời chúng mở các cuộc lùng sục, triệt phá cơ sở cách mạng, đã có hàng ngàn cán bộ, đảng viên của lực lượng thuộc Xứ uỷ Nam Kỳ bị bắt, bị tra tấn, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề.

Ngày 25-3-1941, toà án binh Sài Gòn quy kết các tội danh cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là người khởi thảo nghị quyết thành lập Mặt trận thống nhất phản

đế, người "chủ trương bạo động" đe dọa quyền lợi của "mẫu quốc" ở Đông Dương, người "chịu trách nhiệm tinh thần" của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và kết án tử hình. Sáng sớm ngày 26-8-1941, địch báo tên các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần (tức Biện Tần), Nguyễn Hữu Tiến (tức Trương Xuân Chính), Nguyễn Văn Tây (tức Cù) và Nguyễn Văn Huân - Ủy viên Ban Chấp hành Liên tỉnh Cần Thơ đưa đi xử bắn. Ngay lập tức đồng chí Nguyễn Thị Minh khai hô to: "Đã đảo bọn đế quốc đã man giết người!", "Đã đảo bọn đế quốc đã man giết người!". Mọi người đồng thanh hô theo vang dội. Hoảng sợ trước thái độ phản ứng của những người tử tù và lo những người tù khác bị kích động, tên chỉ huy Pháp vội ra lệnh cho quân lính lấy giẻ nhét vào miệng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai để không thể hô khẩu hiệu được.

Lúc 6 giờ sáng, địch đưa Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí của anh đến trường bắn Ngã Ba Giồng thuộc xã Tân Thới Thượng, huyện Hóc Môn. Nhằm uy hiếp tinh thần của quân chúng, địch đã bắt khoảng gần 300 người tới chứng kiến buổi hành hình. Trước đông đảo đồng bào, khi bị bịt mắt trói vào cột, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai... đã hô vang "những khẩu hiệu cộng sản", liên tục cho đến khi súng nổ, các đồng chí gục xuống mới thôi⁵⁸.

Cùng với các đồng chí của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã hiên ngang chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, tỏ rõ chí khí anh hùng của người cộng sản. Đi vào cõi bất tử khi mới 29 tuổi thanh xuân. Cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng rực rỡ hào quang. Hơn 13 năm hoạt động yêu nước và cách mạng, từng giữ nhiều trọng trách, trong đó có hai năm là Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã in dấu ấn hoạt động trên cả ba miền đất nước và có những cống hiến hết sức to lớn. Sự hy sinh và khí tiết của Nguyễn Văn Cừ, của nhiều cán bộ ưu tú của Đảng ta, là tấm gương sáng chói về tinh thần tận trung với nước, tận hiếu với dân; về tinh thần học tập phân đấu theo lý tưởng mà mình lựa chọn.

-
1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.385.
 2. Thông tri số 144-SS. ngày 14-4-1938 của Chánh mật thám Trung Kỳ gửi Tổng nha mật thám Hà Nội, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
 3. *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Sđd, tr.207.
 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.150.
 5. Báo *Thế giới* ra số 1 ngày 15-9-1938; bị đình bản ngày 13-10-1939. Báo *Mới* (chưa rõ số 1 ra ngày nào nhưng đã xác định báo này ra được 11 số, số cuối cùng ra ngày 29-3-1939 và bị đình bản ngày 10-10-1939. Đây là hai trong số những tờ báo cách mạng và tiến bộ mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nói tới trong Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 7-1939.
 6. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân chúng 1938 - 1939*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000, t. 1, tr. 13.
 7. Đạo luật Tự do báo chí của nước Pháp ban hành năm 1881.
 8. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân chúng*, Sđd, t.1, tr.550-551.
 9. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân chúng*, Sđd, t. 3, tr. 18.
 10. Tài liệu đánh máy, bản dịch từ tiếng Pháp, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
 11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr.753-754.
 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 366-367.
 13. Báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ tháng 2-1939, khu I, tài liệu số 7, lưu trữ Bộ Nội vụ, bản chụp tiếng Pháp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
 14. Đào Duy Kỳ: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (hồi ký)*, tài liệu đánh máy, lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

15. Theo Trung Chính: *Nguyễn Văn Cừ - Một cán bộ lãnh đạo Đảng trong thời kỳ 1938 - 1940*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.365-366.
16. Xem Trí Thành: *Những thái độ sai lầm của mấy ông dân biểu Bắc Kỳ*, báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5-10-1938.
- 17, 18. Trí Thành: *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong*, báo *Dân chúng*, số 10, ngày 24-8-1938.
19. Trí Thành: *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong*, báo *Dân chúng* số 10, ngày 24-8-1938.
20. Trí Thành: *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm - Chủ nhiệm báo Tự do*, báo *Dân chúng*, số 23, ngày 8-10-1938.
21. Trí Thành: *Sự tấn công của Nhật ở Hải Nam và tình hình Viễn Đông*, báo *Dân chúng*, số 26, ngày 19-10-1938.
- 22, 23. Trí Thành: *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr. 649, 653.
- 24, 25. Trí Thành: *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, Sđd*. tr. 655, 656-657.
26. Trí Thành: *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr. 669.
27. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t.41, tr.56

28. Nguyễn Văn Cừ: *Tự chỉ trích của Trí Cường*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr.680.

29. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 679.

30. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*. Sđd, tr. 683.

31, 32. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 684, 683.

33. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 693.

34, 35. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 693, 687.

36, 37, 38. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 699, 687-688, 688-689.

39, 40. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr.686.

41. Trí Cường: *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Sđd. tr 702.

* Một số tài liệu ghi là "chuyển hướng chiến lược".

42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr. 418.

43. Theo Hồi ký của Đào Duy Kỳ, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

44. Trong một số sách viết là Phan Văn Hy, nhưng qua khảo sát thực tế tại Học Môn và khu di tích Ngã Ba Giồng, tên chính xác là ông Trần Văn Hy.

45. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 536.
- 46, 47. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*. t. 6, tr. 538-539, 539-540.
- 48, 49, 50. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 540, 552, 556.
51. *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ xuất bản, thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.28.
52. *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ, Sđd*, tr.29.
53. Về ngày Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị bắt, nhiều sách và tài liệu trước đây đều nói là ngày 18-1-1940, tuy nhiên trong báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ tháng 1-1940, bản tiếng Pháp, tài liệu số 12, lưu trữ Bộ Nội vụ, ghi rõ là rạng sáng ngày 17-1-1940.
54. Báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ tháng 1-1940, bản tiếng Pháp, tài liệu số 12. lưu trữ Bộ Nội vụ.
55. Thông tư của Thống đốc Nam Kỳ gửi chánh sứ các tỉnh, số 591/API, ngày 16-9-1940, tài liệu số 14, lưu trữ Bộ Nội vụ.
56. Hồ sơ II.A45/13.p6, 1 lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
57. Phụ trương *Tập san cảnh sát hình sự*, số 648, ngày 6- 2-1941.
58. Về ngày các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Văn Tây, Nguyễn Hữu Tiến... bị bắt, các tài liệu ghi không giống nhau, một số tài liệu ghi ngày 28-8-1941. Ở đây chúng tôi căn cứ vào vào Phụ lục của Thông báo số 6617.S, ngày 30-8-1941 của Sở Mật thám Nam Kỳ về tình hình từ ngày 21 đến ngày 27-8-1941, bản tiếng Pháp, lưu trữ Bộ Nội vụ, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh. Xem thêm phân biên niên sự kiện.

NGƯỜI CỘNG SẢN LỖI LẠC – NHÀ LÝ LUẬN SÁNG TẠO – TỔNG BÍ THƯ XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của Đảng ta, đã nói: "Lịch sử Đảng ta là một pho lịch sử bằng vàng trong 15 năm đấu tranh trước Cách mạng Tháng Tám... biết bao đảng viên ưu tú và quần chúng cách mạng đã vì dân, vì Đảng mà hy sinh một cách cực kỳ oanh liệt". Trong số những đồng chí đã ngã xuống trước mũi súng tàn bạo của kẻ thù trước cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một người cộng sản lỗi lạc, một nhà lý luận sáng tạo, một Tổng Bí thư xuất sắc của Đảng ta và của cách mạng Việt Nam.

Như một ánh sao băng trên bầu trời cách mạng Việt Nam, ngắn ngủi nhưng chói sáng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, với 29 tuổi đời, 11 tuổi đảng, trong đó có hai năm giữ cương vị Tổng Bí thư, đã để lại cho Đảng ta và nhân dân một sự nghiệp vẻ vang, một tấm gương sáng chói về nhiều mặt.

1. Định hướng tư duy lý luận trên cơ sở thực tiễn Việt Nam

Bước sang thời kỳ 1936 - 1939, trong Đảng ta đã xuất hiện một thế hệ cán bộ lãnh đạo mới, Nguyễn Văn Cừ là người tiêu biểu cho thế hệ cán bộ rèn luyện và trưởng thành trong lò lửa đấu tranh cách mạng và trong nhà tù của đế quốc. Các Tổng Bí thư tiền nhiệm như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập đều được đào tạo và huấn luyện ở nước ngoài, còn Nguyễn Văn Cừ được Hội nghị Trung ương lần thứ năm (3-1938) bầu làm Tổng Bí thư - một người còn rất trẻ, từ xưa tới nay chưa hề xuất dương"? Có thể coi đây là một hiện tượng đặc biệt và Nguyễn Văn Cừ tỏ ra rất xứng đáng với trọng trách của mình, đã toả sáng trên nhiều lĩnh vực, trước hết là cương vị Tổng Bí thư. Sự toả sáng về trí tuệ, về tư duy lý luận của người Tổng Bí thư trẻ tuổi ấy đã có đóng góp lớn cho cách mạng Việt Nam.

Sinh ra từ một vùng đất học Kinh Bắc, giàu truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng; trong một gia đình dòng dõi Nho gia, nổi đời "thi thư thiện nghiệp", từng có nhiều người đỗ đạt cao, Nguyễn Văn Cừ đã được thừa hưởng trí thông minh sắc sảo, tinh thần cần cù hiếu học, chí khí và phẩm cách cao thượng, sẵn sàng dấn thân vì nghĩa lớn. Ở bậc trung học Nguyễn Văn Cừ học tại Trường Bưởi, nơi tụ hội bao anh tài của đất nước, được nuôi dưỡng trong không khí yêu nước sôi sục lúc bấy giờ, được kết giao với nhiều bạn học ưu tú, nhiều người sau này trở thành những đảng viên cộng sản lỗi lạc. Do đó, con đường đến với cách mạng của Nguyễn Văn Cừ là đương nhiên, bởi đó là con đường tất yếu của một thanh niên yêu nước.

Trở thành hội viên Thanh niên rồi đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương, Nguyễn Văn Cừ hăng hái thực hiện chủ trương "vô sản hoá" của Đảng rèn luyện trong phong trào công nhân vùng mỏ Đông Bắc và sớm trở thành một nhân vật lãnh đạo năng nổ của công nhân vùng mỏ.

"Sức lan tỏa cách mạng" ghê gớm của Nguyễn Văn Cừ làm kẻ thù khiếp sợ, mật thám Pháp tìm mọi cách lùng bắt. Trước đòn roi, tra tấn và đày ải trong ngục tù của đế quốc, Nguyễn Văn Cừ trở thành một biểu hiện sinh động về tinh thần bất khuất của các chiến sĩ cách mạng, biến nơi "địa ngục trần gian" thành "trường học cộng sản". Là một người ham học hỏi, Nguyễn Văn Cừ vượt qua mọi cửa ải gian lao, hà khắc và đòn roi của nhà tù đế quốc để học tập. Anh trực tiếp nghiên cứu, nghiên ngẫm những tác phẩm kinh điển của Mác, Ăngghen, Lênin... do đó ít bị ảnh hưởng bởi sự truyền thụ cắt xén chủ quan, phát huy được tính độc lập suy nghĩ, tự do tranh luận để truy tìm chân lý. Trong thời gian gần sáu năm ở Côn Đảo, Nguyễn Văn Cừ có điều kiện nghiên ngẫm, soi xét kinh nghiệm hoạt động thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, gắn bó lý luận với thực tiễn và lấy thực tiễn để kiểm

nghiệm lý luận. Chính vì thế, sau khi được ra tù, Nguyễn Văn Cừ đã trưởng thành về mọi mặt.

Trở lại hoạt động trong bối cảnh thế giới nói chung và phong trào cộng sản quốc tế nói riêng đã có nhiều thay đổi. Nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) đã được truyền đạt về trong nước, những kinh nghiệm thất bại đã được đem ra phân tích mổ xẻ, những biểu hiện "tả khuynh", giáo điều, cô lập, biệt phái,... đã bị phê phán. Những khuynh hướng nóng vội, chủ quan ở một số nước thuộc địa và phụ thuộc khi đề ra chủ trương làm cách mạng dân chủ tư sản để chuyển thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa bây giờ đã bị chỉ trích là không phù hợp. Vấn đề là tìm ra hình thức, khẩu hiệu đấu tranh phù hợp với tình hình cách mạng trong nước, đồng thời theo đúng tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản trong thời kỳ này!

Với việc tham gia móc nối liên lạc, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng ở Bắc Kỳ, thành lập Xứ uỷ lâm thời, chỉ đạo thành lập Liên Xứ uỷ Bắc - Trung Kỳ, Nguyễn Văn Cừ đã có những đóng góp lớn vào việc khôi phục lại hoạt động của Đảng, nhưng quan trọng hơn, chính đồng chí là người đưa ra sáng kiến thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất, tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng trên những hình thức mới, sắc thái mới. Điều đó làm cho phong trào cách mạng dưới sự chỉ đạo của Đảng đã có bước phát triển nhảy vọt, đồng thời hướng sự chỉ đạo của Đảng tới thống nhất, chặt chẽ cả về chủ trương và tổ chức thực hiện.

Theo sáng kiến của Nguyễn Văn Cừ, Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ đạo thành lập các tổ chức quần chúng như các hội ái hữu thợ máy, thợ in, thợ may, thợ giày và nhiều hình thức biến tướng khác đã lần lượt ra đời ở Hà Nội và các địa phương khác. Nhiều cuộc biểu tình quần chúng, đưa đơn dân nguyện lên Đốc lý Hà Nội, Thống sứ Saten (Châtel); đón lao công đại sứ Gôđơ; chỉ đạo xuất bản ở Hà Nội một số tờ báo công khai bằng tiếng Việt và tiếng Pháp; liên kết với phân bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ tổ chức nhiều cuộc nói chuyện mà diễn giả phần đông là các chiến sĩ cộng

sản hoạt động công khai, gây thành một phong trào hoạt động rất sôi nổi, làm cho thế lực và ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng tăng lên. Đây là những hình thức tổ chức và đấu tranh chưa từng có ở giai đoạn trước.

Chính từ trong thực tiễn chỉ đạo đấu tranh, Nguyễn Văn Cừ đã nhìn nhận thấy hướng phát triển của cách mạng, mục tiêu đấu tranh trước mắt và những hình thức tổ chức đấu tranh mới phù hợp với tình hình thực tiễn. Những vấn đề đó được tổng kết và thể hiện trong bản báo cáo *Về phong trào các tổ chức quần chúng của Đảng*. Báo cáo đã được đánh giá cao, được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cuối tháng 8 đầu tháng 9-1937 thông qua và trở thành nghị quyết của Đảng.

Trên cơ sở phân tích kỹ những luận điểm mà Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đưa ra, Đảng đã quyết định nhiều vấn đề có giá trị chỉ đạo về mặt lý luận phù hợp với thực tiễn: chuyển hướng mục tiêu mang tính sách lược, đưa một bộ phận từ hoạt động bí mật sang công khai và bán công khai từ trực tiếp đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến nay chỉ đòi các cải cách dân chủ, dân sinh.

Chủ trương thực hiện Mặt trận nhân dân thống nhất, phê phán những biểu hiện "tả" khuynh, cô lập, biệt phái cả về tư tưởng, tổ chức và hành động, đề ra các khẩu hiệu quá cao, không thích hợp còn hay dùng những lời lẽ kịch liệt, khó tranh thủ lực lượng trung gian, chỉ tạo cơ cho kẻ địch khủng bố. Ý kiến của Nguyễn Văn Cừ đã được hội nghị Trung ương ghi nhận: "Trong các cuộc tranh đấu, phải tùy theo tinh thần và lực lượng quần chúng, dò xét thái độ của địch nhân và *liệu cơ tiến thoái*, ...nhiều khi phải biết lợi dụng các điều *thắng lợi từng phần* mà kết liễu cuộc tranh đấu để giữ lấy ảnh hưởng". Nhấn mạnh đến sự cần thiết phải chuyển hướng phương pháp và hình thức đấu tranh, phải có tư duy uyển chuyển trong chỉ đạo chiến lược, sách lược để giành lấy thắng lợi, đó là đóng góp lớn về mặt vận dụng lý luận vào thực tiễn Việt Nam của Nguyễn Văn Cừ. Trong lúc có sự hiểu lầm, không nhất trí giữa một số đồng chí lãnh đạo Trung ương ở trong nước với Ban Chỉ huy ở

ngoài về vấn đề tổ chức mới và phương pháp hoạt động mới theo Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, thì báo cáo của Nguyễn Văn Cừ là một đóng góp vào thành công của Hội nghị. Chính tư duy lý luận sắc sảo, có sức thuyết phục của Nguyễn Văn Cừ đã được Hội nghị đánh giá cao và ngay sau đó đồng chí được bầu bổ sung vào Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương của Đảng.

Là người có tư duy và năng lực phân tích, bản tính thẳng thắn quyết đoán, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã có những đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy quá trình tiến tới thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất Đông Dương. Chủ trương này được Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương mở rộng (3-1937), nhằm tiến tới thành lập một tổ chức mặt trận tập hợp được rộng rãi các đảng phái, các đoàn thể, các hội quần chúng trên cơ sở một bản chương trình hành động đòi các quyền tự do dân chủ và các quyền dân sinh khác. Song việc triển khai rất chậm do hoạt động chia rẽ, phá hoại của bọn tởrốtkit, phần khác là do sai lầm "tả" khuynh, hẹp hòi, biệt phái trong cách tổ chức và phương pháp hoạt động của Đảng. Trong báo cáo *Về công tác quần chúng*, đọc tại Hội nghị Trung ương tháng 9-1937, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã thẳng thắn chỉ ra những sai lầm ấy, xác định rõ quan điểm nhận thức và thái độ, góp phần hình thành nên *những luận điểm về phương pháp công tác mặt trận*, một loại hình vận động quần chúng tuy đã được đề ra từ lâu, nhưng nay mới có điều kiện trở thành thực tế trong hoạt động của Đảng ta.

Đồng chí nhắc nhở rằng: "Chiến sách căn bản của Đảng lúc này là liên hiệp tất cả các giai cấp, các tầng lớp dân chúng, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, nòi giống trong một mặt trận thống nhất.. để đòi các quyền tự do dân chủ và các điều cải cách khác". Để đi tới liên hiệp rộng rãi các đảng phái thì phải chống xu hướng biệt phái, phải biết khôn khéo nhượng bộ khi cần thiết phải "hiểu rõ thái độ Đảng ta đối với giai cấp tư bản bản xứ và các đảng phái của nó" để lôi kéo họ tham gia mặt trận.

Trong thảo luận, đấu tranh, phải tránh "dùng những lời cay chua để chỉ trích và vạch mặt nạ những người bạn đồng minh với mình", phải "biết dùng những lời lẽ tao nhã mà chỉ trích một cách thân mật những chỗ nhu nhược và sai lầm của họ, không đẩy họ sang phe nghịch và để nâng đỡ họ lên, phải biết giữ thể diện cho họ", không những thế lại phải biết "khéo lợi dụng những khuynh hướng có tính chất cấp tiến của họ đề xướng ra" đẩy cho họ cấp tiến thêm lên", v.v.. Phải khắc phục "cái bệnh thiên về thợ thuyền và lao động,... mà quên hết cả các quyền lợi của các tầng lớp, các giai cấp khác, quyền lợi chung của dân tộc", "phải hiểu rằng Đảng ta chẳng những là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho giai cấp vô sản thôi mà cũng là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho cả toàn thể dân chúng nữa¹. Những quan điểm của Nguyễn Văn Cừ được phản ánh trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 9-1937 rất gần với quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc: Đảng chỉ thể hiện được vai trò lãnh đạo của mình trong Mặt trận khi mà Đảng "tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"².

Khi tình hình đã thay đổi, chiến tranh thế giới nổ ra, Tổng Bí thư hoàn toàn nhất trí với quan điểm của Quốc tế Cộng sản: trước mắt *cần đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc*, do đó cần thiết phải thành lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc trên cơ sở liên minh hai giai cấp chiếm đa số trong dân cư là công nhân và nông dân: "Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng". Tuy nhiên, khi vận dụng để hình thành nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã có nhiều bổ sung sáng tạo. Trước hết là về chiến lược cách mạng, mặc dầu cách mạng *phản đế và điền địa* là hai vấn đề mâu chốt có quan hệ hữu cơ với nhau, nhưng trong tình hình hiện tại thì phải: "Đứng trên lập

trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"³. Tuy tạm thời gác lại khẩu hiệu ruộng đất, nhưng vẫn bảo vệ quyền lợi của nông dân; chống địa tô cao, tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ đã phản bội quyền lợi dân tộc đem chia cho dân nghèo. Đó là sáng tạo về mặt lý luận cách mạng của Nguyễn Văn Cừ dựa trên cơ sở thực tiễn Việt Nam, một nước nông nghiệp có trên 95% là nông dân.

Có thể nói rằng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đã đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta, vừa phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, vừa là sự khẳng định lại tính đúng đắn, sáng tạo của *Chính cương, Sách lược vắn tắt* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đề ra từ đầu năm 1930 trong Hội nghị thành lập Đảng. Trên cơ sở kế thừa nền tảng tư tưởng lý luận ấy, hoạt động chỉ đạo cách mạng và sáng tạo lý luận của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trong thời kỳ này gắn liền với bước trưởng thành về tư duy lý luận độc lập, tự chủ, của Đảng ta. Cơ sở của sự sáng tạo đó là *quan điểm thực tiễn*: luôn luôn xuất phát từ thực tiễn để tiếp cận chân lý, tìm tòi lý luận, đề ra quyết sách; luôn luôn nhạy bén với sự biến đổi của thực tiễn, không bảo thủ, không giáo điều. Đó cũng chính là bản lĩnh sáng tạo mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu cao tấm gương cho cách mạng Việt Nam.

2. Chỉ đạo đấu tranh vạch mặt bọn tò rôtkít, nâng cao sự đoàn kết nhất trí trong Đảng

Muốn thực hiện Mặt trận nhân dân thống nhất Đông Dương thành công, đồng chí Nguyễn Văn Cừ chỉ rõ: phải thẳng tay vạch mặt sự phá hoại của bọn tò rôtkít. Trên cương vị Tổng Bí thư mới của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã *tiến hành một cuộc đấu tranh sâu rộng trên mặt trận lý luận*, trước hết là đấu tranh vạch mặt giả danh cách mạng của bọn tò rôtkít. Lịch sử và hành động của tò rôtkít đã chứng minh

rằng vô luận ở đâu và lúc nào bọn chúng cũng đóng vai trò khiêu khích, phá hoại cách mạng. Với giọng điệu cách mạng đầu lưỡi, chúng hô hào thành lập "Mặt trận vô sản", "Mặt trận công nông", "Mặt trận của những người bị bóc lột chống kẻ bóc lột", v.v. để chống lại chủ trương lập Mặt trận thống nhất dân chủ rộng rãi của Đảng ta, vu cáo Đảng ta "hợp tác giai cấp", từ bỏ đấu tranh giai cấp, thoả hiệp, đầu hàng giai cấp tư sản",...

Trong lúc yêu sách đòi tự do nghiệp đoàn chưa được chấp nhận, Đảng ta chủ trương phải lợi dụng hết thảy các hình thức ái hữu, tương tế và mọi biến tướng của nó để tập hợp quần chúng, đưa họ vào đấu tranh, thì bọn tởrôtkít rêu rao rằng: "ái hữu giết chết công đoàn", "ái hữu không thể giác ngộ quần chúng về quyền lợi giai cấp", "ái hữu chỉ là xôi thịt, cải lương, phản động", v.v..

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chỉ đạo báo *Dân chúng* và các tờ báo công khai của Đảng ta phải "kịch liệt tranh đấu chống chủ nghĩa phát xít và các lý luận phản bội, hành động khiêu khích của bọn tởrôtkít và các màu lý luận phản động khác"⁴. Đồng chí cũng phê phán nghiêm khắc sự hợp tác vô nguyên tắc của một vài đảng viên cộng sản với bọn tởrôtkít, vì sau khi đã cắt đứt với tờ *La Lutte*, có đồng chí vẫn còn viết bài muỗn bào chữa cho chúng, còn muỗn lập "mặt trận" với chúng, đó là một sự mơ hồ về lập trường giai cấp, vẫn chưa nhận rõ bản chất phản động của bọn tởrôtkít, do quan hệ cá nhân mà không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, quan điểm của Đảng.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Đảng ta đã từng nhắc nhở: "Đảng Cộng sản chủ trương liên hiệp các đảng phái, các lớp nhân dân để gây một lực lượng thống nhất mạnh mẽ, tranh đấu chống chế độ thuộc địa dã man, đòi các quyền tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt cho các lớp nhân dân, song sự liên hiệp phải có nguyên tắc, chứ không phải liên hiệp cả với bọn phản động, bọn khiêu khích tởrôtkít tay chân phát xít"⁵.

Có thể nói những hoạt động và chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, về cơ bản, đã quán triệt những chỉ thị mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã truyền đạt cho Đảng ta trong thời kỳ này, đặc biệt là trong quan hệ đối với bọn tởtkít: "không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít phải tiêu diệt chúng về chính trị"⁶.

Trên phương diện đấu tranh củng cố nội bộ, *Tự chỉ trích* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một tác phẩm lý luận lớn, một đóng góp rất quan trọng vào công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tác phẩm ra đời là sự đáp ứng kịp thời yêu cầu của một tình hình phức tạp, khi Đảng vừa hoạt động bí mật vừa hoạt động công khai; vừa thi hành một sách lược mềm dẻo nhằm lôi kéo các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân tộc, dân chủ động bãi, vừa phải giữ vững những nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin; vừa chống "tả", vừa chống hữu, nhằm đi tới sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Trong tình hình đó, những lệch lạc xảy ra là khó tránh khỏi.

Ngày nay, đọc lại *Tự chỉ trích*, chúng ta biết bao ngạc nhiên trước độ chín đáng khâm phục về chính trị - tư tưởng của một cây bút lý luận còn rất trẻ, chỉ trưởng thành từ trường học của nhà tù và thực tiễn đấu tranh cách mạng. *Tự chỉ trích* thể hiện sự minh triết trong tư duy chính trị của một lãnh tụ già dặn, vừa tranh luận vừa thuyết minh một cách sáng tỏ đường lối, chính sách của Đảng - những khía cạnh tinh tế giữa cái tạm thời và cái lâu dài, giữa chiến lược và sách lược qua đó làm sáng tỏ đường lối, quan điểm của Đảng ta, đánh tan mọi mơ hồ, lẫn lộn.

Tác phẩm *Tự chỉ trích* cùng với những công hiến lý luận khác của Nguyễn Văn Cừ phản ánh sự sáng suốt của một trí tuệ lỗi lạc, trí tuệ đó là kết quả tổng hợp của sự vững vàng kiên định lập trường, quan điểm và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với một năng lực vận dụng phương pháp biện chứng

mác xít để nắm bắt chính xác thực tế cùng những diễn biến của nó - cái đã qua, cái đang tới - để tư duy và đề xuất chủ trương, chính sách. Chính ở đây, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã để lại cho ta một hình mẫu về học tập lý luận và kết hợp nhuần nhuyễn nguyên lý lý luận với thực tế đang biến động.

3. Kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng sang thời kỳ mới

Tháng 4-1938, Chính phủ Đaladiê lên cầm quyền ở Pháp, tiếp theo là thoả hiệp Muyních, Anh - Pháp dâng vùng Xuđét của Tiệp Khắc cho Hítle, nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới đang đến gần. Với tầm nhìn sáng suốt, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã sớm đặt vấn đề *chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng sang một thời kỳ mới*. Ngay từ Hội nghị Trung ương tháng 3-1938, Đảng ta đã nhận định: Nhật sẽ tiến đánh Đông Dương. Cuối tháng 10-1938, Đảng ta ra Tuyên ngôn đối với thời cuộc, khẳng định sức mạnh phòng thủ Đông Dương chỉ đạt được trên cơ sở ban bố các quyền tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt cho dân chúng, đồng thời cảnh cáo trước mọi âm mưu mượn tiếng phòng thủ để đàn áp các đảng phái tiến bộ trong Mặt trận dân chủ, lối phòng thủ ấy là đi vào con đường tự sát?

Tháng 2-1939, đồng chí Nguyễn Văn Cừ viết bài *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam*⁷, một lần nữa phân tích tính chất cấp bách của việc phòng thủ Đông Dương, mà cơ sở của sức mạnh phòng thủ đó là người dân phải được hưởng các quyền tự do dân chủ, được cải thiện đời sống, chỉ trên cơ sở đó mới đoàn kết và củng cố được các lực lượng dân chủ lại thành một mặt trận chống xâm lược.

Để chủ động đối phó với tình hình chuẩn bị rút vào bí mật, Đảng ta cho phát hành cuốn *Công tác bí mật của Đảng* và gửi tới đảng bộ các cấp. Đầu tháng 9-1939, đồng chí Nguyễn Văn Cừ trực tiếp triệu tập và chủ trì Hội nghị mở rộng Xứ uỷ Bắc Kỳ, phổ biến tình hình và quyết định phải rút ngay số cán bộ công khai vào hoạt động bí mật, phân công một số cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ và Thành uỷ Hà Nội đi xây dựng những căn cứ bí mật của Đảng, để khi tình hình đòi hỏi có thể trở thành

những cơ sở đấu tranh vũ trang. Nhờ sự nhạy bén đó, khi Toàn quyền Đông Dương ra lệnh đàn áp, khủng bố các hoạt động, tuyên truyền cách mạng, giải tán các hội ái hữu, v v. thì các tổ chức đảng đã sẵn sàng và mau lẹ rút vào bí mật, tránh được những tổn thất do khủng bố của kẻ thù gây ra.

Vượt qua lưới bủa vây dày đặc của mật thám, đồng chí Nguyễn Văn Cừ trở lại Sài Gòn, triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11-1939). Tài liệu *Chính sách mới* do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ soạn thảo đã phân tích một cách sâu sắc và toàn diện về tình hình thế giới và trong nước về thái độ của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội, đồng thời đưa ra những nhận định chính xác, làm cơ sở để Đảng ta đi đến thống nhất quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

Nhận định của Đảng về chiến tranh đế quốc đã bước sang giai đoạn quyết liệt, nó sẽ đẩy nhanh chế độ tư bản đang hấp hối đến chỗ diệt vong. Các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa sẽ vùng dậy đấu tranh đòi độc lập. Tình hình mới đòi hỏi Đảng ta phải có chính sách mới, tổ chức mới. Mặt trận dân chủ nay không còn thích hợp nữa mà phải lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế; tạm gác khẩu hiệu cách mệnh điền địa, thay khẩu hiệu lập "chính phủ Xôviết công nông binh" bằng khẩu hiệu "chính phủ cộng hoà dân chủ".

Giương cao ngọn cờ dân tộc, nhưng Đảng ta khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc ở Đông Dương không thể thắng lợi nếu nó tiến hành riêng rẽ, không thực hiện được sự liên minh các dân tộc Đông Dương thành một trận tuyến thống nhất, nếu nó không tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng cách mệnh giải phóng chống đế quốc trên thế giới. Đó là tư duy hoàn toàn lôgic và chặt chẽ của Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, thể hiện tính nhất quán về mặt đường lối sáng tạo về vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Sáng tạo ở đây là: "đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản phản đế và phản phong của chiến lược cách mạng tư sản dân quyền theo lối mới

được Đảng ta và Bác Hồ đề ra từ năm 1930; xét sâu hơn, đó là việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giai cấp - dân tộc, dân tộc - giai cấp trong điều kiện lịch sử - cụ thể của đất nước và thế giới trước thềm Chiến tranh thế giới thứ hai"⁸.

Nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản, trước và sau Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết nhiều bài báo ủng hộ cách mạng Trung Quốc, kêu gọi "giúp Tàu là nhiệm vụ của hết thảy mọi người yêu mến tự do và hoà bình. Giúp Tàu là một bộ phận trong việc phòng thủ Đông Dương". Trước sự hăm dọa của Nhật, Chính phủ Pháp đã nhin nhục phong toả biên giới Bắc Kỳ, cắt đứt nguồn tiếp vận của cuộc kháng chiến chống Nhật ở Hoa Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết bài phê phán hành động cầu an như nhục đó của Pháp, yêu cầu "phải thiết thực giúp đỡ Tàu, bỏ hẳn chính sách bất can thiệp, mở rộng biên giới, đừng bán than, bán sắt cho Nhật. Cho nhân dân Đông Dương và Hoa kiều được tự do vận động giúp Tàu chống Nhật, tẩy chay hàng Nhật". Cuộc vận động giúp Trung Quốc kháng Nhật, "coi giúp Tàu là một bộ phận của phòng thủ Đông Dương" do Đảng ta và đồng chí Nguyễn Văn Cừ phát động đã có kết quả và tiếng vang rộng lớn, được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc viết bài tuyên truyền, ca ngợi và báo cáo với Quốc tế Cộng sản.

Tóm lại, trước những biến chuyển mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Đảng ta đã kịp thời vạch ra sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới: thời kỳ đẩy mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc. Đáng tiếc, sau Hội nghị không lâu, Nghị quyết đang được triển khai thì đồng chí Nguyễn Văn Cừ cùng nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt khác của Trung ương Đảng không may sa vào tay giặc. Tuy nhiên, những nhận định sáng suốt, những chủ trương nhạy bén và sáng tạo do Hội nghị vạch ra dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã được các hội nghị Trung ương tiếp theo, nhất là Hội nghị Trung ương lần thứ tám kế thừa, bổ sung và

phát triển lên một bước mới, đưa tới thắng lợi lịch sử của Tổng khởi nghĩa tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ và bao tiên liệt cách mạng khác đã ngã xuống chưa kịp chứng kiến thắng lợi của cách mạng theo con đường các đồng chí vạch ra, nhưng lịch sử sẽ đời đời ghi nhớ công lao to lớn của các đồng chí đã cống hiến cho Tổ quốc và cách mạng.

4. Một tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời

"Có những vĩ nhân mà cuộc đời đi qua lịch sử như một ánh chớp rực rỡ"⁹. Cuộc đời vì Đảng, vì dân của đồng chí Nguyễn Văn Cừ tuy ngắn ngủi nhưng đã để lại một tấm gương chói lọi về "đạo đức cách mạng, chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập" - như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói.

Trước hết, đó là tấm gương tận trung với nước, tận hiếu với dân, cống hiến toàn bộ cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp vô sản, với một ý chí, một niềm tin mãnh liệt vào lý tưởng cộng sản, vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Sớm giác ngộ cách mạng, sau khi bị đuổi học vì những hoạt động chống đối, mới 17 tuổi đời, Nguyễn Văn Cừ bước vào cuộc sống của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, hiến dâng đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Anh lăn lộn trong phong trào công nhân, vừa tuyên truyền giác ngộ quần chúng, vừa tự rèn luyện để "vô sản hoá". Anh gắn bó thân thiết với quần chúng công nông, truyền đến cho họ bầu máu nóng của lý tưởng, niềm tin tràn đầy vào triển vọng của cuộc đấu tranh, tinh thần sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

Được trả lại tự do sau gần sáu năm bị đọa đày tại ngục tù Côn Đảo, còn mẹ già nghèo khổ, cô đơn ở quê nhà, anh rất thương mẹ, nhưng đã cố gắng vượt lên tình riêng để giữ trọn nghĩa lớn. Trong hai năm hoạt động bí mật ở Hà Nội, biết kẻ thù

luôn luôn rình rập, có thể bắt lại anh bất cứ lúc nào, nên anh hầu như không có điều kiện về thăm mẹ mà chỉ nhắn lời an ủi để mẹ yên tâm.

Trên cương vị người lãnh đạo chủ chốt của Xứ uỷ Bắc Kỳ, rồi trở thành Tổng Bí thư của Đảng, Nguyễn Văn Cừ đã phải thay hình đổi dạng, lặn lội vào Nam, ra Bắc, vượt qua mạng lưới mật thám dày đặc của kẻ thù để có mặt ở những nơi mũi nhọn của phong trào, chỉ đạo sát sao các cuộc đấu tranh, kịp thời uốn nắn những lệch lạc, dự báo biến động của tình hình, đề xuất những chủ trương, biện pháp mới.

Kẻ thù vô cùng hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng, chúng ráo riết săn đuổi, truy lùng người lãnh đạo đầy tài trí của Đảng. Giữa lúc cách mạng vừa chuyển sang bước ngoặt mới, anh bị sa vào tay giặc. Trải qua biết bao trận đòn roi, tra tấn của địch, mặc dù thể trạng không được khoẻ, bệnh sốt rét biến chứng ngày càng nặng, Nguyễn Văn Cừ vẫn hiên ngang tỏ rõ khí tiết của người cộng sản. Lo sợ trước tài trí của người Tổng Bí thư của Đảng, tuy đã bắt được anh trước cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ hơn tám tháng, chúng vẫn gán cho anh phải "chịu trách nhiệm tinh thần" về cuộc khởi nghĩa và khép anh vào án tử hình. Hình ảnh anh đoàn hoàng, lẫm liệt ra pháp trường, cùng với nhiều lãnh tụ khác của Đảng, đã trở thành một tấm gương lớn về thái độ bất khuất trước kẻ thù và tinh thần thung dung tự nghĩa của người cộng sản.

Thứ hai, đó là tấm gương say mê dùi mài lý luận cách mạng, vượt qua muôn vàn khó khăn của hoàn cảnh tù đày và hoạt động bí mật trở thành một nhà lý luận mácxít sáng tạo của Đảng, kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn, giải quyết một cách sáng tỏ những vấn đề chiến lược và sách lược đặt ra cho cách mạng ta lúc bấy giờ.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu do Nguyễn Văn Cừ chủ trì khởi thảo, là một văn kiện lý luận cực kỳ quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành về tư duy lý luận của Đảng ta, khắc phục được những nhược điểm giáo điều, "tả" khuynh khó

tránh khỏi ở thời kỳ đầu còn non trẻ. Đứng vững trên quan điểm thực tiễn, xuất phát từ điều kiện cụ thể của Đông Dương và Việt Nam, từ mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc (chưa phải cách mạng vô sản), Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu chủ trương tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, "chỉ mới tịch ký ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc...; chưa đưa khẩu hiệu lập chính phủ "Xôviết công nông binh"... mà đưa khẩu hiệu chính phủ cộng hoà dân chủ là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ, bao gồm một bộ phận của giai cấp tư sản dân tộc còn có thể đi chung với dân chúng trong một giai đoạn nào", thực sự là văn kiện chỉ đạo mang tính kiên định, xuyên suốt về mục tiêu và đường lối cách mạng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đề ra từ ngày thành lập Đảng.

Sự phát triển của tình hình đang mở ra bước chuyển mới của cách mạng giải phóng dân tộc. Nghị quyết đưa ra khẩu hiệu: "Công nông phải đưa cao cờ dân tộc lên"! Theo tinh thần đó, Nghị quyết nhấn mạnh vấn đề dân tộc, tinh thần dân tộc, quyền lợi dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"¹⁰.

Rõ ràng Hội nghị Trung ương lần thứ sáu dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã nhận thức và xử lý hết sức đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng dân tộc dân chủ, thể hiện sự nhất quán với tư tưởng của Hồ Chí Minh trong *Chính cương, Sách lược văn tắt*.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ chưa một lần được gặp gỡ hay thụ giáo với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam; tuy nhiên sự gặp gỡ trong tư duy sáng tạo của hai người có một cơ sở chung, đó là *quan điểm thực tiễn* trong tiếp thu và vận dụng những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của từng nước, từng lúc; đáp ứng đúng và giải quyết trước

những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Có thể nói: cùng với văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới*, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đã khẳng định bước phát triển mới trong tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta, theo tinh thần "những người cộng sản Đông Dương hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin theo điều kiện hiện thực ở Đông Dương".

Thứ ba, đó là *tám gương của một người cộng sản ưu tú*, có đạo đức cách mạng trong sáng, một con người chân thành, giản dị, gương mẫu trong cuộc sống, có tác phong chan hoà, gần gũi với mọi người, có khả năng tập hợp, đoàn kết, được quần chúng mến yêu và đồng chí cảm phục.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ tham gia lãnh đạo Đảng ta vào một thời kỳ cách mạng đang có sự chuyển biến mau lẹ và phức tạp, có sự đan xen giữa cái cũ đã bị vượt qua và cái mới đang hình thành, chưa được khẳng định; do đó trong nội bộ Đảng khó tránh khỏi nảy sinh sự khác nhau trong nhận thức và lý giải những vấn đề lý luận và thực tế do cuộc sống đang đặt ra. Chẳng hạn cuộc tranh luận về hình thức tổ chức Mặt trận nên thế nào là tốt nhất? Tên gọi nên là Mặt trận nhân dân (như Pháp, Tây Ban Nha) hay Mặt trận phản đế (như Trung Quốc)? Lúc này, cần nhấn mạnh *dân tộc* hay *giai cấp*, cái nào là chủ yếu? Cách tổ chức quần chúng nên theo hình thức công khai và bán công khai, v.v.. Ngoài ra, giữa nhóm cộng sản công khai và nhóm hoạt động bí mật chưa có sự kết hợp chặt chẽ nên công tác ít kết quả, cá biệt có đảng bộ bí mật không chỉ đạo được các đồng chí công khai. Sự khác nhau về nhận thức và quan điểm đôi khi còn xen kẽ với những bất đồng cá nhân khá ấu trĩ; hoặc còn do sự vướng mắc nhất định vì vai trò chỉ đạo giữa cương vị Tổng Bí thư với cương vị Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản,... Tất cả đều ảnh hưởng không tốt đến sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng.

Với bản tính nhỏ nhẹ, cởi mở, dễ gần; với năng lực tư duy lý luận sáng tạo và sự nắm bắt thực tiễn nhanh nhạy, lại có khả năng thuyết phục, cảm hoá mạnh mẽ,

đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết tình trạng mất đoàn kết giữa các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng lúc đó, trên tinh thần thẳng thắn, khẳng định cái đúng, vạch rõ cái sai của mỗi người vừa có lý, vừa có tình, giúp cho các đồng chí đó trở lại làm việc với nhau ổn thỏa.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là một hình tượng cao đẹp về người cộng sản Việt Nam, mãi mãi là niềm tự hào vô hạn của Đảng ta và dân tộc ta.

-
1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 263-298.
 - 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 508, 539.
 4. Báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5-10-1938
 5. Báo *Dân chúng*, số 42, ngày 7-1-1939
 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.507.
 7. Xem báo *Dân chúng*, số 50 và 51, ngày 28-2 và 3-3-1939, ký bút danh Trí Thành
 8. Nguyễn Đức Bình: *Nguyễn Văn Cừ - Một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta, của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.51
 9. Dẫn theo Nguyễn Đức Bình: *Nguyễn Văn Cừ - Một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta, của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta và cách mạng Việt Nam, Sđd*, tr.47
 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.539.

BIÊN BIÊN SỰ KIỆN

NĂM 1912

Tháng 7 ngày 9

Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9-7-1912 (tức ngày 25-5 năm Nhâm Tý) tại làng Phù Khê, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Thân phụ của Nguyễn Văn Cừ là ông Nguyễn Ngọc Quán còn gọi là Nguyễn Trọng Mạo. Ông là con thứ hai của cụ Tú tài Nguyễn Trọng Biền, nên dân làng thường gọi là ông Hai Quán. Ông Quán đỗ khóa sinh, sau làm nghề dạy học (vì thế còn gọi là ông Đồ Quán). Ông là người đức độ, khiêm nhường, có tinh thần yêu nước, chống Pháp. Ông mất ngày 23-11-1935 (lúc đó Nguyễn Văn Cừ còn đang bị tù ở Côn Đảo).

Thân mẫu của Nguyễn Văn Cừ là bà Nguyễn Thị Khuyển, con cả của cụ Tú Thực, người làng Đồng Nguyên, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (cách Phù Khê khoảng 3km). Là người chịu khó, tần tảo thu vén việc gia đình, hết lòng vì chồng, con. Bà tạ thế năm 1965. Chị ruột của Nguyễn Văn Cừ là Nguyễn Thị Tường làm ruộng, lấy chồng tại quê nhà.

Em trai của Nguyễn Văn Cừ là Nguyễn Văn Kha, do hoàn cảnh gia đình khó khăn đã phải phiêu dạt đi kiếm ăn ở khắp nơi. Em trai út là Nguyễn Văn Lê mất từ khi nhỏ tuổi.

Nguyễn Văn Chu (biên dịch): *Gia phả họ*

Nguyễn Phù Khê (chi trưởng), bản đánh máy, tr. 23

NĂM 1918

Trong năm

Lên 6 tuổi, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, Nguyễn Văn Cừ được bố mẹ đưa sang ở nhà ông ngoại nhờ ông nuôi dạy hộ.

Ông ngoại của Nguyễn Văn Cừ là cụ Nguyễn Thực, tự là Kinh Nguyên, hiệu là Giang Thanh tiên sinh. Cụ đỗ tú tài năm Thành Thái thứ 3 (1891) nên thường gọi là cụ Tú Ba hay cụ Tú Thực. Sau khi đỗ tú tài, cụ từ chối con đường quan lộ mà ở quê mở trường dạy học. Là một nhà Nho yêu nước, cụ cùng với người anh cả là Nguyễn Ôn bí mật tham gia phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy chống Pháp do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Cụ là người có công lớn trong việc nuôi dạy Nguyễn Văn Cừ suốt thời kỳ niên thiếu.

Nguyễn Văn Cừ được ông ngoại dạy chữ Hán cùng với lũ trẻ trong làng. Ngoài ra, những lúc rỗi cậu bé Cừ còn được ông kể cho nghe những câu chuyện về lịch sử chống giặc ngoại xâm của cha ông ta như chuyện Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa đánh quân Hán ở thành Luy Lô; chuyện dựng cờ khởi nghĩa của Nguyễn Cao, Nguyễn Thiện Thuật, Đốc Văn, Đốc Kiệt... Ông còn kể cho Cừ nghe về truyền thống văn hiến của vùng đất và con người xứ Kinh Bắc hiếu học văn võ song toàn...

Nguyễn Văn Cừ nghe không bỏ sót một chuyện nào, nhiều điều mới mẻ về đất nước, con người, về tình làng nghĩa xóm lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần tự tôn dân tộc dần dần nhen nhóm trong tâm trí tuổi thơ của Nguyễn Văn Cừ

Nguyễn Lương Bích: *Giới thiệu mấy xét về dòng họ Nguyễn Trãi - Nguyễn Thiện Thuật- Nguyễn Văn Cừ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5-1969, tr. 59-63.

NĂM 1922

Mùa thu

Nguyễn Văn Cừ được cụ Tú Ba quyết định cho đi học chữ Quốc ngữ ở trường phủ Từ Sơn. Thời kỳ này người ta đang có xu hướng thay thế chữ Nho "cựu học" bằng chữ Quốc ngữ "tân học". Đây là một quyết định thức thời, mở đường cho Nguyễn Văn Cừ sớm có điều kiện tiếp cận với những tư tưởng mới.

Vào một buổi sáng mùa thu, Nguyễn Văn Cừ mặc một bộ quần áo vải thô trắng được đưa đến trường Đồng áu của phủ Từ Sơn.

Là học trò nhỏ nhất lớp, nhưng Nguyễn Văn Cừ rất thông minh, học giỏi, biết cư xử đúng mực, lễ phép với người trên, tính tình lại thẳng thắn hay giúp đỡ mọi người nên được bạn bè quý mến và nể phục.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973, tr.5-7.

NĂM 1923

Mùa hè

Nghỉ hè, Nguyễn Văn Cừ về chơi bên quê nội Phù Khê và thường được ông nội kể cho nghe về truyền thống hiếu học, đỗ đạt của dòng họ được ghi trong nhà thờ đại tổ, đứng đầu là cụ tổ Nguyễn Trãi - một vị quan văn võ toàn tài, hết lòng phù vua giúp nước, để tiếng thơm đến muôn đời.

Ông giảng giải cho cháu nghe từng chữ trên bức hoành phi ở nhà thờ họ. Đó là hai chữ "Chí Thành nghĩa là có chí khí thì nên. Có chí khí nhưng cũng cần phải có tri thức, hiểu biết. Ông dạy rằng: "Tài sản quý nhất cho con cháu là tâm chữ", có học mới hiểu được cách làm người. Đã đi học phải có chí, "Hữu chí cánh thành, một chí vô dụng".

Câu chuyện về dòng họ Nguyễn và những điều ông nội căn dặn đã lắng sâu trong tâm trí Nguyễn Văn Cừ. Sau này, trong nhiều bài viết của mình, anh dùng bút danh "Trí Thành" một cái tên nhắc nhở anh cố gắng để xứng danh với dòng tộc.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973, tr. 5-7

NĂM 1925

Mùa hè

Ba năm học ở trường phủ Từ Sơn, năm nào Nguyễn Văn Cừ cũng giành được kết quả cao trong học tập. Mùa hè năm 1925, Nguyễn Văn Cừ thi đỗ *Sơ đẳng tiểu học*. Anh được ông bà ngoại và cha mẹ cho đi học tiếp tại Trường kiêm bị Pháp - Việt ở tỉnh lỵ Bắc Ninh.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt) Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973, tr. 5-7.

Tháng 9, khoảng đầu tháng

Nguyễn Văn Cừ ra học tại thị xã Bắc Ninh. Anh xin ở trọ trong nhà ông Nguyễn Xuân Quang - một gia đình nông dân thuộc làng Liềm Xá - một làng nhỏ ở ngoại ô.

Hằng ngày anh tự nấu ăn. Thường thường bữa ăn chỉ có cơm, rau và mấy quả cà. Vì nhà nghèo không có tiền mua sắm, nên anh thường mặc bộ quần áo vải thô màu cháo lòng, đi đầu trần, chân đất đến trường. Hôm nào mưa to thì có chiếc ô cán bằng tre tự làm lấy. Mùa đông có thêm chiếc áo dài đen.

Mặc dầu điều kiện sinh hoạt khó khăn nhưng Nguyễn Văn Cừ vẫn lạc quan vô tư, học giỏi, tháng nào cũng được xếp loại ưu.

Đời hoạt động có đồng chí Nguyễn

Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.14-16.

NĂM 1926

Tháng 5, khoảng cuối tháng

Nguyễn Văn Cừ dự kỳ thi tốt nghiệp tiểu học. Anh đỗ loại ưu và được cấp *Bằng Tiểu học Pháp - Việt*. Thi xong về nhà nghỉ được ít ngày, vì hoàn cảnh gia đình túng bần, anh nhận lời đi dạy cho một số học trò nhỏ. Lớp học được mở tại nhà ông Tạ Đức Liên (tức Bá Liên) ở làng Chõ (thuộc huyện Đông Anh). Vừa dạy học, Nguyễn Văn Cừ vừa tự ôn luyện sách vở với hy vọng sẽ được tiếp tục theo học trung học khi có điều kiện.

Đời hoạt động của đồng chí

Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo). Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982. tr.14-16.

NĂM 1927

Khoảng giữa năm

Mùa thi năm 1927, được ông Nguyễn Duy Tiềm - một người họ hàng sống ở Hà Nội (số nhà 41, phố Hàng Trống) đỡ đầu, Nguyễn Văn Cừ lên Hà Nội dự thi vào Trường Bảo hộ (Lyce e du Protectorat), tức Trường Bưởi.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982. Tr. 14-16

Tháng 9, đầu tháng

Vượt qua kỳ thi tuyển với kết quả xuất sắc, Nguyễn Văn Cừ được nhận vào học Trường Bưởi với suất học bổng toàn phần và được ở tại ký túc xá trong trường. Học tập cùng với những học sinh con nhà giàu, ăn mặc và sinh hoạt sang trọng, hằng ngày Nguyễn Văn Cừ ăn uống, sinh hoạt hết sức đạm bạc, khi đến lớp cũng như khi ra phố, anh chỉ có bộ quần trắng, áo the cũ và đôi giày vải kiểu Gia Định bạc màu.

Không tự ti, mặc cảm, Nguyễn Văn Cừ vượt lên khó khăn, thiếu thốn về vật chất, miệt mài học tập. Ngoài những giờ học theo chương trình bắt buộc của nhà trường, anh còn luôn mượn thêm sách vở, tài liệu đọc thêm để mở rộng kiến thức. Hằng năm, kỳ thi nào anh cũng đạt kết quả xuất sắc.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973.

NĂM 1928

Đầu năm

Trong thời gian Nguyễn Văn Cừ học ở Trường Bưởi, phong trào yêu nước, cách mạng Việt Nam phát triển mạnh. Nhiều thanh niên sau khi đi dự lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trở về hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa

Mác - Lênin, thành lập các cơ sở ở nhiều địa phương, Trường Bưởi cũng là một cơ sở bí mật của Hội.

Ngay từ khi mới vào học, Nguyễn Văn Cừ đã được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân công đồng chí Nguyễn Văn Quyên giúp đỡ, tuyên truyền, giác ngộ về tinh thần yêu nước và lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin. Qua một thời gian thử thách, đầu năm 1928, Nguyễn Văn Cừ được chi bộ tổ chức kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973.

Khoảng tháng 3

Để có điều kiện tiếp xúc với những tài liệu quan trọng như: cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, báo *Thanh niên*... đồng thời có thời gian tham gia công tác của Hội, Nguyễn Văn Cừ rời ký túc xá ra ở tại số nhà 46 phố Hàng Giấy cùng với hai người bạn. Nhưng chỉ sau hai tháng, vì không đủ tiền sinh hoạt và thuê nhà anh và các bạn lại phải trở về ký túc xá. Việc này khiến viên hiệu trưởng nghi ngờ và cho người theo dõi.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr 25

Tháng 5

Nguyễn Văn Cừ làm bài thơ đả kích những kẻ nịnh Tây làm mất thể diện người Việt Nam. Bài thơ được phổ biến trong trường và được sao chép, dán khắp nơi. Bọn giám thị rất tức tối truy tìm tác giả. Không muốn để bạn bè liên lụy, Nguyễn Văn Cừ đứng ra nhận là tác giả bài thơ. Vốn đã nghi ngờ anh tham gia hội kín", Sở Mật thám Hà Nội đã bắt và thẩm vấn anh suốt năm ngày, cuối cùng không tìm ra bằng cứ chúng phải trả tự do.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký*, tài liệu đánh máy, lưu Viện Hồ Chí Minh.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.27

Tháng 5, cuối tháng

Nguyễn Văn Cừ bị viên Hiệu trưởng Pugiê cho gọi lên phòng làm việc. Sau khi mặt sát Nguyễn Văn Cừ về "những hành vi chống đối", ông ta liền ra quyết định đuổi học, khi đó anh đang học dở năm thứ hai.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.28.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký*, tài liệu đánh máy, lưu Viện Hồ Chí Minh

Tháng 5, cuối tháng

Bị đuổi học, Nguyễn Văn Cừ quay về ký túc xá thu xếp quần áo, cùng đi với người tùy phái của trường thuê một chiếc xe tay về nhà ông Nguyễn Văn Tiềm ở Hàng Trống. Thanh minh chiếu lệ với người anh đỡ đầu về lý do bị đuổi học, anh xin phép về quê, nhưng kỳ thực là dọn đến ở một địa chỉ khác ở Hà Nội, tìm cách kiếm sống và tiếp tục hoạt động.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr. 30

- Theo lời kể của Nguyễn Duy Tiềm, tài liệu số 259A2LT2, lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 6

Được tin con bị đuổi học nhưng không thấy về nhà, ông Hai Quán ra Hà Nội nhờ người quen nhắn gặp. Biết cha đi tìm, Nguyễn Văn Cừ hẹn gặp cha ở một địa điểm bên hồ Hoàn Kiếm. Thấy sự lo lắng của cha mẹ và gia đình, đồng thời suy nghĩ nếu có ý chí thì ở đâu cũng hoạt động cách mạng được, nên Nguyễn Văn Cừ đã chiều theo ý cha, thu xếp hành lý trở về quê.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, tài liệu đánh máy, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, tr. 35

Tháng 6, cuối tháng

Theo sự thu xếp của cha, Nguyễn Văn Cừ đến làng Hà Lỗ (tức làng Giỗ Đông), thuộc phủ Từ Sơn (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội), dạy học tại nhà ông Dương Tuấn Duy (thường gọi là ông Cừ Giỗ). Với tính tình điềm đạm, yêu trẻ nhỏ, Nguyễn Văn Cừ được học trò rất kính trọng và tin yêu. Ngoài giờ dạy học, anh thường đến hỏi thăm và giúp đỡ những gia đình nghèo trong làng, vì thế mọi người ai cũng quý mến và gần gũi.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.32.

Tháng 7

Dạy học được một thời gian ngắn, Nguyễn Văn Cừ bắt liên lạc được với Nguyễn Công Miều (tức Lê Văn Lương) - một người bạn cũ ở Trường Bưởi hiện đang phụ trách một cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Ninh. Nguyễn Công Miều đã nhiều lần đến Hà Lỗ gặp Nguyễn Văn Cừ để trao đổi công việc. thỉnh thoảng hai người lại bí mật đi đâu đó vài ba ngày.

- Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.32-35.

- Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Kha (em ruột Nguyễn Văn Cừ), bản viết tay, ngày 19-4-1976.

Tháng 8, đầu tháng

Nguyễn Văn Cừ gặp Ngô Gia Tự, người mà anh ngưỡng mộ từ khi còn học ở Trường Bưởi. Lúc này Ngô Gia Tự là Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng

Thanh niên tỉnh Bắc Ninh. Nguyễn Văn Cừ đã được Ngô Gia Tự trực tiếp phân tích, giảng giải về tác phẩm *Đường cách mệnh* và nhiều tài liệu quan trọng khác.

Tuy Nguyễn Văn Cừ đã được tiếp xúc với nhiều tài liệu bí mật trong đó có cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc từ khi còn học ở Trường Bưởi nhưng qua sự diễn giải, phân tích của đồng chí Ngô Gia Tự, anh mới hiểu một cách có hệ thống và sâu sắc những quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về những vấn đề lý luận cách mạng được viết trong *Đường cách mệnh*. Sau những cuộc gặp gỡ với Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ lại hiểu thêm về nhiều vấn đề, học thêm được nhiều kiến thức mới. Anh thấy mình trưởng thành lên không chỉ về nhận thức lý luận mà cả về ý thức giai cấp.

Trở về Hà Lỗ, anh đem kiến thức hiểu biết một học được về lý luận cách mạng tuyên truyền giác ngộ trong quần chúng, xây dựng được một số cơ sở trong làng.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.35.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký*, tài liệu đánh máy, lưu Viện Hồ Chí Minh

Tháng 8, cuối tháng

Đang dạy học ở Hà Lỗ, Nguyễn Văn Cừ bị tên Mai Trung Tâm - Thanh tra mật thám tỉnh Bắc Ninh đưa lính đến bắt. Chúng gán cho anh tội hoạt động chính trị và giải về Sở Mật thám Hà Nội.

Sau 12 ngày bị giam giữ thẩm vấn không thu được kết quả, mật thám Pháp buộc phải trả tự do cho Nguyễn Văn Cừ, nhưng bắt anh phải trở về nguyên quán. Bất chấp những lời đe dọa của mật thám, Nguyễn Văn Cừ vẫn quay trở lại Hà Lỗ tiếp

tục dạy học và nhanh chóng nối lại liên lạc với tổ chức. Anh nhận được chỉ thị tạm thời chờ đợi, khi có dịp tổ chức sẽ bố trí cho anh đi "vô sản hóa".

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ
(Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà
Bắc 1982, tr.37.

Tháng 9. khoảng cuối tháng

Nguyễn Văn Cừ được đồng chí Ngô Gia Tự - Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Bắc Ninh, trực tiếp giới thiệu với đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Hải Phòng, móc nối liên lạc đưa ra hoạt động ở vùng mỏ than Đông Bắc.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ
(Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà
Bắc, 1982, tr. 42.

Khoảng cuối năm

Với bí danh là Phùng, Nguyễn Văn Cừ đến hoạt động tại mỏ than Vàng Danh. Sống ở xóm thợ Nam Khê, cùng ăn, cùng ở với anh em thợ trong chiếc lều lụp xụp bằng tre nứa, hằng ngày Nguyễn Văn Cừ xuống lò làm phu cuốc than dưới hầm sâu, lao động rất vất vả, cực nhọc. Trong khi làm việc và sinh hoạt cùng anh em công nhân, Nguyễn Văn Cừ khéo léo kết hợp khơi gợi những câu chuyện hằng ngày với việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trong giới thợ thuyền. Anh chỉ ra nguồn gốc của bao nỗi bất công, tủi khổ của người thợ, qua đó giác ngộ tinh thần dân tộc và ý thức đấu tranh chính trị cho họ. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn, bản thân anh cũng ngày càng ý thức được sức mạnh và vai trò của giai cấp công nhân.

Sau một thời gian tuyên truyền, vận động và thử thách, Nguyễn Văn Cừ đã lựa chọn một số công nhân hăng hái, thành lập chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mỏ Vàng Danh. Cùng với việc thành lập chi bộ, anh còn vận động quần chúng thành lập tổ chức Công hội của mỏ.

Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820-1975 (Sơ thảo), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh, 1996, tr.20.

Năm 1929

Tháng 6, ngày 17

Tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội), Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng được tổ chức. Hội nghị đưa *Tuyên ngôn* tuyển lựa những người tiên tiến nhất, tích cực nhất của *Thanh niên* để kết nạp vào Đảng. Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương, Hạ Bá Cang... được công nhận là những đảng viên đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng.

- Nguyễn Thành - Phạm Xanh - Đặng Hòa - Đào Phiêu: *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội*, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1986, tr.58.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký* tài liệu đánh máy, lưu Viện Hồ Chí Minh

- Theo lời kể của Đặng Châu Tuệ, tài liệu số 232.A2LT2, lưu Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 9

Làm việc và sinh hoạt trong điều kiện khó khăn khắc nghiệt của mỏ Vàng Danh, Nguyễn Văn Cừ đã bị mắc bệnh sốt rét mãn tính. Trước tình hình sức khỏe của anh ngày càng giảm sút, ở đây lại không có thuốc men chữa chạy, bệnh gan bị phù nề lâu ngày sinh ra báng bụng, tổ chức quyết định tạm thời điều động anh về Hải Phòng để vừa chữa bệnh, vừa phụ trách việc xây dựng một trạm liên lạc của Trung ương với nước ngoài bằng đường biển.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.54.

Tháng 9

Tại ngôi nhà trọ ở ngõ Ba Thục (Hải Phòng), Nguyễn Văn Cừ (bí danh là Phùng Ngọc Tường) và đồng chí Trần Bảo (liên lạc viên của Trung ương), thành lập một trạm liên lạc. Chủ ngôi nhà trọ là một người gốc Phi, làm nhà cho thuê giá rẻ nên trong nhà không có đồ đạc gì, Nguyễn Văn Cừ và Trần Bảo thường trải chiếu chiếu ngủ chung ngay trên nền đất.

Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.76.

Lời kể của Hoàng Quốc Việt, tài liệu số 256. A2.LT2, lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh.

Tháng 9, cuối tháng

Hằng ngày, trong vai "thầy ký nghèo", Nguyễn Văn Cừ thường mặc chiếc áo Tây cộc, quần trắng màu "cháo lòng", đầu đội mũ cát, chân đi guốc, lân la đến khắp nơi trong thành phố cảng.

Ngoài nhiệm vụ lấy tài liệu từ các thủy thủ là cơ sở của ta trên các tàu viễn dương mỗi khi về cảng, trạm liên lạc do Nguyễn Văn Cừ phụ trách còn phải đảm nhận vận chuyển tài liệu của Đảng từ Hải Phòng lên Hà Nội. Công việc vô cùng nguy hiểm vì bọn mật thám thường xuyên rình rập. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình, Nguyễn Văn Cừ thường chỉ dẫn cho đồng chí Trần Bảo biết nhận dạng những tên mật thám cải trang và cách cắt đuôi tránh mặt chúng trong khi vận chuyển tài liệu.

Công việc của trạm liên lạc dần dần đi vào nề nếp, bệnh của Nguyễn Văn Cừ cũng phần nào thuyên giảm, anh được cấp trên điều động đến hoạt động ở một địa bàn mới.

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.76.

- Lời kể của Nguyễn Thị Thuận (tác Tư Già), tài liệu số 243A2LT2, lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh.

Tháng 10

Nguyễn Văn Cừ được Trung ương điều động về giúp việc tại cơ quan Tỉnh uỷ Hải Phòng và được chỉ định làm cán bộ đảng chuyên trách, trực tiếp phụ trách công tác kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng ở khu mỏ.

Trong thời gian này, Nguyễn Văn Cừ thường xuyên đi về chấp mối liên lạc giữa Hải Phòng - Hòn Gai - Cẩm Phả. Anh xuống tận các chi bộ cơ sở ở Cửa Ông, Ba

Chế... để nắm tình hình công nhân, động viên phong trào và kịp thời uốn nắn hiện tượng chia rẽ, phân biệt giữa công nhân áo xanh và công nhân áo nâu", tư tưởng "tả" khuynh mạnh động. Nhờ có sự kiểm tra, chỉ đạo kịp thời, phong trào công nhân mở ngày càng lớn mạnh. Đến cuối năm 1929, toàn khu mỏ đã có bốn chi bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được chuyển đổi về mặt tổ chức thành chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng.

Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ
(*Sơ thảo*), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, 1982, tr.78.

Tháng 10, cuối tháng

Sau chuyến đi kiểm tra ngắn ngày tại Cẩm Phả - Cửa Ông, Nguyễn Văn Cừ được cử về phụ trách tổ chức đảng ở mỏ Mạo Khê - nơi có truyền thống đấu tranh và có cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên từ rất sớm, nhưng lúc này đang gặp khó khăn do địch đàn áp dữ dội.

Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975 (*Sơ thảo*), Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh, 1996, tr. 20.

Tháng 11

Ở mỏ Mạo Khê (lấy bí danh là Phùng Ngọc Tường), Nguyễn Văn Cừ làm phu gánh than cho người cai lò là hội viên Công hội đỏ. Anh ở trong một căn lều tranh trên đồi sỏi. Trong lều không có giường nằm, không bàn ghế... đồ đạc duy nhất là một một thùng sắt Tây dùng để đựng gạo. Ban đêm về, anh cùng các phu thợ đều nằm trên đồng lá sỏi khô.

Tại túp lều này, nhiều đêm Nguyễn Văn Cừ đã tổ chức các cuộc họp với cán bộ cốt cán của Mạo Khê. Anh còn giác ngộ, xây dựng cơ sở cách mạng trong các nhà sư ở chùa Non Đông và thiết lập tại đây một hộp thư bí mật.

- *Truyền thống công nhân mỏ Mạo Khê (1846 – 1994)* Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Mỏ than Mạo Khê xuất bản, 1994, tr.29.

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi lý)*, Nxb. Lao động, Hà Nội 1973, tr. 87.

Tháng 11, ngày 7

Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Văn Cừ, công nhân mỏ Mạo Khê đã tổ chức treo cờ, rải truyền đơn trong mỏ. Phong trào công nhân mỏ đang có tiến triển tốt, trong không khí phấn khởi, Nguyễn Văn Cừ và toàn thể anh em công nhân lại được tin vui: Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập

Truyền thống công nhân mỏ Mạo Khê (1846 - 1994), Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Mỏ than Mạo Khê xuất bản, 1994, tr.36

NĂM 1930

Tháng 2, cuối tháng

Tại căn lều tranh trên đồi sắn (nay thuộc xóm Dân Chủ, thị trấn Mạo Khê), Nguyễn Văn Cừ chủ trì Hội nghị thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam mỏ Mạo Khê.

Tham dự Hội nghị có năm đồng chí: Đặng Châu Tuệ, Vũ Thị Mai, Nguyễn Huy Sán. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là đại biểu cấp trên về dự. Sau lời giới thiệu của Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đọc tôn chỉ, mục đích của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệm vụ quyền lợi của người đảng viên và những nhiệm vụ trước mắt của Đảng. Những người được kết nạp vào Đảng đã rất cảm động và sung sướng tuyên thệ dưới cờ búa liềm. Đồng chí Đặng Châu Tuệ được chỉ định làm Bí thư chi bộ. Đây là chi bộ đầu tiên được thành lập ở khu mỏ

- Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Vũ Thị Mai: *Đi vô sản hóa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1972, tr.54.

- *Truyền thống công nhân mỏ Mạo Khê (1846 – 1994)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Mỏ than Mạo Khê xuất bản, 1994, tr.39.

- Đinh Tiên Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr. 35

Từ tháng 2 đến tháng 4

Sau khi thành lập chi bộ Mạo Khê, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức phân công đi nhận nhiệm vụ mới.

Trong vai trò phái viên của Trung ương Đảng tại vùng mỏ Nguyễn Văn Cừ đến hoạt động tại nhiều nơi: khi thì về Uông Bí, khi ra Hòn Gai, Hà Tu, Cẩm Phả, Cửa Ông... hầu hết các mỏ than vùng Đông Bắc chỗ nào cũng in dấu chân anh. Tuy bận nhiều việc, nhưng Nguyễn Văn Cừ vẫn dành thời gian về Mạo Khê giúp đỡ

công tác của chi bộ, thường là duyệt bài cho tờ báo *Than* do chi bộ Mạo Khê xuất bản, có số phát hành tới 50 bản.

Với sự hoạt động năng nổ và có hiệu quả của Nguyễn Văn Cừ, từ tháng 2 đến tháng 4 đã có thêm năm chi bộ mới là Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, Uông Bí, Vàng Danh lần lượt ra đời.

- *Truyền thống công nhân mỏ Mạo Khê (1846 – 1994)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Mỏ than Mạo Khê xuất bản, 1994, tr. 41

- *Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975 (Sơ thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh, 1996, tr. 31.

Tháng 4, ngày 8

Nguyễn Văn Cừ dẫn đầu đoàn đấu tranh của công nhân Nhà Sàng Cửa ông kéo đến văn phòng của viên đốc công, uy hiếp và buộc viên đốc công phải đưa yêu sách của công nhân cho chủ mỏ. Lúc đầu viên đốc công và chủ mỏ còn dọa nạt, nhưng thấy anh em công nhân tuyên bố bãi công, chủ mỏ đành phải nhượng bộ, thực hiện theo yêu sách của công nhân.

- Đinh Tiên Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội 1973, tr. 28-29.

- *Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820-1975 (Sơ thảo)* Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh xuất bản, 1996, tr. 32.

Tháng 4, giữa tháng

Mải mê với công việc, Nguyễn Văn Cừ không có điều kiện chăm lo đến sức khỏe của mình. Anh bị bệnh sốt rét hành hạ không dứt, bụng báng ngày một to hơn. Xứ uỷ biết tin liền cho gọi Nguyễn Văn Cừ về nằm ở cơ quan ấn loát tại Hải Phòng để chữa bệnh

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.87.

- Đinh Tiến Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr. 35

Tháng 4, cuối tháng

Tại Hải Phòng, hằng ngày Nguyễn Văn Cừ vừa điều trị bệnh, vừa nghiên cứu tài liệu, có khi giúp cơ quan viết bản in. Được thời gian ngắn, thấy bệnh đã thuyên giảm, anh xin cho về mỏ tiếp tục hoạt động. Trước sự khẩn khoản của anh, cấp trên đành phải đồng ý.

- Đinh Tiế Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.35

- Trần Bảo: *Hạt máu (Hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.125.

Tháng 4, cuối tháng

Trở về vùng mỏ Nguyễn Văn Cừ đến khắp nơi để tuyên truyền chủ trương của Xứ uỷ, phát động công nhân tham gia các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế lao động.

- Đinh Tiến Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.37

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.125.

Tháng 5, ngày 1

Dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Văn Cừ, nhiều chi bộ vùng mỏ đã tăng cường các hoạt động bí mật: cấm cò búa liềm trên đỉnh núi Bài Thơ (Hòn Gai), dán áp phích khắp nơi trong mỏ Hà Tu, rải truyền đơn trên đường phố Cẩm Phả...

- Đinh Tiến Toán: *Những ngày ở mỏ (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr. 38.

- *Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975 (Sơ thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh xuất bản, 1996, tr.35

Trước tháng 10

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, để thực hiện sự chỉ đạo thống nhất, Nguyễn Văn Cừ đề xuất với cấp trên cơ cấu lại tổ chức đảng trên toàn vùng mỏ, thành lập cấp bộ Đặc khu mỏ. Ý kiến của Nguyễn Văn Cừ phù hợp với chủ trương của Xứ uỷ, nên đã được báo cáo với Trung ương để phê duyệt.

- Lê Văn: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ thời kỳ hoạt động cách mạng ở Quảng Ninh*, bản đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Sau tháng 10

Được sự đồng ý của Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kỳ triệu tập hội nghị, ra quyết định thành lập Đặc khu uỷ mỏ, Nguyễn Văn Cừ được cử làm đại diện của Xứ uỷ tại Đặc khu mỏ.

- Đặng Chân Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr. 64

Cuối năm

Trên cương vị đại diện của Xứ uỷ Bắc Kỳ bên cạnh Đặc khu mỏ, Nguyễn Văn Cừ là người trực tiếp truyền đạt các chỉ thị của Xứ uỷ đến Đặc khu uỷ, và giúp đỡ Đặc khu chỉ đạo phong trào.

Thời kỳ này phong trào cách mạng vùng mỏ bùng lên với một khí thế mới: các cuộc đấu tranh đoàn kết ủng hộ Xôviết Nghệ Tĩnh - nổ ra mạnh mẽ, hoạt động kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, truyền đơn rải khắp nơi.

- *Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975 (Sơ thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh, 1996, tr.37-41.

- Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lê Văn: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ thời kỳ hoạt động cách mạng ở Quảng Ninh*, bản đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Năm 1931

Tháng 2, ngày 15

Trên đường đi công tác tại Cẩm Phả về Hòn Gai, Nguyễn Văn Cừ đã bị mật thám Pháp bắt. Chúng đưa anh về Sở Mật thám Hòn Gai tạm giam. Sau biết Nguyễn Văn Cừ là một cán bộ quan trọng của Đảng, lập tức chúng dẫn giải anh về Sở Mật thám Hải Phòng, hòng để khai thác tin tức.

- Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973. tr.137.

- Tài liệu của Nguyễn Thị Thuận (tức Tư Già) kể, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 4

Dùng mọi thủ đoạn tra tấn dã man vẫn không khai thác được gì ở Nguyễn Văn Cừ, mật thám Pháp đưa anh từ Hải Phòng về Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) để tiếp tục tra khảo và chờ ngày đưa ra tòa xét xử.

- Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.139.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr.69

Từ tháng 4 đến tháng 5

Trong Nhà tù Hỏa Lò, Nguyễn Văn Cừ gặp các đồng chí Trường Chinh, Bùi Xuân Mẫn... và cả các đồng chí cùng hoạt động ở vùng mỏ như Vũ Văn Hiếu, Đặng Châu Tuệ. Các bạn tù rất khâm phục khi thấy mặc dù điều kiện nhà tù khắc nghiệt, lại thường xuyên bị tra tấn dã man, nhưng Nguyễn Văn Cừ vẫn rất chịu khó học tập. Đặc biệt Nguyễn Văn Cừ đã nghiền ngẫm và học thuộc lòng bản *Luận cương chính trị* tháng 10-1930 của Đảng.

- Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*. bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*. Nxb. Lao động, Hà Nội 1973, tr. 147

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr. 74.

Tháng 5, ngày 13

Nguyễn Văn Cừ bị thực dân Pháp đưa ra xét xử tại Hội đồng đề hình Hà Nội. Cùng đưa ra xét xử với anh còn có hơn 80 người khác, trong đó đa số là các đảng viên Quốc dân Đảng.

- Báo *Đông Pháp*, số 1385, ngày 15-5-1931.

- Báo *Trung Bắc Tân văn*, số 4244, ngày 14-5-1931.

Tháng 5, ngày 15

Phiên xử Nguyễn Văn Cừ do Tarô (Tharaud) làm Chánh án, Biện lý là tên Morô (Moreau) - đây là những tên thực dân khét tiếng tàn ác, đã đưa ra nhiều bản án tử hình đối với những chiến sĩ yêu nước.

Trong phiên tòa, Nguyễn Văn Cừ thẳng thừng bác bỏ những lời buộc đi của viên biện lý. Khi viên chánh án hỏi Anh làm nghề gì? Nguyễn Văn Cừ trả lời: "Tôi làm nghề cách mệnh!". Rồi anh nói tiếp: "Có phải tòa khép tôi vào tội có chân trong Đảng Cộng sản và âm mưu làm rối trị an chăng? Vì đâu mà tôi phải làm cách mệnh? Vì bọn đế quốc quá áp bức quần chúng, tìm hết cách mà bóc lột, nào sưu thuế, nào quốc trái... Còn bảo là "rối cuộc trị an" thì cuộc trị an ấy là do tư bản đặt ra để bảo vệ họ, chúng tôi là vô sản giai cấp thì phải phá cuộc trị an ấy!".

- Báo *Đông Pháp*, số 1385, ngày 16-5-1931

- Báo *Trung Bắc Tân văn*, số 4244, ngày 17-5-1931.

Tháng 5, ngày 16

Trong phiên xử cuối cùng của Hội đồng đề hình, mặc dù không có chứng cứ buộc tội, Nguyễn Văn Cừ vẫn bị tòa án thực dân kết án "phát lưu chung thân" và đưa đày ra Côn Đảo. Đáp lại lời kết án của tòa, Nguyễn Văn Cừ cùng hàng loạt các chiến sĩ yêu nước hô vang khẩu hiệu: Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo Hội đồng đề hình!

- Báo *Đông Pháp*, số 1385, ngày 17-5-1931.

- Báo *Trung Bắc Tân văn*, số 4244, ngày 19-5-1931.

Từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 7

Sau khi bị khép án, Nguyễn Văn Cừ lại bị đưa về Nhà tù Hỏa Lò chờ ngày đi đày Côn Đảo.

Trong nhà tù, Nguyễn Văn Cừ vẫn tranh thủ học tập và thực hiện những công việc do chi bộ bí mật trong tù lãnh đạo. Anh được phân công cùng với đồng chí Hoàng Quốc Việt vào bộ phận in. Các đồng chí dùng bì lợn sề nấu thành keo đem in thay cho mực, in "Báo liếp" và tài liệu phân phát cho anh em tù¹.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A2.LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Hoàng Quốc Việt, tài liệu 256A2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 7, trước ngày 10

Nguyễn Văn Cừ cùng nhiều người tù khác bị lính áp giải từ Nhà tù Hỏa Lò - Hà Nội ra ga Hàng Cỏ, lên tàu hỏa xuống Hải Phòng. Đến Hải Phòng, tất cả tù nhân bị đưa vào tạm giam ở bến Sáu Kho chờ tàu đi Côn Đảo.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Bùi Xuân Mẫn, tài liệu 360A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Đặng Châu Tuệ, tài liệu 232.ALT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 7, ngày 11

Tại Bến Sáu Kho - Hải Phòng, Nguyễn Văn Cừ và đoàn tù bị đưa xuống hầm tàu của con tàu Clốt Đòsáp thuộc Hãng vận tải Năm Sao (chạy tuyến Hải Phòng - Vũng Tàu), bắt đầu hành trình chuyển đi lưu đày ra Côn Đảo.

Đến Vũng Tàu, Nguyễn Văn Cừ và tất cả tù nhân bị chuyển sang tàu Pôn Đume để tiếp tục ra Côn Đảo. Hầm tàu chật ních, không có đèn. Hầu hết tù bị say sóng, bị bỏ đói cho đến khi ra đến đảo.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A.2LT2, lưu trữ Văn phòng tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Hoàng Quốc Việt, tài liệu 256A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu trữ Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Đặng Châu Tuệ, tài liệu 232ALT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 7, ngày 13, buổi tối

Tàu chở Nguyễn Văn Cừ và đoàn tù cập bến Côn Đảo. Nguyễn Văn Cừ bị áp giải về giam cầm cố ở khám 3 thuộc Ban 2 cùng các đồng chí Bùi Công Trùng, Bùi

Lâm, Mười Cúc, Lê Thanh Nghị, Hoàng Quốc Việt... Đối với tù chính trị cầm cố, hầu như suốt ngày ở trong khám, chỉ khi đến giờ ăn chúng mới cho ra ngoài mỗi ngày hai lần, mỗi lần 10 phút.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A.2LT2, lưu trữ Văn phòng tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh

- Lời kể của Bùi Xuân Mẫn, tài liệu 360A.2LT2, lưu trữ Văn phòng tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Đặng Châu Tuệ, tài liệu 232ALT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Sau tháng 7

Bị giam cầm cố trong lao 3, Nguyễn Văn Cừ và các chính trị phạm "án đồ" phải chịu đựng sự đày ải khắc nghiệt, hành hạ, đòn roi tra tấn thường xuyên, nhằm giết dần giết mòn những người tù cộng sản của kẻ thù. Được mệnh danh là "địa ngục trần gian", ở Côn Đảo mỗi bữa ăn chỉ có lưng cơm gạo mục, cá khô mục và cả ngày được một vài lon nước "giếng phân trâu", dần dần sức lực của người tù suy kiệt. Mỗi lần mùa gió chướng về, tù chết hàng loạt, xác tù chở bằng xe kéo ra nghĩa địa Hàng Dương, Hàng Keo chôn không kịp.

Để thống nhất điều hành công việc, Ban 2 bí mật thành lập chi bộ, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lương Khánh Thiện (sau bổ sung thêm Lê Duẩn, Hà Huy Giáp) được cử vào Ban chi uỷ. Tiếp đó lập ra Ban lãnh đạo điều hành trong khám,

cắt cử các tổ: tổ gác, tổ học văn hóa, tổ học lý luận... cứ thế xoay vòng dần dần đi vào nền nếp.

Là người hoạt động thực tiễn còn thiếu hụt nhiều về kiến thức lý luận, thực hiện khẩu hiệu: "Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng", Nguyễn Văn Cừ lao vào nghiên cứu, môn nào anh cũng xin được học. Với đức tính siêng năng, chịu khó học hỏi, sau một thời gian, đã có vốn kiến thức kha khá, nhiều môn Nguyễn Văn Cừ còn đứng ra làm giảng viên truyền đạt lại với anh em.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Bùi Xuân Mân, tài liệu 360A.2LT2 lưu trữ Văn phòng tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Hà Huy Giáp: *Đời tôi – Những điều nghe, thấy và sống (hồi ký cách mạng)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 130-132.

- Lời kể của Hoàng Quốc Việt, tài liệu 256A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Từ cuối năm 1931 đến đầu tháng 11-1936

Nguyễn Văn Cừ cùng các đồng chí trong Ban đại diện vận động anh em tù tham gia các cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù.

Bọn cai ngục thẳng tay đàn áp, Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí trong Ban đại diện nhiều lần bị đánh đập dã man, bị đưa vào hầm tối, hầm đá, nhưng trước sự đoàn kết kiên quyết đấu tranh của tù nhân, cuối cùng chúng cũng phải nhượng bộ.

Cùng với việc tổ chức đấu tranh đòi cải thiện đời sống, Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo banh còn tổ chức nhiều hoạt động trong tù như sinh hoạt văn hóa văn nghệ, diễn kịch, bí mật viết báo tường. Nguyễn Văn Cừ tham gia viết bài cho cả tờ tập san *Ý kiến chung* và tờ báo tường *Người tù đở*. *Ý kiến chung* là tập san nội bộ dành cho tù chính trị cộng sản đọc, còn tờ báo tường *Người tù đở* là tờ báo tuyên truyền phổ thông trong cả Banh 1 và Banh 2.

Tích cực tham gia nghiên cứu, học tập, Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí khác: Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trùng, Lý Hồng Nhật... còn tham gia dịch các sách kinh điển từ tiếng Pháp, hoặc chép thành nhiều bản để anh em có tài liệu nghiên cứu.

Chịu khó học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, Nguyễn Văn Cừ đã trưởng thành về mọi mặt. Đến khi được ra tù, Nguyễn Văn Cừ trở thành cây lý luận sắc sảo, người lãnh đạo tài năng của Đảng.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A. 2LT, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Bùi Xuân Mẫn, tài liệu 360A.2LT2, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Lời kể của Đặng Châu Tuệ, tài liệu 232A.LT2, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

NĂM 1936

Tháng 11

Với thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp, buộc chính quyền thuộc địa Đông Dương phải ân xá chính trị phạm, Nguyễn Văn Cừ cùng các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Đặng Châu Tuệ, Lê Duẩn, Lê Thanh Nghị... và nhiều tù chính tả được trả tự do.

Phải thực thi *Sắc lệnh ân xá* của Tổng thống Pháp, trả tự do cho Nguyễn Văn Cừ, nhưng chính quyền thuộc địa vẫn còn kèm theo một điều kiện, buộc Nguyễn Văn Cừ phải về sống và chịu sự quản thúc của chính quyền tại nơi cư trú.

Báo cáo của Sở Cảnh sát Nam Kỳ, tháng 9-1938, lưu trữ Bộ Nội vụ, cặp tài liệu số 3.

Tháng 11, trước ngày 12

Rời Côn Đảo trên con tàu Méclanh, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Mậu, Đặng Châu Tuệ, Lê Văn Phê... và một số tù chính trị nữa được đưa về xóm Chiếu (cảng Sài Gòn). Đến đây các đồng chí đòi ra Bắc bằng tàu hỏa, nhưng bọn Pháp không chịu. Chúng lại đưa Nguyễn Văn Cừ và đoàn tù ân xá lên chiếc tàu thủy Pátxkiê để ra Hải Phòng.

Đến Hải Phòng vào buổi sáng, Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí khác đi tàu hỏa lên Hà Nội, sau đó chia tay, Nguyễn Văn Cừ về Phù Khê.

Về đến nhà gặp mẹ, Nguyễn Văn Cừ mới biết trong thời gian anh đi ở tù, cha đã mất, cuộc sống của mẹ già gặp muôn vàn khó khăn, em trai lưu lạc kiếm ăn ở nơi

xa. Anh rất thương mẹ, động viên mẹ, nói cho mẹ hiểu phần nào công việc mình đang làm và xin phép được tiếp tục đi hoạt động.

- Theo lời kể của Nguyễn Văn Kha (em ruột Nguyễn Văn Cừ), bản viết tay, ngày 19-4-1976.

- Lời kể của Lê Văn Phê, tài liệu 278A.2LT2 lưu trữ Văn phòng tỉnh kỷ Bắc Ninh, bản chụp là tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 12

Nhớ lời hẹn với các đồng chí khi còn trong tù, ở nhà với mẹ được gần một tháng, Nguyễn Văn Cừ bí mật ra Hà Nội gặp Nguyễn Công Miêu, Tô Hiệu, Lương Khánh Thiện, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Minh... bàn kế hoạch tiếp tục hoạt động.

- Theo lời kể của Nguyễn Văn Kha (em ruột Nguyễn Văn Cừ), bản viết tay, ngày 19-4-1976.

- Băng ghi âm lời kể của Nguyễn Văn Minh, lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh.

Cuối năm

Ra Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức bố trí ăn ở sinh hoạt trong một cơ sở bí mật: Hiệu giặt là Ánh Sáng ngoài bãi Phúc Xá (sông Hồng). Sau đó anh đóng vai người làm công cho Hiệu giặt là Mai Hải ở phố Hàng Giấy (phường Đồng Xuân), ngày ngày trong vai người đi nhận và trả quần áo cho khách để đi gặp gỡ các cơ sở,

chấp mỗi liên lạc với nhiều đồng chí mới được ra tù. Cùng tổ hoạt động với Nguyễn Văn Cừ có vợ chồng đồng chí Lương Khánh Thiện. Lúc này sinh hoạt ở Hà Nội rất đắt đỏ để có tiền sinh hoạt phí, ngoài số tiền ít ỏi chủ hiệu giặt trả cho, thỉnh thoảng Nguyễn Văn Cừ còn được anh em có điều kiện khá giả hơn dúi cho năm ba hào để trả tiền cơm tháng.

- Liên hiệp Công đoàn Hà Nội: *Lịch sử phong trào công nhân và tổ chức công đoàn Hà Nội*, 1988, tr. 88

- Nguyễn Văn Trân: *Liên tưởng một số sự kiện (nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ)*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Hà Bắc, lưu trữ Văn phòng tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Cuối năm

Nguyễn Văn Cừ nhiều lần gặp gỡ với Nguyễn Văn Minh (tức Minh lùn) - một người bạn học cũ ở Trường tiểu học Bắc Ninh, tốt nghiệp Trường đại học Phương Đông (Liên Xô), được Ban Chỉ huy ở ngoài cử về nước hoạt động. Hai người đi gặp các đồng chí Hoàng Văn Nọn, Tô Hiệu, Tô Quang Đẩu, Trần Huy Liệu, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Trân... bàn việc khôi phục và phát triển cơ sở đảng.

- Băng ghi âm lời kể của Nguyễn Văn Minh, lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh

Nguyễn Văn Trân: *Liên tưởng một số sự kiện (nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ)*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Khoảng cuối năm

Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh, Trần Quý Kiên... hẹn gặp nhau họp, địa điểm tại một thửa ruộng gần sân bay Gia Lâm (Hà Nội). Nội dung cuộc họp bàn về việc củng cố và phát triển các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng. Cuộc họp quyết định thành lập ra một uỷ ban, gọi là Uỷ ban sáng kiến. Nhiệm vụ của uỷ ban này là chỉ đạo khôi phục phong trào cách mạng, củng cố tổ chức đảng ở miền Bắc và bắt mối liên lạc với các đồng chí mới ở tù về tiếp tục trở lại hoạt động.

- Băng ghi âm lời kể của Nguyễn Văn Minh, lưu trữ tại Viện Hồ Chí Minh

- Nguyễn Văn Trân: *Liên tưởng một số sự kiện (nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ)*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, lưu trữ Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

NĂM 1937

Khoảng cuối tháng 1

Nguyễn Văn Cừ dự họp Ủy ban sáng kiến. Địa điểm tại nhà đồng chí Động, phố Hàng Đường (Hà Nội). Ủy ban phân công Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở bộ phận bí mật, phân công một số đồng chí khác đi công tác địa phương: Tô Hiệu về Hải Phòng, Quảng Ninh, Hoàng Văn Thụ đi các tỉnh vùng núi phía Bắc. Ủy ban cử Nguyễn Văn Cừ cùng các đồng chí Nguyễn Văn Minh, Trần Quý Kiên phụ trách công tác móc nối liên lạc với các đồng chí ở Trung Kỳ đồng thời trực tiếp tham gia khôi phục và phát triển các cơ sở đảng khu vực Hà Nội và các vùng phụ cận.

Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 3

Nguyễn Văn Cừ tham gia Hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ. Dự Hội nghị có các đồng chí Hoàng Văn Nọn, Nguyễn Văn Minh, Đặng Xuân Khu, Lương Khánh Thiện, Tô Hiệu, Hoàng Quốc Việt, Đinh Xuân Nha, Trần Quý Kiên, Trần Cung... Hội nghị cử đồng chí Lương Khánh Thiện làm Bí thư Xứ ủy lâm thời, kiêm Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Văn Cừ được cử vào Ban Thường vụ và được phân công làm đại diện của Xứ ủy bên cạnh Trung ương, đồng thời theo dõi công tác tuyên truyền công khai do đồng chí Đặng Xuân Khu phụ trách.

Hội nghị thống nhất cử Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt đại diện cho Xứ ủy đi dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ tổ chức vào cuối tháng 8 ở Sài Gòn.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.300.

Tháng 4, ngày 24

Nguyễn Văn Cừ tán thành với quyết định của các đồng chí trong Ban Tuyên truyền và Xứ uỷ Bắc Kỳ cho ra số đầu tiên của tờ báo *Bạn dân* - một tờ báo của Đoàn Thanh niên Dân chủ tại Hà Nội.

- *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.67.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lược sử Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 43.

Tháng 8, cuối tháng

Nhận sự phân công của Xứ uỷ, Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt đáp tàu hỏa từ Hà Nội vào Sài Gòn dự họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Hai người hẹn với Hà Huy Tập và Nguyễn Văn Trọng (tức Nguyễn Chí Diểu) để cùng đi.

Để tránh con mắt theo dõi của mật thám, Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt ngồi riêng mỗi người một toa tàu. Do tên Đinh Văn Di (Bí thư Liên tỉnh Thanh - Nghệ, sau làm Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ) phản bội chỉ điểm, đồng chí Hoàng Quốc Việt bị theo dõi sát sao nên phải lẩn tránh, khi vào tới Sài Gòn thì Hội nghị đã họp xong.

Đến ga Sài Gòn, Nguyễn Văn Cừ đóng giả làm người buôn heo, lấy bí danh là Năm (bà con gọi là anh Năm Heo), được đồng chí liên lạc viên Hai Sóc đón và đưa

về làng Tân Thời Nhất, xã Bà Điểm (thuộc huyện Hóc Môn, ngoại thành Sài Gòn), nơi tổ chức Hội nghị Trung ương.

- Công văn mật số 250/SS, ngày 14-9-1937 của mật thám Trung Kỳ, lưu Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ĐVBQ.311.STT15.

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hóc Môn: *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hóc Môn*, 1991, tr. 32.

Từ ngày 25-8 đến ngày 4-9

Nguyễn Văn Cừ dự Hội nghị Trung ương mở rộng. Tham dự Hội nghị có Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... Hà Huy Tập chủ trì Hội nghị. Nội dung chủ yếu của Hội nghị nhằm kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm về cuộc vận động dân chủ và đưa ra đường lối hoạt động của Đảng trong giai đoạn mới. Nguyễn Văn Cừ đọc bản báo cáo về công tác hoạt động quần chúng của Đảng.

Hội nghị đã bầu Nguyễn Văn Cừ và Nguyễn Chí Diểu vào Ban Chấp hành Trung ương.

- Báo cáo của Sở Mật thám Nam Kỳ về Hội nghị thường kỳ Ban Chấp hành Trung ương, tháng 7, 8-1937, lưu Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. phong chính quyền cũ, ĐVBQ. 311.STT/15.

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hóc Môn: *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hóc Môn*, 1991, tr.132
- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2000, t 6, tr. 276.

Tháng 9

Thực hiện sự phân công của Trung ương, Nguyễn Văn Cừ trở ra Bắc triệu tập Hội nghị thành lập Liên Xứ uỷ Bắc - Trung Kỳ.

Hội nghị tổ chức tại ngôi nhà do đồng chí Tô Hiệu thuê ở phố Hàng Bột, Hà Nội (nay là phố Tôn Đức Thắng). Làm việc được một ngày thì được tin cơ sở báo có mật thám theo dõi phải chuyển đến địa điểm khác ở gần hồ Trúc Bạch.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí Tô Hiệu, Đặng Việt Châu, Tô Quang Đầu, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Công Hòa, Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Nọn... và một số đại biểu của các tỉnh Thanh - Nghệ và miền Trung.

Hội nghị tuyên bố thành lập Liên Xứ uỷ Bắc - Trung Kỳ, bầu đồng chí Hoàng Văn Nọn (tức Thiết) làm Bí thư Liên Xứ uỷ, Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Ban Thường vụ.

Hội nghị đưa ra các biện pháp nhằm đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai và bán công khai của Đảng cho phù hợp với tình hình mới.

Tài liệu đánh máy của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc. lưu tại Viện Hồ Chí Minh

Tháng 10, ngày 30

Tại Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ cùng Ban lãnh đạo nhóm *Le Travail* tham dự cuộc mít tinh có hàng ngàn quần chúng, nhằm khuếch trương sức mạnh của nhân dân. Cuộc mít tinh này được tổ chức dưới danh nghĩa đón tiếp Gôđà.

Hồi ký Trần Huy Liệu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.67.

Tháng 11

Tại bãi Phúc Xá (Hà Nội), Nguyễn Văn Cừ mở các lớp huấn luyện cán bộ công vận. Nội dung chương trình huấn luyện chủ yếu tuyên truyền về sứ mệnh của giai cấp công nhân và cách thức tổ chức các "hội ái hữu", "hội tương tế".

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Ban Chấp hành Công đoàn thành phố Hà Nội: *Phong trào công nhân và công đoàn Hà Nội*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1995, tr.86

Trong năm

Nguyễn Văn Cừ thường đi về hoạt động tại các vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội, như La Cả và Đại Mỗ thuộc huyện Hoài Đức, Hà Tây, chỉ đạo thực hiện chủ trương phối hợp đấu tranh giữa nông dân ở địa phương và công nhân ở Hà Nội.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Hoài Đức*.

- *Hồi ký cách mạng*, tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

NĂM 1938

Đầu năm

Theo triệu tập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nguyễn Văn Cừ bí mật rời Hà Nội đi Sài Gòn dự Hội nghị Trung ương lần thứ năm.

Trên đường vào Nam dự Hội nghị, Nguyễn Văn Cừ ghé qua Huế gặp đồng chí Lê Duẩn để bàn việc xây dựng tuyến liên lạc từ Hà Nội vào Sài Gòn bằng tàu hỏa và giao cho Đoàn Thanh niên Dân chủ phụ trách. Hai người nhất trí đưa vấn đề này ra bàn ở hội nghị Trung ương lần này.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Tài liệu mật thám Pháp.

Tháng 3, từ ngày 29 đến ngày 30

Nguyễn Văn Cừ dự Hội nghị Trung ương lần thứ năm tổ chức tại làng Tân Thới Nhất, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định.

Hội nghị bàn về những vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam. Theo đề nghị của Nguyễn Văn Cừ, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành mới gồm 11 uỷ viên, Nguyễn Văn Cừ được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.

Báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ, 9-1938, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 4

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ dự định ở lại hoạt động tại miền Nam. Cơ quan Trung ương lúc đó đóng ở xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn. Nhưng trước sự truy lùng ráo riết của mật thám Pháp, sau Hội nghị Trung ương được ít ngày, Nguyễn Văn Cừ phải quay trở ra Bắc

- Công văn số 144.S.S, ngày 14-4-1938 của Chánh mật thám Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh

Khoảng tháng 4

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trở ra Hà Nội và có buổi làm việc với Xứ uỷ Bắc Kỳ tại trụ sở báo *Tin tức*, số nhà 105 phố Hăngri đờ Oóc-lêăng (nay là phố Phùng Hưng, Hà Nội). Các cuộc trao đổi của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với các đồng chí Đặng Xuân Khu, Trần Huy Liệu, Trần Đình Long, Khuất Duy Tiến, Đào Duy Kỳ... Nội dung chủ yếu bàn về việc thành lập nhóm Tin tức, làm nòng cốt tập hợp một số tờ báo tiến bộ khác tuyên truyền công khai cho Mặt trận dân chủ.

- *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.207

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 4

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo nhóm Tin tức thực hiện chủ trương liên minh với các tổ chức chính trị ở Hà Nội: chi nhánh Đảng Xã hội Pháp (gồm cả người Pháp và người Việt); nhóm Ngày nay (gồm một số trí thức tư sản, tiểu tư sản); các đại diện giới tiểu chủ, tiểu thương, thương gia; Đoàn Thanh niên Dân chủ; Hội Phụ nữ Dân chủ... xúc tiến thành lập Mặt trận dân chủ ở Bắc Kỳ.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, t. 208-210.

Tháng 4

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ họp với Xứ uỷ Bắc Kỳ, bàn về việc đưa người tham gia ứng cử vào Viện dân biểu và Hội đồng thành phố Hà Nội.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, 1991, tr,211-215

Tháng 4, cuối tháng

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ thị cho bộ phận công tác báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ (nhóm Tin tức) vận động chi nhánh Đảng Xã hội Pháp đứng ra xin

phép nhà cầm quyền đồng ý cho tổ chức cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5.

Hồi ký Trần Huy Liệu, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.220.

Tháng 5, ngày 1

Tại khu vực Nhà Đấu Xảo (nay là Quảng trường 1-5, Hà Nội), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Xứ uỷ Bắc Kỳ, Thành uỷ Hà Nội đã huy động hơn 2,5 vạn quần chúng tham gia cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động.

Lên diễn đàn cuộc mít tinh có các đại diện của chi nhánh Đảng Xã hội Pháp, nhóm Tin tức, nhóm Ngày nay và đại diện của công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương... Các bài diễn văn đã công khai vạch trần chính sách bóp nghẹt tự do dân chủ, chính sách bóc lột tàn nhẫn của chính quyền thuộc địa; đòi tự do dân chủ cho dân chúng.

- *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 1991, tr. 207

- *Lịch sử Việt Nam, Sđd*, t.2, tr. 123.

Tháng 5, ngày 5

Tại số nhà 28 phố Rômanh Rôlăng (nay là phố Hai Bà Trưng, Hà Nội), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Dân chủ. Phát biểu ý kiến tại Đại hội, Tổng Bí thư khẳng định: "thanh niên là lực lượng hùng hậu của cách mạng, là tương lai của dân tộc. Nhiệm vụ của thanh niên rất nặng nề, vai trò của thanh niên cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh đòi dân

sinh, dân chủ. Đồng chí tán thành với đề xuất của Đoàn Thanh niên Dân chủ về việc cho xuất bản hai tờ báo: *Thế giới* tại Hà Nội và báo *Mới* tại Sài Gòn. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Dân chủ, đồng chí Đào Duy Kỳ - Xứ uỷ viên Bắc Kỳ được bầu làm Bí thư.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

Khoảng giữa năm

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chuyển đến ở trong một căn buồng nhỏ cạnh cầu thang tại số nhà 80 phố Cánhô (nay là đường Phan Đình Phùng, Hà Nội). Đây là ngôi nhà của viên Chánh Văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương - Mô rô. Tranh thủ khi vợ chồng ông ta về Pháp chữa bệnh, đồng chí Nguyễn Văn Tâm - một cơ sở bí mật của Đảng - trong vai người đầu bếp đã bố trí thành nơi ở cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Chính tại nơi ở của tên trùm thực dân này, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã gặp gỡ làm việc với nhiều đồng chí lãnh đạo Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ* tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Khoảng giữa năm

Ở nhà số 80 phố Các nô một thời gian, để tránh sự theo dõi của mật thám, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chuyển đến nhà số 1 ngõ Gia Thịnh - đây là cơ quan bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 6

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ viết thư cho các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai nhắc nhở về việc chỉ đạo công tác hoạt động công khai của Xứ uỷ Nam Kỳ, đồng thời dặn phải hết sức đề phòng hoạt động khiêu khích của bọn tởrốtkit. Bức thư được trao trực tiếp cho đồng chí Đào Duy Kỳ đưa vào Nam.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Khoảng tháng 6

Lợi dụng quy định về luật tự do báo chí của thực dân Pháp, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo cho ra tờ báo *Dân chúng* - làm cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương - xuất bản ở Nam Kỳ.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Nmh

- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 7, ngày 22

Báo *Dân chúng* - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương ra số đầu tiên. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ viết lời hiệu triệu cho báo: "Trong lúc này... hơn lúc nào hết... chúng ta phải giữ gìn lãnh thổ chúng ta trước sự xâm lấn của Nhật Bản. Chúng ta phải mở mang nền kỹ nghệ xứ ta cho được phồn thịnh. Chúng ta phải dìu dắt các bạn dốt nát lên đường văn minh, tiến bộ..."

Vì những phận sự lớn lao ấy, *Dân chúng* nguyện làm cơ quan chung cho những ai muốn cho xứ Đông Dương khỏi phải chìm đắm trong vòng tối tăm, cùng khổ". Sau khi báo *Dân chúng* ra đời được một thời gian, với việc đấu tranh cho quyền tự do báo chí, ngày 30-8-1938, chính quyền thuộc địa buộc phải ban hành Nghị định về tự do báo chí ở Nam Kỳ.

Báo *Dân chúng*, số 1. ngày 22-7-1938, lưu tại Bảo tàng
Cách mạng

Tháng 7

Trong vai người nhà của đầu bếp, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ được bố trí đến ở trong khu bếp của viên Phó Giám đốc Nhà băng Đông Dương trên tầng thượng của nhà băng (nay là trụ sở Ngân hàng Nhà nước). Người nấu bếp tên là Thi - một cơ sở bí mật của Đảng cùng ở chung với Tổng Bí thư trong một căn phòng nhỏ ngay cạnh bếp.

Tại căn gác nhỏ này Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã nhiều lần làm việc với đồng chí Lương Khánh Thiện, Hoàng Văn Thụ và các đồng chí trong Xứ uỷ Bắc Kỳ. Cũng chính trong căn gác xép chật chội, nóng nực này, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã hoàn thành tác phẩm nổi tiếng *Tự chỉ trích*.

Nguyễn Văn Minh: *Hồi ký*, tài liệu và băng ghi âm lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 8, ngày 24

Với bút danh Trí Thành - Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ viết bài *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong* đăng trên báo *Dân chúng*.

Sau khi đọc bài trên báo *Tân tiến* số ra từ ngày 1-4-8-1938 có đăng bài của tác giả Hải Phong có tựa đề: *Trả lời cho Nhật báo Liên bang Xôviết với Quốc tế liên minh*, Tổng Bí thư đã nhận thấy sai lầm của tác giả và viết bài này.

Tác giả bài báo chỉ rõ: "Xét rằng ông Hải Phong là một người hết sức ghét lối vu cáo đê hèn của bọn tởrôtkít và ông muốn bênh vực Đệ tam quốc tế.. nói về lai lịch Hội quốc liên phần nhiều là đúng song cái động cơ mà Xôviết Liên bang vào Hội quốc liên thì ông nói không được đúng". Tác giả phân tích: nếu ông Hải Phong vô ý hay hiểu lầm thì đó là một sự sai lầm lớn về đường chính trị,... và người ta có thể nói ông muốn đưa quần chúng vào con đường cải lương, sau nữa lối bênh vực Đệ tam như thế chỉ là thêm cơ cho bọn tởrôtkít chửi Đệ tam, vì thế mà người ta có thể gọi ông là khiêu khích". Đồng thời giải thích rõ mục đích của Liên Xô vào Hội quốc liên, phê phán quan niệm sai lầm của Hải Phong theo chủ nghĩa cải lương, trái với quan điểm của Quốc tế Cộng sản.

Trí Thành: *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong*, báo *Dân chúng*, số 10, ngày 24-8-1938.

Tháng 8

Từ kinh nghiệm hoạt động của nhóm Tin tức, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo thành lập nhóm *Dân chúng* ở Sài Gòn.

- Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Ninh.

- Đào Duy Ký: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ* tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 8, ngày 31

Báo *Dân chúng* số 12 đăng bài *Đại hội của quốc tế hòa bình chống chiến tranh xâm lược* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Thông qua bài báo tác giả giới thiệu khái quát bốn nội dung cơ bản của Đại hội quốc tế hòa bình chống chiến tranh xâm lược mới diễn ra ở Pari (27-7-1938). Đó là:

1. Quyết nghị phản đối ném bom xuống những thành thị không bố phòng.
2. Quyết nghị về Tàu (có năm điều, phản đối Nhật xâm lược Trung Quốc).
3. Quyết nghị về nội chiến Tây Ban Nha.
4. Quyết nghị về vấn đề Tiệp Khắc.

Bài báo kêu gọi nhân dân Đông Dương cần tham gia mạnh mẽ vào phong trào phản đối chiến tranh, đòi hòa bình trên toàn thế giới.

Trí Thành: *Đại hội của quốc tế hòa bình chống chiến tranh xâm lược*, báo *Dân chúng*, số 12, ngày 31-8-1938.

Tháng 9 ngày 17

Báo *Dân chúng* số 17 đăng bài *Nhân dân xứ này đối với Hội đồng quản hạt* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành, nhằm cổ động, tuyên truyền cho việc tranh cử đưa người của ta vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ (4-1939).

Tác giả hoan nghênh lập trường cấp tiến của một số nghị viên, đồng thời nói rõ quan điểm nhân dân sẵn sàng nguyên lượng và tha thứ cho những nghị viên đã nhận thấy những sai lầm, yếu kém của mình để đi về phía quyền lợi của nhân dân, kêu gọi họ cùng hợp tác với Mặt trận dân chủ để đấu tranh đòi cải cách dân chủ, cấp tiến cho nhân dân toàn xứ, cho Tổ quốc, đồng bào. Tác giả nêu ra những điều nhân dân đang tha thiết yêu cầu với hội đồng quản hạt. Đó là 10 điểm về ban bỏ các quyền tự do dân chủ, miễn thuế thân cho dân nghèo, đánh thuế lũy tiến, bỏ thuế thân, luật lao động cho thợ thuyền, lập thêm trường học để tẩy trừ nạn thất học, v.v..

Trí Thành: *Nhân dân xứ này đối với Hội đồng quản hạt*, báo *Dân chúng*, số 17, ngày 17-9-1938.

Tháng 10, ngày 5

Báo *Dân chúng* đăng bài *Mấy lời cùng độc giả* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Đây là lời phi lộ chính thức của tờ báo cùng độc giả, trong đó nêu rõ những nhiệm vụ chính trị cơ bản của tờ báo là: "Giành lại quyền tự do xuất bản! Đó là một bước đầu mà thôi. *Dân chúng* còn có những trách nhiệm lớn lao nặng nề này: Chủ trương ngôn luận đúng đắn không "tả" mà cũng không "hữu" không bợ đỡ, rụt rè; dùng lý luận hợp thời và tiến bộ giúp độc giả tìm chân lý và vũ khí tranh đấu sắc bén; chọn tin tức đích xác và cần thiết công hiến cho độc giả giúp đồng bào hiểu rõ thời thế,

kịch liệt tranh đấu chống chủ nghĩa phát xít và các lý luận phản bội, hành động khiêu khích của bọn tởtkít và các mầu lý luận phản động khác...".

Sau khi khẳng định báo *Dân chúng* đã được nhân dân ủng hộ, yêu mến và tin cậy, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã kêu gọi: "Giúp cho *Dân chúng* phát triển, tức là giúp cho trình độ chính trị của quần chúng lên cao... *Dân chúng* là cơ quan ngôn luận của các anh chị em. Nó có sống lâu, vững chãi, thì tiếng hô hào của anh, chị, em càng vang lừng cuộc chiến đấu với tất thảy địch nhân của dân chúng thắng lợi khắp các mặt trận.

Dân chúng thắng, ấy là quảng đại quần chúng xứ này chiến thắng vậy!".

Cũng trong số 22, báo *Dân chúng* còn đăng bài *Những thái độ sai lầm của mấy ông dân biểu Bắc Kỳ*, của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành. Bài báo phê phán mấy vị dân biểu tuy được nhân dân bầu thành nghị viên, nhưng vì ma lực của đồng tiền đã thoái hóa, không dám đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân: "Trái lại với nguyên tắc ấy, các ông nghị ở Viện dân biểu Bắc Kỳ đã tỏ ra nhiều cử chỉ rất sai lầm. Những cử chỉ ấy chỉ có ích cho kẻ thống trị, cho bọn phản động". Tác giả chỉ ra những sai lầm cụ thể của một số vị dân biểu vì sợ mình lẻ loi, nên nhụt chí đấu tranh, hoặc vin có này có khác để thoái thác trách nhiệm. Nhận xét về các hành động đó tác giả cho rằng đó là hành động tả khuynh cô độc đi ngược lại với quyền lợi của nhân dân. Tác giả khẳng định: "Chỉ có cuộc hành động thống nhất rộng rãi bao gồm các đảng phái, các lớp nhân dân thì mới chống nổi thế lực phản động ở thuộc địa và đòi được các điều cải cách dân chủ tiến bộ và chính đáng".

Trí Thành: *Những thái độ sai lầm của mấy ông dân biểu Bắc Kỳ*, báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5-10-1938.

Tháng 10, ngày 8

Báo *Dân chúng* số 23 đăng bài *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm – Chủ nhiệm báo Tự do* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Nguyễn Văn Sâm đã viết bài *Phong trào ái hữu và sự tấn công của phe chủ*, đăng trên báo *Tự do* mà ông làm chủ bút, trong đó thể hiện sai lầm về nhận thức và quan điểm chính trị. Vì thế Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết bài trao đổi.

Với thái độ chân tình, tác giả phân tích nguyên nhân sai lầm về nhận thức của Nguyễn Văn Sâm là do thiếu tư liệu, thiếu hiểu biết về vấn đề nghiệp đoàn và hội ái hữu cho nên có những kết luận không đúng sự thật về hai tổ chức này, cũng như mối quan hệ của nó. Tác giả cảnh tỉnh: "chúng tôi thiết tưởng ông Sâm làm chủ bút tờ *Tự do* - "đứng ngoài khuôn khổ một đảng chính trị mà phê bình sự thực thì không nên để lời văn chương dối trá lọt vào tờ báo mà làm trái với tôn chỉ của tờ báo *Tự do* đã tuyên bố".

Để kết luận vấn đề mà bọn tởtkít cho rằng: "Ái hữu nghịch với nghiệp đoàn", tác giả bài báo khẳng định: "chỉ có kẻ đã tham gia cuộc tranh đấu vì sự nghiệp của giai cấp thợ thuyền xứ này thì mới biết rõ rằng Đảng Cộng sản Đông Dương không giờ phút nào xao lãng nhiệm vụ tổ chức thợ thuyền. Sự thực khác hẳn với những người đứng ngoài cuộc tranh đấu chuyên môn chửi rủa".

Trí Thành: *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm- Chủ nhiệm báo Tự do* báo *Dân chúng*, số 23, ngày 8-10-1938.

Tháng 10, ngày 19

Báo *Dân chúng*, số 26 đăng bài *Sự tấn công của Nhật ở Hoa Nam và tình thế Viễn Đông* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Với nhãn quan chính trị nhạy bén, sắc sảo, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã phân tích và đưa ra những đánh giá chính xác về âm mưu đen tối của phát xít Nhật trong cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc, nguy cơ chiến tranh phát xít ở châu Á cũng như trên toàn thế giới. Tổng Bí thư khẳng định thái độ của nhân dân Việt Nam là: "Một lần nữa, chúng tôi cảnh cáo các cường quốc dân chủ rằng chính sách đầu hàng trước bọn phát xít, tức là làm cho cuộc chiến tranh đế quốc càng tàn nhẫn, càng dã man thêm... giúp cho các nước phát xít chuẩn bị cuộc chiến tranh tàn bạo hơn và cũng vì chính sách đầu hàng ấy mà hôm nay nạn chiến tranh lại hăm dọa một cách nghiêm trọng ở Viễn Đông". Tổng Bí thư kêu gọi: "Các lớp dân chúng hãy đoàn kết hàng ngũ chặt chẽ ủng hộ và giúp đỡ cuộc kháng chiến của dân tộc Tàu, phản đối chính sách đầu hàng, tán thành tập thể an toàn chống chiến tranh phát xít ấy là ủng hộ hòa bình".

Trí Thành: *Sự tấn công của Nhật ở Hải Nam và tình hình Viễn Đông*, báo *Dân chúng*, số 26, ngày 19-10-1938.

Tháng 12, ngày 10

Báo *Dân chúng*, số 86 đăng bài *Mười một năm Quảng Châu công xã* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Bài báo gồm có bốn phần và cuối cùng là kết luận của tác giả.

- Ý nghĩa của Quảng Châu công xã.
- Tình hình trước hôm bạo động.
- Quảng Châu công xã đã làm gì.
- Những bài học thất bại của Quảng Châu công xã.

Bài báo nêu bật ý nghĩa lịch sử của Quảng Châu công xã: "Quảng Châu công xã tuy thất bại, nhưng để lại cho chúng ta những bài học quý báu, mỗi một người chúng ta ham chuộng tự do, bình đẳng, độc lập, giải phóng cần phải nghiên cứu để học những điều hay, tránh những điều dở, để nhận rõ con đường phát triển của cuộc cách mạng Tàu, để hiểu rõ phương hướng tranh đấu giải phóng của các xứ thuộc địa và bán thuộc địa".

Trên cơ sở phân tích hoàn cảnh lịch sử trước khi nổ ra cuộc bạo động, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, với sự nhìn nhận chính xác, tác giả chỉ ra thái độ phản động của giai cấp tư sản Trung Hoa, vì quyền lợi bản thân sẵn sàng câu kết với đế quốc đàn áp nhân dân: "*Giai cấp tư sản bốn xứ đã yếu đuối sợ phong trào quần chúng nên dễ bị bọn đế quốc nó hăm dọa, lừa gạt đi vào con đường đầu hàng đế quốc, phản quyền lợi dân tộc*".

Mặc dù chỉ tồn tại được 58 tiếng đồng hồ tác giả vẫn nêu những việc đã làm được của Công xã Quảng Châu: thành lập được chính quyền xôviết, bước đầu ban hành các chính sách cải thiện đời sống cho công nhân, nông dân, binh lính, v.v..

Từ thất bại của Quảng Châu công xã, tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm và lịch sử: về vấn đề lực lượng cách mạng, về công tác chỉ đạo của Đảng và những yếu kém về đường lối chiến lược, sách lược trong và sau khởi nghĩa chưa phù hợp dẫn đến thất bại.

Phân kết luận, tác giả viết: "Nhờ những kinh nghiệm lớn lao ấy của cuộc đại cách mạng Tàu,.. muốn có một tương lai sáng rạng cho dân tộc thì cần phải có *hành động thống nhất của các lớp nhân dân bị áp bức, không phân biệt đảng phái, giai cấp, đoàn kết trong Mặt trận nhân dân phản đế theo hình thức thích hợp với hoàn cảnh của từng xứ*".

Trí Thành: *Mười một năm Quảng Châu công xã*, báo *Dân chúng*, số 36, ngày 10- 12-1938.

Khoảng cuối năm

Với bút danh *Trí Thành*, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ biên soạn tác phẩm *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*. Đây là tác phẩm phân tích khá sâu sắc một số vấn đề về nội dung chỉ đạo cuộc vận động đòi quyền dân sinh, dân chủ của Đảng ta.

Trong tác phẩm, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ nêu rõ ý nghĩa của tự do dân chủ và vấn đề pháp luật; việc thể chế hóa quyền tự do dân chủ của nhân dân như thế nào. Đồng chí còn nêu lên những khái niệm về tự do dân chủ tư sản, vấn đề đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ của nhân dân Đông Dương; khái quát những quan niệm cơ bản về quyền tự do dân chủ của một quốc gia, dân tộc, quyền tự do dân chủ của từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng dân tộc - xã hội như: với giai cấp tư sản, với giai cấp vô sản, với tiểu tư sản, với nông dân, v.v..

Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương, Tập sách *Dân chúng* xuất bản, Sài Gòn, 1938.

NĂM 1939

Tháng 1, ngày 1

Báo *Dân chúng*, số Xuân 1939 đăng bài *Tôn giáo với xã hội loài người* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Sau khi sơ lược giới thiệu về nguyên nhân ra đời và quá trình hình thành tôn giáo, tác giả phân tích: "Tôn giáo thường khuyên người ta làm điều từ thiện đạo đức,

thương yêu vạn vật, khuyên răn người làm ác nghiệt bằng câu lúc chết linh hồn sẽ bị khổ sở, con cháu bị điêu tàn. Những câu ấy người ta thường nghe mà kết quả họ vẫn phạm tội, vì không có cơm ăn áo mặc, vì xã hội tổ chức bất công tranh nhau quyền lợi đã gây ra những cuộc đâm chém nhỏ cho tới cuộc đại tàn sát lẫn nhau gây nên tội ác tày trời. Mặc dầu càng ngày càng niệm Phật tụng kinh mà vẫn không hiệu quả gì.

Trái lại triết học duy vật cho rằng muốn căn bản cải tạo nền đạo đức của người ta, cần phải tìm phương pháp cải tạo chế độ xã hội bất công, đánh đổ chế độ bóc lột, đem hết thảy khí cụ sinh sản các xí nghiệp, ruộng đất làm của công để cho mỗi người đều có cơm ăn, công việc làm, nhà ở, thì nhân loại sẽ trở nên nhân từ, bác ái đạo đức cao thượng. Đó là phương pháp cải tạo xã hội bắt đầu từ dưới cột rễ."

Trên quan điểm đó, tác giả bàn về vấn đề tôn giáo với xã hội loài người.

Trong phần thứ nhất: *Cội rễ của tôn giáo*, tác giả dẫn lại lời của Ăngghen trong tác phẩm *Chống Duyrinh* để chỉ ra bản chất của tôn giáo. Các phần tiếp theo có nhan đề: *Tôn giáo trong thời đại thượng cổ*; *Tôn giáo trong thời đại phong kiến*; *Tôn giáo trong thời đại tư bản*; *Tôn giáo ở Đông Dương*; *Tôn giáo với xã hội chủ nghĩa*. Tác giả chỉ ra nguồn gốc duy tâm của con người một mặt là do ít hiểu biết, mặt khác do bọn phong kiến, giai cấp thống trị luôn luôn lợi dụng tôn giáo để duy trì địa vị thống trị và mở rộng thế lực và đánh lạc hướng đấu tranh của nhân dân.

Cuối cùng tác giả kêu gọi: "Bởi vậy hết thảy mỗi người, vô luận tín ngưỡng tôn giáo nào, xu hướng chính trị nào cần phải bắt tay nhau tích cực tranh đấu mới cứu vớt nhân loại ra khỏi tấn thảm kịch của bọn phát xít, bọn đế quốc đã gây ra và đương hăm dọa làm cho nó lan tràn khắp thế giới".

Trí Thành: *Tôn giáo với xã hội loài người*, báo *Dân chúng*, số Xuân 1939.

Tháng 2, ngày 28

Báo *Dân chúng* số 50 đăng bài *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Tác giả phân tích khá toàn diện về các vấn đề chủ yếu xung quanh vị trí chiến lược của hòn đảo Hải Nam và thái độ của nhân dân Đông Dương với hành động xâm lược của phát xít Nhật.

Tác giả vạch rõ sự nhu nhược của Anh - Mỹ - Pháp, sự rời rạc của các nước dân chủ là nguyên nhân để bọn Nhật lần tới đánh chiếm Hải Nam làm bàn đạp xâm lược xuống phía nam Thái Bình Dương.

Trí Thành: *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam*, báo *Dân chúng*, số 50, ngày 28-2-1939.

Tháng 3, ngày 3

Báo *Dân chúng*, số 51 đăng phần tiếp theo của bài *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Tác giả phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa Đông Dương với Hải Nam, coi Hải Nam là cái bình phong che chở cho Đông Dương, bởi vậy khi Hải Nam rơi vào tay quân Nhật thì số phận của Đông Dương chắc hẳn sẽ bị thôn tính. Bài báo chỉ ra những việc cần làm để phòng thủ Đông Dương và nêu rõ: "Nhiệm vụ của nhân dân ta lúc này hơn lúc nào hết cần phải nhất trí hành động một cách ráo riết, để đòi cho được các quyền tự do dân chủ, đòi Pháp - Nam bình đẳng, đòi cải thiện sinh hoạt, để vì nó mà phòng thủ xứ sở có tự do bình đẳng và hạnh phúc mặc dầu chưa phải

là chân chính, nhưng cũng là bước tiến bộ để tranh đấu đi tới chân chính tự do bình đẳng và hạnh phúc."

Trí Thành: *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hải Nam*, báo *Dân chúng*, số 51, ngày 3-3-1939.

Tháng 3, ngày 7

Báo *Dân chúng*, số 52 đăng bài *Mặt trận dân chủ với Mặt trận công nông trong vụ tuyển cử hội đồng quản hạt* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, ký bút danh Trí Thành.

Bài báo vạch trần bộ mặt phản động của bọn tởrôtkít - kẻ thù nguy hiểm giấu mặt chống phá chủ trương của Đảng trong dịp bầu cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Trong đó, tác giả chỉ rõ vấn đề kêu gọi hợp tác liên minh: "liên hợp đảng phái" của chúng thực chất là thủ đoạn "lập lò đánh lộn con đen", nhằm lừa gạt cử tri, hòng che đậy bộ mặt phản dân hại nước của bọn phản động giả danh cách mạng tởrôtkít, cần phải hết sức cảnh giác.

Trí Thành: *Mặt trận dân chủ với Mặt trận công nông trong vụ tuyển cử hội đồng quản hạt*, báo *Dân chúng*, số 52, ngày 7-3-1939

Từ tháng 4 đến tháng 7

Cùng với việc chỉ đạo hoạt động của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ hoàn thành tác phẩm *Tự chỉ trích*, ký bút danh Trí Cường. Sau khi tham khảo ý kiến một

số đồng chí bản thảo *Tự chỉ trích* đã được giao cho đồng chí Minh Tranh đưa vào miền Nam in tại Tập sách Dân chúng.

Thông qua tác phẩm *Tự chỉ trích*, trước hết Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo triển khai cuộc đấu tranh trên cả nước lột mặt nạ bọn giả danh cách mạng tởrốtкіт, tiến hành phê bình và tự phê bình, nâng cao sức chiến đấu của Đảng; nghiêm khắc lên án, chỉ trích những khuynh hướng cô độc hẹp hòi và khuynh hướng hữu khuynh thỏa hiệp với bọn tởrốtкіт, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Nêu rõ mục đích của *Tự chỉ trích*: "Để tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ", Tổng Bí thư cũng lưu ý thái độ khi tiến hành kiểm điểm: "Không bi quan hoảng hốt mà cũng không đắс chí tự mãn", ngược lại phải tiến hành cuộc tự chỉ trích nghiêm túc để rút ra những bài học cần thiết. Nguyên tắc của tự chỉ trích được Tổng Bí thư xác định là phải "lấy danh dự chung của toàn Đảng", coi lợi ích của Đảng, của cách mạng là trên hết. "*Người cộng sản có bốn phận nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng*", chứ không phải theo đuôi quần chúng, phỉnh quần chúng. Tổng Bí thư đặc biệt nhấn mạnh: "Bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích bônsovích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng thắng lợi; chứ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo môi hoài nghi lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bẻ phá chia rẽ trong hàng ngũ Đảng".

Điều quan trọng nhất, theo Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là: những người cộng sản phải nhận rõ khuyết điểm, song việc nêu khuyết điểm của Đảng nhất thiết phải xuất phát từ động cơ xây dựng Đảng. Đấu tranh tự phê bình và phê bình trong

Đảng phải tuân theo nguyên tắc của Đảng, phải xuất phát từ lợi ích của Đảng, của cách mạng.

Từ những quan điểm trên đây, khi xem xét đánh giá nguyên nhân thất bại của Đảng ta trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ khẳng định khuyết điểm đó thuộc về sự lãnh đạo của Đảng và công khai thừa nhận: "Chúng ta không bao giờ có thể đổ hết những nguyên nhân thất bại cho việc quân thù đàn áp và cử tri chưa giác ngộ. Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính ta gây ra, chính ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm". Thái độ của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ rất rõ ràng: Nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nhận rõ khuyết điểm và có phương pháp, biện pháp sửa chữa sai lầm mới là thái độ phê bình và tự phê bình của người cách mạng chân chính, của một đảng cách mạng chân chính.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ yêu cầu: "Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ bị địch nhân lợi dụng, chửi rửa vu cáo cho Đảng, không sợ "nói giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữ cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hồ lớn một cục đầy rẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là đề cho quân thù chửi rửa".

Tổng Bí thư nêu rõ chủ trương, nhiệm vụ của Đảng trong thời kỳ này là: "*Liên hiệp hết các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ, không phân biệt giới cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, vào một Mặt trận dân chủ thống nhất, để chống phản động thuộc địa, chống phó xít đòi tự do, cơm áo, hòa bình*".

Vì thế: "*Mặt trận dân chủ phải thực hiện trong quá trình cuộc tranh đấu. Mỗi cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công đòi tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt là một yếu tố xây đắp Mặt trận dân chủ*".

Bàn về lập trường của những người cộng sản và nguyên tắc của Đảng khi tìm bạn đồng minh trong các đảng phái, giai cấp trong thời kỳ này, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho rằng: "Vì chủ trương của Đảng Cộng sản tuy "không phân biệt giai cấp, đảng phái", nhưng vẫn có giới hạn, có nguyên tắc rõ ràng, nó chỉ liên hiệp không phân biệt giữa những đảng phái cách mệnh hay cải lương, đứng trên lập trường một bản chương trình hành động tối thiểu tranh đấu chống phản động, chống phát xít".

Đối với vấn đề chống bọn tởrốtkit, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ thẳng thắn chỉ ra rằng, những người cộng sản đã thất cử vì "một nguyên nhân rất quan trọng, ấy chính là sự khinh thường nạn tởrốtkit, sự khinh thường này đã thành một cái căn bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta". Với một kẻ thù nguy hiểm như bọn tởrốtkit, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ khuyên những người cộng sản phải có đủ can đảm lột mặt nạ phản dân hại nước của chúng. Vì: "Bọn tởrốtkit, xét đến cốt tuỷ của chúng thì chúng chỉ gồm những cặn bã của phong trào nhóm họp nhau để chống cộng sản, chống cách mệnh, chia rẽ và phá hoại phong trào quần chúng". Phải nhận thức một cách dứt khoát là đối với bọn tởrốtkit không thể có một thỏa hiệp nào, một nhân nhượng nào.

Kết luận, *Tự chỉ trích* kêu gọi toàn thể đảng viên: chúng ta đã phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ; xu hướng tả khuynh, cô độc nó muốn làm cho Đảng co bé, rút hẹp bởi biệt phái, cách xa quần chúng, và xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh, lung lay trước những tình hình nghiêm trọng nhãng quên hoặc che lấp sự tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin, lăm le rời bỏ những nguyên tắc cách mệnh".

Trí Cường: *Tự chỉ trích*, Tập sách Dân chúng xuất bản, Sài Gòn, 1939. In trong *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.617- 645.

Tháng 9, đầu tháng

Chủ động đối phó với tình hình mới, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ thị cho các xứ uỷ gấp rút chuyển hướng, rút lực lượng vào hoạt động bí mật, nhằm tránh sự khùng bố của kẻ thù; phái một số cán bộ ra nước ngoài bắt liên lạc với chi bộ hải ngoại và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; đồng thời chuẩn bị triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu (khóa I)

Tập tài liệu - hồi lý, ký hiệu: TL 232.A2-TL278.A2, lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh.

Tháng 9, đầu tháng

Trước khi đi vào miền Nam tổ chức Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ về quê Phù Khê thăm mẹ và gia đình.

Ở quê được hai ngày, trong điều kiện phải giữ bí mật, không đi thăm hỏi được họ hàng, Nguyễn Văn Cừ ngồi bên mẹ già hỏi han chuyện làng nước, cố làm cho mẹ vui trước lúc biết tin anh lại đi xa.

Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Kha (em ruột Nguyễn Văn Cừ), bản viết tay ngày 19-4-1976.

Tháng 9, sau ngày 10

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bí mật rời Hà Nội vào Nam chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ sáu.

Cải trang thành một ông già để râu dài, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ không đi chuyến tàu tốc hành Hà Nội - Sài Gòn, mà lên chuyến tàu chợ Hà Nội - Vinh. Đến ga Vinh tranh thủ lúc tàu dừng lại để lấy nước và nhiên liệu, Nguyễn Văn Cừ bí mật xuống tàu, tới cơ quan Xứ uỷ Trung Kỳ để trao đổi về tình hình nhiệm vụ mới (do không biết Đinh Văn Di - Uỷ viên Xứ uỷ Trung Kỳ - Bí thư Liên Tỉnh uỷ Nghệ - Tĩnh đã phản bội, đồng chí đã để lộ cho hắn biết mục đích chuyến đi Nam lần này. Đinh Văn Di sau đó đã báo cho mật thám phục đón bắt hụt Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ ở Sài Gòn).

Trở lại tàu và tiếp tục hành trình trước sự theo dõi sát sao của mật thám, đến ga Tháp Chàm, Nguyễn Văn Cừ lại thay đổi hình dạng, cải trang thành công nhân lái tàu, cùng tổ thợ máy vào Sài Gòn và đến địa điểm liên lạc an toàn.

Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tháng 9, sau ngày 10

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ họp cùng các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương: Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu và các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Kỳ, Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, bàn bạc kế hoạch, nội dung và một số công tác chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ sáu. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trực tiếp soạn thảo tài liệu *Chính sách mới* của Đảng - văn kiện chính thức của hội nghị lần này.

- Tập tài liệu - hồi ký, ký hiệu: TL 232. A2- TL278.A2, lưu tại Văn phòng Tỉnh uỷ Bắc Ninh.
- Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chủ Minh.

Tháng 11, từ ngày 6 đến ngày 8

Tại nhà ông Trần Văn Hy - ở ấp Tây - Bắc – Lân thuộc xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ sáu.

Các đại biểu đã thảo luận tài liệu *Chính sách mới* do Tổng Bí thư soạn thảo, góp nhiều ý kiến bổ sung và đạt được sự nhất trí cao trong việc thông qua Nghị quyết của Hội nghị.

Hội nghị đã quyết định chuyển toàn bộ các hoạt động của Đảng từ công khai, bán công khai sang hoạt động bí mật; chuyển mục tiêu và khẩu hiệu đấu tranh từ đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, đòi tự do cơm áo, hòa bình, sang mục tiêu đấu tranh đánh đổ chế độ thực dân và phong kiến tay sai, giành độc lập cho các dân tộc ở Đông Dương.

Để tăng cường củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, đấu tranh nhằm mục tiêu cấp thiết nhất là độc lập dân tộc, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, đề ra khẩu hiệu hạn chế, *chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phong kiến phản động, tay sai*. Khẩu hiệu *Thành lập chính phủ công nông binh* kiểu xôviết được thay thế bằng khẩu hiệu *Thành lập chính phủ cộng hòa dân chủ*.

Về đối tượng đấu tranh, Hội nghị khẳng định: Tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc thực dân Pháp và phong kiến tay sai, chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* thay cho *Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương* và khẳng định, *Mặt trận phải dưới quyền chỉ huy của giai cấp vô sản*.

Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh: "Công nông là hai cái lực lượng chính của cách mệnh, đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh, không có sự đồng minh ấy thì cách mệnh không thể thắng lợi được". Và: "sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ còn có cảm tức đế quốc".

Một vấn đề cực kỳ quan trọng lần đầu tiên được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đề cập đến trong bản dự thảo và được Hội nghị Trung ương nhất trí thông qua là vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Nghị quyết khẳng định, phải biết xoay tất cả phong trào tranh đấu lẻ tẻ vào cuộc đấu tranh chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc".

Những quyết định của Hội nghị về những vấn đề quan trọng nhất: đường lối chiến lược cách mạng, mục tiêu và động lực cách mạng... đã trở lại đúng với những quan điểm đường lối của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.509-567.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Hóc Môn, Sđd*, tr.123.

Tháng 11, sau ngày 8

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ quyết định ở lại Nam Kỳ, trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, đôn đốc và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc của địa phương khi triển khai Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu.

- *Khởi nghĩa Nam Kỳ*, Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ xuất bản, *Sđd*, tr.28-29.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr.78.

Cuối năm

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở Sài Gòn và các tỉnh phụ cận. Bọn mật thám theo dõi sát sao, nhiều lần tổ chức đón bắt nhưng đều thất bại.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr.90.

- *Lịch sử Đảng bộ huyện Hóc Môn, Sđd*, tr.145.

NĂM 1940

Tháng 1, ngày 17

Rạng sáng ngày 17-1-1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị mật thám bắt tại số nhà 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là đường Trần Đình Xu - thành phố Hồ Chí Minh). Cùng bị bắt với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn có các đồng chí Lê Duẩn, Vũ Đình Hiếu (tức Giáo Hoan)... Địch thu được nhiều tài liệu quan trọng.

Bọn mật thám đưa Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và những người bị bắt về bốt Catina (nay ở đường Đồng Khởi), tên Badanh - trùm mật thám Nam Kỳ trực tiếp chỉ huy việc khai thác, hỏi cung.

Dùng mọi thủ đoạn tra tấn dã man, nhưng trước sau địch vẫn chỉ nhận được câu trả lời của Nguyễn Văn Cừ: Tôi không biết! Địch đành phải đưa Nguyễn Văn Cừ về giam tại Khám Lớn - Sài Gòn, chờ ngày đưa ra tòa xét xử.

Báo cáo của cảnh sát Nam Kỳ, tháng 1- 1940, tài liệu số 12, lưu trữ Bộ Nội vụ.

Đầu năm

Trong Khám Lớn, mặc dầu phải chịu đựng điều kiện khắc nghiệt của nhà tù đế quốc, Nguyễn Văn Cừ vẫn luôn hoạt động. Đồng chí giảng giải những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác - Lênin, phổ biến nội dung tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu cho nhiều cán bộ, đảng viên.

- *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Bắc xuất bản, 1982, tr.90.

- Tài liệu TL289.A2 của Tỉnh uỷ Bắc Ninh.

Từ ngày 27-8 đến ngày 3-9

Nguyễn Văn Cừ bị tòa tiểu hình Sài Gòn kết án 5 năm tù giam, 10 năm quản thúc.

Thông tri của Thống đốc Nam Kỳ gửi chánh sứ các tỉnh, số 591/API, ngày 16-9-1940, tài liệu số 14, lưu trữ Bộ Nội vụ.

Tháng 10, trước ngày 22

Mặc dầu đã bị tòa tiểu hình Sài Gòn kết án, Nguyễn Văn Cừ lại bị tòa án binh Sài Gòn đưa ra "luận tội" và kết án lại với mức án mới là 5 năm tù, 20 năm biệt xứ và cấm các quyền dân sự, chính trị, phạt 8.000 phrăng.

Điện mật số 1088 của Thống đốc Nam Kỳ Veber gửi
Toàn quyền Đông Dương, ngày 14-10-1940.

Tháng 10, ngày 22

Tòa thượng thẩm Sài Gòn tiếp tục đưa Nguyễn Văn Cừ ra xử án. Chúng khép án mới: 5 năm tù, 10 năm biệt xứ và mất các quyền dân sự, chính trị.

- Phụ trương *Tập san cảnh sát hình sự*, số 648, ngày 6-2-1941.
- Hồ sơ II. A45/13.p.6, lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Năm 1941

Tháng 3, ngày 25

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, tòa án binh Sài Gòn lại đưa Nguyễn Văn Cừ ra xét xử. Chúng quy kết cho Nguyễn Văn Cừ là người khởi thảo nghị quyết thành lập Mặt trận thống nhất phản đế, "người chủ trương bạo động đe dọa quyền lợi của mẫu quốc ở Đông Dương", và là "người chịu trách nhiệm tinh thần" của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tòa kết án tử hình.

- Trần Giang: *Khởi nghĩa Nam Kỳ, Sđd*,
- Phụ trương *Tập san cảnh sát hình sự*, số 648, ngày 6-2-1941.

Tháng 8, ngày 26

Lúc 6 giờ sáng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và một số đồng chí lãnh đạo của Đảng bị thực dân Pháp đưa ra xử bắn tại trường bắn Ngã Ba Giồng, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Trước sự chứng kiến của hơn 300 quần chúng, các chiến sĩ cộng sản đã hiên ngang hô khẩu hiệu đến khi bị đạn thù bắn gục mới thôi.

Phụ lục của Thông báo số 6617.S, ngày 30-8-1941 của Sở Mật thám Nam Kỳ về tình hình từ ngày 21 đến ngày 27-8- 1941, tài liệu lưu trữ Bộ Nội vụ.

DANH MỤC TÀI LIỆU TỰ THAM KHẢO

I- Những tác phẩm chủ yếu của Nguyễn Văn Cừ

1. *Bức thư trả lời cho các đồng chí thảo luận nguyên nhân chia thắm trong thời kỳ tuyển cử với chính sách của Đảng (14-5-1938)*, tài liệu tiếng Pháp, bản dịch của Nguyễn Văn Ty, lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
2. *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương, Tân văn hoá Tòng thơ*, Tập sách Dân chúng xuất bản. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. *Chung quanh vấn đề Nhựt chiếm Hải Nam*, báo *Dân chúng*, số 50, ngày 29-2-1939 và số 51, ngày 3-3-1939.
4. *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm, Chủ nhiệm báo Tự do*, báo *Dân chúng*, số 23, ngày 8-10-1938.
5. *Đại hội của Hội quốc tế hoà bình chống chiến tranh xâm lược*, báo *Dân chúng*, số 12, ngày 31-8-1938.
6. *Mặt trận dân chủ với Mặt trận công nông trong vụ tuyển cử Hội đồng quản hạt*, báo *Dân chúng*, số 52, ngày 7-3-1939.
7. *Mấy lời cùng độc giả*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
8. *Mười một năm Quảng Châu công xã*, báo *Dân chúng*, số 36, ngày 10-12-1938.

9. *Nhân dân xứ này đối với Hội đồng quản hạt*, báo *Dân chúng*, số 17, ngày 17-9-1938.
10. *Những thái độ sai lầm của mấy ông dân biểu Bắc Kỳ*, báo *Dân chúng*, số 22, ngày 5-10-1938.
11. *Phê bình bài trả lời cho Nhựt báo của ông Hải Phong*, báo *Dân chúng*, số 10, ngày 24-8-1938.
12. *Sự tấn công của Nhật ở Hoa Nam và tình thế Viễn Đông*, báo *Dân chúng*, số 26, ngày 19-10-1938.
13. *Tôn giáo với xã hội loài người*, báo *Dân chúng*, số Xuân 1939.
14. *Tự chỉ trích*. In trong *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

II- Sách và tài liệu

1. Báo *Đông Pháp* các số ngày 15, 16, 17, 18-4-1931, lưu tại Thư viện Khoa học xã hội.
2. Báo *Trung Bắc Tân văn*, các số tháng 6, 7, 8, 9-1941, lưu tại Thư viện Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
3. Báo cáo của mật thám về quyết định của toà Thượng thẩm Sài Gòn, ngày 22-10-1940, tài liệu: API, số 401p, lưu Trung tâm lưu trữ quốc gia II.
4. Báo cáo của Chánh mật thám Vinh gửi Chánh sở mật thám Bắc Kỳ, ngày 24-2-1941, tài liệu số 491, lưu trữ Bộ Nội vụ.
5. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1945*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập* t.2, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

7. Đào Duy Kỳ: *Hồi ký về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
8. Đào Phiếu: *Nguyễn Văn Cừ - Một người lãnh đạo xuất sắc của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1997.
9. Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, bản viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
10. *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Hà Bắc xuất bản, 1973.
11. *Đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Sơ thảo)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Hà Bắc xuất bản, 1982.
12. *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê* (chỉ trưởng) do Cử nhân Nguyễn Thuật Trai viết năm Kỷ Hợi đời vua Lê Cảnh Hưng thứ 40 (1779), bản dịch của Nguyễn Văn Chu tức Thanh Khê, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
13. Hà Huy Giáp: *Hồi ký về đồng chí Nguyễn Văn Cừ*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh, ký hiệu TL.250.A2.
14. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng (hồi ký)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960.
15. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Nguyễn Văn Cừ - Một Tổng Bí thư tài năng của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
16. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ với cách mạng Việt Nam và quê hương Bắc Ninh - Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
17. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh uỷ Bắc Ninh: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ với cách mạng Việt Nam và quê hương Bắc Ninh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2002.

18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, t.3, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
19. *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
20. Hồi ký của các ông Nguyễn Ngọc Uyển, Nguyễn Văn Tấn, Nguyễn Văn Húc, Nguyễn Văn Dụ, Nguyễn Văn Kha..., tài liệu viết tay, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh, ký hiệu TL 253 A2.
21. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, Sở Văn hoá Thông tin Bắc Giang xuất bản, 1997.
22. *Lịch sử xã Phù Khê*, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã Phù Khê xuất bản, 2002.
23. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Ninh xuất bản.
24. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh*, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành uỷ thành Phố Hồ Chí Minh xuất bản, ta (1930 - 1954).
25. *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ xuất bản, thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
26. *Lịch sử công nhân khu mỏ than Quảng Ninh 1820 - 1975 (Sơ thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh xuất bản, 1996.
27. *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hóc Môn*, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hóc Môn xuất bản, 1991.
28. *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
29. Nguyễn Văn Hoan: *Hồi ký*, tài liệu viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.
30. Nguyễn Văn Linh: *Tự chỉ trích ở miền Nam*, tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

31. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, t. 1, Nxb. Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1960.

32. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Báo cáo về hoạt động chính trị của người Việt tại Nam Kỳ trong tháng 5-1938, tài liệu số 8: *Politique udigines pendant le mois de Mai 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

33. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 6-1938, tài liệu: *Notes des ativities politiques des indigènes en Cochinchine pendant mois de Six 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

34. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị của người bản xứ ở Nam Kỳ tháng 8-1938, tài liệu số 3: *Notes des ativities politiques des indigènes en Cochtinchine pendant le mois d'Avril 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

35. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Báo cáo về hoạt động chính trị của người bản xứ ở Nam Kỳ trong tháng 9- 1938, tài liệu số 3: *Notes des ativities politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Septembre 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

36. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 9-1938, tài liệu số 3: *Notes des attités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Septembre 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

37. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 10-1938, tài liệu số 3: *Notes des ativites politiques des indigènes en Cochincchine pendant le mois d'Octobre 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

38. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 11-1938, tài liệu số 3: *Notes des ativities politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Novembre 1938*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

39. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 1-1939, tài liệu số 7: *Notes des activités politiques du Parti Communiste d'Indochine pendant le mois de Janvier 1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

40. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 2-1939, tài liệu số 7: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Février 1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

41. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị của người bản xứ Nam Kỳ trong tháng 2-1939, tài liệu số 7: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Février 1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

42. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị của người bản xứ Nam Kỳ trong tháng 2-1939 (bản bổ sung), tài liệu số 7: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Février 1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

43. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 3-1939, tài liệu số 7: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Mars 1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

44. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ trong các tháng 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11-1939, tài liệu số 7: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11-1939*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

45. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị trong tháng 1-1940, tài liệu số 12: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Janvier 1940*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

46. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về hoạt động chính trị trong tháng 9 và tháng 10-1940, tài liệu số 12: *Notes des activités politiques des indigènes en*

Cochinchine pendant le mois de Septembre 1940 et d'Octobre 1940, lưu trữ Bộ Nội vụ.

47. Sở Cảnh sát Nam Kỳ: Ghi chép về tình hình hoạt động chính trị ở Nam Kỳ tháng 3-1941, tài liệu số 16: *Notes des activités politiques des indigènes en Cochinchine pendant le mois de Mars 1941*, lưu trữ Bộ Nội vụ.

48. Sở Mật thám Bắc Kỳ: Thông báo số 16674, ngày 19-9-1939, gửi Chánh mật thám Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao, đồng gửi Tổng thanh tra mật thám, tài liệu N^o 16674-S, lưu trữ Bộ Nội vụ.

49. Trần Bảo: *Hạt máu (hồi ký)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973.

50. *Truyền thống công nhân mỏ Mạo Khê (1846 - 1994)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Mỏ than Mạo Khê xuất bản, 1994.

Cùng nhiều tài liệu lược ghi về Nguyễn Văn Cừ qua phỏng vấn ghi âm và tài liệu điền dã.